

JOHN STEINBECK

Đinh Văn Quý dịch

PHÍA ĐÔNG

VƯỜN ĐỊA ĐÀNG



NHÀ XUẤT BẢN  
ĐÀ NẴNG

SÁCH MỚI.NET - EBOOK

Tên sách: **PHÍA ĐÔNG VƯỜN ĐỊA ĐÀNG**

Tác giả: **John Steinbeck**

Nguyên tác: *East of Eden*

Dịch giả: Đinh Văn Quý





# THƯ VIỆN EBOOK **SÁCH MỚI.NET**



HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN  
[WWW.SACHMOI.NET](http://WWW.SACHMOI.NET)



# Mục lục

LỜI GIỚI THIỆU  
TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM

Chương I

Chương II

Chương III

Chương IV

Chương V

Chương VI

Chương VII

Chương VIII

Chương IX

Chương X

Chương XI

Chương XII

Chương XIII

Chương XIV

Chương XV

Chương XVI

Chương XVII

Chương XVIII

Chương XIX

Chương XX

Chương XXI

Chương XXII

Chương XXIII

## LỜI GIỚI THIỆU

Cách đây mấy năm, tôi có dịp nói chuyện với một giáo sư người Mỹ. Ông được giới thiệu là một nhà Việt Nam học. Trong lúc trò chuyện, tôi đặt một câu hỏi: “Tôi không hiểu tại sao nhà văn John Steinbeck lại ngồi trên phi cơ bay trên trời Việt Nam và ca ngợi những phi công ném bom nhân dân nước tôi?” Ông trả lời: “Đừng nói đến John Steinbeck nữa. Bây giờ thanh niên Mỹ không ai đọc ông ta nữa. Ông ta lắm cảm rồi”.

Nói thế, không biết vì muốn làm vui lòng tôi, hay vì là nhà Việt Nam học, tự nhiên ông đứng về phía Việt Nam. Tôi chắc lý do thứ hai đúng hơn, ông tỏ ra là một người thẳng thắn.

Nhưng câu trả lời không khiến tôi vui, mà làm tôi suy nghĩ. Tôi hiểu rằng thanh niên Mỹ bây giờ không đọc John Steinbeck nữa không phải vì họ bất bình về việc nhà văn ủng hộ ném bom Việt Nam. Chính ông giáo sư Việt Nam học ấy đã nói thanh niên Mỹ thuộc thế hệ sau chiến tranh Việt Nam hầu như không ai biết Việt Nam là gì. Vậy thì, không đọc John Steinbeck nữa, ấy là vì họ cho rằng nhà văn đã cổ lỗ rồi, không hợp thời nữa. Thanh niên Mỹ ưa chạy theo “mốt”.

Nếu đúng như thế, thật đáng buồn. Vì tác giả của *Chùm nho uất hận*, *Chuột và người* và *Phía Đông Vườn Địa Đàng* mà chúng ta đang đọc đây là một nhà văn nhân văn chủ nghĩa. Các tác phẩm vừa kể mang giá trị nhân đạo cao cả. Đó là những tác phẩm làm vinh dự cho dân tộc Mỹ. Nếu thanh niên Mỹ bây giờ thấy những tư tưởng ấy là “lắm cảm” thì thật đó là một điều không hay. Nhưng tôi không tin là có điều ấy. Tôi vẫn thấy tác giả *Chùm nho uất hận* là đáng kính mến.

Bây giờ nói về *Phía Đông Vườn Địa Đàng*.

Nghĩ về người Mỹ, người ta nghĩ ngay đến *chủ nghĩa thực dụng*. Phương Tây cho là như thế. Đích thân người Mỹ cũng tự cho mình như thế. Tất nhiên là có nhiều cách hiểu *chủ nghĩa thực dụng* khác nhau.

Ta thì nói: *chủ nghĩa thực dụng Mỹ*, với ý phê phán. Đại khái như thế này: người Mỹ cái gì cũng tính toán bằng tiền. Ngồi với nhau, ai có thuốc lá thì lấy ra hút, không mời người khác. Bàn việc, hỏi ngay phần tôi bao nhiêu, phần anh bao nhiêu. Bố con mượn tiền nhau cũng là vay trả sòng phẳng. Đến những việc lớn hơn, Mỹ sản xuất vũ khí, buôn bán vũ khí, chỉ nhằm thu lợi nhuận, bất cần nhân nghĩa, đạo lý “sống chết mặc bay tiền thầy bỏ túi”. Đối với Mỹ chẳng có gì thiêng liêng hết, họ đem tất cả ra làm quảng cáo, để bán hàng v.v...

Ta nhìn nhận Mỹ như vậy là có lý do. Ta thù ghét Mỹ. Ta và Mỹ đã gặp gỡ nhau trong những trường hợp không có gì vui vẻ. Những người Việt Nam ở miền Bắc, ở các vùng kháng chiến miền Nam đã bị bom đạn Mỹ gây cho biết bao nhiêu đau thương tang tóc. Những người trong các vùng đô thị thì căm giận các cuộc bố ráp, những cuộc tra khảo, những tai nạn lính Mỹ gây ra trên đường phố, những phụ nữ bị lính Mỹ xúc phạm đến nhân phẩm, những thanh niên hư hỏng vì “lối sống Mỹ”.

Tất cả những cái đó ta quy tội cho *chủ nghĩa thực dụng Mỹ*. Nó đồng nghĩa với *bần tiện, tham lợi, tàn nhẫn, phi nhân*. Cũng có thể đó là những biểu hiện sai xấu của *chủ nghĩa thực dụng* nhưng không nên hiểu *chủ nghĩa thực dụng* chỉ là như vậy.

Nói một cách cô đúc thì nội dung căn bản của *chủ nghĩa thực dụng* là ở điểm, chỉ thừa nhận các chân lý của một lý thuyết sau khi đã thử nghiệm nó trong ứng dụng vào thực tế. Nguyên lý này được dùng cho cả khoa, triết lý, đạo đức, tôn giáo. Chỉ được coi là chân lý, một nền triết lý, một nền đạo đức, một tôn giáo có tác dụng cải thiện cuộc sống.

Như vậy chủ nghĩa thực dụng là một *triết học vị nhân sinh*. Nước Mỹ là một nước mới, lịch sử chỉ có hơn 200 năm. Những người dân ở Âu châu, Á châu, Úc châu đến đây tổ chức một xã hội mới. Ở xứ sở của họ, họ sống trong những khuôn khổ đã định hình từ bao nhiêu đời trước. Họ suy nghĩ phán đoán theo những nếp cũ, theo truyền thống. Đến vùng đất mới này, mọi cái đều mới mẻ. Những người đến đầu tiên tập mình làm trọng tài cho mình. Họ không có cách nào khác là lấy hiệu quả để đánh giá những chủ trương, những việc làm của mình và điều này trở thành một lối tư duy của người Mỹ.

Rõ ràng là trong tiểu thuyết *Phía Đông Vườn Địa Đàng* John Steinbeck đã chấp nhận lối tư duy ấy và khẳng định nó. Tác phẩm của ông đầy sức thuyết phục.

Giả sử ông là triết gia và trình bày chủ nghĩa thực dụng bằng triết học chưa chắc ông thuyết phục được mạnh mẽ. Nhưng ông là nhà văn, và tiểu thuyết chính là bức tranh phản ánh cuộc sống cho nên chính cuộc sống chứng minh và như thế không ai chối cãi được. Tuy nhiên, để điều vừa nói không bị nghi ngờ, tôi cần phải nói về bút pháp của Steinbeck.

Tiểu thuyết Mỹ, chí ít là tác phẩm của tiểu thuyết gia tiêu biểu, thể hiện một tính hiện thực rất trội. Có những cuốn có giá trị như một công trình nghiên cứu xã hội học, nhân chủng học (tất nhiên là bằng văn chương cho nên có thể còn rõ ràng

hơn là khoa học nữa vì sinh động hơn, cụ thể hơn, tỉ mỉ hơn). Chúng không chỉ khảo sát một quãng đời mà cả cuộc đời, có khi từ đời nọ sang đời kia. Nhưng chẳng phải vì vậy mà chúng dày cộm, rậm rạp. Và đấy chính là chủ nghĩa thực dụng áp dụng vào lĩnh vực viết văn. Trong cuốn tiểu thuyết ta đang đọc đây Steinbeck theo dõi những nhân vật từ đời cha đến đời con. Ông chú ý đến từng chi tiết rất nhỏ, nhiều khi người đọc phải ngạc nhiên không biết ông làm thế nào mà quan sát được tinh tế như thế. Nhưng ông lại bỏ qua rất nhiều hành động, lời nói, tình huống mà thường thường nhiều tiểu thuyết gia đưa vào tác phẩm. Nghĩa là ông chọn chi tiết trên hiệu quả thực tiễn mà nó mang lại. Sự chọn lọc này thật khe khắt. Đọc sách, người ta thấy ông trình bày rất khách quan. Người ta không thấy có dụng ý gì muốn lái độc giả theo hướng này hướng khác. Đôi khi ông cũng phát biểu ngoài lề những ý kiến của ông. Nhưng những ý kiến ấy cũng thật khách quan, đúng là cuộc sống như vậy, ông chỉ phiên dịch lại trung thực.

Nhưng Steinbeck *khách quan* mà không *khách quan chủ nghĩa*. Tôi muốn nói: người ta không thấy ở ông sự vô tình, thái độ trời kệ. Tôi phải so sánh cho rõ ý: Đọc *Cuốn theo chiều gió* tôi thấy tác giả miêu tả rất trung thực, nhưng tôi vẫn cảm thấy ngòi bút hiện thực ấy hơi tàn nhẫn. Thuyền trưởng Butler có cái đầu óc thực tế rất hay, nhưng đối với Scarlett quả là ông đối xử quá tàn nhẫn. Tác giả *Những kẻ trần truồng* và *những người chết* cũng rất hiện thực, tôi không trách gì ông, nhưng ông cố ý phơi bày những mảng hiện thực kinh tởm quá.

Vấn đề là *nhìn hiện thực một cách hiện thực*, nếu có thể nói như vậy. Cái hiện thực mà John Steinbeck trình bày, không bị tàn phế, uốn nắn chút nào, đầy những trầm luân khổ ải,

nhưng nó không dọa nạt khủng bố người đọc mà làm cho người ta chấp nhận được. Chẳng phải là trong thực tế người ta vẫn sống *được* với đau khổ đó sao. Ta hãy nhớ lại bài thơ ngụ ngôn của La Fontaine *Tử thần và tiểu phu*. Những người Mỹ đứng đắn thường bày tỏ thành thực cái ý muốn của họ *làm cho cuộc sống có thể chịu đựng được*. Nói thế nghĩa là: cuộc sống không chỉ có hoa thơm trái ngọt đâu, rất nhiều cay đắng nhưng *có thể chịu đựng được*. Và người Mỹ thường có một phương châm, coi như một cách ngôn: *Hãy giữ nụ cười*. Cuộc sống là cuộc sống. Nó như thế. Vậy thì nhăn nhó cau có cũng chẳng thay đổi được gì. Tốt hơn là hãy giữ lấy nụ cười. Đó là chủ nghĩa thực dụng. Nó không phải dở, hay là khác. John Steinbeck chọn hai nhân vật để thuyết minh cho tư tưởng của ông. Hai con người bình thường.

Một là ông Samuel Hamilton nguồn gốc Ái Nhĩ Lan nông dân, có nghề lò rèn và kiêm nghề đào giếng.

Một là Lee nguồn gốc Trung Hoa, nấu bếp.

Dường như John Steinbeck gửi gắm một ý nghĩ vào trong sự chọn lựa của mình: một người đơn giản hồn nhiên kiểu trẻ thơ, và một người đã được thừa kế, một gia tài khôn ngoan của một nền văn hóa lâu đời vào bậc nhất trên hành tinh này. Hai người gặp nhau thống nhất với nhau trong một quan niệm: chỉ có thực tiễn là chân lý. Thêm vào đó, tác giả lại viện dẫn Sáng thế ký của Kinh Thánh mà ông cho là người Trung Hoa đã tìm ra nghĩa đúng nhất. Đó là đem chúa Trời nói với Cain “Nếu người làm lành há chẳng ngược mặt lên sao? Còn như chẳng làm lành thì tội lỗi rình đợi trước cửa thêm người lắm, nhưng người phải quản trị nó”. Phải quản trị nó trong nguyên văn hê-bơ, là Timshel. Theo Lee *Timshel* dịch là *quản*

*trị hay kiểm chế* đều không đúng mà, phải dịch là *người có thể chế ngự nó*.

Steinbeck dùng chi tiết này không phải do yêu cầu của nghĩa chữ mà chính là để nêu lên một quan niệm xử thế như bàn dưới đây.

Hơn một thế kỷ nay, từ lúc các nước Phương Tây đi chiếm các thuộc địa ở các nước phương Đông, có những triết gia, chính trị gia, nhà văn đặt câu hỏi: Phương Tây và phương Đông có thể gặp được nhau không?

Trên thực tế, họ cũng gặp nhau rồi, đúng hơn là phương Tây đã gặp phương Đông bằng thế mạnh một câu hỏi đặt ra là muốn có sự gặp gỡ tự nguyện kia.

Nhiều câu trả lời khác nhau. Về phía phương Tây có người bảo có thể được. Có người bảo Tây là Tây, Đông là Đông không thể gặp nhau. Có người đề xuất công thức: Phương Tây là thầy, phương Đông là trò.

Với nhân vật Lee, Steinbeck có câu trả lời độc đáo: Lee là *đầy tớ trung thành và là thầy dạy khôn cho chủ*. Không rõ nhà văn có đọc các truyện xưa của Trung Hoa không mà ông đã xây dựng nhân vật Lee như một quân sư, một mưu sĩ, một môn khách? Steinbeck tỏ ra rất hiểu phương Đông, rất hiểu cái thâm thúy của triết học, văn hóa Trung Hoa mà ông khâm phục. Nhân vật Lee, nhà văn xây dựng thật hay.

*Tim shel – người có thể chế ngự nó*: ấy là tư tưởng chỉ đạo của cuốn tiểu thuyết.

Mỹ châu vốn là nơi tao ngộ của tứ hải anh hùng. Nói nôm na hơn và đúng với sự thực: tìm đến lập nghiệp ở nước Mỹ là những người thuộc nhiều quốc gia, nhiều màu da, có chung

một cảnh ngộ bị thất cơ lỡ vận, không còn sống ở quê hương xứ sở mình. Cái cảnh ngộ chung ấy dạy họ nên biết chấp nhận những dị biệt của nhau, có khi những sự đối chọi nhau nữa, để chịu đựng, để sống chung với nhau trên miếng đất có thừa điều kiện để nuôi tất cả.

Các nhà văn Mỹ thường có cái nhìn thực tế, nói là thực dụng cũng được đối với con người. Con người rất đa dạng, bao nhiêu người là bấy nhiêu mô hình, không ai có quyền áp đặt cái mô hình của mình cho người khác. Con người không phải là *thần* cũng không phải là *quỷ*, có cả xấu lẫn tốt, xấu hay tốt đều là tương đối.

Steinbeck cố ý đưa vào trong tiểu thuyết câu chuyện trong Kinh Thánh về hai anh em sinh đôi Abel và Cain một tốt, một xấu và đặt cho hai nhân vật của ông là Aron và Cal cùng là anh em sinh đôi, hai cái tên gần giống như trong Kinh Thánh. Phải chăng tác giả muốn nói Abel cũng là con người, và Cain cũng là con người. Con người là cả Abel lẫn Cain, cái nghiệp dĩ là như vậy, phải chấp nhận thôi. Hơn thế, nhà văn lại có ý dành tấm lòng ưu ái của mình cho những người bị coi là xấu. Trong tiểu thuyết có hai tuyến nhân vật: Tốt, xấu.

Adam, Aron được mô tả như những con người tốt. Họ muốn làm những việc tốt, họ nuôi trong tâm trí một lý tưởng. Nhưng họ chỉ thu hoạch được những thất bại mà chính khuynh hướng lý tưởng hóa là nguyên nhân.

Còn những nhân vật bị coi là xấu thì lại thành công trong mọi việc làm. Bên cạnh Adam rất tốt là Cathy, vợ chàng, cực xấu. Cô lừa dối tất cả mọi người và ai cũng bị lừa. Bên cạnh Aron luôn luôn hướng về mục đích thánh thiện là người em

Cal luôn luôn bị những ý tưởng xấu điều khiển và Cal bao giờ cũng đạt kết quả.

Nhưng ta chớ vội tưởng Steinbeck chủ trương *ác thắng thiện*. Cuốn tiểu thuyết cho ta thấy những thành công của Cathy, Cal đem lại cho họ không phải sự sung sướng mà là sự đau khổ.

Nhà văn muốn nói với chúng ta rằng: Cuộc sống là cuộc sống, nó không uốn theo những ý tốt của chúng ta đâu, đừng lý tưởng hóa. Bởi vì ta lý tưởng hóa cho nên ta liệt người này người khác vào loại xấu. Thực ra họ chỉ là sản phẩm khách quan của cuộc sống. Nếu ta biết nhìn họ một cách thực tế, không định kiến thì ta sẽ thấy họ đều có khả năng chế ngự cái phần xấu ở họ.

Nhà văn đã nhờ người bếp Trung Hoa làm phát ngôn nhân cho ông. Lee nói với Cal: “Chú đã nhận ra rằng những điều thiêng liêng dễ bị tiêu diệt, trong khi điều ác lại cứ tồn tại và phát triển. Chú nghĩ rằng cơn thịnh nộ của Thượng đế đã trút lửa từ nồi kim loại nấu lỏng xuống hủy diệt hết để làm cho thanh khiết công trình nhỏ bé bằng bụi đất do ngài đã nặn ra... Mỗi người trong mỗi thế hệ đều được tẩy uế bằng lửa... Không một người nào trên đời này tránh khỏi nguyên tắc đó nếu muốn trở nên một người hoàn toàn”.

Mỗi người trong mỗi thế hệ đều cần được tẩy uế... cho nên cuộc sống yêu cầu mỗi người phải khoan dung, độ lượng với đồng loại của mình. Sự khoan dung độ lượng ấy là cần thiết, là yếu tố quyết định để mỗi người có thể vượt qua thử thách và hoàn thiện mình.

Lee cầu xin ông Adam: “Ông Adam, xin ông hãy tha thứ cho Cal. Đừng để nó cô độc vì mặc cảm tội lỗi... Xin ông hãy giúp nó. Hãy cho nó một cơ hội. Hãy giải tỏa mặc cảm cho nó. Nhờ đó nó sẽ vượt được mọi thử thách, hãy giải thoát cho nó. Hãy tha thứ cho nó”.

Đó là mấu chốt của vấn đề. Nhà văn bày tỏ một quan niệm sống rất nhân đạo, một chủ nghĩa nhân đạo không phải trên lý thuyết xa vời, đẹp thì có đẹp nhưng vô ích vì không thể vươn tới được, mà một *chủ nghĩa nhân đạo* thực tiễn, nói là thực dụng cũng được, phù hợp với kích thước, hoàn cảnh của con người.

*Phía đông vườn địa đàng* là câu chuyện của những người Mỹ, khoảng những năm từ nửa cuối thế kỷ trước đến chiến tranh thế giới lần thứ nhất. Tác giả cho nó diễn ra ở chính quê hương mình. Tiểu thuyết được xuất bản năm 1952. Có thể là nhà văn đã thai nghén nó trong thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ hai. Phải chăng cuộc “người tàn sát người” khủng khiếp ấy đã làm cho Steinbeck băn khoăn về ý nghĩa cuộc sống, về bản chất của con người và cố tìm ra lời đáp. *Phía Đông Vườn Địa Đàng*, đây là cuốn truyện về *con người*. Nhận vật trung tâm mang cái tên Adam, con người đầu tiên của nhân loại. Với nó nhà văn muốn đặt cơ sở cho một chủ nghĩa nhân đạo hữu hiệu. Steinbeck khẳng định niềm tin vào con người, vào cuộc sống, nhưng không phải một niềm tin lý tưởng hóa. Niềm tin ấy phải là cái cây đứng chắc, bắt rễ sâu vào miếng đất thực tế có cả đất màu mỡ lẫn sỏi đá, biết tránh sỏi đá, hút màu mỡ mà sinh trái ngọt.

Trong phong trào đổi mới của ta hiện nay *Phía Đông Vườn Địa Đàng* là cuốn sách nên đọc.

9-1988.

## TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM



*Tuy xuất bản rất nhiều tác phẩm từ xã hội đến hoạt kê qua tình cảm, John Steinbeck tuyên bố rằng “Phía Đông Vườn Địa Đàng”, là tác phẩm quan trọng nhất của ông. Quan điểm đó cũng được nhiều nhà phê bình đồng ý. Sau ngày xuất bản “East of Eden” cho đến khi ông được trao tặng giải Nobel về Văn Chương năm 1962, không có tác phẩm nào quan trọng hơn tác phẩm này.*

*“East of Eden” sau khi xuất bản, đã được đạo diễn kiêm văn sĩ Elia Kazan quay thành phim và do James Dean, nam tài tử lừng danh quốc tế đóng vai chính cùng nữ tài tử Pier Angeli, mối thất vọng lớn của James Dean, khiến anh phóng xe đua*

*hết tốc lực đến ngộ nạn tử thương; gây thương tiếc cho giới trẻ mộ điệu mộ đạo.*

*Ở Mỹ, “East of Eden”, đã được tái bản gần bốn mươi lần và đã được dịch ra nhiều thứ tiếng ngoại quốc.*

NGƯỜI DỊCH

# Chương I

Thung lũng Salinas ở về phía Bắc tiểu bang California là một dải đất dài và hẹp nằm giữa hai dãy núi và con sông Salinas ngoằn ngoèo uốn khúc ở chính giữa cho đến khi đổ thẳng ra vịnh Monterey.

Tôi còn nhớ tên các loài kỳ hoa dị thảo buổi ấu thời. Tôi cũng còn nhớ rõ những hang hóc nào lũ cóc nhái thường trú ẩn, vào mùa hạ chim chóc thức dậy vào giờ nào – cả mùi hương riêng của từng thứ cây trong từng mùa – những người dân trông ra sao, đi đứng cách nào và có mùi gì. Ký ức về các mùi hương thật phong phú.

Tôi nhớ rõ hình ảnh dãy núi Gabilan nằm về phía đông của thung lũng là một dãy núi tươi sáng, luôn luôn chan hòa ánh mặt trời thật đáng yêu và đầy vẻ mời gọi đến nỗi chúng ta chỉ muốn leo ngay lên các ngọn đồi ấm áp dưới chân nó như đứa con bé bỏng muốn leo ngò vào lòng người mẹ yêu dấu. Chúng đầy vẻ quyến rũ đối với dãy núi chỉ có toàn cỏ nâu. Rặng Santa Lucias đứng sừng sững nổi bật trên nền trời phía tây, ngăn cách thung lũng với biển cả. Dãy núi này tối tăm âm u, lạnh lùng và đầy vẻ đe dọa.

Từ hai bên sườn thung lũng, những dòng suối nhỏ từ các sườn đồi chảy xuống đổ vào lòng sông Salinas. Vào mùa đông những năm ướt át, các con suối hoạt động hăng hái, đổ nước xuống dòng sông thật nhiều đến nỗi, đôi khi làm cho con sông phần nộ sôi sục, nước tràn lên hai bờ, phá vỡ những đường đê của các vùng đất trồng trọt cuốn trôi mất nhiều mẫu đất. Rồi khi mùa xuân chậm trễ đến, con sông rút xuống mức

cũ và bãi cát ven bờ lai hiện ra. Đến mùa hạ, dòng sông cạn kiệt, chỉ còn một ít nước bầy cả đáy sông. Sông Salinas chỉ là một con sông có nước theo từng mùa.

Trải nhiều dặm bao la của thung lũng, lớp đất trên cùng rất màu mỡ, những thứ hoa xuân vào những năm ướt át thì phong phú vô kể. Khắp thung lũng, kể cả những ngọn đồi thấp dưới chân núi hoa lapine và hoa anh túc nở đầy như thảm hoa. Khi các loại hoa này tàn rụng hết mùa, thì loại hoa cải hoang màu vàng tươi mọc lên, thật cao. Lúc ông tôi ghé đến thung lũng, thì loại cải hoang này đã lên cao đến nỗi một người ngồi trên ngựa cũng chỉ cao hơn những đóa hoa vàng tươi được cái đầu thôi.

Vào tháng sáu, các loại cỏ rũ xuống và ngã màu vàng úa. Gió lùa qua thung lũng, thổi tốc cát bụi và rơm rạ lên mỗi lúc một dữ dội và cuồng bạo hơn trên đường xuống phương Nam. Đó là một thứ gió chướng thật khó chịu, bắn những hạt cát nhỏ làm nhức cả da thịt và rát cả mắt. Những người làm việc ngoài đồng ruộng phải mang kiếng che kín quanh mắt và buộc khăn tay quanh mũi để ngăn bụi.

Đất đai trong thung lũng thì trũng và màu mỡ, nhưng các ngọn đồi thấp dưới chân hai dãy núi chỉ có một lớp đất mỏng trên mặt không sâu hơn lớp rế cỏ.

Càng lên các ngọn đồi cao hơn, lớp đất càng mỏng dần, rải rác những viên đá lửa bám sâu cho đến một độ nào đó, chỉ toàn một loại đá sỏi khô cứng phản ánh ánh mặt trời chói chang hơi nóng.

Lịch sử của thung lũng Salinas cũng giống như lịch sử tất cả những vùng khác của cả tiểu bang.

Đầu tiên là dân da đỏ, thuộc giống thấp kém, chỉ sống bằng loại côn trùng, châu chấu và sò hến tôm cua để bắt chửi họ rất lười biếng không đánh cá để ăn. Rồi người Tây Ban Nha đến. Họ là bọn người thực tế và nhiều tham vọng. Họ thèm khát vàng và truyền bá đạo Thiên Chúa.

Họ vừa sưu tập các linh hồn vừa sưu tập vàng bạc. Những địa danh đầu tiên trong thung lũng là các tên thánh hoặc tên các ngày lễ tôn giáo.

Sau đó là người Hoa Kỳ kéo đến. Họ càng ham hố hơn vì họ đông. Họ chiếm đất đai, sửa lại luật lệ để hợp lý hóa việc chiếm đoạt của họ. Các nông trại mọc lên khắp nơi, lúc đầu chỉ ở trong các thung lũng, sau đến các sườn đồi thấp. Những ngôi nhà bằng gỗ nhỏ nhắn, có rào quanh một khoảnh bằng những trụ cây cách quãng làm nơi nuôi súc vật, loại phong lữ thảo và loại hường được trồng ở sân trước. Những cánh đồng trồng bắp, lúa mạch và lúa mì viền quanh bằng loại cải vàng. Dọc theo đường chính, cứ cách khoảng mười dặm, có một hiệu tạp hóa lớn và một lò rèn. Đó là trung tâm điểm cho các thị trấn nhỏ như Bradley, King City, Greenfield.

Gió thường thổi lồng lộng qua các khu cư trú đó về buổi chiều. Các chủ nông trại đã phải lo trồng những cây khuyneh diệp dài hàng dặm để ngăn lớp đất trên cùng có thể trồng trọt được khỏi bị thổi tốc đi hết. Ông tôi đã đem vợ đến cư ngụ trên các ngọn đồi thấp ở về phía Đông thành phố King City, giữa lúc thung lũng Salinas đang ở trong thời kỳ ấy.

Chàng trai trẻ Samuel Hamilton gốc gác ở miền Bắc Ái Nhĩ Lan. Tại sao ông phải rời bỏ quê cha đất tổ thì tôi không được rõ. Theo lời đồn đãi trong gia đình tôi, thì ông ra đi vì một

chuyện tình, không phải là chuyện tình giữa ông và bà vợ mà ông kết hôn.

Ông đã đến thung lũng Salinas với tất cả sự hăm hở và nghi lực. Ông là một người to lớn nhưng khéo léo, trong công việc đồng áng lăm lạp, ông vẫn luôn luôn có vẻ tươi tắn. Ông rất lanh trí, luôn luôn tìm tòi một đường lối mới để thực hiện một công việc cũ xưa một cách nhanh chóng và kết quả mỹ mãn hơn. Dù vậy, suốt đời ông là kẻ không có tài làm giàu.

Ông đến thung lũng khoảng ba mươi năm trước khi đổi qua thế kỷ này, đem theo bà vợ người Ái Nhĩ Lan, một người đàn bà nhỏ nhắn, trầm lặng như một cái bóng. Bà có tinh thần khắc khổ của giáo phái Trưởng Lão. Chính tinh thần đó làm hỏng tất cả những gì đáng lẽ ra có ý nghĩa và đáng vui.

Tôi không biết ông Samuel đã gặp trong trường hợp nào và đã tán tỉnh bà ra sao để đi đến việc kết hôn với nhau! Ông thuộc mẫu đàn ông đa tình nhưng bà vợ thì ngược lại quá thâm kín. Tuy vậy trong suốt những năm ông sống lại thung lũng Salinas, không có tai tiếng gì về việc ông từng ve vãn một người đàn bà nào khác.

Khi ông Samuel và Liza đến thung lũng này, tất cả những vùng đồng bằng đều đã có người chiếm hết rồi. Chỉ còn những ngọn đồi thấp cần cỗi ở về hướng Đông mà ngày nay gọi là thị xã King City nên ông Samuel Hamilton đành chọn làm đất sống.

Ông vẫn áp dụng đường lối thông thường, nghĩa là chọn một khoảnh đất phần ông và một khoảnh phần bà vợ. Hai người sinh hạ được chín đứa con, bốn trai năm gái, mỗi đứa con được sinh ra lại chiếm thêm được một phần đất nhập vào

nông trại. Vậy là tổng cộng được 11 phần đất, tính ra được một ngàn bảy trăm sáu chục mẫu.

Nếu số đất đai trên mà màu mỡ thì gia đình Hamilton đã có thể giàu có rồi. Nhưng nhiều mẫu lại khô cằn. Ngay cả trong những năm thời tiết tốt vẫn không có đủ số cỏ cho súc vật ăn, nên chúng hầu hết đều gầy guộc.

Ông Samuel tự tay cất lấy nhà, một vựa chứa thóc và một lò rèn. Bàn tay khéo léo của ông đã chế tạo được một cái máy đào giếng và thường đi đào giếng thuê cho những trại chủ khá giả trong vùng. Ông còn sáng chế ra được một kiểu máy đập lúa và di chuyển ra giữa cánh đồng vào mùa gặt để đập lúa riêng của mình, nhưng không nhờ thế mà số lúa nhiều hơn được.

Trong lò rèn của mình, thì ông chuyên mài lưỡi cày và đóng móng ngựa. Người dân trong vùng thường mang các dụng cụ hư đến nhờ ông sửa hoặc cải biến lại cho tốt hơn. Ngoài ra họ còn thích đến để nghe ông kể chuyện. Ông có giọng nói khá trầm ấm và tài kể chuyện rất hấp dẫn đối với những nông dân vốn ít nói trong thung lũng. Không ngày nào mà không có ít ra ba hoặc bốn người đứng quanh lò rèn để nghe ông Samuel vừa đập búa vừa kể chuyện.

Với dụng cụ đào giếng, cũng như với máy đập lúa và cái lò rèn, ông Samuel đã có thể giàu có, nhưng tiếc thay ông lại không có khiếu làm giàu. Các khách hàng của ông lại rất keo kiệt, họ không chịu trả tiền ngay mà thường khát sẽ trả sau mùa gặt, rồi hẹn đến sau lễ giáng sinh, cuối cùng... họ quên luôn. Ông Samuel lại không có khiếu đòi nợ. Vì thế, gia đình Hamiltons vẫn nghèo túng như thường.

Con cái vẫn ra đời đều đặn theo với năm tháng, số bác sĩ ít ỏi quá bận rộn của quận hạt không đến các nông trại thường xuyên được, nên ông Samuel phải làm công việc đỡ đẻ mỗi khi vợ ông sinh con: Ông khá mát tay, nên nhiều láng giềng cách xa đến hai mươi dặm cũng tìm đến nhờ ông đi đỡ đẻ dùm.

Ông Samuel còn có tài trấn an người loạn trí và đem lại sự yên tâm cho một đứa bé đang la khóc vì sợ hãi.

Sở dĩ được vậy là nhờ ở lối nói dịu dàng và tâm hồn đầy nhân ái của ông.

Ông thuộc loại người có một tinh thần minh mẫn trong một thân thể tráng kiện. Các nông dân thường ưa tạt vào lò rèn của ông để tán gẫu dăm ba câu dù không có chuyện gì cần phải đến đó.

Liza Hamilton, vợ ông là một người đàn bà Ái Nhĩ Lan nhỏ nhắn và độc đáo. Bà nấu ăn rất khéo, chăm sóc nhà cửa ngăn nắp và sạch sẽ. Bà có một quan niệm khá khắt khe về vấn đề tội lỗi. Nhàn rỗi quá cũng là một tội. Bà rất e dè không thích đùa bỡn, khiêu vũ, hát xướng hoặc cười giỡn.

Bà quan niệm rằng những người ham vui thái quá, dễ đi vào con đường tội lỗi. Ông Samuel là một người hay cười đùa, như vậy nghĩa là ông rất dễ phạm tội nên bà vợ của ông bất cứ khi nào có cơ hội, thường nhắc nhở dùm cho chồng.

Bà luôn luôn chải tóc ra phía sau và buộc lại gọn gàng thành một búi to thật chặt. Tôi không nhớ rõ lắm về cách ăn bận và những y phục hợp với sở thích riêng của bà. Lũ cháu bà rất sợ bà vì tính nghiêm khắc của bà.

□

George, người con cả của bà khá đẹp trai, hiền lành và lịch thiệp, George là một thiếu niên thánh thiện, cho đến khi trưởng thành vẫn không thay đổi.

Sau George là Will, cậu con thứ hai, mập lùn và lãnh đạm. Will kém óc tưởng tượng, nhưng từ nhỏ anh đã là một người làm việc cần mẫn.

Anh là một người bảo thủ, không những trong lãnh vực chính trị mà cả trong mọi vấn đề khác. Will thích sống một cách mầu mịch để không ai có thể tìm được ở anh một khuyết điểm đáng kể nào và anh muốn sống bình thường như bất cứ một người lương thiện nào. Có lẽ cha anh đã có ý định muốn sửa chữa tính ưa thụ động thái quá của anh. Hồi Will đang tuổi phát triển, cha anh không có dịp ở nhà nhiều để hướng dẫn anh. Ông là một người ngoại quốc, một người Ái Nhĩ Lan. Vào thời đó ở Hiệp chủng Quốc người Ái Nhĩ Lan không được ưa lắm. Ông Samuel chỉ là một người hay suy tư. Không ai có thể biết ông ta sẽ nghĩ gì nói gì hoặc làm gì. Về sau khi nhiều đứa con khác được sinh ra và lớn lên, ông Samuel mới ràng buộc hẳn vào thung lũng. Ông rất hãnh diện về điểm này. Trong khi đó, Will càng ngày càng trưởng thành.

Giữa lúc cha mình làm không ra tiền, Will cũng chẳng giúp cha được chút nào. Như một cậu bé, anh thích nuôi gà. Khi lứa gà mái của anh nuôi bắt đầu đẻ trứng, thì giá trứng bỗng tăng vọt. Anh chở trứng trên một chiếc xe đạp đem đến bán cho hiệu tạp hóa để trang trải các món nợ vặt.

Rồi vài người giàu có trong thung lũng bắt đầu mua xe hơi. Tiếng động cơ xe hơi làm cha con Samuel bàng hoàng. Họ bị

thúc đẩy bởi một thi sĩ thực tế mà giấc mơ toàn những thứ như đồng, sắt và cao su. Tên người đó là Henry Ford và các dự án của ông ta thật kỳ quái. Will miễn cưỡng nhận phân nửa phía Nam của thung lũng như khu vực độc quyền của mình và trong vòng mười lăm năm Will đã trở nên một người giàu có.

Tom, người con trai thứ ba, giống cha hơn hết cả các anh em khác. Anh rất chững chạc trong cuộc sống, luôn luôn vui tươi và niềm nở. Anh cũng có sáng kiến như ông bố, nhưng bạo dạn hơn.

Ngôi nhà của gia đình Hamiltons cũng lớn dần theo với số người gia tăng trong đó, ngôi nhà được vẽ kiểu một cách linh động, lúc nào trông cũng có vẻ như chưa hoàn tất để khi cần, những cái chái được làm thêm vào. Căn chính và nhà bếp chẳng bao lâu bị khuất hẳn giữa những cái chái mọc thêm này.

Trong khi đó, ông Samuel vẫn không giàu hơn chút nào. Thói quen ưa sáng chế cái này cái nọ càng làm ông thêm kiệt quệ. Dần dần từ năm này qua năm khác, số tiền kiếm được nhờ đập lúa và rèn đồ thuê cạn dần vào công việc sáng chế của ông. Lũ con ông phải đi chân đất, áo ấm của chúng thì rách nát. Đôi khi cả thức ăn cũng thiếu thốn vì tiền đã dành để mua các vật dụng cho việc sáng chế.

Trong gia đình ông, một phe thì cho rằng làm như vậy là tốt, phe thì không thực tế. Ông Samuel và hai cậu con Tom và Joe thì cho là phải, còn George và Will thì cho là nhảm. Joseph là người con trai thứ tư. Anh này thuộc loại lêu lổng, vì được cả gia đình cưng chiều. Anh ta sớm thấy được rằng chỉ cần đáp lại lời sai bảo bằng một cái cười lười nhác là xong chuyện, khỏi cần mó tay vào việc gì cả. Anh lông bông hết

ngày tháng chẳng cần lo lắng gì cả, vì má anh thương anh hơn tất cả những người con khác. Bà nghĩ rằng anh tội nghiệp và không có khiếu làm việc.

Gia đình Hamiltons quyết định rằng Joe cần có một trình độ học vấn cao hơn, để sau này có thể sinh sống được. Anh không bệnh tật hay yếu đuối, nhưng anh không tỏ vẻ lanh lợi hoạt động chút nào. Anh cỡi ngựa rất tồi rồi cuối cùng không thèm cỡi nữa. Cả gia đình đều cười anh một cách thương hại khi thấy anh định tập cày ruộng. Đường cày thứ nhất của anh ngoằn ngoèo như một con suối cạn. Đường cày thứ hai đung phải đường thứ nhất rồi chạy trật qua bên kia.

Khi thấy Joe thất bại trong mọi công việc, cha anh thất vọng sai anh chăn thả sáu mươi con cừu. Đây là công việc tương đối dễ hơn hết. Anh chỉ cần trông chừng bầy cừu. Nhưng anh cũng để lạc bầy cừu lúc nào không hay. Lạc cả sáu mươi con và không thể tìm ra được chúng ở đâu.

Mãi sau, người ta mới tìm thấy chúng lọt hết dưới một cái khe. Theo lời những người trong gia đình kể lại thì sau việc đó, ông Samuel đã cho gọi cả gia đình lại, cả con gái lẫn con trai, bắt những người này hứa sẽ săn sóc giúp đỡ Joe sau khi ông qua đời, vì nếu không có ai giúp chắc chắn Joe sẽ chết đói chứ không thể làm gì để sống được.

Xen lẫn giữa những người con trai đó, ông Hamilton có năm người con gái: Una là con gái lớn nhất, chín chắn, siêng năng, biết suy nghĩ. Kế đó là Lizie, tôi không được biết nhiều về dì này. Dì kết hôn sớm và theo chồng đi xa, chỉ về lại vào những dịp tang chế. Tiếp đến là Dessie. Dì này có lối cười rất dòn, nên ai cũng muốn gần để nghe dì cười.

Tiếp theo đó là Olive, mẹ tôi. Và cuối cùng là Mollie, khá xinh đẹp với mái tóc vàng và cặp mắt màu tím nhạt.

Đó là những người trong gia đình Hamiltons. Thật là một phép lạ đối với người đàn bà nhỏ nhắn gầy yếu như Liza mà có thể để đều đều chững ấy người con và nuôi nấng chúng, lo cho chúng ăn, lo cho chúng áo quần cũng như dạy dỗ chúng một cách cẩn thận bằng những lời lẽ cứng rắn.

Nhất là việc giáo huấn con cái của Liza thật đáng ngạc nhiên. Bà ít giao thiệp và gần như không có một chút kinh nghiệm nào ngoài đời. Tất cả kiến thức của bà chỉ nằm trong quyển thánh kinh. Trong quyển sách duy nhất đó bà tìm hiểu lịch sử, thi ca, sự hiểu biết về người và vật, luân lý và sự cứu rỗi cho riêng bà. Bà không hề học hỏi, tra cứu thánh kinh. Bà chỉ đọc thôi, nhiều chỗ có vẻ khúc mắc, nhưng đối với bà chẳng có gì đáng gọi là khó hiểu cả. Cuối cùng bà tạm bằng lòng với những gì bà hiểu rồi bà đọc lên mà không cần thắc mắc gì nữa.

Các con của Samuel và Liza Hamilton đều khôn lớn trước khi bước qua thế kỷ này. Đó là một gia đình tương đối đàng hoàng, vững vàng, và khá thành công trong thung lũng Salinas.

Tuy không giàu bằng những người giàu, nhưng cũng không nghèo lắm so với nhiều người khác. Ông Samuel rất hài lòng về những thành quả mà ông gặt hái được.

## Chương II

Khi đám di dân đầu tiên đến miền Tây, phần lớn từ các nông trại nhỏ bên Âu châu, thấy đất đai bao la bát ngát, chỉ cần ký vào một tờ giấy và vạch một cái nền là thành sở hữu của mình, nên lòng tham đất đai của họ không đáy.

Những di dân đến trước này, chiếm những phần đất đai rộng lớn mà họ không bao giờ sử dụng tới. Họ chỉ chiếm để dành quyền sở hữu chủ. Vì thế chẳng bao lâu tất cả đất đai thuộc vùng đồi hoang gần King-City và San Ardo cũng đều bị chiếm hết và những gia đình thừa thớt sống rải rác khắp các ngọn đồi. Họ tận lực canh tác những vùng đất ít màu mỡ đó để kiếm sống. Họ đến tận lục địa với hai bàn tay trắng không vốn liếng, không dụng cụ, và nhất là hoàn toàn mù mịt về xứ sở mới này. Tôi không biết do sự đại dột phi phàm hay do niềm tin lớn bao la đã dẫn đưa họ tới đây. Nhưng chắc chắn rằng tinh thần mạo hiểm ấy ngày nay hầu như đã biến mất trên thế giới này.

Các gia đình di dân có tồn tại và phát triển. Họ đã có được một thứ khí giới quý báu rất hiếm thấy là giữa cá nhân này với cá nhân kia có sự tin cậy và tôn trọng lẫn nhau và họ biết rằng làm như vậy họ sẽ là những phần tử xứng đáng và có một sức mạnh tinh thần tiềm tàng để sinh tồn.

Nhưng trong khi nhiều người đã đến thung lũng Salinas với hai bàn tay trắng, thì cũng có một số người đến đây với tiền bạc dồi dào để tạo dựng một cuộc sống mới. Những người có vốn liếng này đã mua lại những phần đất tốt, dựng nhà bằng những thứ gỗ đã được bào nhẵn, nền trải thảm và cửa sổ lồng

những mặt kính màu lấp lánh như kim cương. Có được những khu đất màu mỡ trong thung lũng, họ dọn sạch lại cải hoang có hoa vàng để trồng lúa mì thay vào đó.

Một người đàn ông tên Adam Trask đã đến thung lũng với bà vợ tên Cathy trong hoàn cảnh đó.

□

Adam Trask đã trưởng thành trong một nông trại ở Connecticut với người em trai khác mẹ là Charles. Cha chàng là ông Cyrus, một cựu chiến binh của cuộc nội chiến và phải đi bằng một chân gỗ, ông là một trong những phần tử cột trụ của tổ chức mệnh danh là G.A.R.

Trong những năm sau cùng của đời mình, ông được cử làm bí thư của tổ chức đó tại Washington. Với số phiếu cử tri thuộc tổ chức G.A.R. trong tay, ông đã trở thành một người bạn của các vị Tổng thống, một sức mạnh chính trị có thể làm cho các thượng nghị sĩ nếm mùi thất bại.

Hồi Adam còn nhỏ, ông Cyrus Trask quan niệm rằng quân đội là nghề cao quý nhất đối với một nam nhi.

Ông đã tổ chức nông trại của mình, khắc phục bà vợ kế Alice hiền thực và hai cậu con trai theo lẽ lối quân sự. Ông bắt chúng làm việc phải thật siêng năng, phải đi bộ hàng dặm mang theo túi dết đựng đá nặng nề để luyện cho vai cứng cáp. Ngay từ khi còn bé, Adam chưa hề được hưởng sự vuốt ve âu yếm hoặc được nghe một lời ru ngọt ngào êm ái nào.

Vì mẹ chàng mất sớm lúc chàng còn là một đứa bé sơ sinh. Còn bà mẹ kế của chàng thì lạnh lùng nghiêm khắc. Bà đối xử với cả hai đứa, con ghẻ và con ruột một cách đồng đều công

bằng. Bà tắm rửa, cho ăn mặc đầy đủ. Ngoài ra những chuyện dạy dỗ khác, bà giao hẳn cho cha của chúng. Đối với ông, việc giáo dục con cái là đặc quyền của mình.

Lối giáo dục đó sẽ đưa đến một hậu quả tai hại là khi một đứa bé bắt đầu biết suy xét, khi trong đầu óc nhỏ bé và nghiêm chỉnh của nó nảy ra ý nghĩ rằng các người lớn không phải luôn luôn khôn ngoan tuyệt đối, rằng những phán đoán của họ không phải lúc nào cũng tuyệt hảo, thì mọi ảo tưởng trong đầu nó sẽ tiêu tan. Những thần tượng đều sụp đổ, niềm tin sẽ lung lay tận gốc rễ. Những thần tượng đó không sụp đổ dần dần mà sụp đổ tan hoang một cách thảm hại. Thế giới diễm ảo của đứa trẻ sẽ không bao giờ toàn vẹn trở lại lần thứ hai. Đó là một khủng hoảng đốn đau cho tuổi thành niên.

Cuối cùng Adam cũng nhận ra điều đó ở cha mình. Không phải cha chàng thay đổi thái độ, nhưng tự nhiên ở Adam nảy sinh một cái nhìn mới mẻ.

Chàng thấy không ưa thái độ khắt khe của cha, nhưng ghét thì ghét, chớ không thể tránh hoặc chối từ được, cũng như không ai thích bệnh sỏi mà vẫn mắc phải chứng đó như thường. Rồi dần dà, chẳng bao lâu sau, sự chán ghét đó biến thành một ung nhọt trong đầu óc, Adam nhận thấy rằng lối áp dụng kỷ luật nghiêm khắc của ông bố chẳng ích lợi gì cho hai cậu con mà chỉ có giá trị làm cho ông Cyrus thỏa mãn tính ưa chỉ huy của mình, một thói quen có sẵn từ ngày ông còn trong quân đội. Trong đầu Adam đã bắt đầu nghĩ rằng cha anh không phải là một vĩ nhân mà chỉ là một con người nhỏ thó cương nghị mang bản ngã một chiến sĩ khinh kỵ quá khổ với chính mình.

Nhưng Adam là một người con biết vâng lời. Có một cái gì trong anh chống nghịch lại bạo lực, tranh biện chỉ thêm làm mất hòa khí trong gia đình. Adam bất bình bà kể mẩu nhiều điều, nhưng anh chỉ ngấm ngầm chịu đựng chứ không hề để lộ ra ngoài. Anh cố tạo một bộ mặt trầm lặng bề ngoài, trong khi nội tâm anh là cả một thế giới bí mật.

Charles chỉ nhỏ hơn anh một tuổi, đã trưởng thành dưới ảnh hưởng của ông bố một cách tự nhiên, Charles có bản chất một lực sĩ sẵn sàng khắc phục mọi trở ngại để lướt thắng. Trong bất cứ cuộc đấu trí hay đọ sức nào với anh là Adam, Charles đều thắng một cách dễ dàng đến độ anh không còn bận tâm gì về chuyện đó.

Anh chỉ tìm những đối thủ trong vòng những đứa trẻ đồng lứa khác. Charles hạ hết những đứa trẻ nào ăn hiếp anh mình. Anh che chở Adam khỏi những nghiệt ngã của cha bằng thủ đoạn nói láo hoặc bằng những lời bênh vực thẳng thắn nếu cần. Charles thương yêu che chở anh bằng thứ tình cảm mà người ta thường có đối với những kẻ tàn tật hoặc đối với trẻ sơ sinh. Tuy vậy đôi lúc anh nổi khùng cách quá đà khiến Adam phải khó chịu.

Adam xem Charles như một hạng người có năng khiếu đặc biệt, gân guốc, mạnh mẽ, lanh lợi khác hẳn mình, đáng thán phục như người ta thán phục sức mạnh tiềm tàng của một con báo đen hoàn toàn không thể so sánh với chính mình. Tuy vậy Adam không hề tâm sự cùng em về những khát vọng riêng tư, những ước mơ thầm kín, ẩn tàng sau cặp mắt đen sâu thẳm của mình. Adam rất hài lòng về Charles và hết lòng thương mến cậu em.

Khi đến tuổi trưởng thành, Adam rất ngại một việc mà không một thanh niên nào có thể tránh được. Anh sợ đến ngày phải nhập ngũ. Cha anh không khi nào chịu để anh quên lúc anh đến hạn tuổi. Ông thường nhắc nhở đến chuyện đó luôn. Ông tin rằng Adam cần được quân đội huấn luyện để trở thành một người đàn ông đúng nghĩa. Còn đối với Charles thì không cần lắm, vì anh này đã thừa nam tính đến độ đáng ngại nữa là khác.

Ông Cyrus thường thân mật giải thích với Adam về thực chất của quân đội, về tư cách của một chiến sĩ, về ảnh hưởng tốt của đời sống quân ngũ, có thể trừ khử được tính nhu nhược yếu đuối, nguyên nhân của mọi thất bại ở một người đàn ông. Ông chỉ nói riêng những điều đó với Adam và cố tránh không để cho Charles nghe.

Một buổi tối ông Cyrus bảo Adam đi dạo một vòng, cuối cùng ông nói:

- Con đã đúng mười tám tuổi. Bây giờ con nên trình diện nhập ngũ là vừa rồi đó.

- Con không thích ba ạ. Adam vội trả lời ngay.

Cha anh không thèm để ý gì về câu trả lời của anh, ông nói tiếp:

- Con phải đi trình diện ngay. Ba muốn nói thẳng để con khỏi ngạc nhiên.

Trước hết người ta sẽ lột bỏ bộ đồ dân sự của con để thay vào bộ đồ đồng phục nhà binh. Chỉ có thế thôi. Ngoài ra họ không làm gì hại đến nhân cách của con cả. Họ sẽ bắt con ăn, ngủ và tập tành theo giờ giấc nhất định cùng với các thanh

niên đồng lứa khác. Con phải tuyệt đối tuân theo kỷ luật của tập thể, không được làm khác với đồng đội.

Adam vẫn khẳng định

- Con không thích cuộc sống đó.

Ông Cyrus thản nhiên nói tiếp:

- Con nên nhớ rằng con không được nghĩ đến những gì mà người khác không nghĩ đến. Nghĩa là con phải luôn luôn làm và nghĩ như mọi người trong tập thể, không được làm những gì có hại đến tính cách nhất trí của một đoàn thể.

Adam hỏi vặn bố:

- Sao ba không bảo Charles nhập ngũ? Nó sẽ là một quân nhân gương mẫu hơn con chứ?

- Nó chỉ được cái vẻ bề ngoài thôi, ông Cyrus giải thích, chứ nó không chín chắn được như con. Charles bạo dạn đến độ liều lĩnh. Đưa nó vào quân đội chỉ tổ làm cho nó liều lĩnh thêm, trong khi nó cần được làm cho thuần bết đi. Ba không dám xúi nó vào quân đội.

Adam phân bì:

- Ba cưng Charles hơn con, ba để nó được tự do sống theo ý thích chứ không bắt nạt nó như đối với con. Bây giờ ba lại bắt con phải đi lính trong khi nó vẫn ở nhà khỏe ru.

Nói đến đó anh dừng lại sợ mình sẵn đà để cho lòng hằn học lẫn át quá lời với cha.

Cha anh không trả lời ngay. Ông bỏ đi về nhà, đầu cúi gằm xuống, dáng suy nghĩ. Khi về đến khoảng sân trước mặt nhà, ông dừng bước ngẩng đầu lên hỏi:

- Adam có đó không?

- Dạ có. Con vẫn ở ngay sau lưng ba.

- Vừa rồi con có hỏi ba một câu hỏi. Ba định sẽ trả lời con đây. Câu trả lời có thể sẽ có ích và cũng có thể vô ích. Ba thấy con có vẻ chậm hiểu. Con không biết cái gì có lợi hoặc có hại cho mình. Con không có được tính cương nghị của một thằng con trai.

Con c để bị người khác ăn hiếp mà không phản ứng gì cả. Nhiều lúc ba buồn vì tính nhu nhược cam phận đó của con. Ba nói vậy con đã hiểu chưa?

Ba vẫn thương con hơn hết. Nói ra với con câu đó, ba không muốn chút nào, nhưng đó là sự thật. Ba rất thương con. Đâu có lý gì ba muốn làm khổ con? Ba chỉ nghĩ đến những điều ích lợi cho con. Thôi con cầm họng đi, vào ăn tối cho rồi.

□

Chẳng bao lâu sau, ngày kỷ niệm sinh nhật của ông Cyrus, một cuộc khủng hoảng đã xảy đến trong gia đình. Hai cậu con đều tặng quà sinh nhật cho cha. Adam tặng cha một con chó con lai, mà anh bắt được trong rừng để cha nuôi làm chó săn. Còn Charles thì tặng cha một con dao ba lưỡi có lò so và cán nạm ngọc trai để ông có thể làm việc trong nhiều giờ liên tiếp. Ông Cyrus bồng con chó lên tay vuốt ve rồi đem đặt nó vào phòng riêng. Ông nói mấy tiếng cảm ơn về con dao Charles tặng, nhưng không bao giờ dùng tới. Charles chua chát càu nhàu: “Ông chẳng bao giờ thêm mò tới!”.

Bị chạm tự ái, lòng ganh tị ở Charles mỗi ngày một tăng đến độ làm anh cuồng trí. Một đêm kia gặp Adam một mình trên đường làng, Charles đã đánh anh mình một trận như tử không chút xót thương.

Sau đó, Charles còn chạy về nhà tìm một cái rìu. Nếu Adam không nhanh chân chui xuống ẩn dưới một cái mương bên vệ đường, thì Charles đã giết chết anh rồi.

Charles trốn biệt hai tuần lễ sau vụ đó. Khi anh ta lò dò trở về thì cơn giận dữ dội của ông bố đã nguôi bớt chỉ còn lại nỗi giận ngấm ngấm. Charles tự chuộc lỗi bằng cách cặm cụi làm việc suốt ngày và âm thầm ân hận.

Sau vụ bị Charles đánh, Adam nằm lỳ trên giường suốt bốn ngày. Vào ngày thứ ba, cha anh dùng quyền lực của một ông bố, quyết định bắt anh phải nhập ngũ. Ông đưa một vị đại úy kỵ binh và hai trung sĩ bạn đồng phục màu xanh biển vào tận giường ngủ của Adam. Tuy nằm trên giường, Adam vẫn được ghi tên gia nhập vào kỵ binh như một tân binh tình nguyện. Cha anh đứng nhìn với cặp mắt đăm lẹ vì cảm động.

Sau khi mấy quân nhân đã ra về, ông ngồi lại bên cạnh Adam một lúc lâu. Ông ôn tồn nói:

- Sở dĩ ba muốn con vào kỵ binh vì ba tin rằng đời sống trong quân ngũ rất có ích đối với con. Kỵ binh là một binh chủng rất tốt. Ba biết rõ điều đó. Rồi con cũng sẽ nhận thấy như ba.

- Vâng, chắc sẽ đúng như lời ba. Adam nói để cha yên lòng.

□

Đối với những người như Adam mà phải nhập ngũ kể cũng là một chuyện lạ. Bản tính anh ta đâu có muốn tranh chiến như những người đàn ông khác, nhưng rồi dần dần anh cũng phải thích. Vào thời Adam gia nhập lực lượng kỵ binh, cuộc chiến đấu của người da đỏ đã đến giai đoạn kịch liệt, các bộ lạc da đỏ nổi dậy chống lại.

Những toán lính biên phòng thường bị cô lập, thiếu thốn và buồn chán. Đó không phải là một công việc thích thú gì, nhưng rất cần cho đất nước.

Không được sống yên lành với nông trại mà phải gần gũi hàng ngày với cảnh tranh chiến, thương tích đối với Adam thật là buồn chán và vô ích. Càng nhòm tởm bạo lực, anh càng hướng lòng về một chủ đích trái ngược. Đã nhiều lần anh can đảm liều mạng xông vào nơi nguy hiểm để cứu những người bị thương, hoặc tình nguyện làm thêm công việc tại bệnh viện dã chiến, dù anh đã phờ người vì những tổn thương thường nhật. Nếu anh có nổ súng vào tên địch nào trong suốt những năm ở trong quân ngũ, thì chẳng qua chỉ là một hành vi tự vệ miễn cưỡng. Nhưng anh không bị liệt vào hạng khiếm nhược. Trái lại anh từng được tuyên dương ba lần và được gắn huy chương anh dũng bội tinh.

Từ nông trại ở quê nhà, suốt trong nhiều năm, Charles thường viết thư đều đặn cho anh, báo tin về cái chết của người mẹ kế vì bệnh lao và về việc người cha đã nhận một chức vụ thường trực của tổ chức G.A.R, tại thủ đô Washington. Charles tuy nói năng không được hoạt bát, nhưng viết thư lại khá hay.

Charles tâm sự hết những đau khổ, nỗi cô độc và những lo lắng của mình. Trong những bức thư trao đổi qua lại đó, tình

thân mật đậm thắm giữa hai anh em càng ngày càng đậm đà mà cả hai đều không ngờ lại có thể có được.

Adam vẫn giữ lại một trong những lá thư mà cậu em đã gửi cho mình, vì trong đó có một đoạn có vẻ lạ lùng hơi khó hiểu đối với anh. Cậu em viết: “Tôi không hiểu tại sao ba của tụi mình lại không thích con dao mà tôi đã mua tặng ông vào dịp lễ sinh nhật của ông. Tại sao ông lại có thái độ thờ ơ đến độ đó? Nếu ông sử dụng nó hoặc chỉ cần ông mó tay tới một lần thôi, tôi cũng thỏa lòng. Nếu ông không quá thờ ơ với nó, thì tôi đã không đến nỗi ganh tị với anh một cách điên khùng đến thế.

“Tôi vẫn áy náy trong lòng. Hình như có một cái gì không được ổn lắm. Đáng lẽ tôi không nên ở nhà như thế này.

“Đúng ra tôi phải đi khắp bốn phương trời, thay vì ngồi yên tại nông trại tốt đẹp yên lành này. Đáng lẽ tôi phải ở vào vị trí của anh hiện tại, và anh phải ở nhà. Đúng là không hợp lý chút nào nếu không nói là tréo cẳng ngỗng”.

Adam phục vụ trong quân đội ngót mười năm. Sau năm năm đầu, anh đã thấy quen với đời sống quân ngũ. Các chiến hữu trong tiểu đội của anh rất dễ chịu và đáng mến.

Cha anh bây giờ rất có thể lực tại Washington muốn vận động để anh được vào học trường võ bị West Point, một quân trường danh tiếng chuyên đào tạo sĩ quan, nhưng anh đã từ chối.

Cuối cùng vào năm 1890, Adam quyết định sẵn sàng trở về Connecticut. Anh được giải ngũ với cấp bậc trung sĩ tại Presidio, San Francisco và đã viết thư báo cho cậu em rằng:

“Anh sắp về nhà nay mai”. Nhưng đó là mấy lời cuối cùng Charles nhận được của anh trải qua nhiều năm.

Adam đã nán lại California chờ qua hết mùa đông. Nhưng đến mùa xuân, anh lại hết tiền. Anh bắt đầu đi về phía đông, lúc thì đi bộ, lúc thì đi quá giang trên các chiếc xe chở hàng chậm như rùa. Anh giao du với những tay phiêu bạt quá giang hồ, rất nhiều vào thời đó.

Họ tránh những lúc thời tiết quá lạnh hoặc quá nóng, chỉ di chuyển những khi tương đối mát mẻ. Adam tỏ ra rất thích đời sống giang hồ và hòa hợp với nếp sống đó một cách nhanh chóng. Anh câu cá trong các ao hồ tại California. Làm công việc trong một nông trại lớn gần Denver, học tiếng Tây Ban Nha tại Rio Grande. Anh bị bắt giữ tại Florida vì tội vô gia cư và bị kết án phải làm việc lao động trên một đoạn đường.

Sau đó, anh đào thoát qua tiểu bang Georgia. Nhờ đó anh biết được rất nhiều về nước Mỹ. Cuối cùng một ngày nọ, anh cũng về được tới nông trại của mình ở Connecticut. Trông anh ta gầy ốm và sạm đen. Giọng nói lơ lơ pha nhiều thứ. Tính anh vẫn trầm lặng và kín đáo, nhưng già dặn và không còn vẻ nhu nhược trước cậu em trai nữa.

Charles cho anh biết tin tức gia đình trong thời gian mất liên lạc với nhau. Cha của họ đã qua đời cách đó mấy tháng, để lại cho họ một số tài sản trên 100.000 Mỹ kim.

Ông Cyrus đã làm những việc gì, lương thiện hay bất chính mà có được số tiền lớn lao đó, thì cả hai anh em đều hoàn toàn mù tịt. Lương của ông làm việc cho tổ chức G.A.R mỗi tháng chỉ được một trăm ba mươi lăm Mỹ kim. Charles, người rất thương bố, bây giờ cũng đâm ra nghi ngờ hết sức. Nhưng

Adam vốn cảm phục lẫn kính sợ ông Cyrus, nên không hề thắc mắc gì khi nhận phần tiền được chia. Anh hoàn toàn tin chắc cha mình rất lương thiện. Trong khi đó, Charles không muốn cha mình bị ô danh, nên vẫn âm thầm nghi hoặc. Hai anh em Adam và Charles đã trở thành những người giàu nhất vùng.

Adam nói với cậu em:

– Chúng ta sẽ sử dụng số tiền một cách xứng đáng. Chúng ta có thể du lịch sang Âu Châu, viếng Ai Cập, đi xem tận mắt tượng thần Sphinx đầu người mình sư tử. Chúng ta có thể đến California. Adam rất thích California.

Nhưng Charles rất ngại không dám tiêu xài số tiền đó. Anh lo xa rằng có thể cha anh sẽ bị điều tra sau này, và lúc đó anh sẽ phải hoàn lại số tiền. Anh chỉ muốn ở lại trong nông trại và người anh cũng ở chung với mình.

Cho đến hồi đầu thế kỷ này, cuộc đời của Adam vẫn âm thầm tẻ nhạt như có một lớp mạng nhện bụi bặm che phủ. Chợt Cathy Ames xuất hiện như một luồng hào quang chiếu rọi vào cuộc đời của anh, làm thay đổi tất cả.

□

Tôi tin rằng trên đời này có ma quỷ len lỏi để phá hoại loài người: đó là loại ma quỷ hiện hình người, và loại ma quỷ siêu hình. Cũng như một đứa trẻ được sinh ra có khi thiếu một tay thì cũng có người sinh ra thiếu lương tâm.

Theo tôi nghĩ thì Cathy Ames thuộc hạng người đó. Có lẽ ma quỷ đã xúi giục và dẫn dắt các hành động của nàng suốt đời.

Điều ác vẫn bám riết lấy nàng, biến cuộc đời nàng thành một bánh xe răng cưa trong một hệ thống bánh xe bị trật khớp. Hoặc như một người què chân dù cố sửa bộ đến đâu để thật giống với một người bình thường, nhưng chỉ càng làm lộ thêm nhược điểm của mình. Cathy lợi dụng vẻ khác biệt của mình để gây những xáo trộn và đau khổ cho những người xung quanh.

Dù bản chất của nàng độc ác và con người của nàng chỉ là một cam bẫy, nhưng thoát nhìn ai cũng tưởng nàng hiền lành ngây thơ. Mái tóc vàng óng ánh. Cặp mắt mở lớn với hàng lông mi trên khá dài rũ xuống khiến nàng trông có vẻ mặt mơ màng bí mật. Chiếc mũi nhỏ và thanh tú. Hai gò má cao và rộng vòng xuống chiếc cằm nhỏ xinh xắn.

Chiếc miệng thanh như một nét vẽ và nhỏ nhắn một cách khác thường như một nụ hồng. Nàng có cái vẻ của một đứa bé xinh đẹp khiến người nào khi mới nhìn thoáng qua lần đầu, cũng phải quay lại nhìn thêm một lần nữa, và không khỏi bồi hồi hoang mang. Trong ánh mắt nàng, có một vẻ gì kỳ bí mà người ta không thấy lại được khi nhìn lần thứ hai. Nàng đi đứng nhẹ nhàng như cái bóng lướt qua và rất ít nói, nhưng mỗi khi bước ngang nơi nào, nàng làm cho mọi người phải ngoái cổ nhìn theo.

Cathy hay nói dối, nhưng nàng không có lối nói dối vô tư như phần lớn các trẻ em khác. Nhưng vụ nói dối của nàng đều có sắp đặt và vụ lợi. Bao giờ nàng cũng nói lơ lửng gần sát với sự thật để không ai nghi ngờ gì rồi dựa theo đó nàng chen vào một chuyện không có thật hoặc nàng kể một chuyện thật bằng lối quanh co ỡm ờ như chuyện bịa đặt. Nhờ nghệ thuật đó, nếu có ai nghi ngờ một chuyện nào là dối trá, nhưng rồi

chuyện đó lại xảy ra thật thì những chuyện bịa đặt khác của nàng cũng đâm ra có thể là chuyện thật hết.

Từ hồi Cathy còn là một cô bé, mẹ nàng tưởng rằng nàng cũng chỉ như những trẻ em khác, hay nói láo vậ thôi chứ không có gì đáng ngại. Nhưng cha thì không hẳn nghĩ như vậy.

Ông có mở một xưởng thuộc da nhỏ ở một thị trấn thuộc tiểu bang Massachusetts và ông có cơ hội tiếp xúc với nhiều trẻ em khác ở cách xa nơi mình cư ngụ. Ông thấy trẻ con khác dễ thương hơn con gái mình, nên ông hơi buồn về Cathy, nhưng ông không phân tích kỹ làm gì.

Hầu như mọi người trên cõi đời này đều có những khát vọng, những hứng khởi, những ích kỷ, những đam mê riêng dấu kín dưới một bề mặt có vẻ bình thản. Phần lớn thường tìm cách che dấu kỹ không dám để lộ ra ngoài. Hồi mới lớn, Cathy đã thấy trong người có những rạo rục lạ lùng và đã bắt đầu buông thả một cách thâm lén. Nàng thường thơ thẩn một mình rất lâu qua những khu rừng vắng. Đôi khi một vài cậu con trai rình sẵn, giả bộ tình cờ ôm chầm lấy người nàng.

Nàng không có những phản ứng quyết liệt gì lắm. Trong thái độ của nàng có một vẻ gì đặc biệt làm cho anh con trai kia thấy như ngầm chứa một sự đồng lõa.

Trong đầu óc của cha nàng luôn luôn thoáng một nỗi lo ngại. Cathy có tất cả những ưu điểm để gặt hái thành công. Nàng có nhan sắc, có tiền bạc, có một cái thánh giá bằng bạc nhận những viên đá quý màu đỏ mà người ta gọi là hồng ngọc.

Có lần ông đăng trên tuần báo Courier về chiếc thánh giá, nhưng không có ai đến nhận cả.

William Ames là một người biết tự trọng. Ông luôn luôn tự tra vấn chính mình xem có làm điều gì bất chính không. Mẹ của Cathy cũng không khỏi thắc mắc ít nhiều về những chuyện dối trá của con gái, nhưng bà không đặt thành vấn đề quan trọng gì lắm.

Cathy học hết lớp tám với một thành tích hiểu rất khá, nên cha mẹ nàng đã cho nàng vào một trường trung học địa phương, dù vào thời đó con gái rất hiếm khi được cho học cao. Họ hy vọng nàng sẽ trở thành một cô giáo, đó là một nghề danh giá rộng mở cho các cô gái con những gia đình nề nếp nhưng không giàu có lắm.

Vị giáo sư tiếng La Tinh ở trường trung học là một thanh niên nghiêm khắc, xanh xao, đã từng thất bại ở trường Thần học nhưng có thừa kiến thức để dạy học. Tính chàng khá trầm lặng. Trong thâm tâm chàng có mặc cảm Chúa đã khước từ mình.

Đôi lúc người ta thấy trong con người ông giáo trẻ James Crew này như một ngọn lửa bùng lên ngời trong ánh mắt. Nhưng giữa chàng và Cathy không có sự giao thiệp nào có thể nghi ngờ được.

James Crew đã trải qua thời kỳ khủng hoảng khi trở thành đàn ông. Chàng đi lang thang, hát nghêu ngao một mình. Chàng viết những bức thư thật nồng nàn đến nỗi các vị Giám đốc trường Thần học của chàng phải lưu ý.

Rồi ngọn lửa đó tắt lịm dần. Hai vai chàng xệ xuống. Cặp mắt buồn bã. Hai bàn tay chàng nắm chặt lại. Giữa đêm người

ta thấy chàng quì gối trong giáo đường, miệng lâm râm cầu nguyện.

Một đêm kia, đã khuya, chàng gõ cửa nhà gia đình Ames. Ông Ames vừa bước ra khỏi giường để đốt đèn sáp lên vừa càu nhàu trước khi mở cửa xem khách nào lại đến vào giờ này làm gì. Trước mặt ông ta là anh chàng James Crew trông bơ phờ như kẻ mất hồn.

- Tôi đến thăm ông. Chàng khàn khàn giọng nói với ông Ames

- Khuya quá rồi mà. Ông Ames xẵng giọng trả lời.

- Tôi muốn gặp riêng ông một lát vì có chút chuyện cần thưa với ông.

- Tôi chắc cậu say rượu hay mắc bệnh gì rồi. Về nhà ngủ đi. Bây giờ đã khuya lắm rồi. Có chuyện gì sáng mai đến xưởng thuộc da của tôi, cậu hãy nói cũng không muộn.

Ông Ames đóng mạnh cửa lại cương quyết không tiếp chuyện ông khách lạ đời. Ông nghe léo xéo tiếng khẩn nài tuyệt vọng của chàng trai. "Tôi không thể đợi đến sáng mai được. Tôi không thể đợi được". Rồi tiếng bước chân anh ta một mình kéo lê xuống bậc cấp.

Ông Ames trở vào giường để ngủ lại. Ông thoáng thấy cửa phòng Cathy đóng lại rất khẽ, nhưng ông nghĩ có lẽ ánh nến chập chờn đã làm ông lóa mắt chứ không hẳn đúng như vậy.

Sáng hôm sau, người giữ nhà thờ tìm thấy xác chết của James Crew nằm giữa sàn, trước mặt bàn thờ thánh. Bên cạnh chàng là một khẩu súng lục. Chàng không để lại một lá thư nào. Không ai hiểu tại sao chàng lại tìm một cái chết như vậy.

Sau khi nghe tin đó, ông Ames liền đi đến cơ quan hữu trách tiết lộ về vụ James Crew gọi cửa nhà mình hồi nửa đêm để giúp việc điều tra được dễ dàng phần nào. Nhưng sau đó nghĩ lại ông thấy chẳng ích gì hơn, vì những điều ông nói không mấy quan trọng.

Trong bữa ăn tối mẹ của Cathy bàn chuyện về vụ tự tử của ông giáo trẻ đó. Cathy hoàn toàn im lặng nhưng nàng ăn một cách lơ là từng miếng nhỏ và luôn tay chùi miệng bằng chiếc khăn ăn.

Bà Ames hỏi con gái:

- Cathy, con thường gặp mặt ông ấy hằng ngày ở trường. Trong mấy hôm gần đây con thấy ông ấy có vẻ gì buồn rầu hay khác lạ lắm không?

Cathy cúi gằm xuống đĩa thức ăn rồi ngẩng mặt lên trả lời:

- Con tưởng thầy ấy bị ốm nên mới có vẻ bơ phờ như vậy. Ở trường cả ngày nay người ta cũng bàn tán về cái chết của thầy. Một người nào đó, con không nhớ là ai tiết lộ rằng thầy ấy có chuyện rắc rối ở Boston. Con không nghe rõ vụ rắc rối gì. Tất cả học sinh chúng con đều rất mến thầy ấy.

Nàng khẽ đưa khăn lên chùi miệng một cách duyên dáng.

Đó là cách thức đặc biệt của nàng. Hôm sau, cả thị trấn đều biết tin James Crew có chuyện rắc rối ở Boston và không ai có thể tưởng tượng được rằng chính Cathy đã dựng ra chuyện đó. Ngay cả mẹ của nàng, cũng không nhớ đã nghe tin đó từ đâu.

Cathy là một học sinh khá xuất sắc, nhưng sau lần sinh nhật thứ mười sáu, đột nhiên nàng, có một thay đổi khó hiểu.

Một buổi sáng nàng không chịu thức dậy để đi học. Mẹ nàng vào phòng riêng của nàng thì thấy nàng đang nằm im trên giường, mắt nhìn sững lên trần nhà.

– Dậy mau con, trễ quá rồi. Đã gần chín giờ mà còn nằm ỳ ra đó sao?

– Con không đi học nữa đâu, giọng nàng thật điềm tĩnh, từ nay con sẽ ở nhà luôn.

Bà Ames há hốc mồm kinh ngạc:

– Con nói sao?

– Con không bao giờ đến nữa. Cathy vẫn nhìn sững lên trần nhà thản nhiên đáp.

– Con đang đọc quyển gì đó? Ô! Con mà đọc quyển “Alice lạc vào tiên cảnh” này à? Con đâu còn là một đứa bé nữa!

Cathy trả lời mẹ:

– Con có thể thu hình lại thật bé đến độ má cũng không nhận ra con nổi đâu.

– Con có ý nghĩ kỳ cục đó để làm gì?

– Để không ai nhận ra con.

Mẹ nàng giận dữ gắt:

– Mà đừng có bày trò con nít nữa. Tao không biết mày đã điên chưa? Để tối này ba mày đi làm về, ông sẽ dẫn mày một trận cho mày biết thân.

Cathy từ từ quay mặt lại nhìn mẹ. Mắt nàng vẫn lạnh lùng dửng dưng vô cảm giác. Bà mẹ bỗng thấy lo ngại cho con gái mình. Bà lặng lẽ bước ra, đóng cửa phòng lại.

Cũng như hầu hết những bậc làm cha mẹ khác, bà cảm thấy mất bình tĩnh vì có cảm tưởng chiếc dây cương để kiềm giữ Cathy bấy lâu nay vừa tuột khỏi vòng tay mình. Bà không ngờ rằng bà đã mất hết uy lực đối với Cathy, hơn nữa bà lại còn bị nàng lung lạc hồi nào không hay.

Tối hôm ấy ông Ames dù không muốn chút nào cũng phải chịu khó ngồi thuyết cho cô con gái một hồi lâu.

Ông nhắc nhở về bốn phận của nàng và khích động lòng hiếu kính tối thiểu của một người con đối với cha mẹ. Nói say sưa một hồi, cuối cùng ông mới khám phá ra rằng Cathy chẳng thèm chú ý nghe ông nói chút nào. Ông ùng ùng nổi giận quát tháo âm ỉ. Ông nhắc cho cô con gái hay rằng thượng đế đã trao cho ông là cha nàng cái quyền lớn lao đối với con cái và quyền này cũng được luật pháp quốc gia nhìn nhận, nàng không được coi thường. Đến đó lúc Cathy mới có vẻ chịu chú ý nghe. Nàng ngược mắt nhìn thẳng vào mặt cha. Miệng hơi mỉm cười, mắt mở thao láo không chớp. Cha nàng đâm khó chịu phải tránh tia mắt của nàng và càng giận dữ thêm. Ông đe sẽ đánh đòn nếu nàng không chịu vâng lời ông. Cuối cùng không có cách nào hơn, ông đã phải đánh đòn Cathy.

Nàng vội vã la khóc inh ỏi, làm cha nàng phải dừng tay vì sợ mình nặng tay với con và ngại gây náo động không hay ho gì, Cathy lăn lộn trên giường tê khóc, nhưng khi nhìn kỹ vào mắt nàng, ông không thấy chút nước mắt nào.

Ông xẵng giọng hỏi:

– Sao, mày có chịu đi học chưa?

- Dạ, con sẽ đi học lại. Ba tha thứ cho con. Cathy vừa trả lời với cha vừa quay mặt qua phía khác để ông không thấy được mặt mình.

Ông Ames nghiêm trọng kết thúc câu chuyện:

- Mà nên nhớ rằng tao là cha mày. Đừng có lộn xộn.

Cathy nấc khan lên một tiếng:

- Dạ, con không dám quên đâu.

□

Dường như sự trừng phạt đó có hiệu quả tốt đối với Cathy. Trong những tuần lễ sau đó nàng đã đi học lại đều đặn. Nàng cũng chịu giúp đỡ mẹ nhiều hơn trước.

Ông Ames nói với vợ:

- Tôi chưa thấy ai có thể thay đổi hẳn tính tình được như con Cathy. Thật là một chuyện lạ.

Bà vợ ông cũng sung sướng phụ họa thêm:

- Nó dễ thương quá phải không mình? Em thấy nó đẹp hẳn lên và rất đáng yêu.

Thật vậy, Cathy trông rạng rỡ hẳn lên, một nụ cười trẻ thơ luôn nở trên môi nàng suốt trong những lúc nàng làm lụng. Nàng dọn dẹp lau chùi đến cả hầm rượu và sắp xếp mọi thứ thật ngăn nắp. Khi nhà bếp đã xong việc, nàng lấy dầu chùi những bản lề và ổ khóa nào sét và rít, nàng còn chùi những bản lề ngoài cửa trước.

Nàng lãnh trách nhiệm chế dầu đầy đủ vào các cây đèn và thông các ống khói thật sạch. Nàng chế ra một cách thông

ống rất hay, dùng một cái lon đựng dầu lớn tìm được dưới nhà hầm thọc vào để cào sạch khói dơ.

Cathy cũng tự vá hết quần áo sắp xếp thứ tự.

Một hôm trong tháng năm, khi nàng vừa đi học về, mẹ nàng cũng bận đồ cần thận, bà bảo nàng:

- Mẹ có việc đi đến Altar Guild để bàn chuyện bán bánh vào tuần tới. Cha con muốn nhờ con đến ngân hàng lãnh số tiền mà ông đã gửi ở đó đem đến xưởng thuộc da ngay cho ông có việc cần.

- Con rất vui được giúp ba việc đó. Cathy vui vẻ nói:

- Họ đã để sẵn số tiền trong một cái bao, con chỉ việc đến lấy thôi. Bà Athes nói xong câu đó tắt tả đi ngay.

Cathy làm việc thật nhanh, nhưng không vội vã gì. Nàng choàng tấm vải làm bếp lên thân trước để khỏi dơ áo, rồi ra chuồng gà sau nhà bếp bắt một con gà mái tơ đặt lên một tấm thớt, chặt phăng đầu, hứng nửa tô huyết. Xong nàng đem xác con gà chôn dưới một đồng phân. Trở vào bếp, nàng cởi tấm vải choàng bỏ vào bếp lò thiêu hủy luôn. Nàng rửa tay sạch sẽ liếc sơ mắt mình trong gương. Hai gò má ửng hồng, đôi mắt sáng long lanh, miệng hơi mím một nụ cười ngây thơ duyên dáng. Trước khi ra khỏi nhà, nàng đặt tô huyết gà ở bậc cấp cuối của nhà bếp. Lúc đó mẹ nàng mới rời khỏi nhà chưa đầy mười phút.

Cathy thật nhẹ nhàng, gần như khiêu vũ quanh nhà rồi đi thẳng về phía trung tâm thị trấn, ở đó có nhà ngân hàng mà nàng cần ghé vào. Nàng tươi mát và xinh như mộng, đến nỗi nàng đi ngang tới đâu người ta đều ngoái cổ nhìn theo.

□

Lửa phát cháy vào khoảng ba giờ khuya. Ngọn lửa bốc cao, lan nhanh, gào thét, lồng lộn tàn phá dữ dội trước khi có người phát giác kịp. Cả gia quyến họ Ames kẹt trong ngọn lửa, nhưng người ta chỉ tìm thấy hai thi thể của ông và ba Ames những người láng giềng gần gũi với gia đình xác định vị trí căn phòng mà Cathy ngủ nhưng chẳng tìm thấy một cái răng hay một khúc xương nào của nàng còn lại.

Viên chỉ huy trưởng sở cứu hỏa tìm được hai cái tay nắm và ổ khóa cửa nhà bếp. Ông nhìn kỹ miếng kim loại cháy đen, co rúm, rồi ông đi tới chỗ cửa trước tìm được cái ổ khóa ở đây cũng cong queo, nóng chảy hết phân nửa. Viên chức chuyên khám nghiệm tử thi sau khi tìm tòi quan sát, đến nói chuyện với ông kia.

– Ông George, ông có thấy gì lạ không?

Viên chỉ huy sở cứu hỏa khó chịu nói:

- Trong các ổ khóa không có chìa.
- Có lẽ chúng tan chảy hết.
- Các ổ khóa đâu có tan chảy?

Có lẽ Bill Ames đã rút ra trước rồi.

Từ bên trong à? Ông ta giơ mấy ổ khóa móp méo lên. Cả hai cái lưỡi khóa đều đã thụt vào trong.

Rõ ràng tấm thảm kịch không phải là tai nạn. Đám đông bu quanh nhà họ Ames bắt đầu bủa rộng ra.

Một lát sau, họ tìm thấy trong nhà để xe “những dấu hiệu của cuộc kháng cự”, một cái hộp bị vỡ, một cây đèn bị đập nát

vụn, tung tóe trên mặt đất, một vũng máu trên sàn. Viên Cảnh Sát Trưởng đích thân điều tra. Ông lục lọi kỹ khắp căn phòng, lượm ở góc này một vật, ở góc kia một nhóm khác. Ông ta đem những vật vừa khám phá được trong tay ra cửa lớn kiểm soát kỹ: một cái băng buộc tóc màu xanh dính máu và một cây thánh giá nhỏ bằng hồng ngọc.

- Ai đã thấy những cái này chưa? Ông ta hỏi:

Cả vùng đất mấy dặm quanh đó đều được tìm tòi kỹ xem có dấu đất mới bị cào xới không, cả những ao nước cũng được mò kỹ để kiểm xác của Cathy.

Nhưng chẳng tìm thấy gì cả. “Cô ấy đẹp quá, tội nghiệp thật”. Mọi người đều có vẻ thương tiếc nàng. Khi nói câu ấy, họ đã thầm nghĩ rằng có lẽ đó là lý do khiến nàng bị bắt cóc đem đi. Đối với một thị trấn nhỏ như ở đây, thường thường những chuyện quái đản đều bị nghi cho một người lạ mặt, một tên du thủ du thực hắc ám nào đó từ xa lén vào, không ai chịu tin rằng một người quen biết trong thị trấn lại có thể nhúng tay vào một vụ giết người.

Cathy để lại đằng sau nàng một hình ảnh đẹp và nỗi xót thương trong lòng mọi người.

□

Ở mãi tận thành phố Boston, một ông Edwards nào đó, luôn luôn tổ chức công việc làm ăn của mình một cách thứ tự và tàn nhẫn. Thỉnh thoảng người ta xầm xì rằng nhiều thiếu nữ bị bộ hạ của ông Edwards bắt cóc hoặc dụ dỗ làm những tên nô lệ trong kỹ nghệ của ông ta.

Hầu hết những chuyện đó đều có thật. Nhưng đại đa số những cô gái bước vào nghề đó vì lười biếng hoặc ngu dại. Ông ta chẳng bao giờ bận tâm đến việc tuyển mộ hay kiểm soát họ làm gì.

Tôi không biết Cathy đã nghe người ta nói thế nào về ông Edwards, nhưng thực ra khi một cô gái muốn biết rõ một việc như vậy không có gì là khó.

Khi Cathy đến văn phòng ông Edwards, ông này không thân nhận nàng ngay đâu. Ông đã thấy ngay rằng cô gái khai tên Catherine Amesbury không thuộc loại gái tầm thường như dưới tay ông hiện nay. Cô ta quá đẹp, quá mảnh mai, và rất khả ái. Dù trong khi hỏi nàng những câu hỏi thông thường về bà con thân nhân, ông không nhìn nàng gằn lăm, nhưng ông đã cảm thấy ở nàng có một vẻ gì khác lạ. Chính ông cũng tự ngạc nhiên về mình, ông nhìn lên mặt thiếu nữ với vẻ soi mói. Hai hàng lông mi nàng cong xuống một cách dịu dàng, bí mật. Môi nàng nở một nụ cười ranh mãnh. Ông Edwards chồm người tới trước để nhìn thật thật tường tận, ông thấy rằng ông muốn chiếm cô gái này cho riêng mình.

- Tôi không hiểu tại sao một thiếu nữ xinh cô mà lại...

Ông ngập ngừng bỏ lửng câu nói và tự nhiên thấy mình tin chắc rằng cô gái mà ông yêu thích này, là một con người bằng xương bằng thịt và thuộc hạng gái nhà lành.

- Cha tôi đã qua đời, Catherine thỏ thẻ nói, trước khi chết, ông ấy đã thế nông trại để vay tiền. Tôi không muốn nhà ngân hàng tịch thu nông trại cha mẹ tôi. Trước biến cố đó, mẹ tôi quá xúc động nên cũng chết luôn.

Cặp mắt Catherine nhòa lệ “Tôi chỉ muốn tìm cách giữ lại tài sản của cha tôi.”

Trong đầu ông Edwards bắt đầu lúng búng những tiếng vo ve, nhưng không đến nỗi quá lớn. Tám mươi phần trăm những cô gái đến với ông ta đều bảo cần tiền để trang trải những món nợ cần kíp. Ông xem lối nói đó như một qui tắc bất di bất dịch của các cô ấy, nên không bao giờ tin cả. Tuy vậy ông Edwards cũng nói:

– Được rồi cưng. Để chúng ta bàn kỹ xem. Có thể chúng ta sẽ có cách để cho cô có tiền chuộc lại tài sản.

Ông Edwards không ngờ mình đã si mê Catherine Amesbury một cách đau khổ và tuyệt vọng đến thế. Tình yêu thường đòi hỏi sự tin cậy, nhưng ông ta lại không hề tin cậy Cathy chút nào. Ông bị những thắc mắc nghi ngờ vò nát tâm can. Ông không biết rõ nàng có thật chung thủy với mình không? Nàng thường lộ vẻ bồn chồn như người sẵn sàng bỏ đi bất cứ lúc nào. Mỗi khi ông ta đến thăm nàng, nàng thường than phiền rất nhiều về những bực bội khi bọn đàn ông bám riết ngoài đường mà nàng không biết làm cách nào tránh được. Nàng luôn luôn làm cho ông ta mất bình tĩnh, để nhìn một cách khoái trá cảnh ông bực tức đến nỗi hai bàn tay run lẩy bẩy. Khi thấy ông ta ghen tức đến cực độ, nàng mới trấn an ông ta và làm cho ông ta tạm tin rằng nàng trong trắng.

Khi đã chiếm được lòng si mê của ông Edwards, chẳng bao lâu, Cathy bắt đầu khai thác kỹ những gì mà cô ta muốn. Nàng bắt đầu khai thác kỹ những gì mà cô ta muốn. Nàng bắt đầu bòn rút tiền bạc. Nàng đòi những quà tặng bằng nữ trang đắt giá. Nhưng rồi một đêm, chiếc chìa khóa của ông Edwards không tra lọt vào lỗ khóa của chính ngôi nhà mà ông ta đã

mua tặng nàng. Sau khi để cho ông ta đập cửa một hồi lâu, nàng mới chịu mở cửa. Nàng đã thay ổ khóa, đáng lẽ trao cho ông chìa khóa mới, nhưng nàng lại không. Sau đó thường phải một thời gian lâu nàng mới mở cửa. Đôi khi chẳng thấy có tiếng trả lời ông Edwards đành chịu không làm sao biết được có nàng trong đó không.

Ông Edwards rất muốn hết lòng tin yêu Cathy, nhưng kinh nghiệm về đàn bà của ông, bắt ông không thể tin được. Quá tò mò, ông quyết tìm hiểu cho ra sự thật về tung tích nàng. Ông mượn một thám tử tư để điều tra dùm.

Một hôm người ta gửi đến tận văn phòng làm việc của ông ta một mẫu báo cũ, cắt từ một tuần báo của một thị trấn nhỏ trong tiểu bang Massachusetts, viết về một vụ hỏa hoạn ở đó. Sau khi đọc xong mẫu báo, ông lạnh toát cả người, ruột gan phèo phổi như tan biến đi đâu hết. Nỗi khiếp hãi lẫn tuyệt vọng làm ông choáng váng cả người.

Ngay chiều hôm đó, ông nặng nề lê bước đến ngôi vườn nhỏ trước nhà của Cathy, bấm chuông.

Lần này Catherine mở cửa ngay. Nàng nhìn ông ta với vẻ dò xét. Nàng nghi chắc có chuyện gì đổi thay.

- Có chuyện gì lạ không anh?
- Chúng ta đi du lịch một chuyến chơi, em thích không?
- Đi đâu anh? Tôi không thể đi được.
- Đến một thị trấn nhỏ ở Connecticut. Tôi có chút việc ở đó.

Ông ta mỉm cười một cách dễ sợ đến nỗi nàng hoảng hồn bước lùi về phía sau...

- Có lẽ em nên về thăm tỉnh nhà một chuyến. Cách đây mấy năm có một trận hỏa hoạn khủng khiếp ở đó. Em còn nhớ chứ?

Nàng tròn xoe mắt soi bói kỹ xem ông ta có ngụ ý gì không, nhưng cặp mắt ông ta vẫn bình thản.

- Anh muốn tôi đến đó làm gì? Nàng dịu dàng hỏi.

- Chỉ đi theo anh một chuyến thôi.

Ông Edwards đã dự định trước những gì ông sẽ hành động. Khi đưa Cathy ngang thị trấn nhỏ ở Connecticut ra một con đường nhỏ ở ngoại ô. Ông đã đánh nàng một trận như tử và tin rằng nàng sẽ không dám đi thưa Cảnh sát. Nhưng sau một hồi dấm đá, ông vẫn thấy chưa hả. Cơn tức mỗi lúc một dâng lên như sóng triều, ông tìm được một cục đá gần đó.

Sau đó, nhìn xuống bộ mặt bầm tím của nàng, ông ta thấy thương hại bỏ đi. Chẳng ai hỏi han gì đến mình cả, ông ta tiếp tục làm việc bình thường và từ đó không dám đại gái nữa.

## Chương III

Từ trong nhà giữa nông trại của anh em họ Trask, Adam nói với cậu em:

– Anh nghe như có tiếng ai rên ngoài kia. Chắc là mèo đó chứ ai. Charles nhanh chân chạy ra mở tung cửa, định đuổi con mèo đi. Nhưng mới thốt được một tiếng “Mèo” ... anh đã im bặt. Adam thấy em đứng nhìn sửng ra bậc cấp, anh tò mò bước tới đứng bên cạnh người em. Một đồng giẻ rách bê bết bùn đang trườn lên các bậc cấp trước thềm nhà. Một bộ mặt bầm dập sưng vù với hai con mắt dưới hàng lông mi đen nhìn vào khăn cầu. Vàng trán bị rách, nhầy nhựa máu.

Adam chạy ra quì xuống bên cạnh bộ mặt tang thương đó.

– Giúp anh một tay, anh bảo Charles, em luồn tay vào chỗ này, coi chừng cánh tay của cô ta, hình như gãy rồi đó.

Nàng ngất lịm khi họ đưa nàng vào trong nhà.

– Đặt nàng nằm trên giường anh. Adam nói, có lẽ chúng ta nên đi mời bác sĩ.

– Đặt cô ta lên xe ngựa rồi đưa thẳng lên tỉnh không tiện hơn sao anh?

– Chở nàng đi à? Không được đâu? Em khùng rồi sao? Nàng đang mê man mà.

– Đâu có khùng bằng anh. Anh nghĩ kỹ lại một chút xem. Hai người đàn ông độc thân sống giữa một nông trại vắng vẻ thế này, tự nhiên rước một cô gái lạ vào nhà, rồi tình trạng sẽ ra sao?

Adam hết sức bực mình cậu em:

- Hơi đâu mà chú lo chuyện đó!

- Anh bảo đừng lo sao được? Anh đâu có biết cô gái ta là hạng gái nào? Chuyện gì đã xảy ra đến với cô ta? Adam, tự nhiên anh rước một cục nợ vào thân rồi đó.

Adam lạnh lùng bảo:

- Nếu em không muốn đi thì để anh đi mời bác sĩ một mình, em ở nhà cũng được.

- Tôi sẽ gọi bác sĩ cho, nhưng tôi dám nói trước với anh rằng chúng ta sẽ bị rắc rối vì chuyện này.

Sau khi Charles đã đi rồi, Adam nhúng nước một chiếc khăn tay lau sạch máu khô lẫn với đất cát trên mặt cô gái lạ, nàng dần dần tỉnh lại, mở cặp mắt xinh đẹp ra nhìn Adam.

- Cô sẽ bình phục chứ không sao đâu, chàng nói.

Đôi môi của thiếu nữ khẽ mấp máy định nói một câu gì.

- Đừng có hỏi gì cả! Cô không cần nói làm gì thêm mất sức. Chàng nói.

Trong khi dùng khăn ướt lau nhẹ lên mặt nàng, một cảm giác ấm áp tràn ngập cả tâm hồn chàng.

- Cô có thể ở tạm lại đây, chàng nói tiếp, cô có thể lưu lại đây bao lâu cũng được. Tôi sẽ săn sóc cô cẩn thận, cô cứ yên tâm.

Cathy bị thương tích rất nặng. Bác sĩ bó lại cánh tay gãy, nắn lại mô xương hàm vỡ, sắp lại xương sườn và may lại chỗ da đầu bị rách. Ông chích cho cô ta một mũi mọc phin và để lại một ít thuốc viên có chất á phiện. Và trước khi ra về, ông

bảo Adam nên đi báo cho viên Cảnh Sát Trưởng biết về trường hợp cô gái.

– Cô ta không phải bị trượt ngã thường đâu, ông bác sĩ nói, cô ta đã bị đánh đập nặng.

Adam đi vào phòng ngủ, kéo một chiếc ghế dựa tới sát bên giường. Chàng ngồi yên lặng ngắm người thiếu nữ đang ngủ. Cánh tay phải của nàng duỗi dài trên tấm khăn trải giường, mấy ngón tay co lại. Bàn tay nàng nhỏ thó xinh xắn như của một em bé thơ, Adam lấy ngón tay trở lướt nhẹ cổ tay nàng, Như sợ bị bắt quả tang, chàng lặng lẽ sửa bàn tay nàng lại cho thẳng thớm, rồi khẽ sờ lên đầu mút mấy ngón tay nàng. Mấy ngón tay hồng và nuột nà, nhưng trên lưng bàn tay nàng dường như có một nốt trắng như hạt ngọc trai. Adam thích thú cười khẽ trong cổ họng. Chàng nhẹ nhàng phủ khăn đắp lên cánh tay nàng trước khi nhón chân bước ra khỏi phòng.

Suốt trong nhiều ngày, Cathy vẫn nằm trong tình trạng nửa tỉnh, nửa hôn mê vì đau đớn và vì chất thuốc có á phiện, nhưng dần dần đầu óc và hai mắt nàng minh mẫn và sáng sủa hẳn, nàng thấy bên cạnh mình có hai chàng trẻ tuổi. Một chàng có tên Charles thì thỉnh thoảng mới thấy, còn chàng Adam thì săn sóc nàng rất nhiều. Nàng biết rằng người đàn ông thứ ba là ông bác sĩ. Ngoài ra còn có một gã đàn ông gầy và cao có vẻ chú ý đến nàng hơn cả mấy người kia. Sự chú ý đó làm cho nàng rất lo sợ vì ông ta là viên Cảnh Sát Trưởng và đang muốn thẩm vấn nàng.

Một hôm, hai chàng kia và gã đàn ông cao lớn lặng lẽ bước vào phòng nàng. Gã cao lớn nói:

- Tôi không muốn làm phiền cô. Nhưng tôi là Cảnh Sát Trưởng cần biết một vài chi tiết. Tôi biết cô không thể nói chuyện với cái hàm bị vỡ được, nhưng cô có thể viết vài hàng cho chúng tôi được biết qua lý lịch cô được không?

Nàng hấp háy mắt lia lịa tỏ ý bằng lòng.

- Nàng ngoan lắm. Viên cảnh Sát Trưởng nói. Ông ta đặt một tập giấy lên giường bên cạnh nàng và đặt một cây bút chì vào giữa mấy ngón tay nàng.

Vậy là được rồi. Bây giờ cô cho tôi biết tên cô là gì?

Ba người đàn ông chăm chú nhìn vào mặt nàng, nàng nhắm mắt lại và bàn tay bắt đầu cử động.

“Tôi không nhớ. Đầu óc tối mò. Không thể suy nghĩ được gì cả”. Hàng chữ thật lớn, viết rõ như vậy.

- Cô còn nhớ mình từ đâu tới chứ?

Nàng có vẻ như đang cố gắng hết sức, nhưng rồi nét mặt nàng lộ vẻ thất vọng, buồn thảm. “Không. Rối mù. Cứu giúp tôi với.”

- Tội nghiệp quá. Viên Cảnh Sát Trưởng nói, cảm ơn cô đã cố gắng trả lời chừng đó.

Nàng đã qua mặt được viên Cảnh Sát Trưởng. Ông ta cũng đồng quan điểm với Adam. Chỉ có Charles không ưa nàng chút nào.

□

Sinh lực của Cathy thật hiếm có. Nàng bắt đầu bình phục rất nhanh. Sắc đẹp đã tái hiện trên nét mặt nàng.

Trên trán nàng vẫn còn quần một cái băng, nhưng cả khuôn mặt nàng đều hồng hào tươi thắm.

Cathy hơi có vẻ lo lắng, nhưng nàng cố tìm cách sắp xếp đầu óc. Nàng cố nói rất ít, dù việc đó đối với nàng không còn khó khăn nữa.

Một buổi chiều, nghe có ai đang lục đục gì trong nhà bếp, nàng lên tiếng hỏi:

- Adam đó phải không?
- Không, tôi đây. Giọng Charles trả lời.
- Mời anh vào đây một chút được chứ?

Charles đứng ngay trước cửa. Cặp mắt buồn bã.

- Hình như anh không ưa tôi phải không?
- Có lẽ đúng như vậy.
- Anh có thể cho tôi biết lý do tại sao không?
- Tôi nghi cô không thành thật. Tôi không tin cô mất trí nhớ chút nào.

Nàng im lặng. Charles quay lưng định bỏ đi ra ngoài thì nàng gọi giật lại. “Khoan đã. Cho tôi hỏi một câu. Anh định sẽ đối xử với tôi thế nào?”

Charles cau mày nhìn kỹ nàng một lát trước khi trả lời:

- Cô muốn biết ý định của tôi hả? Tôi sẽ tống cô ra khỏi đây ngay khi nào thuận tiện nhất.
- Giả sử tôi không chịu đi thì sao?
- Đây, cô tưởng tôi không biết gì sao? Sau khi uống thuốc mê, cô đã nói rất nhiều trong giấc ngủ.

- Tôi không tin điều đó.

Charles cười hả hê vì anh vừa thấy miệng nàng khẽ mím chặt lại đầy cảm tức.

- Được rồi, cô đừng lo. Nếu cô bằng lòng rời khỏi đây ngay khi đủ sức đi được, thì tôi sẽ không nói gì cả. Nhưng nếu cô không chịu đi thì cô sẽ biết tôi. Ông Cảnh Sát Trưởng sẽ là người được biết những bí mật của cô trước hết.

Charles quay đi thẳng, bỏ mặc Cathy ngồi sững một mình đầy nỗi lo sợ. Charles là người duy nhất không bị nàng lung lạc được. Nàng biết những thủ đoạn của mình không hiệu nghiệm với gã đàn ông này. Nàng cần được che chở và an nghỉ một thời gian. Nàng quyết tâm tìm cách đối phó, Adam từ trên phố về mang một chai "Pain Killer". Chàng rót đầy một muống lớn.

- Rượu này rất mạnh, chàng nói. Nhưng tốt lắm.

Nàng vui vẻ uống ngay.

- Anh rất tốt đối với tôi. Nàng nói. Quá tốt và quá tử tế nữa.

- Không có gì.

- Anh có việc gì vội không? Nếu không, hãy kéo ghế lại đây với tôi một lát đã.

Khi chàng đã ngồi xuống ghế, nàng chìa tay về phía chàng. Chàng đưa hai tay nắm lấy.

- Anh rất tốt và rất tử tế, nàng lặp lại. Adam, anh có thể hứa với tôi một điều không?

- Đâu có gì đáng kể. Cô muốn tôi hứa điều gì?

- Tôi bơ vơ cô độc, tôi lo sợ. Nàng nức nở khóc. Tôi lo sợ quá.

- Tôi không giúp gì cô được sao?

- Đó là điều tôi đang bận tâm. Không chắc anh có sẵn sàng giúp tôi không sau khi biết được sự thật này

Hai bàn tay nàng xoắn xoắn vào nhau tỏ vẻ ngập ngừng bối rối. “Adam, tôi thú thật với anh rằng tôi không hề mất trí nhớ như anh tưởng”.

- Vậy tại sao cô lại bảo...

- Chính vì lẽ đó mà bây giờ tôi định sẽ thổ lộ với anh. Này Adam, chắc anh cũng yêu cha anh phải không? Nếu vậy, anh có sẵn sàng làm bất cứ chuyện gì để cứu cha mình khỏi bị tai họa không?

- Dĩ nhiên là đúng như vậy rồi.

- Vậy hả? Chính tôi đã gặp phải hoàn toàn cảnh đó.

- Có phải cô muốn ám chỉ rằng nếu cô tiết lộ với tôi kẻ đã hành hung cô, thì cha cô sẽ bị trả thù phải không?

Nàng khẽ thở dài. Chàng tha hồ muốn tưởng tượng ra trường hợp bi thảm của nàng thế nào tùy ý.

- Cô đừng lo. Chàng nói. Tôi vẫn giúp đỡ cô như thường.

Nàng ngã đầu xuống gối.

- Tôi không chắc anh giúp tôi được gì. Em trai anh không ưa tôi... Anh ta chỉ muốn tống cổ tôi ra khỏi đây.

Chàng ngó mông ra ngoài rồi nói:

- Em trai tôi không có quyền đuổi cô được đâu. Tôi sở hữu phân nửa nông trại này. Tôi cũng có phần tiền riêng của tôi mà.

- Nếu chú ấy không muốn tôi có mặt tại đây thì tôi sẽ đi. Tôi không muốn làm xáo trộn nếp sống của hai anh em.

Adam chợt thấy niềm vui cũng như nỗi buồn lẫn lộn với nhau cùng một lúc. Cathy mỉm cười với chàng một cách yếu ớt. Chàng thoáng nghĩ "Trông nàng thơ ngây quá. Nàng như một đứa trẻ bơ vơ đáng thương!". Một đợt sóng tình yêu như ngập cả hồn chàng.

Chàng thần thờ nói như trong mơ:

- Anh yêu em lắm! Em có yêu anh không?

□

Năm ngày sau, trong khi Charles đi mua thức ăn cho mấy con bê, Adam đẩy chiếc xe ngựa hai chỗ ngồi vào tận thềm nhà. Chàng đỡ Cathy lên xe đánh lên văn phòng tỉnh hạt.

Khi họ về đến nhà thì Charles đã có mặt ở nhà. Anh ta nhìn theo hai người dìu nhau vào nhà bếp bằng cặp mắt khó chịu.

- Chúng tôi vừa thành hôn với nhau xong, Adam điềm nhiên nói.

Cathy mỉm cười nhìn Charles.

- Sao? Sao anh lại làm chuyện đó? Charles hỏi.

- Tại sao không? Người đàn ông nào mà không một lần lấy vợ?

Cathy lại đi vào phòng ngủ đóng chặt cửa lại.

Charles bắt bình xăng giọng với anh:

- Tôi dám nói thẳng với anh rằng, cô gái đó không có vẻ hiền lành như anh tưởng đâu. Tôi thấy cô ta không đáng tin chút nào.

Adam điềm đạm nói:

- Charles, em có ghen với anh không?

- Tôi mà ghen với anh à? Anh nói lạ vậy?

Adam nói ngay:

- Em không có gì phải phiền. Anh sẽ ra đi, đi thật xa. Em cứ việc ở lại nông trại này.

Charles dịu giọng:

- Anh không dứt cô ta được sao?

- Adam, em van anh nên xa cô ta ngay là tốt nhất. Nhất định anh sẽ khốn đốn vì cô ta. Em đoán chắc rằng cô ta sẽ làm đời anh tan nát.

- Em dựa vào đâu mà dám quả quyết về nàng như vậy?

Charles sững sờ đáp:

- Anh cần gì thắc mắc tại sao tôi biết. Anh hãy tin tôi đi!

Charles chỉ nói vậy rồi khớp miệng luôn.

Adam không cần hỏi Cathy xem nàng có chịu xuống phòng ăn tối đó không. Chàng bưng luôn hai đĩa thức ăn vào phòng ngủ, rồi ngồi xuống bên cạnh nàng.

- Chúng ta sẽ đi khỏi đây, chàng nói. Chúng ta sẽ đi California.

Nàng khẽ phản đối:

- Em không muốn đi California đâu.
- Vô lý. Tại sao em lại không thích? Đó là một nơi rất tốt. Ở đó luôn luôn chan hòa ánh mặt trời. Cảnh vật lại đẹp đẽ.
- Em không muốn đến California thật mà.
- Em đã là vợ anh, chàng dịu dàng nói. Anh muốn em phải nghe lời anh.

Nàng lặng im găm mặt nhìn xuống mấy ngón tay giãy lát rồi thở thẽ nói:

- Adam, em chưa thể làm vợ anh cho đến khi nào em đã hoàn toàn bình phục.
- Anh hiểu rồi. Anh sẽ chờ cho đến khi em mạnh khỏe lên mà.
- Anh tốt lắm, nàng nói. Bây giờ anh cho em uống trà nhé!
- Sẽ có ngay.

Chàng đi bưng vào hai tách trà bốc hơi rồi trở ra lấy lọ đường. Xong, chàng ngồi vào một chiếc ghế dựa cạnh giường nàng.

- Trà hơi đậm phải không em?
- Em thích uống đậm.

Chàng uống một hơi cạn tách trà.

- Em thấy có mùi gì lạ không? Hình như hơi khó uống.
- Để em nếm thử xem.

Nàng nhắm chút cặn còn lại trong đáy tách, rồi khẽ kêu lên:

- Adam, anh uống lầm tách trà có pha thuốc của em rồi.

Chàng liếm môi.

- Anh chắc sẽ không có hại gì đối với anh.

Nàng khúc khích cười.

- Đêm nay chắc anh sẽ ngủ một giấc mê man tới sáng, khỏi biết trời trăng gì rồi đó. Anh đã uống hết phần thuốc ngủ của em.

Adam cảm thấy ngầy ngật, mí mắt nặng trĩu, lờ đờ hỏi:

- Bác sĩ có dặn em uống một liều thuốc mạnh như vậy không?

- Tại anh không quen đó thôi.

□

Charles trở về hồi mười một giờ đêm, Cathy nghe tiếng chân anh ta bước chênh choáng. Anh vào phòng riêng, thay áo quần, ném mình xuống giường. Anh lải nhải, trăn trở cố dỗ giấc ngủ, nhưng cuối cùng anh mở mắt thao láo. Cathy đã đứng cạnh giường anh từ hồi nào.

- Xích vô một chút đi! Nàng bảo.

- Adam đâu rồi?

- Anh ấy uống nhầm thuốc ngủ của tôi, nên đã ngủ mê rồi. Xích vào một chút đi!

- Tại sao cánh tay cô bị gãy vậy?

- Đó là chuyện riêng của tôi, chú thắc mắc mà làm gì!

Charles bỗng cười giòn. “Đúng là một mụ điên”. Vừa nói anh vừa xích vào trong...

□

Cuộc đời của Adam từ trước đến nay chỉ là những ngày buồn nản, nhưng bây giờ chàng mới bắt đầu cảm thấy tươi sáng. Chàng không còn thấy lo sợ cay đắng như trước. Tinh thần chàng đã nhẹ nhõm thơi thới.

Nhưng Cathy đúng là thứ yêu tinh chứ không phải người ta. Có lẽ Adam quá thật thà không nhận ra điều đó ở Cathy. Dưới cặp mắt say đắm của chàng thì Cathy là một hình ảnh xinh đẹp, dịu dàng trong trắng và đáng yêu, Cathy đã cố tạo cho Adam một hình ảnh như vậy về mình.

Nàng bảo nàng không muốn đi California, nhưng chàng không nghe. Chàng quá say sưa với hạnh phúc của mình, nên không để ý đến nỗi đau khổ phản ảnh trong đôi mắt của cậu em. Chàng bán rẻ nửa nông trại phần mình cho Charles. Số tiền đó cộng với nửa phần tiền của cha để lại, chàng đã trở nên giàu có và tự do.

□

Adam và Cathy đã đến thung lũng bằng cách nào? Điều này không có gì khó hiểu. Hồi đó, đường xe lửa Nam Thái Bình Dương được thực hiện bởi quyết tâm mãnh liệt của Leland Stanford đã bắt đầu hoạt động suốt duyên hải Thái Bình Dương.

Cả vùng thung lũng Salinas dài cũng nằm trong phạm vi hoạt động của hệ thống hỏa xa này. Adam đã nhìn qua và để ý

đến màu sắc tươi đẹp của thung lũng như một cảnh thần tiên hạ giới. Sau khi đọc những áng văn ca ngợi cái đẹp ở đây, chỉ có những người điên mới không thích đến cư ngụ ở thung lũng Salinas.

Nhưng khi mới tới thung lũng, Adam không vội tậu nhà tậu đất ngay. Chàng chỉ mua một con ngựa cỡi dạo quanh một vòng, tìm gặp những người tới sớm hơn, nói về đất cát nước nôi, thời tiết mùa màng cũng như giá sinh hoạt trong vùng. Chàng đến đây để lập nghiệp, tậu nhà sinh sống. Mỗi bận tâm duy nhất của chàng là Cathy. Nàng có vẻ yếu đuối bơ phờ.

Cuối cùng Adam chú ý đến nông trại Sanchez, cách thành phố King City vài dặm về phía Nam. Nông trại rộng chín trăm mẫu nằm hai bên sông và ăn sâu vào tận các chân đồi của hai dãy núi. Căn nhà chính của họ Sanchez vẫn còn dùng được. Căn nhà được xây bằng gạch sồng nằm lọt giữa một thung lũng nhỏ xíu mà cảnh vật như sống trong một mùa xuân bất tận. Những cây sồi khổng lồ xanh tươi rợp bóng lên cả thung lũng nên vùng đất ở đây màu mỡ và xanh tươi quanh năm.

Trong phòng khách lớn của khách sạn King City, Adam nói với những người đang ngồi quanh lò sưởi, “Tôi rất chú ý đến vấn đề nước. Bạn nào ở đây có thể cho tôi biết lấy nước giếng ở đó có sâu không?”

Một chủ trại tên Lippo tréo đầu gối quần băng lại nói với Adam:

– Anh nên đến nhờ ông Sam Hamilton. Ông ấy đã lo việc đào giếng cho phân nửa dân chúng trong vùng này.

Một người khác khôi hài:

- Ông Sam có thừa lý do chính đáng để quan tâm đến vấn đề nước, vì chỗ ông ta ở đâu có giọt nước nào.

- Tôi có thể tìm ông ấy ở đâu bây giờ? Adam hỏi.

- Tôi sẽ chỉ cho anh, Lippo nói, tôi cũng sắp đến nhờ ông ấy làm giùm vài món đồ sắt. Nếu anh cần, tôi sẽ đưa anh đi. Anh sẽ thích ông Hamilton. Ông ấy rất vui tính.

Một anh bạn khác nói thêm:

- Ông ấy có tài hài hước rất hay.

Hai người leo lên chiếc xe ngựa của Louis Lippo cùng đi đến nông trại của Hamilton. Những mảnh sắt kê rỗng rỗng trong một chiếc hộp và một đùi nai được gói trong một bao tải nhúng nước để giữ cho tươi, lủng lẳng trên xe. Vào thời đó có tục lệ mỗi khi đến nhà ai để nhờ việc gì và phải lưu lại một bữa, người khách thường mang đến biếu chủ nhà một số thực phẩm nếu không sẽ bị xem là khinh thường gia chủ.

Khi đến gần nhà, họ đã thấy bà Hamilton ra cửa sổ nhìn họ. Họ dừng xe ngay trước cửa hiệu, nơi ông Samuel đang đứng đợi. Adam thấy một người đàn ông to con râu ria xồm xoàm như một vị giáo trưởng, mái tóc màu xám xừng lên tua tủa như mớ gai. Ông bận một chiếc sơ mi màu xanh dương sạch sẽ, loại áo bận để làm việc, có một miếng da che trước bụng. Tay áo xắn tròn lên để lộ hai cánh tay gân guốc và sạch sẽ. Chỉ hai bàn tay là đen vì công việc trong lò rèn. Adam liếc nhìn tổng quát con người của ông Samuel, rồi dừng lại ở cặp mắt xanh trong đầy vẻ trẻ trung linh động.

Ông ta lên tiếng:

- Anh Louis, rất vui được gặp anh. Chúng ta cũng rất vui được gặp những người bạn mới tại thung lũng nhỏ bé nhưng thân thiện của chúng ta.

Ông mỉm cười, nhìn Adam một cách thân thiện, Louis giới thiệu

- Tôi đưa anh Adam Trask đến thăm ông. Anh ấy là một khách lạ ở mãi tận miền Đông đến nhập tịch vào thung lũng chúng ta.

- Rất hân hạnh. Ông Samuel nói. Chúng ta sẽ bắt tay nhau vào một dịp khác. Tay tôi đang làm đồ rèn dơ lăm, tôi không muốn làm bẩn tay anh.

- Ông Hamilton, tôi mang đến một ít sắt miếng, ông Louis nói, ông có thể làm giùm tôi thành những cái móc sắt được không? Cả cái khung ở phía đầu giường của tôi bị sạm hết.

- Dĩ nhiên là rất sẵn sàng chứ anh Louis. Xin mời xuống xe, xuống xe đi. Chúng ta nên dắt ngựa vào chỗ bóng mát.

- Có một đùi nai trong xe. Có chú con trai nào ở nhà không?

- Ô, không có đứa nào ở nhà cả. Tối qua, chúng nó đi dự khiêu vũ tận Wild Hores Canyon do trường Peachtree tổ chức. Đến chạng vạng chúng mới về.

Ông ta cười xuề xòa và bước vào nhà mang theo đùi thịt nai gói vải bố. Adam và Louis nghe tiếng ông gọi: “Liza, có khách em ơi! Chắc em không ngờ ông bạn Louis Lippo mang đến một đùi nai bự cỡ em chứ không ít”.

Louis cho xe ngựa vào chái để xe. Adam giúp ông ta mở ngựa ra. Ông Samuel trở lên cửa hiệu.

- Liza rất vui nếu được hai bạn ở lại dùng cơm tối với tụi này. Ông nói.

- Bà ấy đâu có dự trù chúng tôi đến. Adam từ chối khéo.

- Ô, đừng ngại. Bà ấy nấu sẵn một nồi ra gu lớn mấy người ăn cũng không hết đâu. Mời hai bạn ở lại dùng bữa đã. Louis, mớ sắt đâu đưa đây tôi.

Ông nhóm lửa vào giữa khoảng vuông vức và đen của lò rên, rồi thụt bệ thổi lửa đỏ lên và bỏ thêm than cốc còn ướt cho bén lửa.

Này anh Louis, ông Samuel nói, anh thụt giùm nè nhẹ để giữ ngọn lửa đỏ đều cho tôi một chút nào.

Ông ta đặt mấy miếng sắt lên mớ than cốc đang đỏ rực.

- Anh Trask, anh đừng ngại gì cả. Liza thường nấu ăn cho chín đứa con cháu đói, nên một hai người khách đối với bà ta chẳng có gì đáng kể.

Ông kẹp miếng sắt trở qua mặt kia cho đỏ đều, rồi hỏi:

- Anh Louis, anh muốn bao nhiêu lỗ để vặn vít?

- Năm, Louis đáp.

- Được rồi.

Ông gấp mấy miếng sắt đỏ ối ra đặt lên cái đe, đục mấy cái lỗ để bắt đinh vít, rồi dùng búa bẻ thành góc, những đốm lửa bắn ra tung tóe.

Sau đó ông đem nhúng mấy thanh sắt nóng vào nửa thùng nước nghe xèo xèo. Ông thả mấy thanh sắt ra giữa đất nói:

- Xong rồi đó.

- Cám ơn anh, Louis nói, tiền công bao nhiêu vậy anh?
- Ô, chỗ bạn bè mà, đâu có đáng gì.
- Coi kia! Anh lúc nào cũng vậy cả, Louis thất vọng nói.
- Anh đừng ngại. Khi nào tôi làm giếng mới cho anh, anh hãy trả tiền.
- Anh nói đến chuyện đào giếng tôi mới nhớ. Anh bạn Trask đây đang có ý định mua lại nông trại của ông già Sanchez.

Adam vội nói:

- Tôi chưa định gì cả. Tôi cần hỏi thêm vài điều trước khi quyết định.
- Người ta bảo rằng hỏi một người Ái Nhĩ Lan rất nguy hiểm, vì hắn sẽ nói hết sự thật, ông Samuel nói. Anh cần hỏi gì nào?
- Vâng, nếu tôi mua lại nông trại ông Sanchez, thì vấn đề đào giếng phải sâu bao nhiêu mới có nước?
- Tôi phải xem lại địa điểm mới biết rõ. Có chỗ chín thước có chỗ đến bốn mươi lăm thước, vài chỗ dám sâu đến tận trung tâm trái đất chứ không ít.
- Có một miếng đất rộng bốn trăm mẫu ở cạnh bờ sông, như vậy dưới đó có nước không?
- Tôi cần phải xem đã. Có cả một đại dương bên dưới thung lũng, nhưng có ích gì đối với một nhà nông đâu. Lớp đất trên mặt mới đáng kể, nhất là những chỗ đất bằng.

Adam bồn chồn xem đồng hồ tay:

- Chắc tôi không thể ở lại ăn tối được. Cathy, vợ tôi sắp đến ngày sinh, sợ nàng không được khỏe.

- Nhưng nhà tôi đã làm sẵn thức ăn rồi mà.

- Chắc bà ấy sẽ thông cảm khi ông nói lại dùm rằng vợ tôi có thai gần ngày. Tôi cũng xin thành thật cảm ơn ông đã cho tôi biết qua về vấn đề nước.

Đêm đó, Adam suy nghĩ thật kỹ. Ngay hôm sau, chàng đánh xe tới bắt tay với chủ đất. Nông trại Sanchez từ đó đã thuộc về chàng.

## Chương IV

Adam ngồi nhìn nông trại mình mới tậu được với vẻ thỏa mãn. Chỉ một phần rất ít đất đai trong nông trại của họ Sanchez là thu hoạch kém mà thôi. Trong đầu Adam đã mường tượng những mẫu lúa mì cao lớn tươi tốt, xung quanh viền bằng loại linh lăng thảo gần mé sông. Chàng có thể nghe phía sau lưng mình tiếng huyền não của những bác thợ mộc đang đóng đục, ca bào vang dậy cả thung lũng Salinas để sửa sang ngôi nhà trong nông trại cũ của họ Sanchez. Bác làm vườn đã tỉa sửa lại những khóm hương xơ xác, trồng thêm phong lữ thảo, nhổ bớt một ít rau để xẻ một suối nước nhỏ chảy ngang qua khu vườn. Adam sửa sang lại mọi thứ cho vừa ý và để lại cho con cháu hưởng sau này luôn thể.

Chàng cũng chú ý đến chuyện ẩm thực. Chàng sai người đầu bếp Trung Hoa tóc bím đuôi sam làm một chuyến đặc biệt đến Pajaro để mua sắm một mớ nồi niêu xoong chảo, thùng bằng đồng và vật dụng bằng thủy tinh dùng cho nhà bếp.

Tạm thời Adam đưa Cathy vào ở tạm trong ngôi nhà phụ sơn trắng sạch sẽ để đợi nhà mới sắp làm xong và chờ sanh đứa con đầu lòng.

Chắc đứa bé sẽ chào đời trước khi ngôi nhà gạch mới hoàn thành. Nhưng Adam cũng chẳng vội vàng gì. Chàng vẫn kiên nhẫn chỉ huy công việc và thường nói:

– Tôi muốn ngôi nhà phải thật vững chắc, lâu bền, dùng loại đinh bằng đồng và gỗ cứng, để khỏi sét hay mục.

Chàng không cô đơn trong những bận rộn về tương lai. Cả thung lũng cả miền Tây đều như vậy cả.

Một người đàn ông có thể đưa gia đình từ một nông trại trên đồi xuống một cách vất vả trong chiếc xe ngựa có thùng xe lớn đóng bằng gỗ sồi. Vợ anh ta ẩm con ngồi dưới lớp rơm trong thùng xe cố giữ chặt răng và lưỡi khỏi va chạm mỗi khi bánh xe đụng phải đá và ụ đất. Trong lúc xe đang chạy, người cha tha hồ nghĩ ngợi. Tại sao trong khi chúng ta ngồi một cách sung sướng trong một chiếc xe ngựa rộng rãi đi ra phố King City chỉ trong ba tiếng đồng hồ, chúng ta còn mơ ước gì hơn trên đồi này nữa?

Có nhiều người tiên tri rằng sẽ có những hệ thống dẫn thủy cho khắp thung lũng. Nhưng ai biết được bao giờ sẽ có?

Có người hơi điên lại nói rằng một ngày gần đây sẽ có cách, hoặc dùng tuyết băng, hoặc một cách nào khác để trồng được loại lê bụi như loại hắc ta đang trồng trong tay tại Philadelphia.

Ở dưới phố người ta kháo nhau về những ống cống và loại cầu tiêu trong nhà. Một số người đã sắm được, cũng như về những loại đèn vòng cung ở các góc đường Salinas đã có rồi và cả điện thoại nữa. Tương lai của thung lũng rất sáng sủa và đầy hứa hẹn.

Adam Trask nuôi rất nhiều hy vọng ở tương lai, nhưng chàng cũng khá thỏa mãn với hiện tại. Chàng thấy lòng tràn ngập vui thỏa khi nhìn Cathy ngồi yên lặng dưới ánh mặt trời với đứa con đang lớn dần trong bụng. Nước da nàng sáng ngời khiến chàng liên tưởng đến hình ảnh những vị thiên thần trong các tranh ảnh của lớp Thánh Kinh chủ nhật.

Một làn gió khẽ thổi qua mái tóc mượt mà của nàng hay khi nàng nhướn mắt lên, Adam cũng cảm thấy xao xuyến ngất ngây đến khổ sở.

Nếu Adam tỏ vẻ thỏa mãn với nông trại mới tậu của mình, Cathy cũng hài lòng không kém. Nàng có được đặc tính sẵn sàng quên những gì mình không đạt được và ráng chờ những gì mình có thể có. Cái thai đối với nàng là một rủi ro ngoài ý muốn. Nó là một cái bẫy kẹp cứng chân nàng lại. Nàng không có ý định sống ở đây sau khi bình phục, nhưng trước những câu hỏi của Adam, nàng đã đáp lại bằng những câu trả lời đặc biệt.

Nếu làm khác sẽ bất lợi và trái với bản chất kín đáo khôn khéo của nàng.

– Này cưng, em thấy vị trí ngôi nhà có tuyệt không? Cửa sổ nhìn xuống thung lũng tuyệt đấy chứ?

– Tuyệt lắm.

– Em xem, kể cũng hơi quá đáng khi anh chỉ nghĩ đến ông lão Sanchez cách đây một trăm năm. Ông ấy chắc phải nghiên cứu kỹ lắm khi chọn vị trí này để cất nhà. Em đâu có ngờ ông ấy đã biết sử dụng ống dẫn nước bằng cây gỗ đỏ có đục sẵn. Bọn anh đào được một ít khúc cây như vậy.

– Hay quá hả! Chắc ông ấy là người thông minh lắm.

– Anh muốn tìm hiểu thêm về ông ấy. Em biết chuyện gì làm anh ngạc nhiên hơn hết không?

– Chuyện gì vậy anh?

– Anh ngạc nhiên vì không ngờ mình có được một Cathy.

Nàng mỉm cười thẹn thùng nhìn tránh qua chỗ khác:

- Vậy mà em tưởng chuyện lạ gì chứ!
- Ông ta giỏi hơn anh nhiều, anh chẳng có nghị lực hay mục đích, kể cả chút ham sống nào trước khi có em.
- Adam, anh đừng đề cao em quá đáng làm em ngại lắm.
- Vậy thì anh xin lỗi. Anh vụng về quá.
- Không, anh không có lỗi gì cả. Em chỉ muốn anh đừng nghĩ quá đáng như vậy. Này anh, cái sẹo trên trán em không tan được, em buồn quá. Anh thấy hôm nay có thâm đen hơn không?
- Không, không tệ lắm đâu.

Nhưng sự thực đúng như nàng nghĩ. Cái sẹo lớn bằng ngón tay cái. Chàng đưa ngón tay lại định sờ thử, nhưng nàng tránh đầu ra chỗ khác.

- Đừng anh. Nàng khế phản đối.

Khi chàng đã bỏ đi làm việc, cặp mắt nàng lạnh lùng thờ thẫn. Nàng nặng nề trở người cho đỡ mỏi. Nàng đang chờ ngày sanh.

Lee, chú đầu bếp người Tàu, ra gần chỗ ghế nàng ngồi dưới gốc cây sồi lớn nhất hỏi:

- Bà chủ dùng “tà” không ló?
- Không... ừ, cho tôi một tách nhé.

Nàng soi mói nhìn chú người làm, nhưng không thấu hiểu được qua cặp mắt đen sâu thẳm của gã. Nàng thấy hơi khó chịu về gã này. Cathay thường thấu rõ tâm tính của bất cứ người đàn ông nào, nhưng nàng không hiểu nổi gã này nghĩ gì trong đầu. Mặt gã gầy guộc nhưng vui vẻ.

Môi luôn luôn ở tư thế mỉm cười. Tóc gã kết thành một cái đuôi sam dài đen nhánh ở đầu mút thắt lại bằng một giải lụa đen, lủng lẳng trên lưng nhịp nhàng theo bước đi. Khi làm việc gì nặng nhọc gã quấn đuôi sam ấy quanh đầu cho gọn. Gã bận quần vải bó sát, áo thung kiểu Tàu, nút có viền.

Lúc nào rảnh rỗi, gã hay dấu hai bàn tay vào trong tay áo rộng, như thói quen của đa số người Trung Hoa thời đó.

– Tôi “lem” một cái bàn con “la” cho bà chủ lối.

Nói xong gã hơi cúi người một cách lễ phép rồi quay vào.

Cathy nhìn theo gã. Không phải nàng sợ gì tên Lee, nhưng nàng không ưa gã chút nào.

□

Trong mùa hè, dòng sông Salinas cạn xột ngưng hoạt động hoặc chỉ lưu lại một ít nước trong các hồ ao ở mức thấp. Cỏ héo úa dần. Nhìn qua lớp đất xỉn màu khô nẻ, Adam cảm nghiệm được mối lo lắng của người dân tại vùng California này. Ở Connecticut về mùa hạ, nếu miền quê không xanh tươi được có nghĩa là nó đang chết. Còn ở California, người ta chỉ thấy đất đai như đang bị một trận ốm trong những tháng thiếu mưa.

Adam sai Lee cầm một mảnh giấy đến nhà ông Hamilton mời ông ta đến trại chàng chơi để bàn về việc đào dùm cái giếng.

Ông Samuel đang ngồi dưới bóng cây hướng dẫn Tom làm một cái bẫy thú thật độc đáo, thì thấy Lee đánh chiếc xe ngựa của Adam Trask đến, Lee giấu hai bàn tay trong tay áo rộng ngồi đợi trong khi ông Samuel đọc mảnh giấy:

- Này Tom, ông Samuel bảo cậu con. Con có thể tiếp tục làm chuyện này trong lúc ba đi bàn chuyện đào giếng cho một anh bạn trẻ mới đến vùng này.

- Sao ba không cho con đi theo với? Ba không cần con giúp gì sao?

- Chỉ mới bàn công chuyện thôi chứ đã làm gì đâu mà cần con giúp! Về việc đào giếng, ba cần bàn luận lâu lắm. À, con thắng yên con Dosology dùm ba trong khi ba đi báo cho má con biết

- Tôi “lước” ông “li” mà, Lee nói.

- Được rồi, tôi còn phải về nữa.

- Tôi “lừa” ông “dề”.

- Khởi cần. Samuel trả lời. Tôi đem ngựa theo để cỡi về một mình cũng được rồi, Ông Samuel ngồi trong xe, cạnh Lee. Con ngựa đã thắng sẵn yên cương lẻo đẹo chạy theo đằng sau xe.

Ông Samuel thân mật hỏi:

- Chú tên gì?

- Lee. Đó là họ cha của tôi. Ông cứ gọi là Lee cũng đủ rồi.

Tôi có đọc nhiều sách vở viết về Trung Hoa. Chú ra đời bên Trung Hoa phải không?

- Không, sinh ở đây.

Samuel im lặng một lúc lâu trong khi chiếc xe ngựa chúi đầu chạy theo vết cũ xuống thung lũng.

- Lee. Cuối cùng ông lên tiếng, tôi không hiểu tại sao chú cũng như nhiều người Trung Hoa khác sinh đẻ tại đây từ nhỏ đến giờ mà không nói sõi được tiếng Anh, trong khi bên Ái Nhĩ Lan có một bộ lạc kém cỏi, lưỡi cụt mịch như củ khoai lang vẫn có thể nói được tiếng Anh bình dân trong vòng mười năm.

Lee ngượng ngạo nói:

- Tui “lói” theo những gì người Trung Hoa “lói”.

- Ờ... chắc chú có cái lý của chú. Tôi hỏi chơi cho vui vậy thôi. Đừng giận nhé!

Lee trở mắt nhìn ông. Cặp mắt màu nâu sẫm dưới hàng lông mi cong vênh mở lớn nhìn sững một lát, rồi sáng ngời lên đầy vẻ thông cảm. Gã mỉm cười:

- Không có gì. Chúng tôi nói như vậy dễ hiểu hơn nên không muốn sửa đổi làm gì dù có thể nói bình thường như mọi người.

- Chú nói sao mà lạ lùng vậy? Tôi chẳng hiểu ý chú muốn nói gì?

- Tôi biết nói vậy ông khó tin, nhưng sự thật thì nếu tôi nói với một phu nhân hay một ông chủ nào bằng lối nói như tôi đang hầu chuyện với ông đây, thì họ sẽ không hiểu.

- Sao lại không hiểu?

- Họ chỉ muốn nghe lối nói ngọng nghịu đó. Nếu tôi nói đàng hoàng họ sẽ không hiểu. Ông là một người hiếm hoi có những ý kiến trái với những người khác. Họ chỉ muốn nghe những gì họ thích.

- Tôi không nghĩ như vậy. Chú biết rằng tôi rất thích nói chuyện với chú. Tôi muốn hỏi chú vài vấn đề.

- Ông cứ hỏi.

- Chẳng hạn việc bím tóc đuôi sam. Tôi được biết qua sách vở rằng lối bím tóc, đó là dấu hiệu của sự nô lệ. Người Mãn Châu bắt buộc người Hoa Nam phải để tóc như vậy phải không?

- Đúng như vậy.

- Vậy tại sao chú lại thích kiểu bím tóc đó ở đây?

- Tôi chỉ làm theo thói quen mà những người Trung Hoa khác thường làm. Đuôi sam là kiểu tóc chung của người Trung Hoa ở đây, ông biết như vậy mà.

Samuel cười sằng sặc.

- Tôi không biết phải giải thích thế nào hơn, Lee nói. À, chắc quê quán của ông không phải ở đây phải không?

- Không, quê tôi bên Ái Nhĩ Lan.

- Chỉ trong ít năm nữa, ông sẽ đồng hóa với người dân ở đây, trong khi tôi là người sinh trưởng tại Grase Valley này và đã từng theo học nhiều năm ở Đại học California, lại không bao giờ đồng hóa được. Lee cho xe dừng lại dưới một tàn cây, nhảy xuống buộc dây cương vào gốc cây.

- Đã đến giờ ăn trưa, Lee nói. Tôi có mang theo một gói đồ ăn. Mời ông dùng tạm với tôi một ít nhé?

- Anh mời thì ăn ngay chứ. Chúng ta tới chỗ bóng mát kia ngồi. Tôi rất chú ý những lời anh vừa nói. Theo tôi nghĩ chắc anh sẽ về Trung Hoa.

Lee nhìn ông ta mỉm cười chua chát:

- Tôi đã về Trung Hoa rồi, nhưng không xong. Họ bảo rằng tôi giống như một con quỷ ngoại quốc và tiếng nói của tôi cũng vậy. Ông có tin hay không tùy ý. Tôi ở đây còn dễ thở hơn ở Trung Hoa nhiều.

Gã mở giầy bao một chai rượu nhỏ, hỏi:

- Ông uống với tôi một chút nhé? Thứ này đặc biệt của người Trung Hoa.

- Thứ gì vậy?

- “Diệu” mạnh của người Trung Hoa. Một loại “diệu” thuốc đặc biệt ngâm với oải hương.

Ông Samuel cầm chai rượu nhắm thử một chút rồi nói:

- Hơi giống mùi táo úng.

- Đúng, nhưng là thứ táo úng rất ngon. Ông thử nếm thêm một hớp kha khá xem sao,

Ông Samuel uống một ngụm rồi gật gù khen:

- Chú nói đúng. Ngon thật.

- Ông dùng với tôi vài miếng bánh kẹp thịt, với đồ chua và lon sữa này.

Ông Samuel cắn một miếng bánh và nói:

- Chú chu tất lắm. Tôi muốn hỏi chú thêm nhiều câu nữa.

- Tôi đoán câu hỏi kế tiếp của ông có phải là: Tại sao tôi lại bằng lòng với thân phận tôi đòi phải không?

- Chú có vẻ khó chịu về câu hỏi đó không?

- Đối với ông thì không. Tôi không thấy tại sao làm một người giúp việc lại bị coi là mất danh giá được! Theo tôi, đó là cách ẩn thân hay nhất của một triết nhân lúc mệt mỏi. Nếu được quan niệm đúng đắn, đó là một chỗ đứng vững vàng và yên ổn. Tôi không hiểu tại sao nhiều người không dám nhận đó là một nghề.

- Nhưng đời sống của người đó quá cô đơn. Samuel nhận xét.

- Đó là khuyết điểm duy nhất của nghề này, Lee nhìn nhận. Tôi có nghĩ đến việc tới San Francisco thử một nghề nào khác.

- Anh định mở tiệm giặt ủi hay mở hiệu tạp hóa.

- Không. Đã có quá nhiều tiệm giặt ủi và hiệu tạp hóa của người Trung Hoa rồi. Có lẽ tôi sẽ mở một hiệu sách. Cũng có thể chưa chắc. Tôi gần như mất hết sáng kiến rồi.

□

Buổi chiều Samuel và Adam cỡi ngựa đi quan sát quanh khu đất. Gió chiều theo thường lệ thổi tốc lớp bụi đất màu vàng lên cao.

- Ô, chỗ đất này tốt quá. Thật là một miếng đất hiếm thấy.

Adam nhận xét:

- Tôi có cảm tưởng gió thổi mòn dần từng lớp đất.

- Không đâu. Gió chỉ làm xáo trộn chút ít thôi. Anh bị mất một ít qua phần đất của nhà họ James, nhưng anh sẽ nhận lại một ít từ nông trại của nhà họ Southeys.

- Có lẽ đúng như ông nói. Nhưng tôi không thích gió. Gió làm tôi cảm thấy khó chịu.

- Không ai thích gió dai. Súc vật cũng sợ gió nữa là. Dưới thung lũng xa kia, tôi thấy người ta có trồng những cây sanh gôm để chắn gió. Họ nói rằng loại cây này mỗi năm cao trên ba thước. Sao anh không trồng vài hàng thử xem.

- Một ý kiến rất hay. Nhưng thứ tôi cần nhất là nước. Nếu có đủ nước tôi định trồng loại linh lăng thảo.

- Loại đó chẳng có giá bao nhiêu.

- Tôi đã nghĩ đến khía cạnh đó. Cách đây vài tuần, tôi có viếng qua các vùng Green Field và Gonzales. Một số người Thụy Sĩ đã di cư đến đó. Họ có nuôi vài bầy bò sữa thật xinh, và mỗi năm họ cắt được bốn mùa linh lăng thảo.

- Tôi có nghe nói về họ. Họ mang giống bò cái từ Thụy Sĩ qua đây.

- Mặt Adam sáng lên với những chương trình dự định.

- Tôi cũng muốn làm như họ. Nuôi bò sữa để làm bơ và pho mát bán, số sữa thừa để nuôi heo thì tuyệt!

- Vậy là anh đã bắt đầu đem lại niềm tin lớn lao cho thung lũng này.

- Tương lai anh đầy hứa hẹn lắm.

- Với điều kiện nếu tôi có nước đầy đủ.

Adam chỉ một khoảng đất rộng bằng phẳng phía bên trái mọc đầy loại hoa dại thấp, hỏi:

- Ông có thể đào giếng ở đó được không?

- Tôi chưa biết được, ông Samuel đáp. Để tôi xem kỹ đã.

Ông xuống ngựa, trao dây cho Adam, cầm theo một chạng cây có hai nhánh. Hai bàn tay ông cầm hai nhánh chẻ, đưa phần gốc ra trước, chậm rãi bước tới. Bước chân ông đi quanh quẹo. Có khi ông cau mày bước lùi lại vài bước, rồi bắt đầu bước tới. Adam cỡi ngựa chậm chạp theo đằng sau, một tay dắt theo con ngựa của ông Samuel.

Adam chăm chú nhìn theo nhánh cây trên tay ông Samuel. Chàng thấy chạng cây lay động và chúi xuống một chút như có một con cá vô hình tấp phải môi kéo rịt đầu cần câu xuống. Nét mặt ông Samuel căng thẳng vì hoàn toàn chú tâm vào công việc. Ông tiếp tục đi loạng choạng cho đến khi đầu mút nhánh cây trên tay ông như bị kéo mạnh xuống, ông chậm rãi vạch một vòng, nhổ một mớ cây dại ném qua một bên. Ông bước ra khỏi vòng tròn vừa vạch một quãng, đưa chạng cây lên hướng vào chỗ làm dấu. Khi ông đến gần, chạng cây lại chúi mũi xuống. Ông lên tiếng:

– Có thể đào giếng ở đây được rồi. Không cần phải đào sâu. Mạch khá mạnh, nên nhiều nước lắm. Ông bỏ một nhánh cây cắm vào chỗ đất vừa khám phá để làm dấu. Ông cũng lấy chân đá rập các bụi cây cỏ để nay mai dễ tìm thấy lại hơn.

Cách đó khoảng gần 300 thước, chạng cây trên tay ông lại chúi mũi xuống mạnh gần như muốn tụt ra khỏi tay. Ông nói:

– Chỗ này cũng có cả bọng nước khổng lồ nữa đây.

Ông thử tìm thêm một địa điểm thứ ba, nhưng không có kết quả. Sau gần nửa tiếng đồng hồ chỉ thấy dấu hiệu yếu ớt.

Hai người khoan thai cỡi ngựa trở về nhà của Trask. Buổi chiều như vàng rực vì lớp bụi đất vàng càng ánh lên dưới màu nắng. Ông Samuel nói:

- Tôi biết khu đất này tốt, nhưng không ngờ tốt đến mức đó. Anh có cả một bọng nước bên dưới nông trại của anh ăn sâu đến tận chân núi. Anh tha hồ canh tác.

- Ông có thể ở lại với tôi đêm nay để nói chuyện được không?

- Được chứ, nhưng tốt hơn không nên. Tôi chỉ nói với Liza đi một lát rồi về chứ không nói ở lại đêm sợ bà ấy lo. Anh muốn tôi chùng nào bắt tay vào việc

- Ngay hôm nay, nghĩa là bất cứ lúc nào ông có thể.

- Chắc anh biết công việc đào giếng lấy nước cho anh không phải nhẹ nhàng gì. Tôi xin nói trước mỗi bộ năm mươi xu tiền công.

- Tôi có đủ tiền. Ông Hamilton cứ yên tâm.

- Anh cứ gọi tên Samuel cho thân mật.

- Ông Samuel, tôi muốn lập một ngôi vườn trong nông trại của tôi. Ông hãy nhớ rằng tên tôi là Adam, nhưng tôi chưa có ngôi vườn Địa Đàng.

- Tôi chưa hề nghe ai định lập vườn với lý do tuyệt vời như vậy. Ông Samuel tán đồng và hỏi thêm:

- Anh định sẽ trồng những loại cây ăn trái nào?

Adam nói ngay:

- Tôi sẽ không trồng táo. Trồng táo xui lắm.

- Bà Eve của anh không phản đối sao? Các bà Eva thường thích ăn táo lắm mà.

- Nhưng nàng Eve của tôi thì không.

Mắt của Adam sáng lên:

- Ông chưa biết nàng Eve này đâu.

Tôi tin rằng chưa có người nào hiểu được đức tánh thánh thiện của nàng.

Họ cỡi ngựa đi ngang dưới những cây sồi lớn trên đoạn đường về đến nhà. Adam đưa tay chỉ:

Nàng ngồi kia.

Rồi chàng gọi lớn:

- Cathy, đã tìm ra mạch nước rồi. Nhiều nước lắm em ơi.

Chàng quay lại say sưa nói:

- Nàng sắp đến ngày sinh, chắc ông biết tin đó rồi chứ!

- Dù ở đằng xa cũng thấy chị ấy đẹp. Ông Samuel khen.

□

Ban ngày trời nóng nực, nên Lee đặt bàn ăn ở ngoài vườn, dưới tàn cây sồi. Đến lúc mặt trời gần lặn ở dãy núi phía Tây, chú Lee vào ra nhiều lần giữa nhà bếp và chỗ bàn ăn mang các thức ăn như thịt nguội, các món ướp muối, xà lách trộn khoai, bánh ngọt trộn dừa và bánh nhân đào. Chính giữa bàn chú đặt một hũ sữa bằng đá khổng lồ.

Adam và ông Samuel đứng cạnh chiếc bàn được kê trên một cái giá dưới tàn cây sồi chờ Cathy ra:

- Nàng từ trong nhà chập chững bước ra như sợ sắp ngã. Nét mặt nàng vô tư như trẻ thơ, hai bàn tay nàng nắm chặt vào nhau buông thõng phía trước người. Ra gần bên bàn ăn, nàng mới ngẩng mặt nhìn lên Adam và ông Samuel.

Adam kéo ghế sẵn cho nàng và nói:

– Hôm nay anh có mời ông Hamilton tới giúp mình tìm chỗ có mạch nước để đào giếng.

Nàng chìa tay ra theo phép lịch sự nói:

– Chào ông.

Ông Samuel vẫn ngắm kỹ nàng từ nãy giờ nên nói ngay:

– Chị đẹp lắm. Hân hạnh được gặp chị. Chắc chị vẫn khỏe chứ?

– Vâng, tôi vẫn khỏe.

Hai người đàn ông ngồi xuống. Adam nói:

– Nhà tôi lúc nào cũng lặng lẽ như vậy. Các bữa ăn của chúng tôi không nhất định hẳn lúc nào. Các bữa ăn ở gia đình ông chắc đông đủ và vui lắm phải không?

– Cũng vậy thôi. Tôi có thể nói với anh rằng tính tôi bê bối lắm. Tụi con của tôi còn lôi thôi hơn nữa. À, thằng Tom của tôi cũng muốn đi theo hôm nay, nhưng không có ai lo việc ở nông trại.

Ông Samuel chợt nhận thấy rằng những lời ba hoa của mình làm cho bàn ăn đỡ im lặng. Khi ông ngừng nói, bàn ăn rơi vào im lặng. Cathy đang nhìn xuống đĩa thức ăn đựng miếng thịt cừu rô ti. Khi cắn miếng thịt giữa hai hàm răng nhỏ và bén của mình, nàng liếc mắt nhìn lên. Cặp mắt mở lớn của nàng không chú mục vào cái gì cả. Ông Samuel bỗng cảm thấy ớn lạnh.

– Ông thấy lạnh sao? Adam hỏi:

- Không, nhưng không hiểu sao tôi thấy hơi ớn ớn trong xương.

- Ô, thế à? Tôi hiểu loại cảm giác đó.

Im lặng lại bao trùm. Ông Samuel chờ một câu khơi mào nào để lên tiếng, nhưng ông ta biết trước điều đó khó mà xảy ra được.

- Chị Trask, chị có thích thung lũng này không?

- Ông hỏi sao? Ồ, thích chứ.

- À, còn bao nhiêu lâu nữa thì đứa bé sẽ chào đời hả chị?

Adam phải đỡ lời cho vợ:

Còn khoảng sáu tuần nữa. Vợ tôi có tính ít nói lắm, nhiều khi cạy răng cũng chỉ nói vài tiếng.

- Đôi khi sự im lặng còn nói nhiều gấp mấy lần lời nói.

Ông Samuel cố nói khéo như vậy và ông thấy đôi mắt của Cathy lại nhấp nháy. Ông để ý thấy vết sẹo trên trán của nàng có vẻ như sậm hơn một chút.

Có lẽ nàng bị quất bằng một loại roi gì giống như roi bằng da bện mà người ta thường dùng để đánh ngựa. Samuel cảm thấy tâm thần bồn chồn như cảm giác lúc mũi chạng cây trì xuống chỉ địa điểm có nước, loại cảm giác nảy sinh trước một sự kiện lạ lùng, căng thẳng. Ông liếc nhìn Adam và thấy chàng đang ngắm vợ một cách say sưa. Chàng không cảm thấy vẻ khác lạ đó. Nét mặt chàng ngất ngây vì hạnh phúc.

Có tiếng bước chân kéo lệt xệt sau lưng. Ông Samuel quay lại. Chú Lee đang đặt ấm trà lên bàn rồi lặng lẽ bước đi.

Ông Samuel ăn vội cho xong bữa, uống một tách trà nóng bỏng, rồi xếp khăn ăn đặt lên bàn.

– Xin phép chị tôi phải cỡi ngựa trở về. Cám ơn về sự tiếp đãi nồng hậu của anh chị.

– Không có gì, chào ông. Cathy nói.

Adam đứng bật dậy như người vừa tỉnh một cơn mơ. Chàng nói:

– Hôm nào ông có thể khởi công đào giếng được? Ông giúp sớm một chút. Tôi cần có nước sớm ngày nào tốt ngày đó. Cathy, chúng ta sẽ xây dựng thành một vùng đẹp nhất thế giới, không một nơi nào đẹp bằng.

Samuel nhìn thẳng vào mặt Cathy, nhưng không thấy nàng có phản ứng nào. Mắt nàng vẫn thản nhiên, hai khóe môi hơi nhếch lên một cách lạnh lùng.

– Vậy thì hay lắm. Nàng nói.

Samuel định nói khích một câu gì để kéo nàng ra khỏi trạng thái thờ hững xa lạ. Nhưng ông lại cảm thấy ớn lạnh, khẽ rùng mình.

– Ông ớn lạnh phải không? Adam hỏi.

– Vâng, lại ớn lạnh.

Bóng tối đã bắt đầu chụp xuống. Những tàn cây đen sẫm nổi bật giữa bầu trời mờ tối.

– Tôi tạm biệt nhé.

– Tôi sẽ đi với ông một đoạn đường.

- Thôi đừng, anh nên ngồi lại đây với chị. Ông Samuel khẽ ấn vai Adam ngồi lại xuống ghế: “Thôi chào anh chị nhé”? Ông vội bước về phía chuồng ngựa.

Con ngựa già Dosology của ông đang nhai chút cỏ trong máng một cách lơ đãng. Ông Samuel định leo lên yên ngựa, chợt có tiếng động sột soạt phía sau. Ông quay lại, thì thấy bóng Lee xuất hiện dưới ánh sáng ngọn đèn từ bên trong hắt ra.

- Hôm nào ông trở lại đây? Lee khẽ hỏi.
- Chừng vài ngày nữa. Có gì lạ không Lee?
- Kể giúp việc chỉ biết làm việc, ngoài ra không được quyền nghe, hay nói gì hết.
- Vâng. Chú nói có lý, câu hỏi của tôi có lẽ hơi thừa. Thôi đừng phiền nhé ông bạn?

Ông tháo dây buộc ngựa ném lại vào máng:

- Thôi chào chú Lee nhé!
- Ông Hamilton!
- Gì đó?
- Ông cần mượn đầu bếp không? Tôi không đòi lương mắc đâu.
- Liza khó tính lắm. Tại sao chú không muốn ở đây nữa?
- Ông chỉ cần nhớ câu hỏi của tôi là đủ. Thôi chào ông nhé!

□

Adam và Cathy ngồi lại dưới tàn cây đen sẫm.

- Ông ấy là một người tốt bụng, Adam nói. Anh rất mến ông ấy. Em thấy có dễ chịu không?

- Vâng.

- Một ngày kia, em sẽ thấy cả thung lũng xanh ngát một màu linh lăng thảo. Từ khung cửa sổ lớn của căn nhà chính, làm xong nhìn xuống em sẽ thấy cảnh đó. Sau khi đã sanh xong, em có thể cưỡi ngựa đi khắp vùng với anh.

Cathy nhỏ nhẹ nói.

- Adam, tôi sẽ không ở lại đây đâu, khi nào thuận tiện tôi sẽ đi nơi khác.

Chàng cười lớn:

- Ô, vô lý. Đừng nói nhảm vậy cưng,

- Không phải nói nhảm đâu.

- Đừng nên nói như vậy. Sau khi đưa bé ra đời mọi việc sẽ đổi khác. Để rồi em xem anh không nói sai đâu.

Chàng tỳ tay ra sau gáy ngẩng mặt nhìn lên những vì sao yếu ớt qua kẽ hở những cành lá trên cao.

□

Sáng hôm ấy, với hai gò má ửng hồng, Liza Hamilton đang loay hoay trước lò than như một con báo trong chuồng, thì ông Samuel bước vào nhà bếp. Bánh phồng trắng ngon lành trong chảo. Liza đã thức dậy trước lúc mặt trời mọc. Ngày nào cũng vậy. Đối với bà, sau khi mặt trời mọc mà còn nằm trên giường là một khuyết điểm đáng trách. Chỉ có một người được hưởng đặc quyền đó là cậu con út của bà, thằng Joe.

Lúc này chỉ có Tom và Joe còn ở lại trong nông trại. Tom to con, hồng hào, đang ngồi tại bàn ăn giữa nhà bếp, tay áo rũ xuống. Bà đặt miếng bột nhồi dày từ trong một cái hũ lên vỉ nướng bánh.

Những chiếc bánh nóng phồng lên, nhiều chỗ u lên như những miệng núi lửa nhỏ và phun hơi nước ra cho đến khi sẵn sàng được trở qua.

Ông Samuel bước vào sau khi rửa ráy từ ngoài sân. Ông kéo tay áo sơ mi xanh của mình xuống khi bước vào nhà bếp. Bà Hamilton không muốn thấy ai xắn tay áo khi ngồi vào bàn ăn. Bà cho như vậy là khó coi và không lịch sự.

– Tôi vào hơi trễ phải không má nó?

Bà không quay lại nhìn ông. Cái kẹp bánh trên tay bà le làng trở những chiếc bánh nóng trên vỉ nướng.

– Hồi hôm ông về lúc mấy giờ? Bà hỏi.

– Ô, khá khuya. Cũng đến mười một giờ. Tôi không xem kỹ, sợ làm em mất giấc ngủ.

Bà Liza dẫn giọng:

– Tôi đâu có dậy làm gì. Ông cứ tha hồ đi rảo suốt đêm rồi đau ốm thì đừng có than trời than đất. Thượng đế có mắt mà.

Bất cứ chuyện gì bà Liza cũng đem thượng đế vào đồng minh với bà. Bà quay lại đưa một đĩa bánh nóng vào tay của Tom.

– Khu đất của họ Sanchez thế nào? Bà hỏi.

Samuel đến bên vợ, cúi xuống hôn vào chiếc má ửng hồng của bà một cái:

- Xong chưa má nó? Ăn được rồi chứ?

- Xong rồi. Bà trả lời ngay.

Samuel ngồi vào bàn:

- Ăn đi Tom. À, anh Trask đang cố thay đổi toàn diện bộ mặt nông trại. Anh ta đang sửa sang ngôi nhà cũ để ở.

Liza từ lò than quay mặt hỏi:

- Ngôi nhà thường để bò và heo nằm nhiều năm nay đó phải không?

- Ô, anh ấy cho chùi rửa kỹ rồi.

- Nhưng anh ta sẽ không thể nào làm tan hết mùi heo được. Bà Liza quả quyết. Heo thường lưu lại một thứ mùi hôi hám không bao giờ tẩy xóa sạch được.

- Tôi đã vào nhà xem qua một vòng, nhưng không ngửi thấy mùi gì ngoài mùi sơn.

- Chừng nào sơn và nước vôi khô rồi ông sẽ thấy. Bà Liza nói.

- Anh ấy lập một ngôi nhà vườn có suối chảy ngang qua và dành hẳn một khoảng vườn hoa trồng các loại hường và nhiều khóm tường vi lấy giống từ Boston.

- Em không hiểu tại sao anh ấy lại phí phạm của trời như vậy. Bà Liza nghiêm khắc nói. Tôi không thấy hoa hường có ích lợi gì. Vợ anh ấy trông thế nào?

- À, chị ấy trẻ và đẹp lắm. Người lại trầm lặng ít nói, chị ấy sắp đến ngày sanh con đầu lòng.

- Em có nghe rồi. Liza nói thêm. Tên hồi còn con gái của chị ấy là gì?

- Tôi không hỏi kỹ làm gì.

Bà đặt đĩa bánh nóng trước mặt ông rồi rót cà phê vào tách.

- Ba nó nhận thấy thế nào? Chị ấy có làm gì không?

- Chẳng làm gì cả. Chỉ thấy ngồi một chỗ. Chị ấy gần ngày sinh rồi mà.

- Em muốn hỏi hai bàn tay chị ấy có làm một việc gì không?

Ông Samuel cố lục lọi trí nhớ:

- Theo tôi nhớ thì chị ấy chẳng làm gì cả. Hai bàn tay chị ấy nhỏ nhắn, lồng vào nhau đặt lên đùi chứ không thấy làm gì cả.

Bà Liza hít vào một hơi dài hỏi thêm:

- Chị ấy không may vá thêu thùa gì cả sao?

- Không có mình ạ.

- Em tưởng ba nó chẳng nên tới lui một gia đình như vậy. Người giàu mà lười nhác kiểu đó không hay ho gì đâu. Nhân cư vi dễ bất thiện lắm.

Ông Samuel ngửa mặt lên cười ha hả một cách vui vẻ. Nhiều lúc Liza có những ý kiến ngộ nghĩnh làm ông cười xòa, nhưng không bao giờ trách vợ.

- Đây Liza của anh, chính nhờ những người giàu mà anh mới có nhiều việc làm. Anh ấy nhờ anh đào dùm bốn, năm cái

giếng luôn một lúc.

- Anh đã bàn kỹ giá cả chưa? Hay khi làm xong lại được cảm ơn suông, mất công toi như những lần trước?

- Adam Trask sẽ trả tiền công đảng hoàng. Samuel nói. Công việc sẽ kéo dài suốt mùa Đông. Các công việc khác tạm gác lại đó đã. Chúng ta sẽ hưởng một mùa Giáng sinh tươi tắn. Anh cần vài thằng nhóc phụ giúp. Anh muốn đem Tom và Joe theo.

- Em không chịu cho thằng Joe theo đâu. Anh biết nó đâu có mập mạnh gì.

- Anh muốn tập nó làm việc cho mạnh mẽ lên. Nó có thể chết đói vì sự yếu đuối của nó.

- Joe không thể theo anh được. Anh đem tụi nó đi hết, công việc ở nông trại này ai lo.

- Để anh sẽ gọi George về nhà. Nó không thích làm công việc thư ký dù ở King City.

- Thích hay không, không thành vấn đề nhưng mỗi tuần nó lãnh tám Mỹ kim là tốt rồi.

- Má nó nói vậy nghe sao được. Đây là cơ hội tốt nhất để tên chúng ta được ghi vào danh sách những người gửi tiền vào ngân hàng quốc gia đầu tiên ở đây! Em đừng có nghĩ cạn như vậy.

Bà vừa làm việc vừa căn nhắc một mình suốt buổi sáng trong khi ông chồng và thằng Tom lo sửa soạn các dụng cụ cần thiết. Khoảng nửa buổi, Joe cũng gia nhập với cha và anh. Cậu ta tỏ vẻ háo hức và năn nỉ cha cho mình được đi theo.

Ông Samuel phân trần:

- Ba thì muốn con theo phụ với ba, nhưng má con muốn con ở nhà.

- Nhưng con muốn theo ba mà. Con thích làm việc.

- Ba biết nếu con theo ba, con sẽ tập làm việc nhưng má con không đồng ý. Nếu con có năn nỉ má con thì nhớ đừng có bảo ba xúi. Con nhớ nói rằng ba từ chối.

Joe nhăn nhó trong khi Tom cười sung sướng.

- Con sẽ đi xin phép má. Joe nói.

- Con cứ việc nói thử xem, ông Samuel nói:

- Ráng mà lựa lời nhé.

Hai hôm sau chiếc xe lớn chuyển bánh, chất đầy cây gỗ và dụng cụ. Tom cầm cương bốn con ngựa. Ông Samuel và Joe ngồi bên cạnh.

## Chương V

Cathy ngồi trên ghế dựa dưới gốc cây sồi, hai bàn tay đặt lên nhau một cách bình thản. Nàng mặc bộ một cách khác thường. Những người đàn bà sắp sinh đều mặc to hứa hẹn sẽ sinh những đứa con bụ bẫm. Adam quần quýt bên nàng như một con ong bị thu hút quanh đóa hoa. Chàng ngồi sát bên cạnh Cathy nói chuyện này chuyện nọ. Chàng cởi ngựa ra tận chỗ đặt giàn đào giếng và làm cho công việc chậm lại vì sự chú ý của chàng.

Chàng bàn bạc về việc đào giếng với Cathy, nói nhiều về chuyện sinh sản và nuôi con. Đó là thời gian sung sướng nhất của chàng. Chàng hoàn toàn làm chủ cuộc đời đang mở rộng của mình. Mùa Hạ qua mau và đang bước vào mùa Thu nóng ẩm đầy hương thơm.

□

Mấy cha con Hamiltons vẫn tiếp tục lo việc đào giếng. Sau khi ăn xong bữa trưa, ông Samuel quì trên lớp đất cát, nhìn mũi khoan bị mẻ. Ngay trước khi cho mấy con ngừng tay để ăn trưa, mũi khoan đã gặp phải một vật gì rất cứng ở dưới sâu gần mười thước, làm mũi khoan bằng thép bị mẻ như gần bằng chì.

Tom đề nghị.

– Không thể khoan thủng được, chúng ta nên dời qua chỗ khác thì hơn.

– Ba sẽ bỏ xuống một ít cốt mìn. Nếu vẫn không phá thủng được, chúng ta sẽ đào lỗ mới.

Joe chợt kêu lên:

– Xem kìa, có ai đang tiến nhanh đến kìa.

Ba cha con thấy một người đang cúi rạp trên lưng ngựa phi thật nhanh tiến về phía họ. Khi người và ngựa đến khá gần, họ mới nhìn ra đó là chú Lee, hai cùi chỏ cử động không ngừng như hai cánh, lọn tóc đuôi sam vung vẩy như một con rắn. Họ hơi ngạc nhiên không hiểu có chuyện gì mà chú ấy phải phi hết tốc lực như vậy. Chú dừng ngựa lại, thở hổn hển:

– Adam mời ông về gấp. Bà Cathy đang khó ở. Ông về gấp cho.

– Tôi về ngay, chú cứ yên tâm.

– Có chuyện gì vậy ba? Joe tò mò hỏi. Có gì đâu. Bà Trask sắp sinh em bé. Ba có hứa ba sẵn sàng giúp. Anh ấy có biết chính tay ba đem các con ra chào đời, nên anh ấy mới nhờ ba giúp.

□

Toàn thể ngôi nhà màu trắng hoàn toàn yên tĩnh, mọi cánh cửa đều sụp xuống. Samuel xuống ngựa, mở túi đồ nghề và giao ngựa cho Lee. Ông gõ cửa. Dù không nghe trả lời, ông cũng cứ bước vào.

Phòng khách tối thui. Ông gõ nhẹ vào cửa phòng ngủ rồi bước vào. Bên trong cũng tối om, chẳng những màn sáo đều kéo xuống mà các cửa sổ còn che mền kín mít. Cathy nằm trên chiếc giường lớn. Adam đang ngồi bên cạnh, che mặt bằng một chiếc khăn. Chàng ngẩng đầu nhìn ra.

Samuel vui vẻ hỏi:

- Sao anh lại ngồi trong bóng tối thế?

Giọng Adam khàn khàn:

- Cathy không thích ánh sáng.

Samuel bước vào một cách tự tin:

- Cần phải có ánh sáng mới được, ông nói. Nếu không muốn, có thể nhắm mắt lại.

Bước tới chỗ cửa sổ, cầm góc mền định kéo xuống, nhưng Adam ngăn lại:

- Đừng kéo mền xuống làm gì. Ánh sáng làm Cathy khó chịu lắm. Chàng cương quyết.

Samuel quay lại:

- Này anh Adam tôi biết anh ngại, nhưng tôi đã hứa giúp anh việc này thì tôi sẽ làm. Anh nên nghe lời tôi.

Ông kéo mền xuống, cuốn các tấm sáo lên để ánh chiều vàng rực chan hòa.

Cathy rên khẽ một tiếng, Adam vội đến bên nàng:

- Em chịu khó nhắm mắt lại để anh đắp một cái khăn lên mắt cho em nhé.

Samuel thấy gói đồ nghề lên một chiếc ghế cạnh giường.

- Adam, ông nghiêm giọng nói. Anh ra ngoài ngồi đợi để tôi rảnh tay lo công việc cho, nếu không tôi sẽ bỏ đi ngay.

Adam đành phải nghe lời. Samuel đóng cửa. Thấy có sẵn chìa khóa trong ổ, ông vặn lại luôn.

- Anh ấy là một người tốt và rất yêu chị. Ông nói với Cathy.

Đến bây giờ ông mới có dịp nhìn kỹ nàng. Ông thấy trong cặp mắt nàng long lên nét căm tức, hận thù ghê gớm.

Ông nhìn vào mặt Cathy:

– Tôi có mặt ở đây với tư cách một người bạn, thực ra tôi đâu có muốn mó tay vào chuyện khó khăn này. Hy vọng tôi sẽ giúp chị đỡ đau đớn một phần nào. Tôi muốn hỏi chị vài câu. Nếu chị tỏ ra thù ghét tôi, tôi sẽ xin ra khỏi đây ngay để mặc chị thì chị đừng trách.

Mấy câu đó đã lọt vào tai nàng. Nàng tỏ ra hiểu biết hơn. Samuel lấy làm cảm động khi thấy nét mặt nàng thay đổi, đầy vẻ trẻ trung dịu dàng và chịu đựng một cách can đảm, như có một luồng ánh sáng nhiệm màu lướt qua soi sáng một cách thần diệu.

– Chị đã thấy đau quặn chưa?

– Vâng.

– Cách đây bao lâu?

– Tôi không rõ.

– Thôi được. Tôi đã tới đây được mười lăm phút, chắc chị đau trước đó không lâu.

– Tôi bị đau quặn hai lần, nhưng từ khi ông vào tới giờ, chưa bị cơn đau nào dữ dội cả.

– Vậy là tốt rồi, chị sẽ sinh dễ dàng. Ông dịu giọng nói.

Ông mở túi dụng cụ lấy ra một sợi dây dài bọc nhung màu anh dương thắt hai đầu lại với nhau. Trên nền nhung có thêu hàng trăm đóa hoa hồng.

- Liza gửi cho chị sợi dây này để dùng tạm, ông nói. Nhà tôi đã làm sợi dây này hồi chúng tôi đang sửa soạn sinh đứa con đầu lòng. Tôi đã sử dụng sợi dây cho các con tôi, và các con của nhiều bạn hữu lúc chúng chào đời.

Ông tròng sợi dây vào hai trụ giường.

Bỗng hai mắt nàng long lên, lưng nàng cong vòng như cái lò xo. Ông Samuel chờ một tiếng khóc hay tiếng thét từ cổ họng nàng và ông nhìn ra cánh cửa đóng chặt. Nhưng nàng không khóc la gì cả. Sau nhiều giây đồng hồ, cơ thể nàng dịu trở lại. Nét mặt nàng lại đầy vẻ thù hận.

Cơn đau để sắp tái phát dữ dội.

- Sắp đến lúc đứa bé chào đời rồi đó. Ông dịu giọng nói, và khẽ đặt tay lên trán nàng ngay chỗ vết thẹo thâm xỉ và sưng tấy. Ông hỏi:

- Vì sao chị bị vết thẹo này vậy?

Nàng ngóc đầu lên há miệng ngoạm chặt vào bàn tay ông. Ông hét lên đau đớn và cố gỡ tay ra nhưng không được, vì nàng cắn quá chặt. Ông tát vào má nàng một tát nhưng vẫn không ăn thua gì. Ông liền áp dụng một cách thức hiệu quả hơn trong trường hợp quá kịch liệt như trường hợp này. Ông đưa tay trái lên bóp mạnh vào cổ nàng. Nhưng khi rút được tay ra thì ông đã lúng thối và chảy máu. Ông bước lùi xa ra khỏi giường, nhìn nàng với vẻ sợ hãi. Nhưng lúc này nét mặt nàng đã trở lại vẻ bình thường trẻ trung ngây thơ.

- Xin lỗi ông, nàng nói nhanh. Tôi ân hận quá!

Ông Samuel nhún vai.

- Chắc ông đau lắm phải không? Nàng hỏi.

Ông Samuel cười khan mấy tiếng.

– Chắc tôi phải bịt miệng chị lại quá. Ông nói. Đã có lần tôi bị một con chó cắn như vậy.

Mắt nàng lại long lên đầy vẻ căm tức, nhưng rồi dịu xuống ngay.

Ông Samuel hỏi:

– Chị có thuốc gì cho tôi bôi lên một chút không? Răng người còn độc hơn rắn...

– Tôi không biết có hay không.

– À, nhà chị có chút rượu Whisky nào không?

– Trong ngăn tủ thứ hai kia.

Ông ta lấy rượu Whisky đổ lên vết cắn trên tay. Ông thấy đau buốt tận ruột gan, muốn ứa nước mắt ra.

Sau đó ông nói lớn với Adam ở bên ngoài:

– Chị ấy cắn tôi một miếng ghê quá. Chị ấy sinh may mắn một cách thật bất ngờ trước khi tôi kịp trở tay. Tôi quên dặn đem nước nóng để rửa cho đứa bé. Chị ấy chẳng thềm níu dây cho đỡ đau.

Ông hé cửa gọi Lee đem nước nóng. Nhưng Adam đành phần đem nước nóng vào phòng.

– Một hoàng nam! Samuel reo lên. Anh có con trai rồi đấy nhé! Gọi Lee vào đây giúp tôi một tay. Còn anh, nếu chân tay chưa đến nỗi bủn rủn sung sướng, thì làm ơn xuống bếp pha cho tôi một tách cà phê nào.

Adam như người mất hồn, quay lưng rời khỏi phòng.

Ngay sau đó, Lee thò đầu vào. Samuel chỉ vào cái gói bọc bằng khăn đặt trong giỏ đựng áo quần.

– Tắm sơ chú bé bằng nước ấm dùm tôi. Đừng để nó bị lạnh gió nhé! Ước gì có Liza ở đây lúc này thì hay biết mấy. Ông quay lại chỗ giường của Cathy đang nằm trố mắt nhìn vào một cái gì lạ ở đó, vừa cúi xuống ngay vừa reo lên ngạc nhiên:

– Chúa ơi! Còn một đứa thứ hai nữa kìa.

Ông bắt tay vô việc thật nhanh cũng như khi đỡ cho đứa bé thứ nhất. Lee bế đứa bé thứ hai đi tắm rửa, bọc khăn cẩn thận và đặt vào giỏ đựng áo quần.

Samuel thanh toán mọi việc thật nhanh, vì vết cắn trên tay bắt đầu nhức nhối. Ông kéo tấm khăn tắm đắp trắng sạch sẽ lên tận cằm Cathy và nâng đầu lên kê vào một cái gối sạch. Xong xuôi ông mới nhìn lại Cathy một chút.

Mái tóc óng ả của nàng ẩm ướt vì mồ hôi, nhưng nét mặt nàng bình thản như một bức tượng đá.

– Chị vừa sinh đôi hai hoàng nam, Samuel nói. Hai chú bé thật kháu khỉnh. Hai đứa không giống nhau. Mỗi đứa nằm trong một cái bọc riêng.

Nàng đưa mắt nhìn ông một cách lạnh lùng không biểu lộ một chút vui mừng nào.

Samuel nói thêm:

– Để tôi bế hai cháu lại cho chị nhìn mặt.

Nàng thản nhiên nói:

– Thôi đừng. Tôi không thích chúng đâu.

- Ô! Chị đang mệt nên nói vậy chứ một lát khỏe sẽ nghĩ khác.

- Tôi không thích con cái gì cả. Đem chúng ra chỗ khác. Gọi Adam vào đây dùm tôi.

Samuel kinh ngạc, buột miệng nói: “Tôi chưa thấy người đàn bà nào lạ lùng như bà”. Nói xong, ông biết lỡ lời, muốn rút lại câu nói nhưng không kịp nữa. Nhưng câu nói của ông chẳng ăn thua gì với Cathy.

- Gọi dùm Adam vào cho tôi, nàg nhắc lại.

□

Lee theo Samuel ra phòng khác.

- Bà ấy cắn ông một miếng nặng quá, Lee nói. Ông phải săn sóc kỹ mới được. Coi chừng kéo mất cả một cánh tay chứ không phải chơi.

Samuel tỏ vẻ chán chường nói:

- Này Lee, tim tôi vừa thất lại vì một nỗi buồn kinh khủng. Tôi đã tròng tuổi không đủ sức chịu đựng nỗi kinh sợ. Tôi thấy như có ma quỷ đang lẫn quất trong nhà này, và cảm thấy một tai họa lớn lao sắp xảy đến tại đây.

- Tôi cũng cảm thấy như vậy.

- Tôi nghĩ anh cũng cảm thấy điều đó. Vụ sinh đôi này quá nhanh chóng, quá dễ dàng, như một con mèo mẹ sinh mấy con mèo con. Tôi lo cho mấy chú mèo con này, Samuel dần giọng:

- Ước gì có nhà tôi ở đây lúc này. Tôi muốn có bà ấy ở đây để giúp tôi một chút.

Lee đứng dậy lại chỗ giở đồ giặt nhìn hai đứa bé đang nằm trong đó.

– Chúng đang ngủ. Anh ta nói.

– Chúng sẽ đứng dậy khóc thét lên bây giờ. Chú Lee này, chú có thể đánh xe đến nhà tôi chở dùm Liza, bà xã tôi tới đây được không? Chú nói rằng tôi cần bà ấy đến giúp một tay.

Và nhớ nói tôi bị thương ở tay trong lúc đào giếng, chứ đừng nói thật nguyên do vì sao nhé.

Khoảng bốn giờ sáng, bà Liza Hamilton đến, lúc đó ông Samuel đang ngủ chập chờn trên ghế dựa, mơ màng thấy mình bị một thỏi sắt nung đỏ dúi vào tay, không rảy ra được. Liza đánh thức ông dậy xem vết thương trên tay ông trước khi liếc qua hai đứa bé. Ông dặn bà vài việc cần rồi đứng dậy, nhảy lên yên con Dosology đi thẳng tới King City. Mấy giờ mặc kệ, ông cũng phải đánh thức ông bác sĩ bắt tài đó dậy chữa bàn tay cho mình. Nếu không có gì nguy hiểm, ông sẽ về nhà làm thuốc tạm cũng được.

Ông ra đi lúc rạng sáng. Khoảng mười một giờ trưa, tay quán băng xong. Đến năm giờ chiều, ông ngồi trong ghế dựa tại bàn riêng, người phát sốt. Tom đang luộc gà để nấu cháo cho ông. Suốt ba ngày, ông nằm vùi trên giường, chống chọi với những cơn sốt ghê hồn trước khi nhờ sức khỏe đặc biệt của mình lướt được cơn bệnh.

Tom đem cháo gà cho ông ăn để lấy sức. Nhiều người tin rằng cháo gà có thể chữa được bất cứ thương tích hay bệnh tật nào.

Liza xa nhà một tuần lễ. Bà dọn dẹp lau chùi dùm nhà cửa cho vợ chồng Adam Trask từ trong ra ngoài kỹ lưỡng. Giặt giũ

mọi thứ. Bà săn sóc hai đứa bé chu đáo và vui sướng thấy chúng hay gào khóc đòi ăn và bắt đầu lên cân.

Liza cũng ngồi bên cạnh Cathy những lúc rảnh tay và nhận thấy rằng nàng là một thiếu phụ nhạy cảm, ít nói trừ khi nào quá cần. Bà để ý thấy nàng hoàn toàn khỏe mạnh, nhưng không có ý định cho hai đứa bé bú.

– Như vậy cũng phải. Bà nói. Mấy thằng nhóc háu đói đó sẽ rửa chị còn nắm xương còn gì!

Bà quên rằng bà còn nhỏ hơn Cathy nữa, nhưng bà đã cho từng đứa trong bầy con bà lần lượt bú mà đâu có sao.

Đến chiều thứ Bảy, Liza sắp xếp mọi việc, dọn dờ lại một số điều cần thiết, gói các vật dụng riêng của mình rồi nhờ Lee đánh xe đưa bà về.

Bà thấy nhà cửa dơ dáy như cái chuồng ngựa, liền ra tay dọn dẹp hùng hục như một lực sĩ.

Samuel hỏi bà rồi rít. Hai đứa bé sơ sinh ra sao?

– Chúng mạnh khỏe, đang lớn.

– Adam

– Anh ta đi đứng trong nhà như một cái bóng.

– Bà Trask thì sao?

– Lặng lẽ kiểu cách như hầu hết phụ nữ giàu có miền Đông (tuy Liza chưa hề biết gì về một phụ nữ miền Đông), nhưng hiền lành dễ chịu.

– Thật là lạ lùng, Liza nói. Tôi không tìm thấy ở bà ấy một khuyết điểm cụ thể nào ngoài tính lười biếng, tuy vậy tôi

không thấy ưa bà ấy lắm. Có lẽ tại cái sẹo của nàng. Tại sao bà ấy bị cái sẹo đó vậy?

– Tôi không biết, Samuel trả lời.

Liza lấy ngón tay trỏ chỉ vào giữa trán ông.

– Tôi muốn nói với mình nhận xét này. Bà ấy không có vẻ thương gì Adam lắm. Trong khi đó, Adam lại quần quýt quanh bà ấy một cách mê mết. Tôi không thấy Adam tỏ ra chú ý gì lắm đối với hai đứa con sinh đôi.

Samuel chờ cho đến khi bà ấy dứt lời mới nói:

– Ừ, nếu nàng biếng nhác và chàng thì mơ mộng, vậy ai chăm sóc cho hai đứa bé? Chúng cần sự chăm sóc chu đáo.

Liza kéo ghế lại ngồi sát bên ông, hai bàn tay đặt lên đầu gối mình.

– Những gì tôi sắp nói với mình chắc hơi lạ tai và trái với những gì mình nghĩ. Samuel, mình biết chú người Tàu có cặp mắt kỳ lạ, giọng nói lơ lơ và tóc thắt bím đó không?

– Anh biết chứ. Chú Lee phải không?

– Phải, chắc mình nghĩ rằng chú ấy là người vô tín ngưỡng chứ gì?

– Anh không rõ.

– Chắc ai cũng tưởng như vậy. Nhưng không phải đâu. Bà ngồi thẳng người lên.

– Chú ấy là người thế nào?

– Bà lấy ngón tay chỉ vào cánh tay chồng một cái:

- Chú ấy là một tín đồ giáo phái Trưởng lão, hiểu biết nhiều. Nếu có dịp gọi chuyện với chú ấy mình sẽ thấy rõ điều đó. Bây giờ mình nghĩ sao?

Ông Samuel cố nín cười, giọng ngập ngừng trả lời:

- Không nghĩ sao cả.

- Theo mình nghĩ thì ai đang săn sóc cho hai đứa bé song sinh? Nếu là một người vô tín ngưỡng thì không đáng tin cậy, nhưng chú ấy là một tín đồ Trưởng lão nên rất tốt. Những gì tôi dặn chú ấy đều chịu khó nhớ hết.

- Hèn gì hai đứa trẻ lên cân. Ông Samuel nói.

- Đó là điều đáng mừng và đáng cho chúng ta cầu nguyện.

- Cả hai chúng ta nên làm điều đó. Ông Samuel đồng ý.

□

Nằm nghỉ ngơi chỉ trong vòng một tuần lễ, Cathy đã lại như sức thường. Vào hôm thứ Bảy tuần lễ thứ nhì của tháng Mười, nàng ở lì trong phòng ngủ suốt cả buổi sáng. Adam cố mở cửa, nhưng không được vì đã khóa chặt.

- Tôi bận việc riêng. Cathy lên tiếng. Chàng đành bỏ đi.

Có lẽ đang đang sắp xếp tủ bàn của nàng trong phòng lại cho ngăn nắp, chàng nghĩ vậy vì nghe tiếng mở và đóng các ngăn kéo. Khoảng xế chiều, Lee đến chỗ Adam đang ngồi trước sân nhà ngập ngừng nói.

Bà bảo tôi đi ra thị trấn King City mua chai sữa.

- Chú cứ việc đi. Adam nói. Bà ấy là nữ chủ của chú mà.

- Bà bảo tôi đến thứ hai hãy về.

Cathy đứng ở ngưỡng cửa nói vọng ra:

– Lâu nay chú ấy chưa được nghỉ trọn một ngày nào, nên để chú ấy nghỉ một hôm cho chú ấy vui.

– Nên lắm chứ, Adam nói. Vậy mà anh không nghĩ ra. Chúc vui vẻ nhé. Nếu cần gì tôi sẽ nhờ một anh thợ mộc nào giúp tạm cũng được.

– Nhưng ngày Chủ nhật, thợ nghỉ việc hết thừa ông chủ.

Adam nổi cáu:

– Khỏi cần dài dòng nữa. Chú cứ việc đi, tôi tự liệu được mà.

Lee ngó Cathy đang đứng ở ngưỡng cửa. Gã nhíu mày nói:

– Có lẽ tôi về trễ.

Gã tin rằng mình thấy xuất hiện hai vệt sạm giữa hai mắt nàng rồi biến ngay. Gã vừa quay đi vừa nói: “Chào bà tôi đi”.

Cathy trở vào phòng. Lúc bảy giờ rưỡi. Adam gõ cửa.

– Anh đã nấu cho em một ít súp. Em ăn nhé.

Cửa mở ngay như nàng đứng đợi sẵn từ lúc nào. Nàng bận bộ đồ sạch sẽ gọn gàng thường bận để đi xa và đội một chiếc nón rộng có chóp nhỏ xíu. Adam há hốc mồm ngạc nhiên.

Cathy không để chàng kịp hỏi, nói ngay:

– Tôi sắp đi bây giờ đây.

– Em nói đùa, anh không tin đâu.

Giọng nàng lạnh như tiền:

– Tin hay không tùy kệ anh. Tôi đi đây.

- Còn các con thì sao?

- Quảng chúng nó xuống mấy cái giếng của anh mới đào cho rảnh nợ.

Chàng quần trí lớn tiếng:

- Cathy. Em bệnh rồi đó. Em không thể đi đâu cả. Em không thể bỏ anh mà đi như vậy.

Tôi có thể làm bất cứ việc gì tôi muốn. Người đàn bà nào cũng có quyền làm như vậy cả. Anh là một gã khùng.

Những lời đó làm chàng điên tiết. Chàng đưa hai tay lên nắm vai nàng đẩy mạnh vào trong phòng. Trong khi nàng loạng choạng ngã lui, chàng rút nhanh chiếc chìa khóa bên trong, đóng sầm cửa khóa lại cẩn thận.

Chàng đứng thở hổn hển, áp tai vào thành cửa. Chàng nghe tiếng nàng di chuyển một cách thẫm lặng trong phòng. Một ngăn kéo được mở ra. Chàng hy vọng nàng sẽ ở lại. Rồi chàng nghe một tiếng “cách” thật khẽ, nhưng không đoán ra là tiếng động gì. Tai chàng gần như áp sát vào mặt cửa.

Giọng nói của nàng phát ra gần cửa đến nỗi chàng giật mình thụt đầu ra sau. Chàng nghe tiếng nàng dụi dàng tha thiết.

- Adam, em không ngờ anh giận em đến thế. Cho em xin lỗi nhé.

Chàng cảm động đến nghẹn ngào, tay chàng run run tra chìa khóa vào ổ xoay một vòng. Chiếc chìa khóa rơi xuống sàn ngay sau đó. Chàng xô cửa mở ra. Nàng đứng cách cửa khoảng một thước.

Trong bàn tay phải của nàng là khẩu Colt 44, mũi súng đen ngòm chĩa thẳng vào chàng. Chàng bước tới một bước. Cò súng kéo lui về phía sau.

Nàng nổ súng vào chàng. Viên đạn sượt vào vai, xé rách một mảng thịt. Tia lửa và tiếng nổ làm chàng hoảng vía bật ngửa té xuống sàn nhà. Nàng chậm chạp tiến lại phía chàng một cách thận trọng như người đang lại gần một con thú bị thương. Chàng nhìn sững vào hai mắt nàng, hai con mắt đang ngấm chàng một cách hờ hững. Nàng ném khẩu súng xuống đất cạnh chàng rồi bước thẳng ra khỏi nhà.

Chàng nghe bước chân nàng ngoài thềm thêm dẫm lên đồng lá sồi khô cong queo trên lối đi và cuối cùng mất hút. Trong lúc đó, chàng nghe rõ tiếng khóc đều đều của hai đứa bé song sinh vì khát sữa. Chàng đã quên cho chúng bú.

## Chương VI

Horace Quinn là Phó Cảnh Sát Trưởng mới, đảm trách việc an ninh quanh khu vực King City. Khi dư luận đồn tin Adam Trask bị bắn đến tai Horace, ông liền để bà vợ tiếp tục làm thịt con heo mà ông hạ hồi sáng, phóng ngựa đi ngay.

Tại phía Bắc cây sung lớn chỗ góc đường Hester rẽ trái, Horace gặp Julius Euskadi. Họ Euskadi toàn những người giàu có bảnh trai gốc dân Basque.

Julius hỏi:

- Ông định tới nhà Adam Trask phải không?
  - Đúng như vậy. Anh có nghe tin gì lạ không?
  - Chẳng nghe gì lạ ngoài tin Adam Trask tự bắn vào vai mình bằng khẩu Colt 44, vừa sinh một đứa con đầu lòng phải không?
  - Tôi nghe hai đứa song sinh chứ không phải một đứa. Julius nói. Có lẽ những người lạ bắn anh ấy.
  - Nghe đâu một người cầm súng và một người bóp cò thì phải. Anh có nghe tin gì khác không?
  - Dư luận lung tung chẳng rõ sự thực ra sao cả. Ông cần người tháp tùng với không?
- Tôi không định nhờ anh phụ tá. Cảnh Sát Trưởng bảo rằng nhờ các phụ tá sẽ tốn tiền lương nhiều.
- Ồ, tôi không muốn làm phụ tá đâu. Tôi chỉ muốn đến Salinas tối nay.

- Nghe đâu có mở mang một khu mới gọi là Fayés. Tôi tò mò quá muốn tháp tùng với ông cho vui.

Hôm ấy là một ngày đẹp trời, cỡi ngựa đi dạo rất thú. Khi rẽ vào địa phận nông trại Sanchez họ chê việc săn bắn kém cỏi trong những năm gần đây. So với những năm trước thì việc canh tác cũng như làm cá và săn bắn là ba thứ không khá lắm. Julius nói:

- Tôi hy vọng người ta không giết sạch loại gấu xám. Hồi năm 1880, ông tôi có giết được một con gấu Pleyto, cân nặng gần một ngàn tám trăm cân Anh.

Nhưng khi đi ngang dưới những cây sồi, họ im lặng. Ở đây hoàn toàn yên lặng không một âm thanh hay tiếng động nào.

Lee ra tận ngoài sân đón tiếp họ. Horace lên tiếng:

- Chào chú chệt, ông chủ có ở nhà chứ?

Ông ấy bệnh. Lee đáp.

- Hãy vào nói với chủ chú rằng có Phó Cảnh sát Trưởng Quinn muốn thăm ông ấy.

Lee chạy vào bên trong một lát rồi chạy ra ngay:

- Mời ông vào. Để ngựa đó tôi lo cho.

Adam nằm trên chiếc giường lớn, nơi hai đứa bé được sinh ra. Chàng tựa người trên đồng gối cao, vai trái quấn một lớp băng dày. Mắt chàng lơ đãng cận thị và đầy vẻ bệnh hoạn. Bàn tay phải xương xẩu của chàng vò một nắm khăn trải giường.

Horace nói:

- Anh Trask. Được tin anh bị thương, tôi đến thăm. Ông dừng lại chờ xem phải ứng của Adam rồi mới tiếp:

- Câu chuyện xảy ra thế nào?

Nét mặt chàng căng thẳng cố gắng trấn tĩnh đáp:

- Tôi lau súng rồi ro cướp cò phát nổ.

Horace liếc nhìn qua Julius rồi quay lại. Adam thấy trên mặt ông thoáng vẻ nghi ngờ.

- Thường hay xảy ra như vậy, Horace nói. Khẩu súng có đây chứ?

- Chắc Lee đem cất rồi.

Horace bước ra cửa.

- Chú Lee ơi, mang khẩu súng vào đây tôi xem thử nào.

Trong chốc lát, Lee mang khẩu súng vào. Horace xem xét, mở buồng đạn, tháo đạn ra, ngửi ổ đạn trống.

- Anh Trask, tôi sẽ phải làm một bản báo cáo nên cần hỏi anh vài câu. Có phải anh đang thông nòng, có lẽ bằng một cái que, rồi súng bị cướp cò nổ trúng vai anh chứ gì?

- Thưa ông, đúng như vậy. Adam vội trả lời.

- Trong khi chùi súng anh không rút kẹp đạn ra sao?

- Vâng.

- Trong khi thông nòng, ông vẫn để mũi súng chĩa vào người mà không khóa an toàn sao?

Hơi thở của Adam như nghẹn lại.

Horace nói tiếp:

- Chắc cái thông nòng bị bắn bật ngược ra đập vào tay trái anh nữa

Cặp mắt nhợt nhạt của Horace không rời khỏi mặt Adam. Ông trầm giọng nói:

- Ông Trask, hãy nói thật cho tôi nghe chuyện gì đã xảy ra?
- Tôi không quen sử dụng súng. Có lẽ không hẳn như thế, nhưng sự thật chỉ có vậy. Tôi chùi súng rùi ro cướp cò phát nổ.

Horace từ chỗ chân giường từ từ bước tới nói:

- Anh nên biết rằng tôi chỉ mới làm Phó trong một thời gian ngắn. Từ trước đến nay, tôi không muốn đe dọa ai. Làm vậy hèn lấm, tôi không hề muốn. Anh Trask, anh đã từng phục vụ trong kỵ binh. Vũ khí mà kỵ binh thường sử dụng là súng Carbine và súng Colt, dĩ nhiên anh quen...

Ông bỏ lửng câu nói, nuốt nước bọt rồi hỏi tiếp:

- Anh Trask, sự thật thế nào?

Cặp mắt của Adam như mở to hơn, chàng thì thào:

- Đó là một tai nạn.
- Có ai chứng kiến không? Khi xảy ra tai nạn có mặt vợ anh ở đó không?

Adam không trả lời. Horace thấy hai mắt Adam nhắm lại. Ông đợi giây lát rồi quay ra cửa nơi Lee đang đứng:

- Này chú Lee, mời bà chủ vào cho tôi được hân hạnh hỏi chuyện một chút.

Lee ngẩn người không hở môi.

Adam vẫn nhắm mắt trả lời thay:

- Vợ tôi đã bỏ đi rồi.

Bà ấy không có ở nhà lúc xảy ra tai nạn sao? Horace liếc nhìn Julius và thấy đôi môi ông mim mím lộ vẻ nghi ngờ. Horace thầm nghĩ: Anh này có vẻ lạnh hơn ta. Anh ấy có thể là một Phó Cảnh Sát Trưởng giỏi. Ông quay lại hỏi Lee:

- Này chú Lee, chú biết gì về vụ này nói nghe thử coi.
- Tôi đi King City từ hôm thứ Bảy. Đến mười hai giờ đêm mới về và thấy ông Trask nằm giữa sàn nhà.
- Vậy thì lúc xảy ra tai nạn, chú không có mặt ở nhà phải không?

- Dạ phải.
- Được rồi anh Trask. Vợ anh đã bỏ đi, để chúng tôi tìm chị ấy về cho anh nhé? Tôi muốn hỏi trước khi lấy anh, tên chị ấy hồi còn con gái là gì? Chị ấy quê quán ở đâu?

Im lặng một lát. Adam thấp giọng nói:

- Tôi thú thật không được rõ.
- Anh Trask, vậy thì chờ lúc vào nhà đá tỉnh hạt anh sẽ nói. Anh có thể tả sơ cho tôi biết, chị ấy cao cỡ bao nhiêu?

Mắt Adam nhấp nháy:

- Nàng không cao, dáng người nhỏ và thanh.
- Được rồi! Tóc và mắt chị ấy màu gì?
- Nàng khá đẹp.
- Bây giờ vẫn còn đẹp chứ?
- Vâng.
- Có dấu vết gì đặc biệt không?

- Không. À, có một cái sẹo trên trán.

- Anh bảo không biết tên thật cũng như quê quán vợ anh, không biết nàng đâu và không thể mô tả rõ nàng ra sao thì thật vô lý. Bộ anh coi tôi là một thằng ngu sao?

Adam phân trần:

- Nàng có một tâm sự thầm kín. Tôi đã hứa không tò mò tra gạn. Nàng bảo nàng sợ một người nào đó.

Bất ngờ Adam bật khóc. Toàn thân chàng run lên, nức nở. Tiếng khóc đầy vẻ tuyệt vọng.

Horace cũng thấy nã lòng theo:

- Thôi chúng ta ra phòng ngoài đi Julius.

Ông bước đi trước về hướng phòng khách.

- Anh Julius, anh cho tôi biết ý kiến anh thế nào? Dám anh ấy đã giết chết vợ không?

- Tôi cũng nghi như anh.

- Tôi cũng nghĩ vậy, Horace nói. Trời đất ơi! Ông chạy trở lui phòng ngủ rồi trở ra với khẩu súng và kẹp đạn.

- Tôi quên lửng. Tôi không thể giữ chức vụ này lâu. Tôi sẽ ghi tên anh vào thẻ lương. Anh đưa tay phải lên tuyên thệ ngay đi.

- Tôi không muốn tuyên thệ đâu.

- Julius, anh không có quyền từ chối. Nếu anh không chịu đưa tay tuyên thệ, chắc tôi sẽ phải giam anh vào tù ngay.

Julius miễn cưỡng đưa tay lên, lập lại lời tuyên thệ.

- Tôi nể ông mà nhận lời chứ ông già tôi ghét lắm. Xong rồi, bây giờ chúng ta làm gì đây?

Horace trả lời:

- Tôi sẽ đến gặp ông già anh. Tôi cần gặp Cảnh Sát Trưởng. Anh hãy giữ khẩu súng này và mang ngôi sao của tôi luôn.

Ông ta gỡ ngôi sao trên áo của mình cho Julius.

- Chừng bao lâu nữa anh sẽ đi?

- Chừng nào xong việc tôi sẽ đi ngay. Tôi sẽ nói với Cảnh Sát Trưởng rằng anh Trask bảo không biết tên nàng, anh ta chỉ cho biết rằng nàng nhỏ thó và đẹp. Mô tả kiểu đó thật là mơ hồ! Nếu tôi báo cáo lại như vậy, chắc ông ấy sa thải tôi ngay.

Julius cầm khẩu súng cân thử trong tay.

- Anh Horace tôi chắc gia đình Hamilton biết nhiều về bà ấy. Tiện đường anh nên ghé lại nhà họ hỏi xem để biết rõ chị ấy thực sự trông thế nào.

- Tôi thấy anh rất xứng đáng đeo ngôi sao Phó Cảnh Sát Trưởng của tôi. Horace nói.

□

Khoảng nửa đêm, Horace lên một chiếc xe lửa chở hàng tại King City. Ông ngồi ở phòng máy với viên kỹ sư và đến Salinas vào lúc sáng sớm. Salinas là một thị trấn nhỏ, nhưng phát triển nhanh. Đó là thị trấn lớn nhất giữa SanJose và San Luis Obispo.

Vào lúc chín giờ mười, Horace tới thẳng văn phòng Cảnh Sát Trưởng đặt tại nhà giam cũ của tỉnh hạt. Ông thuật lại câu chuyện với đầy đủ chi tiết.

Khi ông ta kể xong, viên Cảnh Sát Trưởng tỏ vẻ chú ý, tréo chân với nhau, ngồi thẳng người nói:

– Theo anh nghĩ, thì chàng đã giết nàng phải không?

– Vâng, tôi nghĩ vậy. Nhưng ông Hamilton lại nghĩ khác. Ông ta cho rằng Trask rất hiền lành không thể giết ai được.

Viên Cảnh Sát Trưởng hỏi:

– Ông Samuel có tả rõ hình dáng cô ấy không?

– Hai vợ chồng ông ấy đã tả kỹ.

Horace rút một tờ giấy trong túi ra đọc những câu mô tả nhận dạng Cathy.

Khi Horace đọc xong, viên Cảnh Sát Trưởng thở dài hỏi:

– Cả hai ông bà đó đều có cùng một ý kiến về vết thẹo phải không?

– Vâng, họ đều có cùng một nhận xét. Cả hai vợ chồng đều để ý thấy rằng đôi khi cái thẹo ấy có vẻ sậm hơn những lúc bình thường.

Viên Cảnh Sát Trưởng nhắm mắt lại, dựa ngửa người ra thành ghế. Bỗng ông ngồi thẳng người lên, mở ngăn kéo trên cùng của bàn giấy, lấy ra một chai Whisky nửa lít, mời Horace:

– Uống một ngụm đi.

– Chắc anh không nỡ trách tôi. Trường hợp khó xử quá. Horace chùi miệng, trao chai rượu lại và hỏi:

- Anh có ý kiến gì không?

Viên Cảnh Sát Trưởng nốc liên tiếp ba ngụm lớn, đóng nút chai rượu rồi cất lại vào ngăn kéo trả lời:

- Chúng ta phụ trách một tỉnh hạt khá phức tạp. Anh chịu trách nhiệm một thị trấn đang trên đà phát triển như Salinas, những người lạ từ các nơi đến và đi liên miên, nếu chúng ta không chịu khó theo dõi thật sát, chúng ta sẽ gặp nhiều chuyện rắc rối. Văn phòng của tôi chuyên trách về những người dân địa phương một cách tốt đẹp.

Ông ta nhìn thẳng vào mặt Horace nói tiếp:

- Tôi chỉ muốn nói với anh một điều: Chúng ta nên sống hòa hợp theo lòng dân chứ không nên làm khó họ bằng uy quyền.

- Theo anh nghĩ, tôi đã làm gì quấy không

- Không, anh không có gì đáng trách cả. Anh xử sự rất đúng. Anh không làm khó dễ gì Trask. Như vậy là tốt rồi. Thôi dẹp chuyện đó lại một bên. Tôi muốn nói với anh một việc khác.

- Tôi sẵn sàng nghe, Horace nói.

- Trên đường đi Chinatown có một dãy nhà.

- Tôi biết.

- Ai cũng biết cả. Nếu chúng ta cấm, nhất định họ phải dời đi nơi khác. Chúng ta nên để ý tới họ một chút, những người đó vẫn liên lạc với chúng ta. Tôi đã tới đó họ hỏi một vài người. Hôm tối Chủ Nhật, có một bà tên Faye gửi cho tôi một cái thư ngắn. Có một thiếu nữ lạ đến xin ở trọ nhà bà ta,

nhưng bà ta không biết rõ về nàng. Theo nhận xét của bà ta, thì thiếu nữ ấy có vẻ như một cô gái bỏ nhà trốn đi.

– Tôi có nhìn qua nhưng thấy nàng không có vẻ gì đáng nghi cả. Nàng trẻ và đẹp một cách ngây thơ, không ai có thể ác cảm với nàng được.

Ông chìa tay ra hỏi:

– Sao? Anh nghĩ thế nào?

– Ông nghi thiếu nữ ấy có thể là bà Trask phải không?

Viên Cảnh Sát Trưởng trả lời:

– Mắt tròn, to, tóc vàng, một sẹo trên trán. Nàng đến đó hôm chiều Chủ Nhật.

Bộ mặt dàn dụa nước mắt của Adam hiện rõ trong trí của Horace, ông nói:

– Này Cảnh Sát Trưởng, ông nên sai người đi báo cho Adam biết. Tôi sắp từ chức, nên không làm việc này được.

Viên Cảnh Sát Trưởng đứng dậy:

– Chúng ta đến câu lạc bộ uống cà phê đã.

Họ yên lặng đi bên nhau một đoạn đường. Viên Cảnh Sát Trưởng lên tiếng:

– Này Horace, nếu tôi tiết lộ vài chuyện bí mật, thì có lẽ cả vùng này sẽ xôn xao dữ lắm.

– Có lẽ đúng như vậy.

– Anh nói bà ấy vừa sinh đôi phải không?

– Vâng, hai bé trai.

- Horace, hãy nghe tôi đây. Chuyện này chỉ có ba người biết rõ. Đó là cô ấy với anh và tôi. Tôi sẽ báo cho nàng biết rõ, nếu nàng không kín tiếng, tôi sẽ tống khứ nàng ra khỏi vùng này. Còn anh, tôi muốn anh cũng đừng hở môi tiết lộ với bất cứ ai cả với chính vợ anh, để sau này hai đứa bé khỏi biết mẹ chúng ở đâu.

□

Adam ngồi trên ghế dựa dưới tàn cây sồi lớn, vai trái quấn đầy băng. Lee mang cái giỏ đựng đồ giặt ra đặt cạnh Adam, rồi quay trở vào.

Hai đứa bé sinh đôi đã thức giấc. Chúng hấp háy mắt nhìn lên đám lá sồi lay động trước gió. Một chiếc lá khô lìa cành chao qua chao lại trên không rồi rơi vào giỏ mà hai đứa bé đang nằm. Adam cúi xuống nhặt ra.

Chàng không nghe tiếng chân ngựa của ông Samuel đang tới gần, nhưng Lee đã nhìn thấy từ đằng xa. Gã mang một cái ghế dựa ra rồi dắt con ngựa Dosology vào chuồng.

Samuel ngồi im không nói gì. Gió mát lộng trên ngọn cây và thổi tung mái tóc ông lên. Cuối cùng ông lên tiếng:

- Tôi thấy đã đến lúc trở lại tiếp tục việc đào giếng.

Giọng Adam hờ hững chán chường:

- Tôi, tôi không muốn đào giếng làm gì nữa. Để tôi gởi tiền công mấy hôm nay

Samuel chồm tới sát bên giỏ đặt hai đứa bé, đặt một ngón tay vào lòng tay một đứa bé. Mấy ngón tay của nó nắm lại.

- Tôi thành thật muốn khuyên anh một câu, không biết anh có sẵn sàng nghe không?

- Đối với tôi, lời khuyên cũng không ích gì.

- Biết vậy, tôi vẫn khuyên anh nên can đảm lên.

- Can đảm thế nào?

- Nghĩa là hãy sống như người sống. Xem mọi sự như một màn kịch. Cái gì qua cho qua luôn.

- Làm sao có thể làm như vậy được?

Samuel nhìn hai đứa bé sinh đôi.

- Dù muốn dù không, cũng phải vượt qua thử thách này. Nếu anh buông xuôi thả liều, cỏ dại sẽ bao phủ.

Adam không trả lời. Samuel đứng dậy nói:

- Tôi sẽ trở lại. Tôi vẫn tiếp tục trở lại để thăm anh nhiều lần nữa, hãy can đảm vượt mọi thử thách mới được.

Lee dắt ngựa ra, giữ cho Samuel leo lên.

- Tiệm sách của chú đi tới đâu rồi hả Lee?

Chú người Tàu đáp:

- Ô, có lẽ tôi không còn ham nghĩ tới chuyện đó nữa.

## Chương VII

Tại Salinas, bà Faye thoát đầu thối mắ về thiếu nữ mới đến xưng tên là Kate. Nàng còn quá trẻ và đẹp, trông như một phu nhân quý phái, có học thức. Vì thế Faye đã gửi thư đến văn phòng Cảnh Sát Trưởng để hỏi cho rõ. Bà không muốn rước vạ vào thân.

Bà đã nói ngay với nàng:

– Tôi hy vọng cô đừng giận vì những câu hỏi của tôi. Nhưng cô tới đây đột ngột quá. Cô đẹp thế này đáng lẽ cô phải có một tấm chồng, một chiếc xe bốn ngựa và một ngôi nhà ở thị trấn, sống một đời êm ấm.

Bà Faye xoay tròn chiếc nhẫn cưới trên ngón tay nhỏ và mập của bà.

Kate mỉm cười e thẹn:

– Thật khó nói quá. Nhưng đối với tôi, hạnh phúc là một thứ vô cùng rắc rối.

Xin đừng hỏi tôi về chuyện đó.

Bà Faye gật đầu thông cảm.

– Tôi hiểu lắm. Tôi cũng có một đứa con gái đang chịu đựng đau khổ vì con, mà không ai hiểu.

– Cô đã có con chưa?

Kate nhìn xuống để giấu những giọt lệ long lanh, nàng thều thào:

– Xin lỗi, tôi không thể trả lời được.

- Thôi được rồi, cô cứ tự nhiên.

Ngay từ đầu, Kate đã khôn khéo làm vừa lòng các thiếu nữ khác. Nàng chịu khó nghe họ thở than tâm sự, cho họ mượn tiền khi nào nàng có sẵn. Nàng đã trở thành người bạn tốt nhất của mọi người trong nhà.

Nàng để ý đến việc chợ búa và chỉ bảo nấu các món ăn ngon cho bà Faye nàng bỏ ra nhiều giờ để chuyện vãn với bà Faye. Chẳng bao lâu, những cô gái trong nhà nhận ra rằng họ có đến hai bà chủ chứ không phải một, dù vậy họ cũng bằng lòng, vì Kate rất tử tế.

Bà Faye là một thiếu phụ rất tốt bụng và tỏ ra rất mến Kate.

Dần dần cảm tình đó ở bà Faye đã biến thành một thứ tình mẫu tử một cách tự nhiên, bà đã xem Cathy như con gái thật của mình. Kate tỏ ra rất ân cần với bà. Nàng sơn phết các thứ đồ vật bằng gỗ trong phòng bà và treo các bức màu có viền đăng ten. Nàng tặng cho bà Faye một cái đồng hồ bằng vàng có khắc hàng chữ "Tặng C, với trọn trái tim của A".

Kate tỏ vẻ:

- Đó là kỷ vật của mẹ tôi. Tôi muốn mẹ mới của tôi giữ nó.

Sau đó một năm, không ai lấy làm ngạc nhiên chút nào, khi thấy bà Faye thảo chúc thư để lại tất cả tài sản của bà cho Kate.

Các thiếu nữ trong nhà khi biết rõ tin về chúc thư, đều nghĩ rằng Kate có thể sẽ thay đổi thái độ, có lẽ nàng sẽ trở thành độc tài. Nhưng nàng lại càng mềm mỏng tử tế hơn trước và càng tận tụy ngoan ngoãn với bà Faye một cách đáng phục. Khi bà Faye bắt đầu bị những cơn đau kỳ lạ ở bộ tiêu hóa

hành hạ, chính Kate đã sẵn sóc việc ăn uống cho bà và đưa bà đến bác sĩ Wilde chạy chữa, Kate không tỏ vẻ vội vàng lắm. Nàng chờ lúc ông không bận việc ở phòng mạch mới nhờ ông vài thứ thuốc. Bác sĩ Wilde là một vị bác sĩ có lương tâm và tốt bụng, nhưng ông làm việc quá sức, nhiều khi quên cả đóng cửa phòng thuốc. Kate đổ đầy thuốc vào chai nhỏ dán nhãn theo lời chỉ dẫn trong những quyển sách thuốc trước khi bác sĩ Wilde trở về.

Kate chờ đợi lâu hơn. Mùa hạ đó, nàng bảo đầu bếp đóng hộp một số đậu. Vào tháng mười, trong một bữa ăn tối, nàng làm món xà lách trộn với đậu cho bà Faye và nàng, nàng trộn thêm thật nhiều thịt. Trước khi mang đĩa thức ăn đến phòng bà Faye, nàng tạt vào phòng riêng của mình uống một chai nhỏ Cascara Sagrada.

– Con làm một đĩa xà lách trộn đặc biệt cho má đây. Nàng nói với bà Faye. Má nhìn thử xem có ngon không?

– Ô, ngon quá. Món gì con cũng biết làm, con giỏi

Vừa ăn xong, Kate đã nhăn nhó la đau.

Bà Faye chạy ra ngoài cửa phòng kêu cứu. Khi các cô gái khác vội vã chạy vào thì đến lượt bà Faye ôm bụng kêu đau. Bà rên rĩ và co giật lia lịa.

– Bị trúng độc vì thức ăn. Bác sĩ Wilde xác định khi đến xem bệnh và ra lệnh cho đầu bếp hủy bỏ các hũ đậu. Sau đó ông nói với Kate:

– Tôi không biết hai người có qua khỏi vụ trúng độc này không. Riêng cô thì còn trẻ chứ bà ấy thì hơi khó.

Dù Kate săn sóc bà suốt ngày đêm, bà Faye vẫn không thấy bình phục. Tim bà càng yếu hơn và bác sĩ Wilde đã phải lắng tai thật lâu qua ống thăm mạch mới nghe rõ. Ông đã phải kéo Kate ra ngoài hành lang tối, đặt túi đựng đồ nghề màu đen lên ghế nói:

- Tôi cần nói thật với cô về tình trạng của bà Faye. Tim bà rất yếu. Vụ trúng độc thật tai hại. Nguy hiểm hơn bị nọc rắn nữa.

Ông nhìn thẳng vào mặt Kate, hốc hác vì nuôi bệnh cho bà Faye bấy lâu nay, vỗ vai nàng nói:

- Không ai tận tụy được như cô.

Khi bà Faye chết, người ta phải trói Kate lại một chỗ để nàng khỏi tự hủy hoại mình. Mất một thời gian lâu, nàng mới nguôi ngoai và bình phục. Các cô gái trong nhà đã phải nhắc nàng về chúc thư của bà Faye.

□

Trong khi đó, ở nông trại mới của mình, Adam Trask buông xuôi tất cả. Ngôi nhà cũ của Sanchez đang sửa sang đã bỏ dở mặc cho mưa gió phũ phàng. Mấy vườn rau tàn lụi, cỏ dại mọc đầy.

Adam nhìn đời bằng cặp mắt bi quan, tất cả như được nhìn qua một mặt nước xám đục. Nhiều khi chàng cố gạt ưu phiền để sống, nhưng rồi đâu vẫn hoàn đó, đau buồn vẫn xâm chiếm cả tâm hồn chàng. Chàng vẫn ý thức sự có mặt của hai đứa bé song sinh vì chàng vẫn nghe thấy tiếng khóc của chúng, nhưng chàng không thấy yêu thích gì mấy. Những

người láng giềng quen biết có ghé lại thung lũng nhỏ bé của chàng để thăm.

Ai cũng thông cảm nỗi đau của chàng và cố lựa lời an ủi chàng, nhưng chàng tỏ vẻ hờ hững chán chường, nên họ cũng hết muốn tới lui làm gì nữa.

Có khi Lee cũng cố an ủi thúc đẩy Adam, nhưng chú quá bận. Chú nấu nướng, giặt giũ, tắm rửa cho hai đứa bé và lo cho chúng ăn ngủ. Tuy làm việc vất vả và liên miên, chú vẫn thấy yêu thích hai đứa bé. Chú nói chuyện với chúng bằng tiếng Quảng Đông. Những tiếng bập bẹ đầu tiên của chúng là những tiếng Trung Hoa do Lee dạy.

Ông Samuel Hamilton có ghé lại thăm Adam hai lần.

Bà Liza can ngăn:

– Tôi không muốn mình tới lui đó làm gì nữa. Mình không thay đổi được anh ấy đâu.

Anh ấy cũng đâu có ưa gì mình. Tôi thấy rõ ánh mắt khó chịu của anh ta khi nhìn vào mặt mình.

– Liza, em có nghĩ đến hai đứa bé đó không? Ông hỏi.

– Tôi chỉ nghĩ đến gia đình của chính ông. Bà giận dỗi đáp. Ông cứ lo chuyện đâu đâu, ông nghĩ đến con người ta rồi có ai nghĩ đến con ông không?

– Má nó nói đúng. Ông nói cho vợ vui lòng chứ ông vẫn buồn, vì bản tính ông không thể yên tâm nghĩ đến việc mình, khi có người đang đau khổ.

Dần dần Samuel cũng thấy giận Adam Trask. Theo ông ấy thì hình như Adam có vẻ bằng lòng với cuộc sống buồn thảm đó chứ không muốn vươn lên chút nào. Nhưng năm đó, gia

đình ông Samuel có được vài an ủi nhỏ là Joe đã rời khỏi trường cao đẳng.

Nhờ trường này mà Leland Stanford đã tạo được nông trại của mình gần Palo Alto. Will và George làm ăn tiến triển và Tom lo lắng công việc nhà rất chăm. Nhưng bà Liza có vẻ già yếu hẳn đi. Samuel thấy rõ điều đó trên nét mặt bà. Ông không thấy mình già dù râu đã bắt đầu bạc.

Ở nông trại, chỉ còn lại ba người: ông Samuel, bà Liza và Tom. Các cô Olive, Una và Molie đều đã lấy chồng, còn cô Dessie đã ra Salinas làm nghề may.

Một hôm, ông Samuel vác trên lưng một bành cỏ làm ông cảm thấy đau. Thật ra ông cảm thấy đau về tinh thần hơn là về thể chất, vì ông không thể tưởng tượng tại sao ông lại không thể vác một bành cỏ được.

Tại King City, Bác sĩ Tilson khám qua cho ông. Vị bác sĩ có vẻ khó tính, vì làm việc quá sức trong nhiều năm.

- Ông làm trọ lưng rồi.
- Vâng, đúng như vậy. Samuel trả lời.
- Ông cưỡi ngựa chạy cả một khoảng đường dài để nghe tôi xác nhận mình bị trọ lưng và nhận hai Mỹ kim tiền công sao?
- Đây tôi xin trả hai Mỹ kim tiền công khám bệnh.
- Anh biết mình phải làm gì để khỏi trọ lưng chứ?
- Dĩ nhiên là tôi biết.
- Đừng có vác nặng nữa nhé. Bây giờ ông anh lấy tiền của mình lại đi.

– Nhưng lưng tôi đau thật mà. Sao bác sĩ dám tin chắc nếu tôi không vác nặng, sẽ hết đau lưng?

Ông Samuel cười vui vẻ:

– Bác sĩ tốt với tôi quá. Lòng tốt của anh đáng giá hơn hai Mỹ kim nhiều. Anh cứ giữ tiền công đi.

Samuel ghé lại xem cửa hiệu mới xinh đẹp của Will. Ông nhìn mãi mới nhận ra cậu con, vì anh ta mập và giàu có. Anh bận áo vét và áo choàng sang trọng, đeo một chiếc nhẫn vàng trên ngón tay út. Trong khi ông đang có mặt ở cửa hiệu, thì Lee bước vào. Mắt chú sáng lên:

– Chào ông, ông mạnh “phở” chứ? Chú hỏi.

– A, chào chú Lee. Máy chú bé mạnh khỏe không?

– Chúng vẫn mạnh.

Ông Samuel mời:

– Tôi định qua phòng bên uống một ly bia. Mời chú uống với tôi một ly cho vui.

Lee và Samuel ngồi ở một chiếc bàn tròn nhỏ trong phòng uống rượu, chấm nước bia trong ly vẽ lên mặt gỗ.

– Tôi muốn ghé tới thăm chú và anh Adam, nhưng thấy chẳng giúp được gì nên đành thôi.

– Vâng, ông không nên mất công vô ích, chẳng thay đổi được gì. Mọi việc đã an bài từ một năm nay rồi.

– À, anh ấy đặt tên hai đứa bé là gì?

– Chúng chẳng được đặt tên gì cả.

– Chú Lee, chú nói đùa đấy chứ?

- Tôi không dám nói đùa chút nào.
- Vậy thì anh ấy gọi chúng bằng gì?
- Ông ta vẫn gọi bằng “chúng nó”.
- Tôi muốn hỏi khi anh ấy nói chuyện với chúng, anh ấy gọi chúng bằng gì.
- Những lúc đó ông ấy chỉ gọi chúng bằng “tụi bây”.
- Vô lý. Samuel tức giận nói. Vậy thì anh ấy điên quá rồi, tôi chưa hề thấy ai
- Ông ấy như một người chết, trừ khi ông có thể làm cho ông ấy thức tỉnh.

Samuel nói:

- Tôi sẽ đến. Tôi sẽ mang đến một chiếc roi ngựa. Sao chúng nó không có tên được! Chú nói rất có lý. Tôi sẽ đến.
- Hôm nào đến?
- Ngay ngày mai.
- Tôi sẽ làm thịt một con gà để đãi ông. Lee nói.

□

Ông Samuel e dè nói với vợ rằng ông muốn đi thăm Trask. Ông biết rằng bà sẽ hết sức ngăn cản, nên ông cảm thấy nôn nao trong dạ vì đã làm vợ phật ý. Ông giải thích mục đích của mình với vợ như người đang thú tội. Liza chống hai tay lên hông trong khi nghe chồng nói, làm Samuel thất vọng khi ông nói xong, bà vẫn đứng im lạnh lùng nhìn chồng.

Sau cùng bà nói:

- Samuel, ông tưởng ông có thể xeo nổi một tảng đá sao?
  - Ô, anh cũng không biết nữa. Ông thành thật thú nhận. Anh không biết có làm được gì không?
  - Ông nghĩ rằng việc hai đứa bé cần được đặt tên ngay bây giờ là một điều quan trọng phải không?
  - Anh nghĩ như vậy.
  - Samuel, sao ông vẫn thích xía vào chuyện của người khác? Đúng là một căn bệnh bất trị, chuyện nhà của ông sao không thấy ông lo có phải hay hơn không?
  - Liza, anh biết những nhược điểm của anh. Anh hy vọng tình trạng sẽ khá hơn.
  - Đáng lẽ đã phải khá hơn rồi kia chứ. Liza nói. Anh chàng đó không thiết gì đến chuyện sống chết của các con mình, nên mới bỏ phế chúng khơi khơi kiểu đó, ông làm được gì hơn.
  - Anh cũng nghĩ như vậy.
  - Bây giờ ông định đến khuyên nhủ, nếu anh ấy bảo đừng xía vào chuyện riêng của anh ta, thì ông nghĩ sao?
  - Anh cũng không biết nghĩ sao.
- Bà nghiêng răng rít lên:
- Nếu ông không đặt được tên cho hai đứa bé đó thì ông đừng hòng bước về căn nhà này. Ông đừng có trở về đây nói với tôi rằng anh ấy không chịu nghe lời. Nếu ông làm không xong, tôi sẽ đi cho ông xem.
  - Nếu anh ta không chịu nghe, anh sẽ tát tai ngay. Ông Samuel nói.

- Ông mà đòi nào làm chuyện đó. Tôi biết ông quá mà. Ông chỉ dùng những lời thật êm dịu khuyên nhủ, nếu không được, ông đành thui thủi ra về, để rồi sẽ tìm đủ cách làm cho tôi quên chuyện ông đã đi một cách vô ích.

Ông Samuel hét lớn:

- Tôi sẽ bắt buộc anh ấy phải nghe tôi.

Ông bỏ vào phòng ngủ đóng mạnh cửa lại. Liza nhìn về phía cửa phòng mỉm cười.

Chẳng mấy chốc, ông bước ra trong bộ đồ màu đen áo sơ mi trắng cổ cứng. Ông cúi người xuống để vợ ông cài dùm cái nơ đen trước cổ áo.

- Ông nên đánh sơ lại đôi giày cho bóng một chút. Bà nói.

Trong khi đang đánh xi-ra đen lên đôi giày rách, ông ngược lên nhìn vợ và hỏi:

- Anh mang theo quyển Thánh kinh theo được chứ? Không chỗ nào có thể tìm được những tên hay bằng trong Thánh kinh.

- Tôi không muốn quyển Thánh kinh bị đem ra chút nào. Bà có vẻ không bằng lòng trả lời. Thấy ông chồng xịu mặt, bà đi vào phòng ngủ lấy ra một quyển Thánh kinh loại nhỏ, sờn rách, bìa trầy trụa, bảo ông:

- Mình cầm tạm quyển này.

- Quyển này của má em mà.

Liza xẵng giọng:

- Của mẹ tôi hay của tôi cũng vậy thôi, ông thối mả mà làm gì. Ông chẳng bao giờ chịu để quyển kinh Tân-Ước yên.

Ông cứ hay lật qua lật lại hỏi nọ hỏi kia, làm tôi tức muốn điên cái đầu.

- Tôi chỉ muốn tìm hiểu mà má nó.

- Có gì đâu mà phải thắc mắc. Chỉ cần đọc là đủ. Nếu Thượng Đế muốn ông hiểu, ngài sẽ soi sáng cho ông hiểu một cách dễ dàng, trái lại ông có thắc mắc cũng vô ích.

Bà gói quyển sách lại bằng giấy nhật trình.

- Nhưng má nó này...

- Samuel, ông là người ưa rắc rối nhất đời, tôi chưa hề thấy ai như ông.

- Nhưng mình à...

- Không bao giờ ông chịu đồng ý với tôi chuyện gì cả. Điều đó chứng tỏ ông chẳng thương gì tôi. Ông nghĩ coi có phải không?

Bà nhìn theo bộ mặt buồn xo của chồng khi ông ngồi lên xe phóng đi.

Bà nói thành tiếng:

- Ông ấy là một người chồng tốt, nhưng hay rắc rối.

Ông Samuel thì nghĩ thầm, đúng vào lúc mình hiểu bà ấy nhất, thì bà ấy lại xử trí như vậy.

## Chương VIII

Adam trông hốc hác hơn là ông Samuel tưởng nhiều. Cặp mắt chàng thần thờ như người mất hồn. Phải một hồi lâu chàng mới nhận biết sự có mặt của ông Samuel dù ông ấy đứng ngay trước chỗ chàng ngồi dưới bóng cây sồi. Chàng không tỏ vẻ niềm nở chút nào.

Ông Samuel ngượng ngùng nói:

– Tôi thấy ngượng quá vì không ai mời mà cũng đến.

Adam lạnh lùng hỏi:

– Ông muốn gì? Ông đến đây có chuyện gì vậy?

Ông Samuel chống hai tay lên hông, chồm người tới trước nói:

– Tôi nghe tin hai đứa bé song sinh của anh kháu lắm.

– Chuyện đó đâu có dính dáng gì đến ông!

Trước thái độ thiếu thiện cảm của Adam, ông vẫn vui vẻ. Lee từ trong nhà chạy ra nhìn ông nói:

– Tôi van ông, muốn trách gì ông cứ nói với tôi. Tôi không muốn có chuyện không vui xảy ra ở đây chút nào.

– Tôi không hiểu chú định nói gì. Anh Adam làm sao hiểu được. Ông Samuel thẳng thắn nói. Một con chó sói, một con gà trống còn có tình phụ tử, tại sao anh lại không nghĩ gì đến hai đứa bé đáng thương của anh?

Mặt Adam tái ngắt, lần đầu tiên hai mắt chàng long lên. Chàng hét lớn:

- Mời ông ra khỏi đây ngay. Đây là nông trại của tôi. Mời ông ra khỏi đây lập tức.

Samuel cũng cự lại:

- Tôi đâu có dành nông trại của anh, tôi cũng đâu có ở đây làm gì. Tôi chỉ muốn hỏi tại sao anh không ngó ngang gì đến hai đứa con của anh?

- Không ngó ngang gì đến chúng hả? Tôi không hiểu ông định nói gì.

- Trời đất ơi! Anh tưởng tôi không biết gì sao? Anh đừng có chống chế. Hai đứa bé sinh đôi kháu khỉnh đó chẳng được anh ngó ngang chăm sóc chút nào. Ngay cả tên chúng nó anh cũng chẳng đặt cho nữa. Chắc tôi phải bẻ cổ anh ra họa may mới sáng mắt.

- Ông rút đi. Adam gầm lên. Lee mang khẩu súng ra đây cho tôi. Ông già này điên rồi.

Samuel chụp tay vào cần cổ Adam hét lớn:

- Dù thế nào anh cũng có bốn phận với hai đứa bé chứ không thể bỏ bê chúng như vậy được.

Ông buông tay ra khỏi cổ anh bạn láng giềng.

Adam đứng thở hổn hển. Chàng cảm thấy chỗ hai bàn tay anh bạn thợ rèn vừa bóp đau như dằm.

- Ông muốn gì tôi?

- Anh không có chút tình phụ tử nào.

- Sao ông dám quả quyết như vậy?

- Anh đừng chối, tôi biết rõ mà.

- Ông nên rời khỏi đây ngay. Nếu không, tôi sẽ chống lại ông.

Mắt ông tự nhiên dịu xuống. Ông nói nhanh:

- Hai thằng con anh chưa được đặt tên phải không?

Adam trả lời:

- Mẹ chúng bỏ đi để chúng thành những đứa mồ côi mẹ.

- Còn anh cũng muốn bỏ chúng thành mồ côi cha luôn phải không? Anh không thấy chúng tội nghiệp sao? Đêm chúng ngủ lạnh lẽo, sáng chúng dậy bơ vơ, không một lời vỗ về êm ái. Chúng không được đặt tên và cũng chẳng ai gọi đến.

Ông cúi xuống xóc hai bàn tay vào nách Adam đỡ anh đứng dậy.

- Chúng ta phải đặt tên cho chúng ngay bây giờ. Ông nói. Chúng ta hãy tìm tên hay mà đặt cho chúng.

Ông lấy tay phủi bụi trên áo Adam.

Adam vẫn thẫn thờ nhìn đâu đâu, nhưng ánh mắt anh không còn đượm màu chán chường quá độ như trước đó.

- Tôi không ngờ ông có thể lay tôi thức tỉnh khỏi cơn mê thế này. Tôi rất biết ơn ông.

Ông Samuel mỉm cười nheo mắt hỏi:

- Anh thấy tôi làm như vậy có đúng không?

- Ông định nói gì vậy?

- Tôi có hứa với nhà tôi rằng sẽ tìm mọi cách làm anh thức tỉnh, kể cả biện pháp mạnh, nhưng bà ấy không tin và cho tôi là một người bản tính nhu nhược không làm nổi điều đó.

Adam nhìn thẳng vào Samuel nói:

- Samuel, tôi xin hỏi ông một câu, một câu cuối cùng này nữa thôi. Ông có nghe tin gì không? Có bất cứ tin tức gì về nàng không?

- Tôi chẳng nghe tin gì cả.

- Như vậy càng tốt. Adam nói.

- Chắc anh ghét nàng rồi chứ?

- Không, không đâu. Tim tôi chỉ tạm lắng xuống thôi. Giữa tình yêu và ưu phiền, đâu có một ranh giới nào phải không ông?

Từ phía chuồng gà, có tiếng gà kêu ríu rít rồi một tiếng động lạ tai.

- Có chuyện gì trong chuồng gà. Adam nói.

Một tiếng kêu thứ hai nổi lên.

- Chắc Lee đang làm gì trong chuồng gà. Samuel đoán. Thôi mặc kệ lũ gà trong chuồng, ta hãy nghĩ đến chuyện của chúng ta.

Lee đem ra một cái bàn và hai cái ghế đặt đối diện nhau. Xong chú bồng hai đứa bé sinh đôi ra, mỗi đứa trong một cánh tay, đặt xuống đất bên cạnh chiếc bàn, cho mỗi đứa cầm một cái que nhỏ để chơi tạm.

Hai thằng bé ngồi yên trố mắt nhìn bộ râu của ông Samuel, rồi dáo dác tìm Lee. Điều lạ mắt là chúng bận áo quần theo kiểu Trung Hoa. Đứa thì bận đồ màu xanh thắm, đứa thì bận đồ hồng lợt, viền đen. Mỗi đứa đội chiếc mũ tròn bằng nhựa đen có nút đỏ tươi giữa đỉnh đầu.

Samuel hỏi:

- Chú tìm ở đâu ra loại quần áo đó?

- Tôi chẳng tìm đâu cả. Lee bất mãn nói. Chính tay tôi may bằng vải buồm đó. Trẻ con cần được bận đồ mới trong dịp lễ đặt tên của chúng.

- Chú bỏ hẳn giọng nói ngọng nghịu rồi sao?

- Tôi muốn vậy. Dĩ nhiên khi lên phố King City, tôi vẫn còn dùng. Lee nói vài tiếng ngắn với đứa bé trai ngồi dưới đất, chúng mỉm cười với chú rồi quơ quơ chiếc que trong không khí.

Samuel và Adam đã ngồi vào bàn. Adam nói chuyện một cách tự nhiên trước.

- Ông Samuel, tôi thắc mắc không hiểu nàng là ai, thuộc loại người gì. Không biết sau này mấy đứa con tôi có giống máu huyết nàng chút nào không? Khi chúng trưởng thành không biết sẽ ra sao?

- Rồi anh sẽ thấy. Tôi xin báo trước với anh rằng không phải vấn đề huyết thống mà chính sự nghi ngờ của anh sẽ gieo mầm xấu vào đầu óc chúng. Anh muốn biết chúng ra sao phải không? Chúng sẽ đúng như những gì anh tưởng.

- Nhưng máu huyết chúng...

- Tôi không tin vấn đề huyết thống chút nào. Samuel nói. Tôi tin rằng con cái sau khi lọt lòng mẹ hoàn toàn tùy thuộc vào sự giáo dục của người cha.

- Heo có bao giờ sinh ra ngựa được đâu.

- Không bao giờ có chuyện đó, nhưng ta có thể chăm sóc một con heo con trở nên mập mạnh.

Ông dừng lại giây lát rồi tiếp:

- Bây giờ chúng ta hãy nói đến chuyện đặt tên cho hai đứa bé. Đặt tên là một vấn đề quan hệ. Tôi không biết nên đặt thế nào cho hợp ý anh. Anh thích tên gì cứ việc đặt. John hay James hay Charles?

Adam nhìn vào hai đứa bé, chợt thấy hình ảnh người em trai mình hiện ra trong cặp mắt của một đứa. Chàng cúi xuống để nhìn kỹ hơn.

- Anh nhìn gì vậy? Samuel hỏi.

Adam nói lớn:

- Không hiểu tại sao hai đứa không thấy giống nhau chút nào.

- Đúng như vậy. Chúng không thuộc loại anh em sinh đôi giống nhau.

- Thằng đó giống em trai tôi quá chừng. Tôi vừa nhận ra điều đó. Không biết thằng kia có giống tôi chút nào

- Cả hai đứa đều có nét giống anh. Khuôn mặt một đứa con nít từ lúc đầu đã có sẵn những nét chính.

- Tôi thấy như thấp thoáng bóng ma quỷ trong đó.

- Nếu anh cứ nghĩ vậy thì có lẽ rồi sẽ đúng như vậy.

Samuel cúi xuống ẵm một đứa bé lên đặt ngồi vào lòng mình, rồi bảo với Adam.

- Anh bế thẳng bé kia lên. Chúng ta liệu xem sẽ tìm tên gì đặt cho chúng.

Adam vụng về bế thẳng bé thứ hai lên đặt ngời trên đầu gối mình.

- Chúng có đôi mắt giống nhau, nhưng thẳng bé này có cặp mắt tròn hơn thẳng kia.

- Đúng vậy, cái đầu cũng tròn hơn. Samuel thêm. Nhưng đầu thẳng này giống như một viên đạn, còn thẳng kia, tóc sẽ đen hơn, da sẽ sạm hơn. Thẳng này có vẻ thông minh hơn.

Nét mặt Adam tự nhiên thay đổi hẳn. Chàng đưa ngón tay lên, đưa bé chụp ngón tay nhưng hụt, suýt rơi khỏi lòng bố, chàng kêu lên: “Ồ, ngời yên chứ!”

Lee mang đến một đĩa gà hon, một tô khoai tây luộc bốc khói, một đĩa củ cải rưới nước sốt, một bình pha lê đầy rượu và một hũ rượu Ngũ Gia Bì, tất cả đều được đặt trong một cái khay. Gã ngời ở cuối bàn.

- Hai ông đặt dùm mấy đứa bé xuống đất, đi dùng bữa đã. Gã nói. Khi được đặt ngời xuống đất, hai đứa bé khóc không chịu. Lee nghiêm nghị la chúng bằng tiếng Quảng Đông, chúng câm miệng ngay.

Mấy người lớn lặng lẽ ăn. Cuối cùng Adam lên tiếng:

- Chú Lee làm món gà ăn ngon lắm, nhiều người quan niệm món gà để mừng sau khi khỏi một cơn bệnh nặng. Thật ra gà chẳng bao giờ để mừng gì cả. Mọi người đều có thể bình phục, nếu biết chịu khó.

Lee dọn bàn và cho mỗi đứa một cái cẳng gà. Chúng ngời im cầm chặt cái cẳng gà mãi miết gặm ngon lành. Trên bàn

chỉ còn lại một bình rượu và mấy chiếc ly.

Samuel lên tiếng:

– Chúng ta nên bắt đầu việc đặt tên là vừa, nhà tôi mong việc này phải xong sớm.

– Anh đã nghĩ ra những tên nào sẵn chưa?

– Tôi hả?

– Chứ còn ai nữa? Nếu chưa, anh có thích hai tên Cain và Abel không?

Adam vội trả lời:

– Ô, không. Chúng ta không nên dùng mấy tên đó.

– Chúng ta có thể không thích. Nhưng Cain có lẽ một tên vừa lạ vừa được nhiều người biết nhất thế giới.

Lee cũng bàn thêm:

– Đó chỉ là một cái tên mượn để đặt cho một đứa con trai chứ đâu có chủ ý gì mà ngại.

Adam nhìn vào chất rượu màu đỏ trong ly:

– Ông nói đến tên đó làm tôi thấy lạnh mình.

– Ngay từ đầu, chúng ta bị ám ảnh bởi hai câu chuyện. Ông Samuel nói. Một chuyện về tội nguyên thủy và một chuyện tích về hai anh em Cain và Abel. Tôi không rành về Thánh Kinh nên không hiểu rõ. Này chú Lee, bà Liza nhà tôi nói rằng chú là một tín đồ giáo phái Trưởng lão, chú biết rõ chuyện tích về Vườn Địa Đàng và chuyện hai anh em Cain và Abel chứ?

– Bà ấy tưởng vậy vì trước kia tôi có học lớp Thánh Kinh ở trường chúa nhật tại San Francisco. Lee đoán. Vâng, tôi có

hiểu qua thế nào là sự sa ngã. Bản thân tôi cũng đã từng kinh nghiệm điều đó. Nhưng về chuyện anh giết em, thì tôi không nhớ rõ chi tiết lắm.

Ông Samuel nói:

- Chính các chi tiết mới đáng chú ý.
  - Tôi không có quyển Thánh Kinh nào ở đây cả. Adam nói. Tôi đã để quên ở quê nhà.
  - Tôi có một quyển đây. Lee nói. Để tôi lấy ra cho.
  - Thôi khỏi cần, Samuel bảo. Liza có trao cho tôi quyển Thánh Kinh của mẹ nàng. Tôi có mang sẵn theo đây. Ông lấy ra một cái gói, mở giấy bọc quyển sách đã sờn rách nói:
    - Hãy đưa cho tôi một quyển Thánh Kinh đã dùng lâu của anh, chỉ cần nhìn dấu tay bản quanh chỗ giở sách, tôi có thể nói anh là người thế nào, Liza thường nhắc như vậy. Chuyện tích xưa đó ở ngay chỗ này, đây rồi.
    - Từ bé đến giờ, tôi chưa hề nghe chuyện đó. Adam nói.
    - Anh tưởng lâu, nhưng thật ra rất ngắn. Samuel nhìn xuống đất nói:
      - Hãy xem hai đứa bé đã ngủ giữa đất rồi kìa.
- Lee đứng dậy.
- Để tôi đi lấy đồ đắp cho chúng.
  - Đất cũng ấm rồi. Samuel nói. Bây giờ chúng ta hãy nghe đoạn sách này:

“Adam ăn ở với Eve là vợ mình; nàng thụ thai, sanh Cain và nói rằng: Nhờ Thượng đế giúp đỡ, tôi mới sanh được một

người”.

Adam định mở miệng nói, nhưng thấy Samuel nhìn mình, chàng đành im lặng đưa tay lên che mắt. Samuel đọc tiếp:

“Eve lại sanh em Cain, là Abel. Abel làm nghề chăn chiên, còn Cain thì nghề làm ruộng. Và cách ít lâu, Cain dùng thổ sản làm lễ dâng cho Thượng Đế. Abel cũng dâng chiên đầu lòng trong bầy mình cùng mỡ của nó. Thượng Đế đoái xem Abel và nhận lễ vật của chàng, nhưng chẳng đoái đến Cain và cũng chẳng nhận lễ vật của chàng”.

Lee chột lên tiếng:

– Đó là chỗ đáng chú ý.Ồ, không ông cứ đọc tiếp. Chúng ta sẽ trở lại vấn đề.

Samuel đọc tiếp: “Cho nên Cain giận lắm mà găm nét mặt, Thượng Đế phán hỏi Cain: Cớ sao người giận, và cớ sao nét mặt người găm xuống? Nếu người làm lành há chẳng ngược mặt lên sao? Còn như chẳng làm lành, thì tội lỗi rình đợi trước cửa thềm người lắm, nhưng người phải quản trị nó. Cain thuật lại cùng Abel là em mình. “Vả khi, hai người đang ở ngoài đồng, thì Cain xông đến Abel là em mình và giết đi. Thượng Đế hỏi Cain rằng: Abel em người ở đâu? Cain thưa rằng: Tôi không biết, tôi là người giữ em tôi sao? Thượng Đế hỏi: Người đã làm điều chi vậy? Tiếng của máu em người từ dưới đất kêu thấu đến ta. Bây giờ người sẽ bị đất rửa sạch là đất đã hả miệng chịu hút máu của em người, bởi chính tay người làm đổ ra.

“Khi người trồng tủa, đất chẳng sanh hoa lợi cho người nữa; người sẽ lưu lạc và trốn tránh trên mặt đất. Cain thưa cùng Thượng Đế rằng: Sợ hình phạt tôi nặng quá mang không

nổi. Ngày nay, Chúa đã đuổi tôi ra khỏi đất này, tôi sẽ lánh mặt Chúa, sẽ đi lưu lạc trốn tránh trên đất, rồi đây có ai gặp tôi họ sẽ giết đi. Thượng Đế phán rằng: Bởi cớ ấy, nếu ai giết Cain, thì sẽ bị báo thù đến bảy lần. Thượng Đế bèn đánh dấu trên người Cain, hầu cho ai gặp Cain thì chẳng giết. Cain bèn lui ra khỏi mặt Thượng Đế và ở lại xứ Nod, về phía Đông vườn Địa Đàng.

(Theo Kinh Thánh bản dịch của Phan Khôi, sách Sáng Thế Ký, đoạn 4 từ câu 1 đến câu 16).

(Lời chú người dịch).

Samuel gấp tấm bì đã long của quyển kinh lại với dáng điệu nặng nề, nói:

– Chỉ có những đó. Tất cả vốn vẹn chỉ mười sáu câu. Nhưng, Chúa ơi! nghe tởm quá, chẳng có gì đáng khích lệ cả.

Lee cầm hũ Ngũ Gia Bì rót một ly rượu màu sậm, nhấp vài ngụm nói:

– Chẳng có chuyện nào đáng tởm cả. Đó chỉ là chuyện đời xưa, đâu phải là chuyện thật đang xảy ra giữa chúng ta! Loài người vẫn mang gánh nặng tội lỗi lớn lao!

Adam chột lên tiếng:

– Chuyện đó lại làm tôi cảm thấy an ủi chứ không khó chịu chút nào.

– Anh nói vậy nghĩ là thế nào? Samuel hỏi.

– Mọi người đều gây chuyện tội lỗi. Chúng ta tưởng rằng chúng ta sống theo đạo đức vì chúng ta được nghe nói nhiều về nó. Nhưng tội lỗi mới chính là thứ dễ lôi cuốn nhất.

- Tôi hiểu. Nhưng tại sao chuyện này lại làm anh cảm thấy an ủi hơn?

Adam say sưa giải thích:

- Bởi vì chúng ta đều thuộc dòng dõi tội lỗi. Cain chính là tổ phụ của chúng ta. Chúng ta làm sao khác hơn được? Chúng ta là con cháu của một dòng dõi tội lỗi. Tuy có một sự tha thứ, nhưng ở thế gian này không có nhiều sự tha thứ đâu.

- Đó không phải là minh chứng xác đáng. Lee nói.

- Cả Cain lẫn Abel đều đã dâng những gì họ có. Adam tiếp, nhưng Thượng Đế chỉ nhận lễ vật của Abel mà từ chối của Cain. Tôi không dám nghĩ rằng đó là một bất công.

Samuel góp ý:

- Adam, anh hãy nhớ kỹ lời Thánh Kinh. Thượng Đế không hề kết tội Cain. Có lẽ Cain đã đem dâng cho Ngài một chùm cà rốt. Thượng Đế bảo: Ta không thích thứ này. Hãy dâng thứ khác. Hãy đem đến thứ gì ta thích rồi ra sẽ chúc phúc cho người như em người.

Nhưng Cain đã cuồng trí. Anh ta bị chạm tự ái. Khi một người bị chạm tự ái, hẳn ta thường nổi cáu, muốn đập phá bất cứ thứ gì cho hả tức. Rủi thay, anh ta đã gặp Abel.

Adam hỏi:

- Rồi Cain nổi giận đến giết em? Và Thượng Đế trừng phạt anh ta?

- Anh không nghe rõ sao? Cain đã được đánh dấu không phải để hủy diệt anh ta nhưng để cứu vớt anh ta. Bất cứ người nào làm hại anh ta đều sẽ bị rửa sạch. Đó là một cái dấu để cứu vớt.

Adam nói thêm:

- Tôi không thể không có cảm tưởng rằng Cain đã bị trừng phạt.

- Có lẽ đúng như vậy. Samuel nói. Nhưng Cain đã sống, đã sinh con cái. Còn Abel chỉ được sống trong truyện, nhưng thật khôi hài là tại đây có ba người đàn ông đã trưởng thành, đã nhiều ngàn năm sau lại đi tranh luận về tội ác này như một việc mới xảy ra ngay tại King City ngày hôm qua mà chưa bị kết án?

Một trong hai đứa bé thức giấc, ngáp và nhìn Lee rồi nhắm mắt ngủ lại.

- Thưa ông Hamilton, Lee nói. Theo tôi thì đó là chuyện hay nhất thế giới, vì mọi người đều biết. Tôi nghĩ rằng đó là câu chuyện tượng trưng cho tinh thần của nhân loại.

Nỗi kinh hoàng lớn lao nhất của một đứa trẻ là không được thương yêu. Sự ruồng bỏ là điều mà nó sợ hãi nhất. Tôi tin rằng mọi người trên thế gian này không nhiều thì ít, đều không thích bị ruồng bỏ. Khi bị ruồng bỏ, người ta dễ sinh ra giận dữ, từ sự giận dữ đi đến tội ác để trả thù vì bị ruồng bỏ không xa mấy nữa. Đó là tất cả nguyên nhân những vụ phạm pháp của loài người. Một đứa trẻ, khi bị từ chối tình yêu mà nó khao khát, nó có thể trút hờn tủi bực tức vào cú đá một con mèo đến tấp tễ rồi che dấu tội ác của mình hoặc làm những việc rồ dại khác như ăn cắp tiền để tiêu xài cho thỏa thuê.

Để trả thù, người ta dễ phạm từ tội ác này đến tội ác khác. Loài người chỉ là một thứ động vật dễ phạm tội. Theo tôi nghĩ, chuyện tích cổ xưa và kinh khủng này rất quan trọng, bởi vì

nó tiêu biểu cho tâm hồn của con người, những tâm hồn bị ruồng bỏ, bí mật hay phạm tội.

Adam thở dài hỏi:

– Sự thật giản dị như vậy sao? Tôi thường sợ những điều gì quá đơn giản.

– Chuyện đó đâu có giản dị chút nào, Lee cãi. Trái lại rất phức tạp. Nhưng kết cục có lối thoát.

– Nhưng lối thoát không vững mấy. Samuel kết luận. Chúng ta đã tán nhảm hết cả buổi chiều rồi. Tôi sắp phải đánh xe về rồi đây.

Adam thất vọng nói:

– Ông cho đại dùm hai cái tên rồi hãy về.

– Tên chọn trong Thánh Kinh nhé? Được rồi để xem trong số những người bắt đầu rời bỏ Ai Cập chỉ có hai người về được Đất Hứa. Anh có muốn mượn tên của họ để có một ngụ ý tốt không?

– Họ là những ai?

– Caleb và Joshua.

Adam lẩm bẩm:

– Joshua là một ông tướng. Tôi không thích chuyện đó.

– Vậy à? Caleb là một nhà lãnh đạo.

– Nhưng không phải là một ông tướng. Tôi chấp nhận được tên Caleb, Caleb Trask nghe được lắm.

Một trong hai đứa bé thức giấc khóc liên hồi vì khát sữa.

Samuel bảo Adam:

- Vậy thì anh có thể dùng tên đó đặt cho thằng bé này. Còn tên Joshua anh không thích thì để xem sau. Thằng bé đang khóc này có vẻ thông minh lắm, da hơi sậm, mang tên Caleb được rồi. À, thằng kia cũng đã dậy rồi đó. Ông Aaron tôi cũng thích lắm, nhưng ông ấy không đến được Đất Hứa.

Thằng bé thứ hai đã cất tiếng khóc như tỏ ý hân hoan.

- Tên đó cũng hay rồi. Adam chấp nhận.

Samuel cười lớn:

- Caleb và Aaron, bây giờ hai đứa bây đã có tên, đã bắt đầu làm người rồi đó.

Lee bồng hai đứa bé lên hai tay hỏi:

- Hai ông đã đặt tên chúng nó rồi phải không?

Adam trả lời:

- Dĩ nhiên là chúng đã có tên rồi. Thằng này là Caleb, thằng kia là Aaron.

Lee bế đứa bé đang khóc om sòm vào trong nhà.

- Mới hôm qua tôi chẳng biết gọi chúng ra thế nào để phân biệt. Bây giờ như vậy là chúng đã có tên Aaron và Caleb.

- Có lẽ Liza thích tên Joshua hơn. Samuel nói. Nàng thích chuyện thành Jericho bị nứt vì tiếng kèn của ông này. Nhưng chắc nàng cũng thích tên Aaron. Thôi bây giờ tôi phải về.

Adam đi theo ông ra chuồng ngựa.

- Tôi rất cảm ơn ông đã có lòng đến đây giúp đỡ chúng tôi, Adam nói.

Adam bịt mõm con Dosology lại quấn đai quanh cổ nó.

- Có lẽ bây giờ anh bắt đầu nghĩ đến ngôi vườn của anh ta là vừa.

Adam tỏ vẻ ngần ngại, cuối cùng chàng nói:

- Tôi thấy mất hết hứng thú rồi. Tôi gây dựng ngôi vườn ấy cho ai thưởng thức nữa mà lo cho mệt?

Samuel quay lại nhìn, mắt ông đăm lẹ.

- Anh đừng nên bi quan quá. Sao anh có vẻ tuyệt vọng đến thế? Anh phải hơn những người đàn ông tầm thường khác chứ. Phải vươn lên mà sống chứ không thể buông xuôi kiểu đó.

Ông đứng nán lại giây lát rồi leo lên xe quất roi vào mông con Dosology, phóng xe đi, hai vai khòm xuống, không nói một lời tạm biệt.

## Chương IX

Các cô con gái của ông Samuel Hamilton không có người nào chịu làm vợ các chủ nông trại. Họ đều là những thiếu nữ có nhan sắc, thừa hưởng những nét rạng rỡ của dòng dõi quý tộc Ái Nhĩ Lan. Họ vẫn hãnh diện về sự thanh bạch của gia đình mình. Họ được giáo dục và học hành nhiều hơn phần lớn các thiếu nữ đồng thời.

Tất cả đều được cha truyền cho tính ham học hỏi. Cô Olive Hamilton đã trở thành một cô giáo tại Peachtree, ở đó có rất ít thanh niên học quá lớp tám. Đến mười bốn mười lăm tuổi là chúng đã phải lo giúp việc nông trại. Olive dạy đủ môn, từ môn tập đọc đến môn đại số. Nàng cũng phụ trách phần thực hành y học sơ cấp vì tai nạn xảy ra thường xuyên. Khi một đứa bé đi chân đất bị rắn độc cắn, bốn phận của nàng là phải hút ngón chân nó để lấy nọc độc ra.

Đó là một công việc không dễ dàng gì và đòi hỏi sự tận tụy chịu khó vượt quá bốn phận và trách nhiệm.

Nhà giáo gần như không còn đời sống riêng cho mình nữa. Nàng không thể ở trọ hẳn tại một gia đình nào quá vài tháng vì như thế sẽ gây ra sự ganh tị, phân bì, gia đình nào cũng muốn mời giáo sư ngụ lại để chứng tỏ mình có thứ trong xã hội. Nếu trong gia đình nàng đang ở trọ có một cậu con trai đến lứa tuổi thành hôn thì coi như nàng là người được cầu hôn trước tiên. Nếu cùng một lúc có hơn một người muốn cầu hôn nàng thì làm gì cũng có những vụ tranh chấp không đẹp mắt xảy ra. Ba cậu con trai nhà họ Agnita gần như muốn xé xác nhau vì cô giáo Olive Hamilton.

Olive thích đời sống ở thành phố hơn ở nông trại nên khi Ernest Steinbeck, người vừa xây được nhà máy ray bột mì tại King City ngỏ lời cầu hôn, nàng bỏ nghề dạy học nhận lời ngay. Đầu tiên họ ngụ tại Paso Roble rồi đến King City, cuối cùng dọn đến Salinas.

Olive thừa hưởng một chiếc cày cứng cáp, một chiếc mũi hếch của mẹ và cặp mắt đẹp của cha. Nàng là người đàn bà có nghị lực nhất trong gia đình Hamilton trừ bà Liza, mẹ nàng. Olive rất can đảm. Trong cuộc đệ I thế chiến nàng đã có dịp chứng tỏ điều đó.

Nàng là đàn bà nên không nghĩ đến chuyện quốc tế xa xôi. Nàng chỉ bận tâm đến gia đình, đến thị trấn Salinas. Nàng không tin tưởng gì ở chiến tranh ngay cả đội kỵ binh C được thành lập tại đó.

Mãi đến khi một thanh niên trong vùng tên Martin Hoppa thuộc Đội C bị quân Đức giết chết, có thể nói đó là ngày chúng bắt đầu thất trận vì đã dám chọc giận Olive.

Bắt đầu từ hôm đó Olive mới tuyên chiến hẳn với Đế Quốc Đức. Làm băng cứu thương cũng chưa gọi là đủ với bà. Bà còn sử dụng một loại khí giới khác là Trái Phiếu tự do. Bà bán được thật nhiều trái phiếu bằng cách thuyết phục mọi người phải mua ủng hộ.

Khi số trái phiếu bán được khá cao, Bộ Tài Chánh bắt đầu chú ý đến thiếu phụ gan dạ hiếm có này. Trước hết họ gửi giấy quay ronéo khen ngợi bà, kế đó là những lá thư đàng hoàng do chính Tổng trưởng Tài Chánh ký tên. Sau cùng họ gửi các phần thưởng đến, một chiếc nón sắt của quân Đức,

một mảnh đạn trái phá được gắn vào một cái đế bằng gỗ mun.

Olive cùng những bà mẹ khác trong xứ đều hăng hái làm việc gấp bội. Riêng Olive đoạt kỷ lục bốn lần hơn và được thưởng một chuyến phi cơ quân đội. Thật là hãnh diện cho người dân trong vùng.

Olive vừa can đảm vừa có óc hài hước, trong khi các cô con gái khác của ông bà Hamilton không được như vậy. Nhưng Una mới chính là nguồn vui lớn nhất của ông Samuel. Ngay từ lúc còn nhỏ nàng đã ham học như một đứa bé ham bánh ngọt. Una và cha nàng là hai người rất tâm đầu ý hiệp trong việc học hỏi. Hai cha con tìm mượn những quyển sách hiếm, chuyển nhau đọc, bàn bạc riêng với nhau một cách thích thú.

Una đã gặp gỡ và thành hôn với một nhà sáng chế, một anh chàng có quan niệm sống hơi quá khích.

Anh ta quan niệm rằng vùng ngoại giới có thể đem thể hiện lên mặt giấy bằng những màu sắc trung thực mà mắt người có thể nhìn rõ được. Nghe đâu cuối cùng anh ta đã tìm ra phim màu. Anh đưa Una lên miền Bắc ở một nơi nào đó gần ranh giới tiểu bang Oregoa. Anh ấy đã sống một đời sống của thời nguyên thủy bằng rượu và giấy má.

Una gửi về những lá thư không mấy vui nhưng nhất định không than thân trách phận. Nàng viết rằng mình vẫn mạnh khỏe luôn. Nàng cho biết chồng nàng sắp hoàn thành một sáng chế mới.

Bỗng được tin nàng từ trần, xin được đưa bằng tàu thủy về quê nhà, mấy năm sau George Hamilton kể lại cho tôi chuyện đó với cặp mắt đẫm lệ.

- Una không đẹp bằng Mollie, anh kể. Nhưng bàn tay bàn chân nó xinh. Gót chân nó thanh như búp sen, bước đi nhẹ như lướt trên ngọn cỏ, nó không cười nghịch ngợm như nét mặt của người đang tỉnh tâm để nghe nhạc.

Thế rồi đột nhiên người ta đưa xác nó về nhà. Gót chân nứt nẻ, các ngón tay mòn hết, còn hai bàn chân xinh đẹp thì...

George ghen ngào ngừng lại. Mãi một lát sau anh ta cố tự chủ nói tiếp: “Hai bàn chân nó bị rách vì gai sượt. Chân nó không được mang giày. Da thì chai cứng. Chúng tôi đoán rằng nó bị tai nạn nào đó. Xung quanh nó nhiều hóa chất quá mà. Chúng tôi nghĩ như vậy”.

Cái chết của Una có ảnh hưởng đối với ông Samuel như một cơn động đất ngầm. Ông tự cho rằng chính vì lỗi của mình đã đưa đến hậu quả đáng tiếc đó. Tính vui đùa của ông như một liều thuốc hiệu nghiệm chống lại với thời gian, bây giờ đã tiêu tan. Hai vai ông bắt đầu khòm xuống. Ông già cỗi hẳn đi.

Nhưng mấy người con khác của ông làm ăn khá hơn nhiều. George làm việc ở công ty bảo hiểm. Will khá giàu có. Còn Dessie thành công trong ngành may tại Salinas. Joe đã tới miền đông và đang cố khai thác một ngành mới gọi là quảng cáo. Khuyết điểm duy nhất của anh trong lãnh vực này là tính quá tốt của anh. Joe là một người sành sỏi trong lãnh vực làm ăn mới này, chỉ còn một mình Tom ở lại nông trại.

Hồi tôi còn nhỏ thỉnh thoảng Tom đem tôi đi câu cá. Chúng tôi đánh xe ngược từ lúc mặt trời chưa mọc đi đến ngọn núi Frémont. Khi chúng tôi đến gần dãy núi vì sao mới lặn và ánh mặt trời mới bắt đầu nhuộm dần.

Tôi còn nhớ trong khi ngồi trên xe ngựa tôi áp mặt vào áo khoác của Tom. Chú ấy thường đặt tay lên vai tôi, thỉnh thoảng vỗ nhẹ vài cái đầy vẻ trìu mến. Sau cùng chúng tôi dừng dưới một gốc cây sồi, mở ngựa ra khỏi còng xe để nó đứng nghỉ sau lưng xe.

Tôi còn nhớ chú Tom rất khỏe người, mặt và da sạm nắng. Râu, tóc và ria mép cũng đỏ sạm. Tôi không nhớ chú ấy có nói gì không. Mỗi khi hồi tưởng lại, chú Tom luôn luôn là một hình ảnh trầm lặng. Dường như chú chẳng hề chú trọng đến việc có câu được con cá nào không. Chú không muốn chinh phục loài vật.

Tôi còn nhớ những cây dương xỉ có lá như bàn tay xòe năm ngón mọc cạnh những thác nước nhỏ. Năm ngón tay bằng lá lác lư không ngừng vì những giọt nước từ con thác tung tóe chạm phải. Tôi nhớ rõ mùi vị đặc biệt của các ngọn đồi, mùi hoa đỗ quyên dại, mùi một chú chồn hôi ở đâu đó thật xa, mùi chó sói, mùi hôi ngựa trên dây cương. Tôi nhớ rõ cuộc khiêu vũ đẹp mắt của bầy chim ó trên bầu trời... Sau đó chúng tôi trở lại chỗ để xe, đổ lúa mạch vào cái túi da choàng dây quanh đầu ngựa cho nó ăn. Tôi không nghe cậu Tom nói một câu nào. Trong ký ức tôi, cậu Tom trầm lặng thân mật.

Trong ngày lễ Tạ ơn năm 1911, cả gia đình Hamilton họp mặt đông đủ tại nông trại. Các con về thăm đem theo quà và thật nhiều thực phẩm, cả đại gia đình ăn không hết. Tất cả đều đã thành gia thất trừ Dessie và Tom. Lũ cháu nội cháu ngoại ông Hamilton đùa giỡn làm nhộn cả nhà lên.

Khuôn mặt nhỏ thó của bà Liza càng đỏ gấc lên vì bận bịu. Bà sai bảo việc này, việc nọ lảng xãng. Trong bếp không bao

giờ tắt lửa. Các giường chõng trong nhà đều không còn chỗ, phải trải khăn giường xuống sàn cho lũ nhỏ nằm.

Tinh thần hài hước của Samuel lại có dịp sử dụng tới.

Giọng kể chuyện ông lại có dịp trầm bổng. Ông say sưa kể chuyện và hát hò cho lũ cháu nghe. Bỗng chưa đến nửa đêm, ông đột nhiên la mệt và bỏ vào giường nằm. Vợ ông đã đi nghỉ trước cách hơn hai tiếng đồng hồ. Ông hơi lo ngại, vì tự nhiên không hiểu tại sao mình lại mệt bất thường thế này!

Khi hai ông bà đã đi nghỉ, đám con rể mở một cuộc họp mặt nhau trong nhà bếp. Mấy bà mẹ rón rén bước vào các phòng ngủ trông chừng lũ con nít có đắp kỹ không, rồi trở lại. Họ nói chuyện thật khẽ để khỏi làm mất giấc ngủ của ông bà cụ và lũ trẻ.

Tất cả đều có cùng một nhận xét. Ông Samuel đã già yếu. Họ kinh ngạc về khám phá bất ngờ đó như tình cờ gặp một bóng ma. Họ không muốn tin việc đó lại có thể xảy đến.

Anh Will Martin, chồng của Mollie, nhận định một cách thực tế:

- Cuộc sống ở đây quá vất vả. Tại sao chúng ta không khuyên ba bán nông trại bỏ lên tỉnh sống cho khỏe? Mollie và tôi muốn rước ba má sống chung với chúng tôi.

Ernest Steinbeck chồng của Olive vội giành:

- Chúng tôi cũng muốn mời ba má sống với chúng tôi.

Will Harmilton nhờ bản năng và kinh nghiệm nghề nghiệp đã hiểu các anh chị em mình rất nhanh, chàng đề nghị:

- Nếu chúng ta yêu cầu ba đóng cửa lò rèn của ông chẳng khác nào bảo ông tự tử. Ba không nghe đâu, nhưng chắc

chúng ta có thể mời ba lên tỉnh chơi một chuyến, trong khi Tom sẽ coi sóc nông trại. Sau một thời gian nghỉ ngơi lại sức, ba sẽ làm việc trở lại. Cũng có thể ba sẽ ở lại luôn trên tỉnh không biết chừng, chứ bây giờ đề nghị thẳng chắc ba không nghe đâu. Tất cả anh chị em nghĩ sao?

Mọi người đều gật đầu, chỉ trừ Tom ngồi im như tảng đá, đáng trầm tư.

– Tom, em coi sóc nông trại dùm ba được chứ? George hỏi.

– Ồ, đâu có gì. Tom trả lời. Đâu có gì mà được với không được, từ lâu nay nông trại có hoạt động gì nhiều đâu!

– Vậy tại sao không thấy em gật đầu đồng ý?

– Em không muốn làm ba phật ý. Ba sẽ hiểu ý ngay.

– Nhưng tụi anh chỉ đề nghị thôi, đâu có gì ba phải phật ý?

Tom gãi tai nói:

– Em không dám cản các anh, nhưng em sợ ba buồn lòng.

George nói:

– Tụi anh sẽ viết một lá thư mời với lời lẽ khéo léo và vui vẻ. Ba ở chơi với người này chán, ba có thể đến nhà đứa khác. Cứ như vậy ba có thể đi thăm hết năm này qua năm khác cũng chưa giáp vòng các con và các dâu rể của ba.

Họ tạm đồng ý với đường lối đó.

Tom cầm lá thư của Olive từ King City về, vì anh biết trước nội dung lá thư nói gì rồi, nên anh chờ đến lúc ông Samuel một mình không có khách hàng nào anh mới dám đưa. Lúc đó ông Samuel đang làm việc tại lò rèn. Ông bóc thư bằng mũi nhọn một cái đinh dùng đóng móng ngựa, rồi đi ra chỗ có ánh

năng để đọc cho rõ. Xong ông ngồi xuống một chiếc ghế dài trước hiệu rèn ngó mông trong không trung. Ông mở thư ra đọc lại một lần nữa. Rồi Tom thấy ông đứng dậy chậm rãi đi về phía ngọn đồi ở phía Đông, vừa bước đi vừa đá những viên đá sỏi bắt gặp trên đường.

Một cơn mưa nhỏ mới trút xuống nên một ít cỏ bắt đầu nhú lên. Ở lưng chừng đồi, ông Samuel ngồi xổm xuống vốc một vốc đất lẫn đá sỏi giữa lòng bàn tay rồi lấy ngón trỏ bươi ra. Trong đó lẫn một ít đá lửa, sa thạch, một ít mi ca lóng lánh, vài cọng rễ nhỏ mong manh và một ít đá có vân. Ông xòe mấy ngón tay ra để mặc mớ cát đá vụn chảy qua kẽ, rồi đứng dậy thơ thẩn bước xuống đồi. Tới chỗ Tom đang tán vành sắt vào bánh xe bò và quay thử một bánh xe, ông đứng im quan sát Tom, như lần đầu thấy con làm việc. Ông lên tiếng:

- Con đã trưởng thành và thạo việc rồi đó.
- Bây giờ ba mới nhận thấy như vậy hả ba?

Ba biết lâu rồi chứ. Nhưng bây giờ ba mới có dịp nói ra.

Vừa nói, ông vừa thơ thẩn bước đi. Nét mặt ông hơi đượm vẻ châm biếm nhẹ nhàng mà những người thân trong gia đình đều biết rõ. Chính nhờ lối châm biếm đùa bỡn đó làm ông vui vẻ yêu đời. Ông thơ thẩn trong vườn nhỏ vắng vẻ quanh ngôi nhà như một người lạ, dù đây không phải là một ngôi nhà mới.

Bà Liza đang chiên bánh trong nhà bếp. Bà rất khéo tay, có tài làm cho những miếng bột nhồi biến thành những chiếc bánh thơm ngon. Bà trải gọn gàng và trở đều. Bánh vừa chín,

bà lấy ra, dùng dao cắt quanh mép, rồi nhúng vào chất nước trái anh đào màu đỏ trong một cái tô.

Samuel ngồi xuống một chiếc ghế trong nhà bếp, tréo chân lên nhau, lặng lẽ nhìn vợ.

Cặp mắt ông như đang tươi cười.

– Hôm nay vào giờ này sao ông thoải mái quá vậy? Không còn việc gì làm nữa sao? Bà hỏi.

– Ô, tại tôi muốn nghỉ tay một buổi cho khỏe, chứ lúc nào mà chẳng có việc để làm hả má nó!

– Ông ngồi đó làm tôi thêm lúng túng khó chịu. Có chuyện gì phải không? Chỉ cần nhìn mặt ông, tôi cũng dư biết ông có việc gì cần nói với tôi rồi, đúng vậy không?

Ông rung đùi mỉm cười nhìn vợ, nói nịnh:

– Bà đúng là một người vợ thông minh không có gì mà bà không thấy ngay.

– Samuel, tôi xin ông bớt tán dóc cho tôi nhờ. Ông có muốn tếu gì thì để chiều tối hãy hay, bây giờ mới mười một giờ trưa mà. Đừng có trở chứng.

Ông Samuel điềm tĩnh nói:

– Này Liza, em có bao giờ nghĩ đến “một chuyến nghỉ xả hơi” là gì không?

– Samuel, sao mình ưa đùa dai vậy?

– Liza, em chưa bao giờ nghĩ đến “một chuyến nghỉ xả hơi” có phải không?

- Này, tôi đã nói, tôi không đùa. Bà muốn chấm dứt câu chuyện.

- Này bà vợ đảm đang đáng thương của anh ngót năm mươi năm qua, em chưa hề nghĩ đến một lần nghỉ xả hơi phải không?

- Samuel, ông vui lòng ra khỏi nhà bếp dùm tôi đi! Bà mát mẻ bảo ông.

Ông rút lá thư trong túi mở ra nói:

- Olive vừa gửi về. Nó mời vợ chồng chúng ta lên thăm Salinas. Nó đã mua vé cho chúng ta dự mùa Chautauqua. Billy Sunday sẽ đấu vật với quỷ và Bryan sẽ diễn thuyết. Đề tài nghe có vẻ kỳ cục, nhưng người ta đồn rằng lối trình bày của ông ấy rất cảm động.

Bà Liza đưa ngón tay lên gãi mũi làm dính bột trắng hếu. Bà lo lắng hỏi:

- Hình như mắc tiền lắm phải không?

- Lo gì mắc với rẻ! Con Olive đã mua sẵn vé cho mình rồi. Nó mua tặng mà.

- Chúng ta không thể đi được đâu. Bà nói. Ai lo công việc ở nông trại này?

- Thằng Tom lo được mà. Mùa Đông mới có nhiều việc phải lo. Trong thư nó đã gửi kèm hai vé xe lửa đi Salinas đây này.

- Mình cứ việc gửi trả lại cho Olive để nó lấy tiền lại.

- Không, anh không thể làm thế. Liza, sao mình khó tính thế? Đi chơi một chuyến đâu có sao! Anh nghe người ta nói

rằng Billy Sunday cỡi quỉ chạy quanh sân khấu.

– Người ta xạo chứ làm gì có chuyện đó, Liza nói.

– Nhưng anh muốn xem thử ra sao. Sao mình khó tính quá. Nếu mình không đi, anh cũng đi một mình. Bây giờ mình hãy trả lời một tiếng, có đi không?

– Em đồng ý. Liza trả lời.

Khi ông Samuel bước ra, Tom ngược nhìn cha dò xét, cố đoán xem hiệu quả lá thư mà chị Olive vừa gửi cho ông thế nào.

Ông nói ngay:

– Này Tom, con nghĩ sao? Con có thể trông nom nông trại thay ba má trong khi ba má đi chơi một chuyến không? Chị Olive con mời ba má tới Salinas ở chơi với gia đình một thời gian.

– Được lắm chứ ba. Đó là một ý kiến rất hay. Ba định bao giờ đi?

Cặp mắt đầy vẻ châm biếm của ông Samuel tròn xoe, nhìn chăm chăm vào mặt Tom làm anh ta nhột, hỏi:

– Sao ba lại nhìn sững con vậy?

– Nghe giọng nói của con ba nghi. Này Tom, con có thông đồng trước với các anh, các chị con rồi phải không, nói thiệt ba nghe đi.

– Con không hiểu ba định nói gì. Tom nói.

– Con đóng kịch còn vụng về lắm, ba có thể nói thẳng với con câu đó. Ba chắc rằng hôm lễ Tạ ơn, các con đã hội ý với nhau trước rồi chứ gì?

- Ba nghĩ vậy chứ con đâu có.

- Con đừng có chối quanh. Cha anh nói. Con cố dấu chừng nào ba càng thấy rõ chừng đó. Ba tinh mắt lắm.

Ông bỏ đi mấy bước, chợt quay lại vỗ vai con:

- Ba cảm ơn con đã cố làm cho ba tin thật. Dù không thành công những cũng chứng tỏ con thật lòng nghĩ đến ba.

- Con rất vui khi thấy ba bằng lòng đi chơi chuyến này.

Ông Samuel đứng trước cửa lò rèn, nhìn đất đai chung quanh đó. Ông nói:

- Người ta bảo một bà mẹ thường yêu thương đứa con xấu xí hơn những đứa khác.

Rồi ông lắc đầu nói tiếp:

- Nay Tom, ba rất hài lòng về con. Ba sẵn sàng tin rằng con không bàn bạc gì với các anh chị con. Ba biết vì sao ba đi chơi chuyến này. Ba cũng biết mình sẽ đi đâu. Ba hài lòng lắm.

## Chương X

Sau khi quyết định đi Salinas, bà Liza để ý quan sát xem ông Samuel có thái độ gì khác thường không. Tính bà vốn cẩn thận nên e ngại chông trở tính sao đó. Ngoài ra đối với bà chẳng có gì đáng suy nghĩ. Bà rất thích đi thăm các con mình. Bà không quá bận rộn về đất đai vườn tược. Đối với bà, nhà cửa quê quán chỉ là một chỗ tạm trú trong khi chờ lên Thiên Đường thôi. Bà cảm thấy mệt mỏi thực sự rồi. Càng ngày, những cơn đau nhức, mệt mỏi càng tăng, khiến bà không thể dậy sớm như ý muốn, một thói quen mà bà đã có từ lâu.

Bà hằng mơ ước đến cõi Thiên Đường, ở đó áo quần sẽ không bao giờ dơ bẩn, thức ăn khỏi cần nấu nướng, đĩa bát khỏi cần rửa như bây giờ. Trên đó còn nhiều điều bà không hiểu hết được. Bà không hiểu tại sao kẻ được lựa chọn lên đó có thể sống muôn đời trong cảnh lười biếng như đã hứa trong Thánh Kinh được. Riêng bà, khi lên Thiên Đường bà sẽ tìm việc này việc nọ để làm chắc phải có vài đám mây cần mạng lại, vài chiếc cánh cửa thiên thần cần lau dầu. Dù ở thượng giới chắc cũng có mạng nhện ở vài xó xỉnh nào đó cần phải được quét xuống bằng một cái chổi quần khăn vải.

□

Khi đã quyết định đi Salinas chơi, Samuel chuẩn bị kỹ lưỡng. Ông đi thăm tất cả những láng giềng quen biết. Lúc ông đánh xe rời khỏi nhà những người bạn già, họ biết ngay rằng sẽ không còn được gặp lại ông nữa, dù ông không nói thẳng như vậy. Ông ngắm nhìn thật kỹ từng ngọn núi, từng

gốc cây, từng khuôn mặt quen thân như muốn ghi nhớ vĩnh viễn.

Ông dành cuộc thăm viếng Adam Trask lại sau rớt. Từ nhiều tháng qua ông chưa ghé lại đó. Adam bây giờ không còn trẻ nữa. Hai đứa bé sinh đôi đã lên mười một. Chỉ có Lee là không có vẻ thay đổi bao nhiêu. Lee ra tận chòi để xe ngựa đón ông Samuel.

- Tôi muốn đến thăm ông, Lee nói, nhưng bận việc quá không đi được. Mỗi tháng tôi phải đi San Francisco một lần.

- Sao chú có vẻ thay đổi quá vậy Lee?

- Tôi đã cắt bỏ cái đuôi Sam rồi ông Hamilton ạ. Mãi đến nay ông mới biết sao? Bà Nữ Hoàng đã qua đời. Nước Trung Hoa đã được tự do. Bọn Mãn Châu không còn thống trị nên người Tàu, không còn phải để đuôi Sam nữa.

- Chú có thấy thay đổi lắm không?

- Chẳng có gì thay đổi lắm. Trên đầu thấy nhẹ hẳn làm tôi cứ ngờ ngợ mãi. Chắc phải một thời gian mới quen dần với cảm giác mới này.

- Adam mạnh khỏe chứ?

- Ông ấy vẫn mạnh nhưng chẳng thay đổi mấy.

- Đời anh ấy thiếu tình yêu khó mà vui được. Hai thằng bé chắc lớn lắm?

- Tôi vẫn là bạn của tụi nó. Chúng kính sợ cha chúng lắm, nhưng có lẽ chúng yêu mến tôi hơn. Hai đứa rất khác tính nhau. Ông khó tưởng tượng được những điểm khác nhau đó.

- Chẳng hạn như thế nào hả chú Lee?

- Lát nữa khi chúng đi học về, ông sẽ có dịp thấy. Hai đứa khác nhau như mặt trái và mặt phải của một tấm huy chương. Thằng Cal thì lanh lợi, sâu sắc, còn Aaron thì nói năng thật dễ thương.

- Anh không thích thằng Cal phải không?

- Tôi thấy mình không hợp với nó lắm. Nó ham tranh đua với đời sống, trong khi anh nó thì không có vẻ như vậy chút nào.

- Trong bầy con của tôi cũng có tình trạng đó. Ông Samuel phụ họa. Tôi cũng không hiểu tại sao? Anh xem chúng có cùng một dòng máu, cùng chịu một lễ lối dạy dỗ như nhau, nhưng rồi chẳng đứa nào giống với đứa nào hết.

□

Sau đó ông Samuel và Adam rẽ qua lối đi có bóng cây sồi để tới chỗ miệng khe nước. Hai người đứng nhìn khắp thung lũng vừa nhuốm màu xanh ngát sau những cơn nước đầu mùa.

Ông Samuel nhỏ nhẹ nói:

- Anh mà bỏ hoang số đất màu mỡ đó của anh thì thật đáng hổ thẹn.

- Tôi không có hứng gì để canh tác cả.

- Anh lấy làm kiêu hãnh trong nỗi thất vọng của anh lắm phải không? Ông Samuel hỏi. Phải chăng anh đang tự cảm thấy mình vĩ đại vì bi thảm.

- Tôi cũng không biết nữa.

- Vậy thì anh nên suy nghĩ kỹ. Có lẽ anh đang đóng một vai tuồng mà chính anh là một khán giả.

Giọng Adam hơi bực bội:

- Tại sao ông lại lên giọng giảng thuyết với tôi làm gì?

- Để thử xem có chọc tức nổi anh chút nào không? Trước mặt là cả một vùng đất màu mỡ bị bỏ hoang, còn bên cạnh tôi là cả một con người trai trẻ bỏ phế. Thật là uổng phí.

- Tôi biết làm gì hơn?

Anh nhìn thẳng vào mặt ông Samuel, nói:

- Tôi sợ không thử lại được.

- Còn các con anh thì sao? Anh không thương chúng sao?

- Có thương chứ.

- Anh yêu đứa này nhiều hơn đứa kia phải không?

- Sao ông lại hỏi tôi câu đó?

- Tôi không biết. Có cái gì trong giọng nói của anh bắt tôi nghĩ như vậy.

- Thôi chúng ta nên quay về. Adam nói.

Hai người quay trở lại lối cũ ngang qua dưới những tàn cây. Chợt Adam hỏi:

- Ông có nghe tin Cathy hiện ở quanh quần đâu trong vùng Salinas này không? Ông có nghe dư luận xầm xì về tin đó không?

- Anh có nghe tin đó à?

- Vâng. Nhưng tôi không tin. Tôi không thể nào tin điều đó được.

Ông Samuel lặng lẽ bước theo vết bánh xe in trên đường đất. Cuối cùng ông nói:

- Anh đâu có bằng lòng cho chị ấy ra đi phải không?

- Không.

- Tôi không dám chỉ vẽ anh nên sống như thế nào, tuy vậy tôi cũng mạo muội mạn đàm với anh về nghệ thuật sống. Tôi nghĩ rằng anh nên thoát khỏi lối sống khép kín của anh bấy lâu nay và chịu khó hòa mình vào với nhịp sống xung quanh. Trong khi tôi nói chuyện này với anh, chính tôi cũng đang kiểm điểm lại ký ức của mình. Tôi xin được phép chỉ cho anh một cách này, anh thử áp dụng xem sao? Mỗi tối khi tắt đèn vào giường nằm, anh hãy tưởng tượng nàng đang đứng ngay ở ngưỡng cửa phòng bên cạnh, một ngọn đèn nhỏ đủ cho anh có thể thấy rõ cả chiếc áo ngủ thướt tha phơ phất. Rồi nàng tình tứ bước tới bên giường anh, anh hồi hộp tránh đầu qua một bên gối dành chỗ cho nàng tựa đầu xuống sát bên anh. Anh có thể ngửi được mùi da thịt nàng thơm tho hơn bất cứ loại hương thơm nào trên trần gian này.

- Thôi đừng nói nữa. Adam hét to lên.

Ông Samuel vẫn dịu giọng:

- Chính tôi đã từng sống với một hình ảnh như vậy hằng đêm, từ tháng này qua năm nọ cho đến cả bây giờ. Đáng lẽ tôi thù ghét nàng, nhưng tôi không. Suốt bao nhiêu năm nay tôi đã lừa dối Liza. Tôi đã dành nhiều giờ tuyệt vời nhất cho cái thú thâm kín đó...

Hai bàn tay của Adam xoắn chặt vào nhau, mấy ngón tay trắng bệch vì máu không lưu thông được. Chàng gằn giọng:

- Ông làm tôi nghi ngờ cả chính mình. Ông luôn luôn làm tôi nao núng. Tôi sợ ông rồi. Tôi phải làm gì hả ông Samuel? Tôi sẽ phải làm gì bây giờ?

- Đâu có gì khó lắm. Việc anh phải làm là hãy tìm một Cathy thứ hai.

- Tôi thấy khó làm được điều đó quá. Adam nói.

- Cái đó là tùy anh. Tôi nói vậy là hết. Bây giờ tôi mới nói đến lý do cuộc viếng thăm hôm nay. Tôi đến đây để chào già biệt anh.

- Ông nói gì lạ vậy?

- Olive, con gái tôi mời Liza và tôi đến Salinas ở chơi với nó một thời gian. Ngày mốt chúng tôi lên đường.

- Vậy à, nhưng rồi ông sẽ trở về chứ?

Samuel nói tiếp:

- Sau khi vợ chồng tôi ở chơi với gia đình con Olive chừng một hay hai tháng, chắc sẽ đến lượt thằng George mời. Nó sẽ buồn tủi lắm nếu chúng tôi không đến Paso Robles thăm gia đình nó. Rồi sẽ đến phiên con Molie mời chúng tôi đến San Francisco. Rồi đến thằng Will và có lẽ đến lượt thằng Joe mời về miền Đông. Nhưng có lẽ sẽ lâu lắm mới trở về được.

- Ông không thích vậy sao? Ông đã làm lụng vất vả trên vạt đất cằn cỗi đó từ bao nhiêu năm nay rồi. Bây giờ ông cần phải nghỉ ngơi chứ.

- Tôi yêu thích vạt đất khô cằn đó của tôi. Ông Samuel đáp. Tôi yêu từng viên đá sỏi, yêu lớp đất cằn cỗi không có nước đó. Tôi tin rằng trong đó vẫn chứa sẵn sự sung túc. Khi anh nói rằng tôi đã đến lúc nghỉ ngơi, có nghĩa rằng đời tôi đã chấm dứt.

- Ông nghĩ vậy à?

- Tôi đã chấp nhận điều đó mà.

Adam hăng say nói tiếp:

- Ông có thể chấp nhận như vậy được và khi đã chấp nhận điều đó, ông coi như tách ra khỏi đời sống còn gì!

- Tôi biết điều đó.

- Nhưng không thể hành động như vậy.

- Tôi không muốn ông quyết định như vậy.

Samuel mỉm cười nhìn Adam:

- Tôi rất hài lòng được nghe anh có nhã ý đó về tôi! Được anh có bụng mẫn mà nói như vậy, tôi rất cảm ơn nhưng muộn rồi.

Bỗng Adam nhìn thẳng mặt ông Samuel để ông ta ngừng nói. Chàng nói tiếp:

- Tôi rất biết ơn những gì ông đã cố tâm giúp tôi. Bây giờ nếu tôi yêu cầu ông một điều, ông có sẵn lòng giúp tôi một lần chót để cứu vãn đời sống của tôi không?

Chàng vung tay thành một đường vòng cung về hướng tây.

- Về miếng đất ở góc đó. Ông có thể giúp tôi tạo dựng ngôi vườn mà chúng ta đã có lần bàn với nhau trước đây

không? Chúng ta có thể gây giống một số hoa.

Hoa bán được tiền lắm. Ông hãy tưởng tượng xem, nhiều mẫu đậu ngọt và vuông đất trồng loại hoa kim chấn thảo vàng rực.

- Anh làm tôi cảm động muốn khóc được.

Ông Samuel nói. Mắt ông đẫm nước mắt thật. Ông nói tiếp:

- Cám ơn anh lắm. Anh Adam ạ.

- Vậy ông nhận lời chứ?

- Không, tôi không làm được đâu. Nhưng tôi sẽ ghi nhớ điều này trong trí khi tôi ở Salinas, ngay cả lúc đang nghe William Jennings Bryan diễn thuyết. Có lẽ rồi tôi sẽ phải tin chuyện đó xảy ra.

- Ông đúng là một người bướng bỉnh.

- Đa sự mới đúng chứ. Samuel nói. Liza cho rằng tôi đa sự, nhưng bây giờ tôi đã bị màng lưới của các con tôi vây chặt. Nhưng tôi cũng thích như vậy.

□

Bữa ăn đã dọn sẵn trong nhà. Hai cậu bé ngoan ngoãn bước vào, đứng len lét nhìn ông khách.

- À, các cháu, lâu quá ông chưa có dịp đến thăm các cháu. Chính ông là người đã chọn tên cho các cháu đây. Cháu này là Caleb phải không?

- Con là Cal đây.

- Ngoan lắm, đúng cháu là Cal rồi nhé. Ông xoay qua đĩa kia:

- Còn cháu là Aaron phải không?

- Thưa ông, phải ạ.

Lee chen vào:

- Nó đọc với một âm a thôi. Đọc hai âm a các bạn nó chế diễu.

- Thưa ông, cháu có đến ba mươi lăm con thỏ giống Bỉ. Aaron nói. Ông có muốn xem chúng không?

- Ông thích xem lắm chứ Aaron!

Ông buột miệng hỏi Cal:

- Cal, cháu không phải là một người ưa làm vườn chứ?

Cal trả lời:

- Năm tới ba cháu sẽ giao cho cháu toàn quyền canh tác một mẫu đất trong nông trại của ba.

Aaron khoe:

- Cháu có một con thỏ đực nặng mười lăm cân Anh. Cháu sẽ tặng cho ba cháu vào dịp lễ sinh nhật sắp đến của ba.

Chợt nghe cửa phòng ngủ của ông Adam đang mở, Aaron vội nói nhanh:

- Ông đừng tiết lộ gì cả nhé. Cháu muốn giữ bí mật.

Adam bước vào vừa xắn tay áo lên, vừa ngồi xuống chỗ đầu bàn, ông nói:

- Hai con ngoan chứ!

Chúng đồng thanh đáp:

- Dạ ngoan, mời ba dùng bữa ạ.

Rồi Aaron dặn thêm ông Samuel:

- Ông đừng tiết lộ nhé!
- Ông không tiết lộ đâu. Samuel vui vẻ hứa.
- Không tiết lộ chuyện gì vậy? Adam hỏi.
- Tôi và con anh có một chuyện bí mật.

Hai đứa bé lạng lẽ ăn khá nhanh. Aaron nói:

- Chúng con đã ăn xong, xin phép đứng dậy trước ạ.

Adam gật đầu. Hai đứa bé bước nhanh ra ngoài.

Lee đem bình đựng cà phê bằng sứ ra đặt lên bàn, rót đầy ba tách rồi ngồi xuống. Anh ta áp hai lòng bàn tay quanh cốc cà phê nóng cho ấm. Chợt Lee cười lớn:

- Này ông Hamilton, ông đã làm nước Trung Hoa phát rối lên.

- Chú nói gì vậy Lee?

- Ông còn nhớ đã có lần ông đọc cho chúng tôi nghe mười sáu câu thơ ở đoạn bốn trong sách Sáng Thế Ký của Thánh kinh và chúng ta đã bàn luận với nhau về đoạn đó chứ?

- Nhớ chứ, nhưng lâu lắm rồi mà.

- Đã gần tới mười năm. Lee nói. Vâng càng nghĩ đến chuyện đó, tôi càng thấy thâm thúy. Nhớ lại những nhận định của mỗi người chúng ta, ta thấy không có gì trái ngược nhau chỉ có một điểm làm tôi thắc mắc. Đó là đoạn Thượng Đế hỏi Cain tại sao Cain nổi giận?

Theo bản dịch của King James thì như vậy:

“Nếu người làm lành há chẳng ngược mặt lên sao? Còn như chẳng làm lành, thì tội lỗi rình đợi trước cửa thềm người lắm, nhưng người phải quản trị nó”. Chính mấy tiếng “người phải quản trị nó” đã làm tôi thắc mắc, vì mấy tiếng đó rõ ràng là lời khuyên và hứa hẹn Cain sẽ thắng lướt được tội lỗi.

Ông Samuel gật đầu nói:

– Nhưng con cái Ngài đã không làm theo lời dạy của Ngài.

Lee nhấp một ngụm cà phê:

– Nhưng theo bản dịch mới thì câu đó hơi khác, “Người phải kiềm chế nó”. Đây không phải là lời khuyên mà là một mệnh lệnh. Tôi không hiểu nguyên văn của người chép nguyên thủy như thế nào.

Ông Samuel xòe tay chống lên mặt bàn, chồm người tới trước nói:

– Lee, bộ chú định học cả tiếng Hebrew để khảo cứu Thánh kinh sao?

– Tôi đâu dám có dự định đó. À, ông uống một chút rượu Ngũ Gia Bì nhé?

– Chú định mời tôi uống thứ rượu có mùi táo thối nhưng khá ngon đó phải không?

– Vâng, uống rượu đó tôi nói năng hoạt bát hơn. Lee đi lấy hũ rượu bằng sành và ba chiếc tách nhỏ bằng sứ mảnh khảnh và xinh xắn ngời ánh sáng. Vừa rót chất rượu màu sậm đen vào tách, Lee nói:

– Mời hai ông thưởng thức một chút rượu Trung Hoa thử xem.

Samuel nhấp vài hớp nói:

- Tôi không hiểu tại sao chú lại chú ý đến chuyện đó dữ vậy?

- Vâng, theo tôi nghĩ thì người nào tưởng tượng ra chuyện tích trữ danh này hẳn phải biết rõ những gì ông ta muốn nói và nhất định không có sự mơ hồ.

- Chú dùng danh từ người nào tức là chú không tin rằng Thánh kinh được sáng tác bởi bàn tay thiêng liêng của Thượng Đế dẫn dắt sao?

- Tôi nghĩ rằng chuyện tích này có lẽ là do một trí óc cao cả nhưng hơi lạ lùng đã sáng tạo ra. Thôi chúng ta nói qua chuyện khác. Tôi vừa đi San Francisco ghé lại ban quản trị của một tổ hợp gồm nhiều người trong họ của tôi thành lập. Ông có biết họ thế nào không? Các đại gia đình của tôi có những trung tâm mà bất cứ người nào cũng có thể giúp đỡ hay góp phần vào. Dòng họ Lee rất lớn và sẵn sàng cứu trợ bao bọc lẫn nhau.

- Tôi có nghe nói về những tổ chức như vậy. Ông Samuel nói.

Lee tiếp lời:

- Tôi đã tới đó vì trong dòng họ tôi có một số hiền nhân quân tử đã trở thành những học giả danh tiếng. Họ là những nhà tư tưởng uyên thâm.

Một người có thể mất nhiều năm suy ngẫm mới hiểu ý hết một câu của nhà hiền triết Khổng Tử. Tôi nghĩ rằng chắc những học giả ở đó có thể giúp tôi hiểu rõ.

Lee nhấp một hớp rượu sậm màu để thấm giọng nói tiếp:

- Tôi đã thành kính trình bày vấn đề mà tôi thắc mắc với một trong những học giả đó, đọc cho ông ấy nghe sự tích và nói những điều tôi hiểu. Ngay đêm sau, bốn vị đã họp mặt và gọi tôi vào, chúng tôi đã thảo luận với nhau về sự tích đó suốt đêm.

Lee cười khoái trá:

- Hai ông biết họ đã làm gì không? Họ bắt đầu học cổ ngữ Hebrew. Họ đã thọ pháp với một pháp sư thông thái của Do Thái giáo như những đứa trẻ mới đi học.

Tiếng Hebrew được viết bằng bút lông và mực xạ trông ngộ lắm. Chúng cùng một nguồn gốc mà.

- Chú cũng học chứ? Samuel hỏi.

- Tôi cũng có học theo họ, và hết sức thán phục óc thông minh lạ lùng của họ. Cách hai tuần tôi đi họp với họ một lần. Hiện trong phòng tôi vẫn còn giữ nhiều trang chữ viết, nhưng những vị học giả lớn tuổi luôn luôn nhớ nhiều hơn tôi. Chẳng bao lâu họ giỏi hơn cả ông pháp sư Do Thái, làm ông ta phải với thêm một đồng nghiệp tới hỗ trợ.

Sau hai năm chúng tôi đã có đủ trình độ để hiểu được mười sáu câu của chương bốn trong sách Sáng Thế Ký của Thánh Kinh, các vị học giả này nhận thấy rằng những tiếng đó rất quan trọng. Sau vụ đãi sạn tìm vàng này kết quả là: “người phải quản trị nó” hay “người nên chế ngự nó” đều sai. Phải nói: “người có thể chế ngự tội ác đó” mới đúng. Tiếng Hebrew nguyên văn là “Timshel”. Mấy vị học giả lão thành đã mỉm cười thỏa nguyện vì mấy năm bỏ ra để học tiếng Hebrew đã không đến nỗi uổng phí. Việc đó đã đem họ ra khỏi những lớp vỏ thủ

cụ về tiếng Trung Hoa của mình. Hiện giờ họ đang học tiếng Hy Lạp.

Ông Samuel nói:

– Câu chuyện anh vừa tiết lộ thật là lý thú. Nhưng tại sao một tiếng Hebrew đó lại quan trọng đến thế!

Lee rót thêm rượu vào mấy chiếc tách xinh xắn, tay anh ta hơi run. Anh ta cao giọng:

– Ông không thấy điểm quan trọng sao. Bản dịch mới của Hoa Kỳ thì dùng từ ngữ có ý nghĩ ra lệnh cho con người phải thắng vượt tội lỗi. Bản dịch King James lại dùng từ ngữ có nghĩa như một lời hứa ngầm con người chắc chắn sẽ thắng lướt tội lỗi. Nhưng nguyên văn Hebrew dùng tiếng “Timshel” nghĩa là “người có thể” ngầm ý cho một cơ hội chọn lựa.

Tiếng đó vô cùng quan trọng, nó cho thấy con đường vẫn mở rộng cho loài người. Nếu nói “người có thể” thì cũng có thể rằng “người có thể không”, ông thấy rõ như vậy chứ? Chính điều đó làm cho con người thành vĩ đại, vì trong sự yếu đuối xấu xa và trong tội ác giết em mình, Cain vẫn hoàn toàn tự do chọn lựa. Anh ta có thể chọn đường lối chống nghịch lại tội lỗi và thắng lướt nó.

Giọng Lee đầy vẻ đắc thắng.

Adam hỏi:

– Theo chú thì mấy ông cụ người Trung Hoa đó cũng tin Cựu Ước kinh sao?

– Những học giả này này tin vào sự thật. Họ biết thế nào là đúng, thế nào là sai. Họ là những người biết suy đoán chân giả. Họ biết rằng mười sáu câu đó là cả một sự tích về nhân

loại. Họ không tin rằng một tác giả đã viết mười lăm câu ba phần tư rất rõ ràng và một phần tư câu lại mơ hồ chỉ vì một động từ dùng sai. Khổng Tử dạy mọi người nên sống như thế nào để thành công ở đời. Nhưng câu này là nấc thang để lên tận các vì sao.

Cặp mắt Lee sáng ngời lên:

– “Các con nên nhớ điều này. Nhu nhược, hèn nhát và lười biếng sẽ làm các con quỵ ngã”.

Adam tỏ vẻ thán phục.

– Tôi không hiểu nổi làm sao chú vừa có thể lo nấu ăn, vừa săn sóc hai đứa nhỏ, vừa giúp đỡ công việc cho tôi, đồng thời còn thì giờ học hỏi nghiên cứu như vậy.

– Tôi chẳng tài cán gì. Lee nói. Nhưng tôi thấy rằng tôi là một người đàn ông, và theo tôi được làm đàn ông là một cái gì rất là quan trọng, có lẽ còn quan trọng hơn một vì tinh tú. Tôi có một niềm tin lớn lao về giá trị của con người. Con người là một thực thể độc đáo và cao quý trong vũ trụ. Dù bị chỉ trích, bị tấn công nhưng không bao giờ bị tiêu diệt bởi vì con người được tự do chọn lựa như Thánh Kinh chép “người có thể...”

Lee và Adam ra tận chòi ngựa để tiễn biệt Samuel. Lee cầm cây đèn bằng thiếc để soi đường, chiếc quai đèn kêu cút kít khe khẽ theo nhịp chiếc đèn lúc lắc trên tay Lee.

Con ngựa Dosology kiên nhẫn đứng đợi trong chuồng, đầu cúi gằm, cặp mắt lơ lơ nhìn mớ rơm khô dưới chân.

Adam nói:

– Ông dùng con ngựa này lâu ghê đấy chứ!

– Nó ba mươi ba tuổi rồi đó. Samuel nói. Rằng nó rụng hết trội. Tôi phải tự tay nuôi nó bằng thức ăn đặc biệt.

Adam đề nghị:

– Có lẽ ông nên giải thoát nó khỏi đau khổ là vừa.

– Đau khổ gì? Samuel hỏi. Theo tôi thấy thì nó là một trong những sinh vật sung sướng nhất trần gian. Chắc nó cũng nghĩ vậy, Adam anh giết nó giùm được không?

– Được chứ, tôi rất sẵn sàng. Nó đã ba mươi tuổi. Đối với loài ngựa, nó sống như vậy đã là quá mức rồi.

Lee đã đặt cây đèn xuống đất. Samuel ngồi xuống cạnh đó, tự động xòe hai bàn tay ra hơ trước ánh sáng vàng vọt của ngọn đèn cho ấm.

– Này Adam, tôi vẫn còn thắc mắc một điều.

– Điều gì vậy?

– Có thật anh muốn giết con ngựa già của tôi vì anh tin rằng cái chết dễ chịu hơn phải không?

– Vâng, tôi nghĩ rằng...

Samuel hỏi nhanh.

– Anh Adam, anh có yêu thích đời sống của mình không?

– Dĩ nhiên là không.

– Vậy nếu tôi có một liều thuốc vừa có thể chữa lành căn bệnh bi quan, nhưng đồng thời cũng có thể giết chết anh thì anh có sẵn sàng nhận không!

Lee vội can:

– Ông Hamilton, xin ông cẩn thận một chút.

Samuel ôn tồn nói:

- Chú cứ yên tâm, tôi nghĩ rằng lần này tôi không cần cẩn thận nữa. Nếu tôi sai lầm, tôi sẵn sàng nhận trách nhiệm. Adam, anh cần liều thuốc đó không?

- Vâng, tôi không biết liều thuốc đó loại gì, nhưng tôi xin sẵn sàng nhận.

- Anh Adam, Cathy hiện đang ở tại Salinas. Nàng đã đổi tên là Kate và làm chủ một ngôi nhà chuyên làm những chuyện xấu xa tồi bại nhất trong xứ. Đó là liều thuốc mà tôi định trao cho anh. Để xem nó sẽ có phản ứng nào đối với anh.

- Ông nói láo. Adam lớn tiếng.

- Không đâu. Tôi có nhiều tính xấu nhưng nói láo nhưt định là không.

Adam gầm lên hỏi Lee:

- Có đúng vậy không?

- Tôi không có liều thuốc giải độc nào hơn. Lee nói. Quả thật đúng như vậy.

Adam hơi loạng choạng trước ánh đèn bão rồi vụt bỏ chạy. Họ nghe tiếng những bước chân nặng nề của chàng đang chạy và thỉnh thoảng vấp một cái. Họ nghe rõ tiếng chàng bị vấp ngã vào bụi cây, tiếng chân khập khiễng lê bước lên dốc đồi. Tiếng chân dừng lại khi chàng đã lên tận đỉnh đồi.

Lee nói:

- Liều thuốc của ông có tác dụng như một liều độc dược rồi đó. Ông can đảm thật.

- Không, tôi là một người đã trọng tuổi. Vì lương tâm tôi buộc lòng phải nói cho anh ấy biết sự thật.

Lee hỏi:

- Ông thử đoán xem ông ấy sẽ hành động thế nào?

- Tôi không biết. Samuel nói, nhưng ít ra anh ấy cũng không đến nỗi ngồi ủ rũ một chỗ mà than thở. Chú cầm đèn cây đèn lên cho tôi thấy đường một chút được không nào?

Dưới ánh sáng vàng vọt của ngọn đèn bão, ông Samuel chụp cái hàm thiếc vào mồm con Dosology, chiếc hàm thiếc bằng thép mỏng và sơ sài.

Khi ngựa đã được buộc vào còng xe, Lee hỏi:

- Tôi ngồi chung với ông một quãng đường được không? Tôi sẽ đi bộ về.

- Được chứ, nào cùng lên. Ông sốt sắng nói và cố tình làm ngơ như không để ý gì đến việc Lee đỡ ông lên xe.

Đêm tối như mực, con Dosology đã già yếu không quen đi đâu nên cứ năm bảy bước lại vấp chân một cái.

Samuel nói:

- Chú Lee muốn nói gì thì cứ việc nói đi.

Lee không tỏ vẻ ngạc nhiên chút nào:

- Tối nay ông làm tôi sửng sốt hoàn toàn. Tôi cứ tưởng không có người nào, kể cả ông dám nói thẳng chuyện đó ra với ông Adam. Ông rất tốt bụng. Lòng tốt phát ra từ một tâm hồn đầy nhân ái.

- Nghe chú nói tôi lấy làm ngạc nhiên hết sức. Chính nhờ mấy tiếng trong Thánh kinh mà chú đã khổ công dịch lại đã làm tôi xúc động đến nghẹn ngào, đó là mấy tiếng “người có thể”. Sau khi cơn choáng váng lắng xuống, một con đường đã mở rộng mới mẻ và sáng sủa. Cuộc đời sắp tàn tạ của tôi dường như đang đi đến một kết cục tuyệt vời.

Trong bóng tối, Lee ghé sát mặt ông Samuel nói:

- Những vị cao niên trong dòng họ tôi đều có cảm nghĩ như ông.

- “Người có thể chế ngự tội lỗi”. Chỉ có thể.

Tôi không tin mọi người đều sa ngã. Tôi có thể kể ra với chú chừng một tá người không hề bị sa ngã. Họ chính là những người rất hiếm có trên cõi đời này.

Trong lãnh vực tinh thần cũng như ngoài mặt trận, chỉ những kẻ chiến thắng mới đáng kể, “người có thể... người có thể...”. Vinh dự thay! Thực ra chúng ta đều yếu đuối, bệnh hoạn gây sự, nhưng nếu tất cả mọi người đều như vậy thì từ nhiều ngàn năm trước con người đã bị tiêu diệt khỏi mặt đất, Lee ạ. Nhưng một số người đã chọn lựa, họ chọn lựa sự chiến thắng. Trước đây tôi chưa bao giờ hiểu cũng như chưa bao giờ nhìn nhận điều đó. Chú có hiểu tại sao tối nay tôi lại nói thật về chuyện Cathy cho Adam không? Tôi đã làm một cuộc thí nghiệm về sự chọn lựa. Nguyên tiếng đó là gì hả Lee?

- “Timshel”. Lee nói. Thôi ông dừng xe lại đây được rồi.

- Chú đi bộ từ đây về hơi xa đó.

Lee trèo xuống xe và gọi với lại:

- Ông Samuel.

- Tôi đây, anh định nói gì nữa đó?

- Vậy là ông sắp xa chúng tôi rồi.

- Thôi, tôi đi nhé.

- Chào ông. Lee nói rồi vội vã bước trở lại theo đường cũ. Anh ta nghe rõ tiếng bánh xe ngựa niềng sắt nghiêng lên mặt đường. Anh ta ngoái cổ lại nhìn theo chiếc xe trên dốc đồi. Anh thấy bóng ông Samuel nổi bật giữa nền trời, mái tóc bạc của ông nhuộm ánh sao mờ nhạt.

## Chương XI

Mùa Đông năm đó, ở Salinas có lụt lớn, lầy lội nhưng thú vị. Khi ánh nắng mùa xuân ấm áp chan hòa lên thung lũng, những cánh hoa đầu mùa cũng nở đầy mặt đất với đủ màu vàng, xanh dương và kim tuyến.

Chỉ có một mình Tom ở nhà coi sóc nông trại. Vào giữa trưa ngày mười lăm tháng ba, anh ngồi tiện chiếc ghế dài phía trước lò rèn, ánh nắng rực rỡ ban mai đã tắt, những đám mây đen đặc hơi nước từ phía biển kéo lên đỉnh núi, che mờ cả mặt đất.

Tom nghe tiếng móng ngựa gõ lộp cộp trên đường rồi thấy một cậu bé thúc cùi vào hông con ngựa đã mệt mỗi tiến về phía ngôi nhà. Anh đứng dậy bước ra đường. Cậu bé chạy tới, kéo mũ xuống lấy ra một chiếc phong bì màu vàng ném xuống đất, quày đầu ngựa phóng đi. Tom cố gọi hấn lại, nhưng thằng bé không nghe, phóng đi luôn. Anh đành trở vào ngồi lại trên chiếc ghế dài trước lò rèn, cầm bức điện tín trong tay mân mê vài giây trước khi mở phong bì đọc bốn chữ, trên đó ghi tên người, biển số và thời gian.

Anh chậm rãi gấp tờ điện tín lại nhiều lần cho đến khi tờ giấy nhỏ xíu chỉ còn bằng ngón tay cái. Anh đi bộ về nhà, ngang căn phòng khách nhỏ xíu, bước vào phòng ngủ. Anh lấy bộ đồ vét màu sẫm ra khỏi tủ, móc sẵn lên thành một chiếc ghế dựa, rồi lấy thêm một chiếc áo sơ-mi trắng và một cái cà vạt đen đặt lên mặt ghế. Xong, anh ngả lưng xuống giường quay mặt vào tường.

□

Những chiếc xe ngựa bốn bánh và những chiếc xe hai bánh ra khỏi nghĩa địa Salinas. George mời Adam Trask lên chiếc xe ngựa bốn bánh mượn của người khác, nhưng Adam từ chối. Chàng đi lang thang trong nghĩa địa, rồi ngồi lên bờ xi măng của miếng đất gia đình, nhìn dãy núi phía đông thung lũng Salinas với đỉnh núi Frémont ngạo nghễ ngự trị cả thung lũng.

Adam nhìn hình ảnh ông Samuel trên chiếc quan tài. Chàng không muốn tin rằng ông ấy đã chết. Khuôn mặt trên chiếc quan tài không giống ông Samuel lắm, chàng bỏ đi riêng một mình, để tưởng nhớ lại hình ảnh của ông ấy khi còn sống.

Nghĩa trang đã vắng hẳn người, từng luồng gió lộng thổi qua những cành trúc bá nặng trĩu. Adam cảm thấy nhuốm lạnh, đứng dậy chậm chạp bước ngang qua ngôi mộ mới. Những bó hoa nằm rải rác đầy trên nấm đất mới còn ẩm ướt. Gió đã thổi hết những bó hoa nhỏ xuống tận lối đi. Adam nhặt lên đặt lại trên nấm đất.

Chàng bước ra khỏi nghĩa trang, tới một quán rượu. Tại đây chàng đã tìm ra một địa chỉ mà chàng cần biết.

□

Vào một hôm buổi tối lầy lội bản thủ, Adam lội trên vĩa hè bùn lầy của con lộ Castroville đếm từng bước và cuối cùng dừng lại trước một ngôi nhà khá cao có những bụi rậm trước nhà làm chàng suýt bước qua luôn.

Chàng mở cổng bước vào một lối đi đầy cỏ dại. Cánh cổng gỗ rít lên khi chàng đi ngang qua.

Cửa chính của ngôi nhà mở ra, chàng thấy lờ mờ một khuôn mặt xuất hiện và nghe một giọng nói thật thấp:

– Mời ông vào ạ!

Phòng khách sáng mờ mờ bởi những ngọn đèn bầu nhỏ có chụp màu hồng. Adam cảm thấy dưới chân có lót thảm. Chàng nhận xét ngay rằng chủ nhân của ngôi nhà này giàu có và ngăn nắp.

Giọng trầm dịu vừa rồi hỏi tiếp:

– Xin lỗi quý danh ông là gì ạ?

– Ô, cô khỏi cần biết làm gì, Adam trả lời. Tôi cần gặp cô Kate một chút.

– Cô Kate đang bận. Ông có quen với cô ấy không ạ?

– Tôi không quen lắm. Chàng cảm thấy bối rối nói tiếp:

– Nhưng nhờ cô cứ bảo với cô ấy rằng có Adam Trask muốn gặp.

– Để tôi xem... Được rồi tôi sẽ nói giùm ông.

Bên cạnh của căn phòng là một cánh cửa dày và nặng, nằm lưng chừng lối đi. Cô gái đẩy mạnh cánh cửa biến mất ngay vào bên trong.

Adam ngồi xuống một chiếc ghế dựa.

Phòng riêng của Kate là một căn phòng sang trọng, ghế dựa thấp có nệm gòn bọc lụa, đèn có chụp cũng bằng lụa. Cuối phòng là một cái bàn giấy phía trên có treo một cây đèn đôi. Kate ngồi trong chiếc ghế xoay sau bàn giấy. Nàng vẫn còn đẹp, nhưng hai vai đã hơi sệ xuống, hai bàn tay đã dất đầu nhăn. Má hơi phệ và cằm có ngấn.

Cô gái đến bên cạnh bàn của Kate nói:

– Có một ông mới. Một người cao lớn xưng tên là Adam Trask muốn gặp chị.

Kate ngồi lặng đi giây lát rồi mới trả lời:

– Mời ông Adam Trask đó vào đây cho tôi.

Sau khi cánh cửa đã đóng lại, Kate mở hộc bàn bên phải, lấy ra một khẩu súng lục ngắn nòng. Nàng xem kỹ lại buồng đạn rồi đặt lên bàn, lấy một tờ giấy đặt lên. Hai tay nàng nắm chặt lại đặt lên bàn ngay trước mặt.

Khi nghe tiếng gõ cửa, nàng khó khăn lắm mới thốt lên được mấy tiếng:

– Mời vào.

Adam liếc quanh thấy Kate đang ngồi lặng lẽ sau bàn giấy. Chàng ngấm nàng rồi từ từ tiến về phía nàng.

Hai tay nàng rời nhau, tay phải xích lằn tới chỗ tờ giấy. Mặt nàng lạnh lùng không rời mắt chàng.

Adam nhận ra vết thẹo, cặp môi và chiếc cổ có ngấn của nàng. Chàng khẽ thở dài.

Bàn tay Kate hơi run. Nàng hỏi:

– Anh muốn gì?

Adam ngồi xuống một chiếc ghế dựa cạnh bàn giấy. Chàng muốn khóc vì xúc động nhưng cố trấn tĩnh nói:

– Bây giờ tôi cũng chẳng còn muốn gì nữa. Tôi chỉ muốn đến thăm em một lát thôi. Ông Sam Hamilton cho tôi biết em ở đây.

Kate dựa ngửa người ra thành ghế, mỉm cười nói:

- Anh làm tôi phát sợ. Tôi không biết anh định đến đây để làm gì.

- Tôi cũng chẳng biết đến để làm gì. Adam thần thờ nói và vẫn tiếp tục nhìn nàng chòng chọc như nàng không phải là người sống.

- Từ lâu nay, tôi vẫn mong gặp anh nhưng không thấy anh đến, tôi tưởng đã quên được anh.

- Tôi vẫn chưa quên em, nhưng bây giờ thì tôi có thể quên được rồi. Chàng nói.

- Anh nói vậy nghĩa là thế nào?

Chàng cười lớn:

- Tôi chỉ muốn nói rằng, bây giờ đã gặp lại em, đã thấy lại khuôn mặt mà từ lâu nay chỉ là một hình ảnh trong ký ức. Vậy là bây giờ tôi có thể quên em được rồi.

Nàng nheo mắt hỏi:

- Anh tin rằng anh có thể quên sao?

- Tôi tin rằng tôi có thể quên được.

Chàng tự nhiên cảm thấy nhẹ nhõm và tự tin ở mình, điều mà từ nhiều năm qua chàng không có được.

Nàng la lên:

- Anh cứ ngồi đó mà cười nữa đi. Anh thấy mình đã thanh thản rồi phải không? Tôi chỉ cần ngoắc tay một cái là anh lại trở lại năn nhĩ ỉ ôi như cũ ngay.

Adam vẫn mỉm cười nói:

- Tôi vẫn thắc mắc không biết em ghét cái gì hơn thế?

Tánh thận trọng của nàng biến đi đâu mất, nàng trả lời:

- Anh muốn biết hả? Không phải sự thù ghét mà chính là sự khinh bỉ. Hồi còn con gái, tôi đã ghét sự dối trá, ngu xuẩn mà cứ cho là chân thiện của mọi người. Thật ra tôi biết rõ họ rất xấu. Tôi có thể bắt họ làm bất cứ việc gì tôi muốn.

Adam nhếch mày hỏi:

- Em cho rằng cả thế gian này chỉ có điều ác và cuồng dại cả sao?

- Tôi hoàn toàn nghĩ đúng như vậy.

Adam lặng lẽ nói:

- Tôi không tin như vậy.

- Anh không tin hả? Vậy anh có muốn tôi chứng minh cho anh thấy không?

- Em không chứng minh được đâu.

Nàng lục trên bàn mình lấy ra một phong bì màu nâu nói:

- Anh hãy nhìn những bức hình này xem.

- Tôi không muốn xem làm gì vô ích.

Nàng rút ra một số hình:

- Tôi sẽ cho anh thấy. Hãy nhìn cái này. Và cái này nữa. Đây là hình những nhân vật tai to mặt lớn chung quanh vùng này.

Adam thở dài:

- Nếu tôi có những tấm hình đó trong tay và nếu họ biết được, tôi chắc mạng sống mình sẽ không bảo đảm chút nào. Tôi đoán rằng, chỉ cần một trong những bức hình đó cũng đủ phá hại đời sống của một người đàn ông rồi. Em có bị đe dọa gì không?

Nàng mỉm cười:

- Không ai có thể làm hại tôi cả.

Nàng chỉ tay vào chiếc tủ nhiều ngăn.

- Tôi có hàng trăm tấm hình trong đó và những người đó biết rằng nếu có bất cứ việc gì xảy đến cho tôi thì hàng trăm lá thư kèm hình ảnh sẽ bị phanh phui. Vì thế họ không dám làm gì đến tôi đâu.

Adam hỏi:

- Nhưng giả sử em rủi ro gặp một tai nạn nào chẳng hạn thì sao?

- Cũng chẳng có gì khác đâu.

Nàng chồm tới trước nói tiếp:

- Tôi xin tiết lộ với anh một bí mật, chỉ trong vòng vài năm nữa, tôi sẽ rời khỏi đây, tôi sẽ tới một đô thị lớn như New York chẳng hạn. Lúc đó, những lá thư này sẽ được gửi đi.

Nàng tựa người ra thành ghế cười lớn một cách khoái trá.

Adam điếng người đến run lên. Chàng vẫn thấy khuôn mặt nàng đầy vẻ ngây thơ của trẻ con. Chàng đứng dậy ấp úng.

- Tôi không hiểu ... Tôi biết, nhưng tôi không thể nào tin. Dù sao em cũng là mẹ của hai đứa con tôi, nhưng không thấy

em hỏi gì tới chúng nó. Em là mẹ của hai thằng nhỏ của chúng ta phải không?

Kate chống cùi chỏ xuống đầu gối và tì tay dưới cằm. Hai mắt nàng sáng ngời lên đặc thảng.

– Con anh à? Tôi là mẹ của chúng, điều đó đúng, nhưng chắc gì anh đã là cha của chúng?

Adam há hốc mồm hỏi:

– Cathy, em nói vậy nghĩa là thế nào?

– Anh còn nhớ Charles chứ?

– Cô là một con quỷ cái. Adam nói. Nhưng cô tưởng tôi sẽ nghi ngờ em ruột tôi sao? Không, tôi chẳng bao giờ tin như vậy đâu.

– Nhưng rồi anh sẽ tin. Bây giờ anh ngạc nhiên, nhưng rồi anh sẽ nghi ngờ. Anh nhớ lại tất cả thái độ của Charles thử xem.

Adam lắc đầu nói:

– Dù có thật vậy đi nữa, cũng chẳng có quan hệ. Chẳng có gì đáng kể.

Bỗng chàng cười lớn vì biết rằng đúng như vậy. Chàng tiến ra cửa.

Trong mắt Kate long lên ánh mắt thù ghét. Nàng hét lên.

– Adam, tôi ghét anh, tôi thù anh! Adam, anh nghe rõ chưa? Tôi thù ghét anh!

Adam từ từ quay lại. Chàng nhìn Kate mỉm cười, nụ cười của một người đàn ông đang cười cợt một hình ảnh trong ký

ức mình. Rồi chàng bước ra khỏi phòng đóng cửa lại cẩn thận.

□

Đám tang ông Samuel và cuộc tái ngộ với Kate đáng lẽ làm cho Adam buồn bã và cay đắng hơn, nhưng trái lại, chàng cảm thấy vui vẻ trẻ trung và yêu đời hẳn lên. Xuống khỏi tàu hỏa tại King City, đáng lẽ đi thẳng tới chỗ gửi ngựa và xe của mình, thì chàng lại đi bộ đến nhà để xe mới của Will Hamilton.

Will đang ngồi trong văn phòng mà xung quanh lấp toàn kiếng thay cho tường. Thấy Adam bước vào, anh ta ngẩng đầu lên chỉ tay mời chàng ngồi vào một trong những chiếc ghế dựa lớn bọc da mà anh đã đặt sẵn để mời những khách quý ngồi.

Adam ngồi xuống nói:

- Tôi đến để có lời chia buồn cùng anh và cả tang quyến.
- Cám ơn ông. Thật buồn cho chúng tôi. Ba tôi rất được mọi người thương mến.

Adam xúc động nói:

- Một người hiền đức như ông không bao giờ chết hẳn trong lòng mọi người. Tôi không tin rằng ông ấy lại có thể chết được. Hình ảnh ông ấy vẫn sống động trong tâm hồn tôi hơn bao giờ hết.

- Đúng như vậy. Will nói.

Nhưng thật ra, anh không hề nghĩ như Adam. Đối với Will cha anh đã chết hẳn rồi. Anh hỏi Adam:

- Ông sắp về trại bây giờ chứ?

- Vâng, tôi sắp về nhưng tôi đến đây thăm anh và luôn thể định hỏi mua một chiếc xe hơi.

Will tươi tỉnh hẳn lên:

- Tôi vẫn nghĩ rằng ông là người cuối cùng trong thung lũng mua xe hơi.

Anh ta nheo mắt cố quan sát phản ứng của Adam.

Adam cười ha hả nói:

- Tôi đáng được hưởng như vậy lắm chứ. Chính ba anh đã giúp tôi có được sự thay đổi lớn lao trong đời sống. Nhưng bây giờ, chúng ta nên bàn về vụ mua xe hơi đã.

- Tôi sẵn sàng giúp ông. Tôi có thể cung cấp đủ xe cho bất cứ ai ghi tên đặt mua.

- Vậy hả? Anh ghi tên tôi vào danh sách ngay đi.

- Tôi lấy làm sung sướng giúp ông, bởi vì ...

Will ngập ngừng một vài giây rồi nói tiếp:

- Ông rất thân thiết với gia đình tôi, nên chiếc xe đầu tiên được đưa về đây tôi sẽ dành cho ông.

- Cám ơn. Má anh chắc đau khổ lắm?

Will dựa lưng ra thành ghế mỉm cười thân mật:

- Má tôi là một người đàn bà đảm đang. Bà vững như đồng. À, sau đám tang, ông có ghé lại nhà của chị Olive không?

- Không, tôi không ghé.

- Thế à! Có hơn một trăm người đã lại thăm. Mẹ tôi đã rô ti cả mớ gà đủ cho mọi người ăn một cách thong thả.

Adam lẩm bẩm lặp lại một câu nói của Will:

– “Một người phụ nữ đảm đang”.

– Bà ấy đảm đang vô cùng. Bà biết rằng những người khách đến thăm cần được đãi ăn, và bà đã lo cho họ thật đầy đủ, bà nhỏ con nhưng làm lụng giỏi hơn bọn tôi nhiều.

Trên đường về trại, Adam nhận thấy rằng mình đã bắt đầu chú ý đến những điều mà từ nhiều năm nay không hề quan tâm. Chàng nhìn những khóm hoa dại mọc giữa đám cỏ dày, và nhìn những con bò cái lông đỏ đang gặm cỏ trên các sườn đồi. Khi về đến địa phận nông trại của mình, Adam thấy sung sướng đến nỗi chàng phải ngạc nhiên không hiểu vì sao. Đột nhiên chàng nhận thấy mình đang nói lớn theo nhịp chân ngựa:

– “Tâm hồn ta đã thanh thản, không còn phiền muộn chút nào nữa. Ta đã thanh thản hoàn toàn. Hình ảnh nàng đã chết hẳn trong lòng ta. Ô! Chúa ơi, tôi đã được giải thoát”.

□

Lee bước ra khỏi nhà để đón Adam! Anh đứng trước đầu ngựa trong khi Adam trèo xuống xe.

Adam hỏi:

– Hai thằng nhỏ chơi chứ?

– Vâng, chúng vẫn khỏe. Tôi có làm cho chúng hai cây cung và một mũi tên, nên chúng vừa đi săn thỏ ở khúc sông phía dưới.

– Mọi việc bình thường cả chứ?

Lee trở mắt nhìn chàng định bày tỏ nỗi ngạc nhiên của mình, nhưng anh đổi ý hỏi trở qua chuyện khác:

– Đám tang thế nào?

– Thật đông người. Adam trả lời. Ông ấy có rất nhiều bạn bè. Tôi vẫn không thể nào tin được rằng ông ấy mà lại chết được.

– Dân Trung Hoa chúng tôi thường mai táng người chết với kèn trống và rải giấy tiền để trừ khử ma quỷ và đặt heo quay lên mộ thay vì đặt hoa. Dân tộc tôi rất thực tế và luôn luôn háu ăn. Nhưng ma quỷ của chúng tôi thì không khôn lắm. Chúng tôi có thể đánh lừa chúng ...

– Tôi nghĩ rằng chắc Samuel thích được làm tang ma kiểu đó. Adam nói.

Thấy Lee vẫn nhìn mình chăm chăm, chàng bảo:

– Mở ngựa ra dùm đi Lee, rồi pha một ấm trà uống cho ấm bụng. Tôi có chuyện muốn nói với chú.

Adam đi vào nhà cởi bộ đồ màu đen ra, tắm rửa bằng xà bông thật sạch sẽ. Chàng bận một chiếc sơ mi màu xanh dương và tròng vào một bộ đồ bận ngoài cùng màu thường bận trong lúc làm việc đã bạc màu ở đầu gối. Rồi chàng bước vào phòng khách.

Lee đã dọn sẵn ra một cái tách và một lọ đường trên bàn, cạnh đó là một chiếc ghế dựa. Adam nhìn quanh những tấm màn bằng vải bông đã giặt nhiều nước nên sắc hoa đã phai nhạt. Chàng thấy mấy tấm thảm trải nhà và một lối đi dọc theo hành lang bằng vải bố trắng dầu đã sờn rách. Đây là lần đầu tiên chàng để ý đến mấy thứ đó.

Khi Lee mang bình trà vào, Adam nói:

- Lấy thêm một cái tách phần chú vào đây luôn thể. Nếu chú thích uống rượu gì riêng của chú đó thì cứ mang vào đây, tôi có thể uống với chú một chút. Tôi có chuyện cần nói.

Lee xuống bếp lấy một cái tách trà và hai cái ly, với hũ rượu Ngũ Gia Bì đặc biệt của mình ra.

Vừa bước vào phòng khách, Lee vừa nói:

- Tôi nhớ những lần uống thứ rượu Ngũ Gia Bì này cách đây nhiều năm và đều có mặt ông Hamilton.

- Lần đặt tên cho hai thằng nhỏ cũng uống rượu trong hũ này phải không?

- Vâng cái hũ này.

Lee rót chất nước trà xanh pha nước sôi ra tách. Chú hơi nhăn mặt khi thấy Adam bỏ hai muỗng đường vào tách trà của chàng.

Adam khuấy tách trà của mình và nhìn những hạt đường trong suốt chạy tán loạn rồi tan mất vào chất nước lỏng.

Chàng nói với Lee:

- Tôi vừa đi thăm nàng về đây.

- Tôi cũng đoán vậy, bà ấy ra sao?

Adam chậm rãi trả lời:

- Tôi cũng chẳng hiểu nữa. Tôi không thể ngờ được rằng trên thế gian này lại có loại người như vậy.

- Điều đáng tiếc là người Tây phương các ông không tin ma quỷ nên không giải thích được những trường hợp như vậy.

- Tôi như vừa tỉnh dậy khỏi cơn mê, Adam nói. Một gánh nặng trong tôi đã được trút bỏ. Từ nay tôi có thể vững tâm sống với các con tôi.

- Tôi tin rằng ông sẽ yêu thích chúng nó.

- Vâng, ít ra tôi cũng sẽ tự thử thách mình một phen. Chú rót thêm cho tôi một ít trà nữa đi.

Lee rót trà vào tách cho Adam rồi rót luôn cho mình một tách. Adam quan sát nét mặt của Lee và thấy rằng anh ta cũng không còn trẻ nữa. Má anh ta đã bắt đầu có vài nét nhăn và da mặt ửng lên.

Lee nhìn vào tách trà trong tay mình nói:

- Nếu ông đã thức tỉnh không còn phiền muộn nữa, ông có thể chăm sóc hai đứa nhỏ và cho phép tôi rời khỏi đây được không?

- Dĩ nhiên là chú có thể đi, nhưng ở đây chú không thấy sung sướng sao?

- Tôi không rõ quan niệm của ông thế nào là sung sướng. Riêng tôi thì cho rằng sự bằng lòng là điều rất cần thiết, nên tôi không nghĩ rằng một người đàn ông có thể hài lòng khi hẳn còn nhiều việc cần chưa thực hiện được.

- Chú còn những việc gì cần thực hiện hả Lee?

- Tôi đã có dịp nói chuyện đó với ông Hamilton. Tôi đã từng dự định mở một tiệm sách tại San Francisco, nhưng đã phải nấn ná ở lại để giúp hai đứa nhỏ. Nay nếu ông đã tươi tỉnh khỏe khoắn tự lo việc nhà được rồi, tôi muốn thực hiện dự tính đó của mình.

Adam ngồi im lặng lẽ quây đường trong tách trà của anh một lát mới nói:

- Dĩ nhiên là chú có thể đi nếu chú muốn.

Rồi chàng thẳng vai lên nói:

- Chú có thể nán lại một thời gian ngắn nữa được không?

- Chi vậy ông?

- Tôi muốn chú giúp tôi cho quen với hai thằng bé đã. Tôi muốn giải quyết vấn đề nông trại này, hoặc bán hoặc cho thuê. Bỗng nhiên tôi muốn thăm lại cậu em trai tôi. Có thể sẽ đi thăm nó một chuyến.

Lee hỏi:

- Ông không giăng bẫy với tôi chứ? Ước muốn của tôi sau nhiều năm không còn mạnh mẽ như lúc đầu nữa. Tôi sợ rồi đây sẽ quên luôn. Lúc này sợ dĩ tôi nhắc lại vì còn thấy cần. Đối với một người đàn ông cô độc như tôi, lời nài nỉ của ông là một miếng mồi hấp dẫn đáng sợ.

Adam nói:

- Cô độc hả? Tôi mất nhiều ngày tháng để chiêm nghiệm về điều đó rồi.

- Ông Hamilton rất hiểu ông. Lee nói. Anh ta ngẩng đầu lên nheo mắt nói tiếp. Người Trung hoa chúng tôi biết tự kiềm chế không để lộ cảm xúc của mình ra ngoài. Tôi rất mến ông Hamilton. Nếu ông cho phép, tôi muốn đi Salinas ngay ngày mai.

- Muốn làm gì anh cứ việc làm theo ý mình. Adam nói. Anh đã giúp tôi quá nhiều rồi.

- Tôi muốn rải một ít giấy tiền và đặt một con heo quay nhỏ lên mộ của ông ấy.

Adam đẩy ghế đứng dậy, uống một tách trà rồi bỏ đi ra khỏi phòng để Lee ngồi lại một mình.

## Chương XII

Năm đó mùa mưa không lớn, nên dòng sông Salinas không gây lụt lội như những năm khác. Rặng liễu trên bãi cát bồi bên bờ sông trở lá xanh tốt và những dây dâu dại nứt những chồi mới nhọn hoắc trên mặt đất vào tháng ba, trời rất ẩm áp.

Hai chú bé đang bò trong rặng liễu. Chúng mang theo trên vai trái ống đựng mũi tên. Đứa nào cũng bận bộ đồ màu xanh nhạt và dắt một cái lông đuôi gà tây trên trán quấn chặt bằng một chiếc băng vải.

Hai chú bé cúi rạp mình bò tới một cách thận trọng, dùng các đầu ngón chân ấn sâu xuống đất trườn tới như mọi da đỏ. Chúng chụm đầu quan sát một con thỏ chết vì một mũi tên bằng tre xuyên qua ngực.

– Xuyên đúng ngay tim.

Caleb nhận xét coi như không có cách nào khác hơn.

– Tôi có thể tin chắc rằng anh đã bắn trúng nó chứ không phải tôi. Mũi tên thật hay.

– Ừ, đúng vậy, Aaron nói.

– Tôi sẽ cho bà và chú Lee biết tài bắn cung của anh.

– Tao không muốn nhận hết công trạng về phần mình. Aaron nói, còn mày thì sao. Tại sao chúng ta không nói rằng cả hai đều bắn và chúng ta không biết mũi tên của ai đã trúng đích.

– Nếu vậy thì đúng là mũi tên của tôi đã trúng đích.

- Không, không phải đâu.
- Anh nhìn kĩ chùm lông ở đuôi mũi tên xem. Anh thấy cái khóa không. Đó là của tôi mà.
- Đâu có khác gì mấy mũi tên khác trong ống của tao? Tao không nhớ khóa nào cả.
- Có lẽ anh không bắn trúng, nhưng tôi sẽ nói là công của anh.

Aaron tỏ vẻ biết ơn nói:

- Đừng, Cal. Tao không muốn vậy đâu. Chúng ta cứ nói là cả hai cùng bắn.

Cal nhặt con thỏ lên:

- Được rồi, nếu anh muốn.
- Chúng ta nên về thôi, Aaron nói. Bây giờ có lẽ ba đã về rồi.

Cal nói:

- Chúng ta làm thịt con thỏ này mời ba ăn mới chúng ta rồi thức cả đêm cho vui.

- Trời lạnh lắm. Mà có nhớ hồi sáng mà lạnh run không?
- Đâu có gì là quá lạnh đối với tôi. Cal nói. Tôi chưa bao giờ thấy lạnh cả.

- Sáng nay mà run mà.

- Không, không phải đâu. Tôi nhại anh đó, anh vừa run vừa nghiến răng như một em bé còn bú sữa. Anh có cho rằng tôi nói láo không?

- Không, Aaron nói. Tao không muốn gây sự với mà.

– Anh sợ sao?

– Không, chỉ vì tao không muốn thôi.

Aaron chậm rãi bỏ đi, cặp mắt xanh của nó mở lớn. Nó có một chiếc miệng khá xinh. Tóc nó mềm và vàng óng. Ánh nắng rục rỡ trên đầu tóc nó.

Nó bối rối hết sức. Nó thường hay bị như vậy. Nó biết rằng em nó kỳ cục nhưng không hiểu tại sao. Đối với nó Cal thật khó hiểu.

Cal trông rất giống Adam. Tóc nó màu nâu sậm. Nó to con hơn anh, cằm vuông đầy vẻ cương quyết như của Adam. Mắt nó cũng màu nâu và trầm ngâm, đôi lúc sáng ngời lên như màu đen.

Khi Cal thấy anh bỏ đi, nó khẽ mỉm cười gọi:

– Aaron, đợi tôi với!

Khi bắt kịp anh, nó choàng tay quanh vai anh, đưa con thỏ ra nói:

– Anh cầm con thỏ đi. Đừng giận tôi nhé!

– Mà lúc nào cũng ham gây sự. Aaron nói.

– Không phải vậy đâu. Nếu anh muốn, chúng ta nên về bây giờ cũng được.

Aaron mỉm cười hài lòng. Hắn luôn luôn tỏ vẻ dễ chịu khi em mình hết gây gổ. Hai thằng bé ra khỏi rặng thông bước vào đường đất bằng phẳng.

Cal nói:

– Cả vùng đất này là của chúng ta.

- Cửa ba chứ. Aaron cãi lại.
- Nhưng khi nào ba qua đời, ruộng đất sẽ thuộc về chúng ta.

Đấy là một ý kiến mới lạ đối với Aaron:

- Mà nói sao, khi nào thì ba chết?
- Mọi người đều phải chết. Cal nói. Cũng như ông Hamilton đã chết.
- Ô, phải rồi, ông ấy đã chết. Aaron không thể nối kết được hai sự kiện: ông Hamilton chết và ba nó còn sống.
- Họ bỏ ông ấy vào một cái hộp gỗ rồi đào một cái lỗ bỏ xuống. Cal nói.
- Tao biết rồi mà. Aaron định chuyển qua chuyện khác.
- Tôi biết một chuyện bí mật.
- Chuyện gì vậy?
- Sợ anh mét với ba.
- Không, nếu mày không muốn, tao sẽ không nói đâu.
- Anh biết má chúng ta hiện giờ ở đâu không?
- Bà ấy đã chết.
- Không, chưa chết đâu.
- Má chết thật mà.
- Má trốn đi. Tôi nghe có người nói như vậy.
- Họ nói láo. Ba nói rằng má hiện giờ đã ở trên Thiên Đường. Aaron cãi.

Cal trầm ngâm nói:

- Trước sau gì tôi cũng sẽ đi tìm má, đem má trở về với anh em mình.

- Má đã lên Thiên Đường. Aaron quả quyết nói. Bộ ba tụi mình nói láo sao?

Hắn nhìn em như muốn năn nỉ nó đồng ý với mình. Cal vẫn không nói gì.

- Ai đã nói như vậy? Aaron hỏi.

- Mấy người lạ. Họ nói chuyện với nhau tại sở bưu điện. Em tình cờ nghe lỏm được. Họ không ngờ em nghe lén.

- Tại sao mà trốn nhà bỏ đi? Aaron hỏi.

- Làm sao tôi có thể biết được? Chắc tại má không thương chúng ta chứ gì?

Aaron tỏ vẻ hồ nghi nói:

- Không đúng vậy đâu. Mấy người đó nói láo. Tao hỏi chú Lee rồi. Mà biết chú ấy bảo sao không? Má em rất thương hai em và hiện giờ vẫn còn thương. Rồi chú Lee chỉ vào một ngôi sao bảo rằng có lẽ đó là mẹ chúng ta. Bà vẫn thương chúng ta mãi mãi chúng như ánh sáng từ ngôi sao đó không bao giờ tắt. Bộ mà dám cho rằng chú Lee nói láo sao?

Qua cặp mắt đẫm lệ của mình, Aaron thấy cặp mắt em mình ráo hoảnh và cương quyết.

Cal quan sát anh, thấy đôi môi Aaron run run, nhưng hai lỗ mũi anh mấp máy. Aaron có thể khóc, nhưng đôi khi anh cố kìm hãm lại, những lúc đó Aaron rất nguy hiểm. Cal thương hại bèn nói:

- Tôi nói chơi đó Aaron, tôi nói chơi thôi mà. Aaron dịu xuống. Mặt hắn vừa đau khổ vừa bối rối:

- Tao không thích thứ nói đùa đó. Hắn hỉ mũi rồi đưa tay áo lên chùi.

Cal đến gần anh choàng tay ôm Aaron nói:

- Từ nay tôi sẽ không nói đùa như vậy nữa.

Hai cậu bé lặng lẽ bước đi. Bóng ngày tàn dần. Cal nhìn những đám mây đen bị ngọn gió thán ba đùa vẩn vũ trên đỉnh núi.

- Trời sắp mưa lớn rồi. Cal nói.

- Mà có nghe mấy người nào đó nói như vậy thật không?

Cal nói nhanh:

- Tôi tưởng mình nghe vậy chứ chưa chắc đúng. Nhìn mây kia!

Aaron nhìn lên những đám mây đen kì dị. Từng cuộn mây khổng lồ chồng chất lên nhau mưa bắt đầu nhỏ hạt. Giữa đám mây chớp lóe lên. Hai chú bé cắm đầu chạy nhanh về nhà.

Khi chúng đã chạy vào con đường đất theo vết bánh xe dẫn ngay vào ngõ nhà, mưa đã rơi đều trên người chúng. Mưa rơi từng màn từng lớp mịt mù. Chúng đã ướt nhẹ, tóc tai, đầu cổ nước ướt sũng chảy ròng ròng xuống mắt. Chiếc lông gà tây trước trán cũng bị nước làm ngã nghiêng.

Cả hai đều đã ướt như chuột lột, có chạy thêm cũng chẳng ích gì nên chúng không thèm chạy nữa, nhìn nhau cười ha hả một cách vui thích.

Aaron ném tung con thỏ lên cao rồi chụp lấy chuyền cho Cal bắt chơi. Cal nghịch ngợm vắt con thỏ quanh cổ, đầu con vật nằm một bên hai chân sau và đuôi thổng bên kia cầm. Cả hai cậu bé chùng đầu vào nhau cười ngặt ngoẽo trong khi mưa trút như thác, chảy ào ào lên những cây sồi gần nhà.

□

Hai cậu bé về gần nhà vừa đúng lúc thấy Lee trùm áo mưa bằng vải dầu màu vàng đang dẫn ngựa và một cỗ xe về phía chái để ngựa.

Cal nói: “Có ai đến nhà kì!”.

Cả hai lại cầm đầu chạy để mau về nhà xem khách nào tới. Chạy vào tận thềm nhà chúng mới dừng lại rón rén đi vòng quanh nhà xem thử khách lạ nào tới, vì chúng sợ nếu xông xộc đi vào sẽ thất lễ. Chúng vòng ra phía sau bếp, lén nghe tiếng nói chuyện trên phòng khách. Chúng nghe rõ tiếng cha mình và tiếng một người khách đàn ông, chen vào là một giọng the thé làm chúng nhói cả ruột gan, ớn lạnh tận xương sống. Đó là giọng của một người đàn bà. Hai chú bé này ít có dịp gặp các bà. Chúng nhón chân rón rén đi vào phòng riêng của chúng, đứng nhìn nhau ngơ ngác.

– Anh thử đoán xem giọng đàn bà đó là của ai? Cal hỏi.

Niềm xúc cảm như một luồng ánh sáng lóe lên trong tâm hồn Aaron. Nó muốn nói thật lớn: “Có lẽ đó là mẹ chúng ta. Có lẽ bà đã trở về”. Nhưng chợt nhớ ra rằng bà đang ở trên Thiên Đường và không ai có thể từ đó trở về được. Nó nói:

– Tao không biết. Tao phải thay đồ khô đã.

Hai chú bé thay quần áo khô, giống hệt bộ đồ vừa bị ướt. Chúng gỡ chiếc lông gà tây ướt trên đầu xuống, đưa mấy ngón tay lên chải sơ lại tóc. Người lạnh run, chúng lắng tai nghe, có giọng nói của một đứa con nít, giọng con gái. Chúng bị xúc động đến nỗi không tin mình đã nghe đúng.

Chúng rón rén đi lần lên phía nhà trên, chúng sè sẹ bò tới gần cửa sổ phòng khách. Cal sè sẹ vặn nắm cửa, bé mở nhẹ để khỏi gây tiếng động. Cửa chỉ hé hé một chút thôi. Chợt Lee bước vào. Thấy vậy Lee nói.

– Ô, chú bé về rồi hả?

Cal vội khép cửa lại. Lee nói nhanh:

– Đây là nhà của ba cậu mà. Cứ vào đi.

Aaron khàn khàn hỏi nhỏ:

– Ai ngoài đó vậy?

– Chỉ là khách qua đường. Trời mưa quá nên họ ghé vào trú mưa.

Lee chụp tay lên bàn tay Cal đang cầm nắm cửa, mở hẳn ra, nói lớn:

– Hai chú bé đã về rồi đây.

Adam gọi:

– Hai đứa vào đây. Vào đây ba bảo.

Hai chú bé cúi gầm mặt vừa chậm chạp bước tới vừa liếc mắt nhìn mấy người khách lạ. Khách lạ gồm một người đàn ông ăn vận theo lối tỉnh thành và một bà ăn vận thật kì dị. Dưới mắt hai chú bé, bà ấy hình như chỉ bận toàn bằng lụa đen có viền ren. Bên cạnh bà ta là một cô bé gái. Có bé đội

một cái nón màu xanh có viền đen quanh trán. Cô ta bận áo bông, váy xòe. Hai chú bé không thấy rõ mặt cô ta vì chiếc nón che hết nửa mặt.

Cả hai chú bé gần như không dám thở.

Cha chúng giới thiệu với khách.

– Đây là hai thằng con tôi. Chúng là hai anh em song sinh. Thằng kia là Aaron, còn thằng này là Caleb. Này hai con, bắt tay chào mấy người khách của chúng ta đi nào.

Hai đứa bé cúi gằm mặt bước tới e dè chìa tay ra đằng trước. Ông khách bắt tay chúng trước rồi đến bà khách. Aaron bắt tay hai ông bà khách xong liền quay đi không bắt tay cô gái, nhưng má cô ta hỏi:

– Cậu không chào con gái tôi một tiếng sao?

Aaron sợ run, chìa tay về phía cô gái, mặt nhìn chỗ khác. Nhưng cô gái kia không bắt tay. Tay Aaron vẫn để khơi khơi trong không khí trước mặt nàng. Aaron rụt rè lên nhìn xem cô bé xem ra sao.

Cô bé cũng cúi gằm mặt xuống, lợi dụng vành mũ che mặt. Bàn tay phải nhỏ nhắn của cô ta đeo một chiếc nhẫn ở ngón giữa chìa ra nhưng không với tới tay Aaron.

Cậu bé liếc nhìn về phía thiếu phụ. Bà đang mỉm cười. Cả phòng lạnh ngắt. Aaron nghe tiếng cười khúc khích của Cal.

Aaron chồm tới cầm bàn tay cô bé lắc lên lắc xuống ba cái. Bàn tay cô bé mềm và nhẹ như những cánh hoa. Hấn có cảm giác êm ái hết sức. Hấn bỏ tay xuống thọc vào túi quần sau. Khi Aaron vừa vội vã thụt lùi, Cal bước tới bắt tay cô bé một cách đàng hoàng kèm một câu chào hỏi: Cô mạnh khỏe chứ?

Aaron quên nói câu đó. Bây giờ hẳn mới bắt chước Cal nói theo nên nghe lặt lẻo quá. Ba nó và mấy người khách cười lớn.

Adam nói với hai con:

– Đây là ông bà Bacon bị mắc mưa thành linh nên vào ghé thăm nhà chúng ta. Ông Bacon là hạt trưởng của hạt mình.

Ông Bacon nói với hai chú bé:

– Đây là Abra, con gái tôi. Tên nghe hơi kỳ cục phải không hai cậu?

Ông dùng giọng người lớn nói đùa với trẻ con. Rồi quay lại phía Adam ông nói với giọng văn vẻ.

– Tôi tưởng sẽ sinh con trai nên đặt sẵn một tên con trai nhưng rồi con bé ra đời, nên đặt tạm là Abra. Tôi không nói rằng không thích con trai, nhưng Abra là một an ủi lớn của chúng tôi. Nào, nhìn lên cái coi con.

Abra vẫn không nhúc nhích. Hai tay cô ta lồng vào nhau, đặt lên đùi. Aaron thấy em mình nhìn thẳng vào mặt cô bé không một chút e dè. Aaron khàn khàn giọng nói:

– Cháu thấy tên Abra đâu có dở.

– Ông ấy không có ý nói như vậy. Bà Bacon giải thích. Ông ấy chỉ muốn nói rằng tên đó nghe hơi lạ tai vì không mấy ai dùng.

Rồi bà nói thêm.

– Trời hết mưa rồi đó, các con ra ngoài chơi đi.

Giọng bà đầy uy quyền nên mấy đứa nhỏ riu riu vâng lời ngay. Aaron đi đầu, rồi đến Cal và sau cùng là Abra.

Cả ba đứa trẻ đứng bên nhau dưới cổng ngõ có mái che. Trận mưa lớn đã ngớt hột, tiếng sấm vọng lại từ xa nhưng mưa lâm râm nên còn kéo dài chưa biết đến bao giờ.

– Vậy mà bà khách bảo rằng mưa đã dứt rồi.

Aaron nói.

Abra khôn ngoan trả lời:

– Má tôi không nhìn thấy ngoài trời. Lúc nói bà không nhìn ra ngoài.

Cal hỏi: “Cô bao nhiêu tuổi rồi”.

– Mười, sắp lên mười một rồi. Abra đáp.

– Ô, vậy hả? Chúng tôi đã mười một tuổi. Sắp lên mười hai. Cal nói.

Abra kéo chiếc nón trùm đầu ra sau. Cô ta khá xinh, tóc đen mượt rẽ đôi. Vàng trán nhỏ nhắn tròn và hơi cao, hai hàng lông mày phẳng, một ngày kia chiếc mũi cũng sẽ thanh và cao. Cằm cứng cáp, hai mắt sáng long lanh đầy vẻ thông minh và dạn dĩ, nàng nhìn thẳng vào mặt hai chú bạn mới không một chút e thẹn như lúc còn ở trong nhà.

– Tôi không tin hai anh là anh em song sinh. Nàng nhận xét. Hai người không giống nhau như những anh em song sinh khác.

– Chuyện đó hoàn toàn thật. Cal nói, nhiều cặp sinh đôi đâu có giống nhau.

– Chú Lee có giảng cho chúng tôi nghe mà. Aaron nói thêm. Nếu người mẹ chỉ có một cái trứng thì hai đứa song

sinh sẽ giống nhau, còn nếu người mẹ có đến hai cái trứng thì hai đứa con song sinh khác nhau.

– Chúng tôi do hai quả trứng khác nhau. Cal nói.

Abra mỉm cười một cách thích thú trước huyền thoại của hai cậu bé thôn dã này. Nàng lặp lại:

– Trứng! Ô, sao lại là trứng.

Nàng không chê lối nói ấy là nhầm nhưng giả thuyết của Lee không còn vững nữa và cuối cùng nàng làm cho giả thuyết đó sụp đổ luôn:

– Vậy thì quả trứng nào chiên, và quả trứng nào luộc đây?

Hai chú bé nhìn nhau ngao ngán.

Đây là lần đầu tiên chúng có dịp chạm trán với lối lý luận tàn nhẫn của đàn bà, tuy không thấy có lý chút nào nhưng đã làm chúng cứng họng.

– Lee là một người Trung Hoa, không nói sai đâu. Cal cãi.

Abra điềm nhiên nói tiếp:

– Ô, thế à? Sao anh không nói sớm. Nếu vậy thì có lẽ các anh là hai quả trứng của Tàu, họ đã đặt trong một cái ổ để ấp cho đến khi nở ra hai anh chứ gì?

Nàng dừng lại giây lát để cho lời châm biếm của mình đủ ngấm và nhìn xem phản ứng của đối phương thế nào. Nàng hoàn toàn tự chủ. Nàng luôn luôn tỏ ra là một người có bản lĩnh.

– Tôi sẽ biếu cô con thỏ. Cal nói. Đó là con thỏ duy nhất mà anh em tôi bắt được hôm nay.

Aaron hần học nhìn Cal.

– Con thỏ đó là ...

Cal cắt ngang:

– Đó là một chú thỏ khá lớn.

Abra tàn nhẫn bảo:

– Tôi nhận ra con thỏ bắn thỉu đó của anh mà làm cái khi mố gì?

Aaron nói:

– Tôi sẽ bỏ nó vào một cái hộp để khi về nhà cô có thể làm đám táng cho nó.

– Tôi đã từng dự những đám tang thực sự. Hôm qua tôi mới đi dự một đám.

– Cô thích con thỏ của chúng tôi không? Aaron hỏi.

Abra nhìn mái tóc đầy ánh nắng và đôi mắt gần ứa lệ của Aaron, nàng thấy trong lòng thoáng xúc động. Nàng khẽ đặt tay lên cánh tay Aaron để ngấm xoa dịu:

– Tôi sẽ nhận nếu anh bỏ vào một cái hộp.

Abra thấy mình bắt đầu có cảm tình với hai anh em này. Nàng để ý đến bộ đồ bằng vải mỏng có vá chỗ này một miếng, chỗ kia một miếng của họ. Nàng liên tưởng đến những chuyện thần tiên mà nàng đã được nghe và tưởng tượng mình là một bà tiên nhỏ có một chiếc đĩa ở đầu nút có gắn một vì sao lấp lánh và khẽ kêu lên:

– Tội nghiệp hai anh quá! Chắc bà mẹ ghẻ của hai anh độc ác lắm và muốn để hai anh khổ sở cho đến chết phải không?

- Chúng tôi không có mẹ ghẻ. Caleb nói.

- Anh em tôi chẳng có mẹ nào cả. Aaron tiếp lời Caleb. Mẹ chúng tôi đã chết rồi.

Những lời anh em kia vừa tiết lộ làm câu chuyện mà nàng đang theo dõi không còn đứng vững, nhưng nàng nghĩ ngay qua hướng khác. Chiếc đĩa thần đã biến mất nhưng nàng đã tưởng tượng ngay ra một câu chuyện mới mẻ, bèn ngọt ngào nói:

- Những đứa con mồ côi mẹ tội nghiệp quá. Để tôi sẽ nhận làm mẹ hai cậu. Tôi sẽ săn sóc vỗ về và kể chuyện cho các cậu nghe.

- Tụi này lớn lắm rồi. Caleb nói. Tụi này lớn hơn cô mà, làm sao cô có thể làm mẹ tụi này được!

Trước thái độ chống đối kịch liệt của Caleb, Abra phải nhìn tránh đi chỗ khác. Nhưng nàng thấy Aaron có vẻ chịu câu chuyện của nàng và một lần nữa nàng thấy mình có cảm tình với anh này. Nàng vui vẻ hỏi:

- Má hai anh chôn ở đâu? Các anh vẫn đem hoa đi viếng mộ bà ấy chứ?

- Anh em tôi không biết. Mặt Caleb sáng lên sau câu hỏi đó. Để tôi sẽ hỏi ba xem mộ má tôi ở đâu để chúng tôi còn đến viếng.

- Tôi sẽ đi với hai anh, Abra nói. Tôi biết kết vòng hoa.

Thấy Aaron không có ý kiến gì, nàng hỏi:

- Anh có thích kết vòng hoa không?

- Thích chứ, Aaron trả lời.

Nàng thân mật vỗ vai Aaron rồi vuốt má cậu ta nói:

- Chắc má anh sẽ thích hoa. Dù đang ở trên Thiên Đường họ cũng chú ý nhìn xuống. Ba tôi nói vậy.

- Để tôi đi tìm hộp bỏ con thỏ vào cho cô. Aaron chạy vào trong nhà. Caleb nhìn anh đang chạy đi bèn mỉm cười.

- Anh đang cười gì vậy? Abra hỏi.

- Ô, không có gì. Caleb trả lời, mắt vẫn nhìn chăm chăm vào Abra.

Nàng cũng nhìn lại, nhưng Caleb vẫn không rời mắt khỏi nàng. Thoạt đầu hẳn có vẻ hơi e thẹn bây giờ thì không còn như vậy nữa. Hẳn biết Abra thích anh mình nhưng điều đó không có gì lạ đối với hẳn. Gần như ai cũng thích Aaron vì mái tóc vàng ánh của anh và vẻ cởi mở ngoan ngoãn của anh rất dễ gây cảm tình của người khác.

Caleb không cần thắc mắc tại sao người ta lại thích Aaron hơn mình, nhưng hẳn tự tạo những phương cách riêng để gây sự chú ý ở người khác. Hẳn sắp đặt và chờ đợi cho đến khi đạt được mục đích một cách tự nhiên mà đối tượng của hẳn không hề hay biết vì lẽ gì và tại sao. Caleb quên một điều, hoặc hẳn không hề biết rằng hẳn không thể chiếm được thứ cảm tình mà Aaron có.

Cal biết phải mất hết bao lâu Aaron mới có thể tìm được chiếc hộp. Hẳn có thể hình dung được những gì xảy ra sau đó. Aaron sẽ đem rửa con thỏ cho sạch máu, việc đó cũng tốn hết một số thì giờ. Tìm cho ra một sợi dây cũng tốn một ít thì giờ nữa. Rồi buộc dây quanh hộp lại tốn thêm một ít thì giờ nữa. Trong khoảng thời gian đó, Cal đủ sức làm cho Abra nao núng.

Cuối cùng Abra phải nhìn chỗ khác nói:

- Anh nhìn kĩ người ta làm gì vậy?

Cal không trả lời. Hấn nhìn từ hai bàn chân nàng rồi dần dần nhìn lên bằng ánh mắt lạnh lùng như nàng là một chiếc ghế.

Hấn biết, với lối nhìn đó ngay cả một người lớn cũng không khỏi lúng túng. Abra không chịu đựng nổi nói:

- Anh tưởng anh khôn lắm sao?

Khi thấy Cal vẫn lặng lẽ nhìn mình một cách soi mói, nàng khó chịu nói:

- Không biết anh ấy làm gì mà lâu thế! Mưa đã tạnh hấn rồi đó.

Sau cùng Cal nói:

- Chắc anh ấy đang mất thì giờ để tìm kiếm.

- Anh định nói là tìm con thỏ phải không?

- Ồ không, con thỏ chết đâu có gì mà phải tìm. Nhưng có lẽ ảnh không thể bắt được con kia. Nó đã chạy mất rồi.

- Bắt cái gì? Con gì đã chạy mất?

- Anh không muốn tôi nói ra. Ảnh muốn gây một bất ngờ, ảnh đã bắt được nó từ hôm thứ sáu vừa qua, nhưng ảnh đã bị nó cắn.

- Anh đang nói gì vậy?

- Để rồi cô sẽ xem. Khi cô mở hộp. Tôi dám chắc anh sẽ bảo cô đừng mở.

Đó không phải là một ước đoán. Cal biết rõ anh mình.

Abra bắt đầu cảm thấy ghét cậu con trai này.

Cô muốn cãi nhưng thấy rằng có cãi cũng vô ích nên cô chỉ nói:

– Thôi tôi phải trở vào nhà đã.

– Khoan cô đừng hiểu lầm tôi. Cô không biết những chuyện xảy ra ở đây đâu. Cô chưa thấy lưng của anh tôi mà.

Cách xoay chiều câu chuyện của Cal khiến nàng vô cùng bối rối:

– Anh định nói gì vậy? Lưng của anh ấy bị thế nào?

– Đây thẹo. Cal trả lời. Do chú chệt gây ra.

Nàng run người, lo lắng hỏi:

– Chú ấy đã làm gì? Chú ấy đánh Aaron phải không?

– Còn tệ hơn thế nữa? Cal nói.

– Sao các anh không méc với ba các anh.

– Tụi tôi không dám. Cô có biết nếu chúng tôi méc lại thì chuyện gì sẽ xảy ra không?

– Không. Chuyện gì?

Hắn lắc đầu trả lời “Không”. Rồi làm ra vẻ suy nghĩ kỹ lắm mới nói tiếp:

– Với cô tôi cũng không dám nói.

Ngay lúc đó Lee từ chuồng ngựa dắt con ngựa của ông bà Bacon ra buộc vào chiếc xe bốn bánh cao trang hoàng khá đẹp mắt. Ông và bà Bacon từ trong nhà bước ra với ông Adam và cả ba đều ngửa mặt nhìn lên trời.

Bà Bacon gọi lớn:

– Abra ơi! Mau về con.

Aaron từ sau nhà chạy vụt ra, mang theo một chiếc hộp bằng bì cứng có buộc dây cẩn thận. Hắn đưa chiếc hộp cho Abra và nói:

– Về nhà rồi hãy mở ra nhé.

Cal thấy rõ sự thay đổi trong nét mặt của Abra. Cô ta đưa tay đẩy chiếc hộp ra.

– Nhận đi con. Mau lên xe về, trễ quá rồi. Cha cô ta vừa nói vừa ấn chiếc hộp vào tay Abra.

Lee, Adam và hai chú con trai nhìn theo con ngựa vồ móng bắt đầu phi nước kiệu. Trước khúc quanh thứ nhất cánh tay Abra đưa cao lên quăng chiếc hộp ra phía sau lăn lông lốc trên mặt đường. Cal liếc nhìn anh, hai mắt Aaron đầy vẻ đau khổ. Khi Adam và Lee đã trở vào trong nhà, Aaron nói:

– Tao khoái cô bé đó. Tao có nhét một lá thư trong chiếc hộp để hỏi ý cô ta.

Cal choàng tay quanh vai Aaron siết chặt vào mình để an ủi.

Tại bàn ăn hai cậu bé chú ý ngay đến sự thay đổi của ba mình, thoát đầu chúng thấy hơi ngạc nhiên nhưng sau đó chúng đâm bối rối khi nhận thấy lần đầu tiên ông Adam giận chúng, nghe chúng nói và đặt câu hỏi với chúng, sự thay đổi bất ngờ ở ông làm chúng đâm rụt rè.

Ông Adam hỏi:

– Ba nghe nói hôm nay các con đi săn phải không?

Hai cậu bé tỏ vẻ dè dặt khi đối đầu với một hoàn cảnh mới. Sau một lát ngập ngừng Aaron đáp: “Thưa ba phải”.

– Các con có sẵn được con gì không?

Lần này chúng ngập ngừng lâu hơn. Aaron mới trả lời:

– Thưa có, một con thỏ.

– Bằng cung và tên phải không? Đứa nào đã bắn trúng?

Aaron vội trả lời:

– Cả hai tụi con cùng bắn một lượt nên không biết ai đã bắn trúng.

– Các con không biết rõ mũi tên của ai sao? Hỏi nhỏ ba và các anh em khác đều làm dấu trên mũi tên của mình.

Lần này Aaron im lặng và lúng túng không dám trả lời. Ngần ngừng một lát Cal nói:

– Đúng là mũi tên có khía riêng của con nhưng con đoán rằng Aaron đã bắn trúng con thỏ.

Adam chớp mắt hỏi:

– Riêng con thì nghĩ sao?

– Con nghĩ có lẽ là con đã bắn trúng nhưng không chắc lắm.

– Tốt, vậy cả hai đứa đều khá lắm.

Hai chú bé bây giờ mới thấy nhẹ nhõm. Hình như ba chúng hết thắc mắc về vụ đó rồi.

– Con thỏ đâu rồi? Adam hỏi.

– Aaron đã tặng cho Abra rồi. Cal đáp.

- Cô ấy đã ném xuống đường. Aaron hỏi:
- Sao vậy?
- Con không biết. Con muốn cưới cô đó ba à.
- Vậy sao?
- Thừa ba thật vậy.
- Còn Cal có thích cưới cô bé đó không?
- Con sẽ nhường cho Aaron cưới cô ấy ba ạ. Cal đáp.

Adam cười ha hả. Hai cậu con ngạc nhiên vì hồi nào tới giờ chưa thấy ba mình cười.

- Các con thấy cô bé đó xinh không? Ông Adam hỏi.
- Vâng, con thấy cô ta xinh và dễ thương lắm. Aaron trả lời.
- Ô, vậy thì ba rất vui nếu cô ấy sẽ là dâu của ba.

Lee dọn dẹp bàn ăn và sau khi rửa chén đĩa rất nhanh dưới bếp đã trở lên bảo hai cậu bé:

- Thôi đi ngủ chứ.

Chúng lờm mắt tỏ vẻ phản đối. Ông Adam bảo:

- Ngồi xuống đây đi, cho chúng chơi thêm một lát, Aaron đòi cưới cô bé mới tới đây hôm nay làm vợ đó, chú nghe có được không?

- Chúng đồng ý với nhau rồi sao? Lee hỏi.
- Tôi không tin là cô bé đã nhận lời. Adam nói. Nó thích thì nói vậy thôi.

Caleb chen vào:

- Con cũng thích cô ấy. À cô ấy bảo con hỏi ba xem phần mộ má tụi con ở đâu để tụi con mang hoa đến viếng.

Adam nhìn nó một cái thật nhanh tưởng như thằng bé đã hiểu được bí mật về mẹ nó nhưng nhìn kĩ vẻ mặt thơ ngây của nó, ông chưa chắc chắn lắm!

Aaron hỏi thêm:

- Tụi con đến đó được chứ ba? Abra hứa sẽ bày tụi con cách kết vòng hoa.

Adam ngần ngừ. Ông không quen nói láo nên không biết phải mở miệng bắt đầu như thế nào. Ông nói quanh.

- Ba nghĩ rằng chúng ta có thể đến đó, nhưng mộ má các con ở xa lắm, tận quê quán nơi bà ấy ra đời kia.

- Làm sao má có thể về tận đó sau khi đã chết rồi? Caleb hỏi.

- Ba đặt hòm lên xe lửa gửi về tận quê nhà của má. Đúng vậy phải không Lee?

Lee gật đầu nói.

- Chúng tôi đều làm như vậy, người Trung Hoa chúng tôi sau khi qua đời hầu hết đều đưa xác về quê chôn.

- Tôi nghe rồi. Aaron nói. Chú có nói mà.

- Tôi có nói sao? Lee hỏi.

- Chúng có nói vậy rồi mà, Caleb nói. Nó hơi thất vọng.

Adam vội lái qua vấn đề khác:

- Hồi chiều ông Bacon có khuyên ba nên dọn tới Salinas có lợi cho các con hơn. Ở đó có trường tốt và nhiều bạn đồng lứa

với các con để có thể chơi đùa.

Ý kiến đó làm hai cậu bé sững sờ.

– Còn nông trại ở đây thì sao? Caleb hỏi.

– Chúng ta sẽ cho mượn nếu chúng ta còn muốn trở về.

– Abra cũng ở Salinas, Aaron nói. Đối với nó lý do đó cũng là quá đủ rồi. Nó đã quên vụ hộp đựng thổ và lá thư bị ném lại. Nó chỉ nhớ một tà áo nhỏ, một chiếc mũ xinh xắn và những ngón tay thon mềm.

Ông Adam bảo:

– Bây giờ các con đi ngủ được rồi đó.

Chúng theo chân chú Lee rời khỏi phòng, Adam ngồi mỉm cười vu vơ nhìn ngọn đèn, dùng ngón tay trở gõ nhịp lên đầu gối chờ đến khi Lee trở lại.

Adam hỏi:

– Hình như chúng đã biết chuyện về mẹ chúng rồi phải không?

– Tôi cũng không rõ nữa, Lee đáp.

– Vậy thì có lẽ chỉ vì câu nói tình cờ của cô bé hồi chiều.

Adam đứng dậy mệt mỏi mở ngăn kéo bàn, nhìn lên giá, mở nắp mấy chiếc hộp, hỏi:

– Bút và mực đâu rồi?

– Ông đâu có sắm bút mực, Lee nói. Từ nhiều năm nay ông đâu có viết một chữ nào! Tôi sẽ cho ông mượn tạm của tôi.

Lee về phòng riêng của mình lấy đem lại một lọ mực lãn thấp, một cây bút và tờ giấy đặt lên bàn hỏi:

- Ông định viết thư cho người em trai phải không?
- Anh đoán đúng.

## Chương XIII

Lâu quá mới cầm bút trở lại chắc ông sẽ lúng túng lắm. Lee nói.

Lá thư đầu tiên sau hơn mười năm trời được gửi đi cho người em trai làm Adam nóng nảy trông thư trả lời. Trong khi lá thư được chuyển đi tận San Francisco. Adam hỏi Lee.

– Không hiểu tại sao không thấy chú ấy trả lời. Có lẽ chú ấy đã dời đi nơi khác.

– Thư mới gửi đi có mấy hôm mà. Lee trả lời. Phải chờ một thời gian đã chứ.

Một hôm vào giữa trưa Will Hamilton bóp còi inh ỏi lái một chiếc xe Ford mới toanh hùng hục chạy tới, xe rề rề chạy số một.

Xe lắc lư như một con tàu đang nghiêng ngả trên biển sóng.

Will kéo cần thắng ấn xuống, ngồi dựa người ra thành ghế bọc da. Chiếc xe vẫn kêu ằng ặc nhiều lần dù đã tắt máy vì bị quá nóng.

– Cô nàng tới rồi đây. Will gọi lớn với giọng không lấy gì làm hứng thú.

Gã vốn ghét các loại xe Ford một cách kinh khủng nhưng chính nhờ vào chúng mà mỗi ngày gã mỗi giàu có. Adam và Lee châu đầu vào trong xe chú Will Hamilton giảng giải cách vận chuyển của máy móc mà chính hấn cũng chẳng hiểu gì ráo.

Thật khó mà hiểu cách điều động, cách lái và cách giữ chiếc xe cho vững. Muốn lái được một chiếc xe đường như không phải chỉ cần một kỹ ức tốt, một cánh tay vững chắc, sự bình tĩnh ghê gớm, và một niềm tin mù quáng mà còn cần một số ảo thuật nào đó...

Will Hamilton giảng đi giảng lại. Hai hành khách của gã trợn dục mắt ngẩn tò te đứng nghe nhưng khi Will bắt đầu giảng đến lần thứ ba, gã thấy rằng những lời giảng giải của mình chẳng ích lợi gì.

Cuối cùng gã nói:

– Khó giảng cho mấy người hiểu quá. Thôi để ngay mai tôi sẽ phái đến một chuyên viên. Bây giờ tôi chỉ giới thiệu qua về chiếc xe thôi.

Will đã quên mất những lời chỉ dẫn cần thiết. Gã quay máy một hồi không xong bèn mượn một cỗ xe và một con ngựa của Adam ra về.

Ngày hôm sau chưa đưa hai chú bé đi học được vì chiếc xe Ford còn đứng ỳ một đống dưới gốc cây sồi ngay chỗ Will ngừng lại, mấy chủ nhân mới của chiếc xe thỉnh thoảng đến vây quanh rờ rẫm như người ta rờ vào một chú ngựa chứng. Hai chú bé leo lên leo xuống để sờ cái này cái nọ hỏi cha:

- Cái này để làm gì ba?
- Đừng có động tay vào đó.
- Nhưng để làm gì vậy?
- Ba không biết nhưng đừng có sờ vào.

Sáng hôm sau họ thức dậy thật sớm sửa soạn sẵn sàng để chờ người tới dạy lái xe. Mãi đến một giờ anh thợ máy mới

đứng đĩnh đạc chiếc xe ngựa tới vừa đúng giờ ăn trưa.

Trong xe, bên cạnh anh ta treo một túi da đựng bộ áo quần thợ và dụng cụ. Anh ta khoảng mười chín tuổi, mồm bõm bẽm nhai thuốc lá. Anh ta nhổ phẹt xuống đất rồi ném dây cương cho Lee bắt.

- Dắt chiếc xe thổ tả này đi khuất mắt cho rồi.

Anh ta leo xuống xe ngựa như một sứ thần bước xuống chuyến tàu hỏa dành cho quốc khách.

Anh chàng chuyên viên được mời ăn bánh mì phó mát, thịt lạnh, bánh nhân thịt cà phê và một miếng bánh sô cô la.

Sau khi ngồi nghỉ trước cửa một lát anh ta xách chiếc túi da vào phòng ngủ của Adam. Sau mấy phút ở trong đó ra, anh ta đã thay xong một bộ đồ làm việc có sọc và một chiếc mũ có in hiệu Ford trên đó.

- À, ông đã đọc lời chỉ dẫn trong tập sách dưới ghế ngồi chưa?

- Tôi đâu có biết tập sách gì dưới đó. Adam trả lời.

- Trời đất ơi! Chàng thanh niên bực mình kêu lên. Anh ta đi thẳng ra chỗ xe đậu hỏi:

- Ông có biết những nguyên tắc về động cơ nổ chưa?

- Không, Adam đáp.

- Trời đất ơi! Hấn kéo chiếc mũ lên nói tiếp.

- Cái đây là động cơ nổ!

Lee lẩm bẩm:

- Anh ta còn trẻ mà thông thái quá xá.

Cậu thanh niên chồm về phía Adam hỏi:

- Chú chệt vừa nói gì vậy?

Lee chìa rộng hai bàn tay mỉm cười dịu dàng phân bua bằng giọng ngọng ngịu:

- Tôi "lói" anh "tẻ thông minh quá xá. Anh đã học "tại" học phải không? "Dối" quá mà.

- Gọi tôi là Joe. Cậu thanh niên nói khơi khơi chẳng ăn nhập vào đâu và tiếp:

- Đại học hả? Những người học ở đó mà biết được cái khỉ mồm gì? Đại học mà làm cái con khỉ gì?

Anh ta nhỏ toẹt một bãi nước bọt xuống đất để tỏ thái độ coi thường. Hai chú bé sinh đôi nhìn anh ta với vẻ thán phục.

Adam nói:

- Lee phục cái khả năng nắm vững vấn đề của anh.

Tính thô lỗ của cậu thanh niên đã dịu xuống, nhường chỗ cho sự chất phác. Anh ta ngô nghê nói:

- Cứ gọi tôi là Joe.

Adam ngạc nhiên về lối nói chuyện ngô nghê đó nhưng hai chú bé thì không. Cal nhại lại câu đó một cách tài tình với Aaron: "Cứ gọi tôi là Joe". Aaron cũng mấp máy môi bắt chước theo "Cứ gọi tôi là Joe".

Anh thợ máy lấy giọng chuyên môn trở lại, lần này dịu hơn:

- Cái đấy là động cơ nổ.

Mấy người kia cúi xuống nhìn đồng sắt với vẻ sợ sệt nghe anh thợ máy nói tiếp:

- Tốt hơn hết các người nên đọc kĩ quyển sách chỉ dẫn. Bây giờ chúng ta nên bước qua phần vận chuyển của chiếc xe. Các người thấy cái đó không? Đó là cái chìa khóa công tắc. Khi các người vặn cái chìa khóa đó là các người đã sẵn sàng để lái xe chạy tới. Bây giờ, ta đẩy cái cần số này về phía bên trái. Xem đây, chỗ này là máy phát điện.

Mấy người kia chồm đầu vào trong xe. Hai chú bé đã leo vào đứng hẳn trong xe.

Thấy vẻ mặt sững sờ của Adam anh ta từ tốn nói:

- Ông có thể nghiên cứu kĩ hơn trong tập sách chỉ dẫn đó.

□

Như những thời kì xa xưa trong Thánh kinh, vào thời đó cũng có những phép lạ đã xảy ra. Sau những lời giảng mơ hồ của anh thợ máy đó chiếc xe Ford đã chạy bon bon trên đường phố King City và lắc lư dừng lại trước cửa bưu điện, Adam ngồi ở tay lái, bên cạnh là Lee, còn hai chú bé thì ngồi thẳng người một cách oai vệ ở băng sau.

Adam cúi xuống sàn xe, nhớ những lời chỉ dẫn để cho xe dừng. Máy xe rồ lên rồi tắt hẳn. Adam dựa người ra thành ghế giây lát có vẻ mệt mỏi nhưng đầy hãnh diện trước khi xuống khỏi xe.

Ông chủ sự sở bưu điện nhìn qua các song sắt sơn vàng của khung cửa quây làm việc nói:

- Vậy là bây giờ anh cũng đã mua một chiếc xe mắc dịch rồi đó.

- Thì cũng phải theo thời một chút chứ. Adam đáp.

Ông chủ sự bưu điện nói tiếp:

- Loại xe quỉ đó gây huyền não khắp nơi. Ngay tại đây chúng tôi cũng bị nghe nhức cả tai. Trước đây người ta chỉ đến sở bưu điện mỗi tuần một lần để hỏi thư từ tin tức. Bây giờ có xe hơi họ đến thường nhật, nhiều khi mỗi ngày hai lần. Người ta không chịu chờ giấy báo, cứ chạy quanh chạy quanh.

Ông ta bày tỏ sự khó chịu của mình hăng hái đến nỗi Adam hiểu rằng ông ta chưa mua được một chiếc xe Ford như chàng ta, nên để lộ giọng ganh tị.

- Vì vậy mà tôi chưa muốn mua một chiếc. Câu nói của ông chủ sự có nghĩa là vợ ông ta đang đòi mua mà ông ta chưa mua nổi.

Ông chủ sự bưu điện cau có thò tay vào hộp thư vẫn T lấy ra một phong thư dài ném cho Adam và xẵng giọng nói:

- Coi chừng không khéo tôi phải vào bệnh viện thăm anh đó nghe!

Adam mỉm cười với ông ta rồi cầm lá thư đi ra chỗ chiếc xe Ford đậu. Trên góc trái phong bì có in mấy hàng chữ: Bellows và Harvey cố vấn pháp luật và địa chỉ của họ là thành phố Connecticut, nơi Adam bỏ đi.

Ông lẩm bẩm “mình hết biết mấy ông Bellows và Harvey nhưng không hiểu họ muốn gì mà lại gửi thư cho mình?”

Đứng bên cạnh chiếc xe, ông mở lá thư ra đọc chậm rãi, lá thư mở đầu một cách cảm động:

“Thưa ông, suốt sáu tháng qua, chúng tôi khổ công tìm đủ mọi cách để tìm địa chỉ của ông mãi đến khi bức thư của ông

gửi cho em trai ông được người đưa thư chuyển đến chúng tôi, chúng tôi mới có thể biết chắc địa chỉ của ông.”

Adam thấy sốt ruột, đọc nhanh đoạn kế tiếp, lời lẽ bắt đầu thay đổi giọng:

“Chúng tôi lấy làm đau buồn báo tin cho ông biết, em trai ông là Charles Trask đã qua đời vì chứng đau phổi vào ngày 12 tháng 10 sau hai tuần ngã bệnh.”

Adam hít một hơi dài để kìm hãm bớt nỗi xúc động trong khi đọc lại lần thứ hai.

Cuối cùng ông nói với Lee:

- Charles, em trai tôi đã qua đời rồi.
- Xin thành thật chia buồn cùng ông, Lee nói.
- Charles là chú của anh em con phải không ba? Caleb hỏi.
- Phải, Charles là chú ruột của các con. Adam trả lời.
- Chúng con chưa có dịp gặp mặt chú thì chú đã chết rồi, tiếc thật. Aaron nói.

Nó nghĩ rằng sau cái chết của người chú chắc nó sẽ giàu thêm một ít nhờ tài sản của chú để lại.

- Chú dễ thương không ba? Nó hỏi.
- Chú ấy dễ mến lắm, Adam nói.
- Chú có giàu không ba? Caleb hỏi như vậy.
- Không đâu. Adam trả lời. Sao con lại hỏi như vậy?
- Nếu chú ấy giàu chúng ta sẽ được thừa hưởng gia tài của chú phải không ba?

- Trong thời gian có tang chúng ta không nên bàn về chuyện tiền của, không đẹp đâu, cái chết của chú là một cái tang rất buồn đối với chúng ta.

- Làm sao con có thể buồn được trong khi con chưa hề biết mặt chú ra sao? Caleb hỏi.

Lee bụm miệng để che nụ cười của mình. Adam nhìn vào bức thư, đoạn này lại khác giọng đoạn trước:

“Là cố vấn pháp luật của người chết, vì bốn phận chúng tôi hân hạnh báo tin cho ông biết rằng em trai ông nhờ cần mẫn chăm chỉ đã dành dụm được một số tiền trên một trăm ngàn Mỹ kim. Theo chúc thư của ông ấy thì tất cả tiền bạc, tài sản, chứng khoán của ông ấy sẽ chia làm hai phần đều nhau cho ông và vợ ông. Trong trường hợp nếu vợ ông đã qua đời thì ông sẽ hưởng trọn. Chúc thư cũng nói thêm rằng nếu rui ông qua đời thì tất cả tài sản sẽ để lại cho vợ ông hưởng. Căn cứ vào bức thư ông gửi thì ông vẫn còn sống, vậy chúng tôi xin gửi lời chào mừng ông. Những người phục vụ cho ông, Bellow, Harvey George B. Harvey kí tên.

Cuối bức thư là phần tái bút.

“Ông Adam, đừng quên công lao của những người đã phục vụ quyền lợi của ông. Charles chưa trả thù lao cho chúng tôi đồng nào cả. Ông ấy hà tiện từng xu. Tôi mong ông và phu nhân sẽ hài lòng về số của cải được hưởng, chắc ông bà không hẹp hòi gì mà không trích một phần nhỏ để thưởng công cho một luật sư tận tâm là tôi. Người bạn cũ của ông: George Harvey.”

Adam nhướng mắt lên nhìn hai cậu con và Lee. Tất cả đang chờ ông đọc tiếp. Adam ngậm miệng hẳn. Ông cất bức thư

một cách cẩn thận vào túi trong.

– Có gì rắc rối không? Lee hỏi.

– Không.

Adam bước lên xe nhìn sững vào các bộ phận trước mắt quên băng phải điều động cách nào.

– Ông cần tôi giúp một tay? Lee hỏi.

– Thật là buồn cười. Adam nói. Tôi quên băng phải bắt đầu cách nào.

Lee và hai cậu con nhắc lại lời chỉ dẫn của anh thợ máy.

– Ô, nhớ ra, nhớ ra rồi.

□

Trong khi chờ bữa tối, Adam ngồi nhìn mông lung trong không gian. Ông thấy mình cần nhờ Lee giúp ý kiến mới được.

Cal đã rủ anh lên ra khỏi nhà để tới nhà để xe. Nó mở cửa xe ngồi vào tay lái bảo anh:

– Leo lên đây đi anh.

Aaron phản đối:

– Ba dặn chúng ta không được phá xe.

– Ba không biết đâu. Lên đi.

Aaron rụt rè leo lên ngồi vào ghế. Cal vặn tay lái bên này, bên kia vừa giả tiếng còi xe “pin..pin..” rồi quay qua nói với anh:

– Anh biết tôi nghĩ gì không? Tôi nghĩ rằng chú Charles của chúng ta khá giàu.

- Chú ấy không giàu đâu.
- Tôi dám cá với anh rằng chú ấy giàu.

Hai đứa im lặng giây lát. Cal bẻ tay lái vòng tròn theo một khúc quanh tưởng tượng rồi nói thêm.

- Tôi dám cá với anh rằng tôi có thể tìm ra sự thật về việc đó.

- Mà nói sao?

- Ba sẽ nói chuyện đó với chú Lee và tôi sẽ nghe lén. Cal trả lời.

- Mà không dám đâu.

- Có thể như vậy.

- Tao không hiểu tại sao mà lại làm chuyện đó. Aaron nói.

- Anh định nói gì vậy? Làm chuyện đó là chuyện gì?

- Tất cả những chuyện lén lút xấu xa của mà nói đó.

- Anh định nói chuyện lén lút nào?

- Chẳng hạn chuyện con thỏ gần đây và vụ lén lên xe buýt giờ. Chắc mà đã nói gì với Abra. Tao không biết rõ mà nói gì, nhưng nhất định là mà đã xúi cô ấy ném chiếc hộp xuống đất.

- Anh có muốn biết lý do không? Cal hỏi, nhưng nó ngần ngừ không chịu nói.

Aaron chậm rãi nói:

- Tao muốn biết tại sao mà làm như vậy. Mà luôn luôn thích làm quấy. Tao không hiểu tại sao mà lại thích làm như vậy?

Cal rất xúc động. Nó bỗng thấy kế hoạch của mình có vẻ xấu xa tồi bại. Nó cảm thấy khao khát được Aaron yêu thương mình nhưng không biết phải làm cách nào.

Aaron mở cửa xe trèo xuống rời khỏi nhà để xe. Cal vẫn còn ngồi vắn qua vắn lại tay lái để tưởng tượng như mình đang lái xe chạy ngoài đường. Nhưng một lát thấy chán, nó cũng rời khỏi xe theo gót anh trở vào nhà.

Ăn tối xong, hai cậu bé bị cha bảo đi ngủ sớm. Adam ngồi lại với Lee. Ông rút lá thư trong túi ra đặt lên bàn nói:

- Chú đọc lá thư này đi.

Lee mang chiếc kính một mắt lên, chú đọc lá thư dưới ánh đèn.

- Tôi không hiểu rõ chúc thư đó. Adam thú nhận.

- Nếu ông không hiểu thì tôi là người chưa hề biết em trai ông làm sao mà tôi hiểu được?

Adam đứng dậy đi vào phòng mình rồi trở lại đặt lên bàn trước mặt Lee một tấm hình bằng kim loại màu nâu đã phai mờ.

Lee nhìn kỹ tấm hình bằng kim loại dưới ánh đèn rồi cuối cùng hỏi:

- Chú ấy có thương ông lắm không?

- Tôi cũng không biết nữa. Đôi khi tôi nghĩ rằng nó thương tôi. Đã có lần nó định giết tôi kia đấy. Adam nói.

Lee gật gù.

- Vâng, nét mặt chú ấy đã cho thấy rõ vừa hiền lành vừa dữ dằn, có thể giết được người mình thương yêu. Chú ấy có biết

vợ ông không?

- Biết.
- Chú ấy có mền bà nhà không?
- Nó ghét bà ấy lắm.

Lee thở dài:

- Theo lời trong lá thư thì chúc thư của chú ấy có dặn rằng bà vợ ông được hưởng phân nửa của cải. Nếu biết những gì bà ấy đang làm, cậu em ông có muốn bà ấy hưởng phần gia tài không?

- Chắc em tôi không muốn như vậy. Adam nói. Ông chợt nhớ lại vài điều về Charles nên tỏ vẻ phân vân.

- Bà ấy không còn mang tên cũ, không còn là vợ ông nên bà ấy không thể lãnh được phần gia tài đó nếu không nhờ sự giúp đỡ của ông.

-Tôi cũng nghĩ như vậy.

Lee rút ống vố ra nhận đầy thuốc vào.

Chú nhếch mày trở mắt nhìn Adam rồi nói.

- Đó là một vấn đề đạo đức rất tế nhị. Chú đặt cái ống vố xuống bàn.

- Nhưng ông đâu có cách lựa chọn nào khác phải không?
- Chú nói vậy có nghĩa gì? Adam hỏi.

Lee mạnh mẽ dần từng tiếng:

- Nghĩa là đối với ông con đường đã vạch sẵn, những gì ông sẽ làm coi như đã rõ ràng không còn nghi ngờ gì nữa. Dù bà vợ ông là ác phụ thì vẫn không có gì thay đổi cả.

Lee thở dài. Chú chống tay để đỡ thân hình nhỏ bé của mình đứng lên, mệt mỏi bước về phía cửa lớn, lách ra ngoài và khép cửa lại đằng sau mình.

Cal lặng lẽ bò dọc theo hành lang tối thui trở về phòng mà anh nó đang ngủ. Nó thấy hình dạng chiếc đầu của anh nổi bật trên gối trong chiếc giường đôi của hai đứa, nhưng không biết Aaron ngủ hay thức. Nó rón rén nằm vào chỗ mình, đan hai bàn tay lại với nhau kê dưới đầu.

Nó tha thiết ước muốn rằng giá mình đừng làm cho Aaron hờn rời khỏi nhà để xe, bỏ mặc nó ngồi lại một mình. Nó cũng tha thiết muốn rằng giá mình đừng bò đi nghe lén vừa rồi. Nó mấp máy môi trong bóng tối nhưng chỉ nói thầm trong trí nên không để thoát ra ngoài một tiếng nào.

Nó lầm bầm khẩn nguyện:

– Lạy chúa, cho con giống như Aaron. Đừng để con xấu xa, con không muốn vậy chút nào. Xin cho con được mọi người yêu mến. Con không muốn tội tệt. Con không muốn bị cô đơn, nhân danh chúa Jesus, Amen.

Những giọt nước mắt nóng hổi tuôn tràn trên hai gò má. Hấn trăn người cố gắng chống cự không để một tiếng nấc thoát ra khỏi cổ họng. Aaron nằm ở giường bên cạnh từ trong bóng tối thì thầm:

– Mà bị cảm lạnh rồi đó.

Hấn với tay qua cầm tay Cal khẽ hỏi:

– Chú Charles có nhiều tiền lắm phải không?

– Không, Cal trả lời.

– Vừa rồi cha nói gì vậy?

Cal nằm im, cố giữ hơi thở thật bình thường:

– Mà không muốn nói cho tao biết hả? Aaron hỏi.

– Tôi sẽ nói. Cal thì thầm. Nó trở mình quay lưng lại với anh rồi mới nói tiếp.

– Ba sắp gửi một tràng hoa đến cho má. Một tràng hoa cắm chướng thật lớn.

Aaron nhồm người ngồi dậy trên giường hồi hộp hỏi:

– Vậy à? Ông sẽ gửi đi bằng cách nào.

– Bằng xe lửa. Đừng có nói lớn tiếng.

Aaron nằm xuống hỏi thầm:

– Nhưng làm sao có thể giữ cho hoa tươi?

– Bằng nước đá. Cal đáp. Họ sẽ ướp nước đá xung quanh.

– Như vậy chắc sẽ tốn nhiều nước đá lắm phải không?  
Aaron hỏi.

– Dĩ nhiên tốn cả khối nước đá. Thôi ngủ đi.

Aaron im lặng giây lát lại hỏi:

– Tao hy vọng tràng hoa sẽ đến nơi đến chốn và vẫn còn tươi đẹp.

– Nhất định là vậy rồi. Cal nói. Nhưng trong thâm tâm hấn thầm nghĩ: “Xin đừng để con xấu xa”.

## Chương XIV

Suốt cả buổi sáng, ông Adam đi quanh quán suy nghĩ, đến trưa ông tìm Lee đang xới đất trong vườn. Ông nói:

– Tôi khùng thật.

Lee thì người trên cán xuống nhìn ông hỏi:

– Bao giờ ông đi?

– Có lẽ khoảng gần ba giờ chiều. Tôi sẽ dùng xe ngựa và sẽ gửi tại nhà giữ xe ở King City. Lái chiếc Ford một mình tôi thấy ngại quá.

Khoảng 4 giờ 15 Adam leo lên bậc cấp ngôi nhà Kate ở và gõ lên cánh cửa bị mưa nắng làm cho cũ kỹ.

Kate đang ngồi trước một quyển sách kế toán trong phòng riêng. Nàng mang mạng che màu lục và không ngừng xoay tròn cây bút chì trong mấy ngón tay. Nàng lạnh lùng nhìn Adam khi thấy Adam vào.

– Anh còn muốn gì nữa đây. Nàng hỏi.

Adam không trả lời, ông ta bước tới bàn đặt lá thư trên quyển sách kế toán trước mặt nàng.

– Cái gì thế này? Nàng hỏi và không đợi trả lời, nàng đọc nhanh lá thư rồi hỏi tiếp:

– Phải chăng đây là một trò đùa? Anh muốn tôi làm gì lá thư này?

Adam nhún vai.

Nàng liếc nhìn Adam qua mạng che mắt những lọn tóc uốn của nàng nằm trên lá thư như những giây nho phủ trên mái ngói xanh.

– Adam, anh là một thằng điên. Nếu anh chịu khó ngậm miệng lại thì đâu có ai biết tôi còn sống.

– Tôi vẫn biết vậy.

– Anh đang dùng trò năm mươi ngàn Mỹ kim để nhử tôi phải không? Tôi không biết anh định giở trò gì, nhưng rồi tôi sẽ tìm hiểu. Anh không thông minh chút nào. Ai đã xúi giục anh?

– Không ai cả.

– Chú gì người Trung Hoa ra sao? Chú ấy khá thông minh đó chứ?

– Chú ấy không xúi giục gì tôi cả.

Adam nhận thấy mình chẳng xúc động chút nào cả và cũng chẳng có cảm tưởng mình đang ở trước mặt Cathy. Khi liếc nhìn nàng Adam ngạc nhiên thấy vẻ xúc động xuất hiện trên nét mặt nàng, một điều chưa hề thấy.

Kate đã sợ mình chẳng? Tại sao?

Nàng cố trấn tĩnh đánh tan nỗi sợ hãi trên mặt mình và nói:

– Anh muốn tôi nghĩ rằng anh chỉ đem số tiền này dâng không cho tôi. Được rồi, để tôi xem anh sẽ giở trò gì nữa. Nàng nhét bức thư vào quyển sách kế toán rồi gấp bìa lại. Tôi sẽ giữ lá thư để hỏi ý kiến luật sư trước khi chấp nhận số tiền.

– Cô nên làm điều đó. Tôi muốn cô nhận phần của cô.

Nói xong câu đó, Adam cầm mũ đứng dậy nói:

- Chỉ có vậy thôi, chào cô.

Adam bước ra cửa. Nàng gọi giật lại:

- Ông Chuột, ông đã thay đổi nhiều rồi đó. Ông đã lấy vợ khác rồi chứ?

Adam dừng bước, chậm rãi quay đầu lại mắt mờ màng suy nghĩ. Ông bước lại, tới đứng ngay trước mặt nàng. Nàng phải ngả đầu về phía sau nhìn sững Adam. Adam từ từ nói:

- Tôi muốn nói rằng tôi không hiểu con người của cô. Cho đến bây giờ tôi cũng chưa hiểu gì cả.

- Anh định nói anh không hiểu cái gì?

- Cô chỉ biết cái nhược điểm của người khác. Cô lợi dụng những nhược điểm đó của một người đàn ông mà ngay cả Trời cũng không biết.

- Mọi người đều ...

Adam nói tiếp và lấy làm ngạc nhiên về những ý nghĩ của mình:

- Nhưng không phải cô đã hiểu tất cả. Cô không tin tôi có thể mang lá thư tới cho cô vì tôi không muốn sử dụng số tiền của cô. Cô không tin rằng tôi đã yêu cô một cách chân thật. Tất cả những người đã tới đây với nhược điểm của họ nên cô không tin rằng họ có thể có những đức tính tốt. Cô chỉ nhìn thấy mặt trái và cô cho rằng con người của họ chỉ có một mặt xấu đó thôi.

Nàng cười chế nhạo:

- Anh thể với tôi đi, anh Chuột!

- Không tôi sẽ không làm vậy đâu vì tôi biết một phần con người của cô đang mất mát. Tôi nghĩ rằng cô chỉ là một phần một con người. Tôi không rõ cô có bao giờ cảm thấy rằng xung quanh mình còn có cái gì vô hình. Cô sẽ lấy làm kinh hãi nếu cô biết rằng vẫn có nó mà không nhìn thấy được và không cảm nghiệm được.

Kate đẩy ghế đứng dậy, chống nắm tay vào cạnh sườn. Nàng cố giữ giọng cho khỏi run:

- Thì ra anh Chuột của tôi là một triết gia. Nhưng trong lĩnh vực đó anh không khá bằng trong lĩnh vực khác. Anh có bao giờ nghe người ta nói về ảo giác chưa? Phải chăng những gì mà anh cho rằng tôi không thể thấy được đó chẳng qua chỉ là sản phẩm do trí tưởng tượng của anh nghĩ ra?

- Không, không phải tôi tưởng tượng ra đâu.

Adam quay lưng bước ra khỏi phòng đóng cửa lại.

Kate ngồi xuống nhìn vào cánh cửa đóng lại. Bàn tay nàng thu lại đấm mạnh lên quyển sách kế toán lúc nào nàng cũng không hay nữa.

Nàng chỉ biết rằng cánh cửa sơn trắng hình chữ nhật đã nhòa đi vì lệ của mình và toàn thân nàng run lên vì tức giận lẫn buồn đau.

□

Adam cho mượn nông trại và nhờ Lee giúp mình di chuyển ra Salinas. Thật ra phải nói rằng Lee đã làm tất cả mọi việc, gói ghém các vật dụng đưa ra xe lửa, rồi leo lên ngồi trên chiếc xe Ford. Đến Salinas, chú nhận đồ, tháo ra sắp xếp ngăn nắp trong ngôi nhà nhỏ gọn gàng cạnh hiệu bánh Reynand. Sửa

soạn mọi việc xong xuôi, Lee đợi cho đến một buổi tối, sau khi hai chú bé đã đi ngủ. Có lẽ Adam đã nhận thấy ý định của Lee qua thái độ ngập ngừng và trầm lặng của chú nên ông nói trước.

– Xong rồi, tôi biết anh muốn nói gì với tôi phải không. Cứ nói đi.

Câu nói chặn họng của Adam làm Lee lúng túng không biết mở đầu ra sao:

– Từ nhiều năm nay tôi đã giúp ông với tất cả tận tâm, bây giờ tôi thấy rằng ... tôi đã có lần nói với ông rồi. Không biết ông còn nhớ không?

– Anh muốn nhắc lại chuyện đó phải không? Vậy anh định bao giờ đi? Adam hỏi.

– Càng sớm càng tốt. Tôi sợ để lâu tôi sẽ không đủ can đảm ra đi, ông có cần tôi đợi đến lúc ông tìm được một người giúp việc khác không?

– Thôi khỏi cần. Anh cũng dư biết là tôi lười lắm, dám có thể là không bao giờ tôi lo đến chuyện đó.

– Vậy thì ngay ngày mai tôi đi.

– Nếu nói cho hai thằng bé biết trước chúng sẽ buồn lắm. Tốt hơn anh nên núp đầu đó để tôi sẽ cho chúng biết đã.

Công việc diễn tiến đúng như vậy. Vào buổi điểm tâm sáng hôm sau, Adam báo tin.

– Đây hai con, chú Lee đã đi luôn rồi.

– Vậy hả? Cal hỏi. Tối nay có một cuộc đấu bóng rổ vé vào cửa mười xu, chúng con được phép đi xem không ba?

- Được, nhưng hai con có nghe ba nói gì không?
- Nghe chứ, Aaron nói. Ba nói rằng chú Lee đã đi rồi.
- Và chú ấy sẽ không trở về đây nữa.
- Chú ấy đi đâu vậy ba? Cal hỏi.
- Đến sống ở San Francisco.
- Ồ thế à! Aaron nói.

Lee đứng sau cửa bếp mỉm cười nhìn Adam. Khi hai cậu bé đã lấy sách vở để đi học, Lee nói: “Tạm biệt hai chú bé nhé!”.

Chúng la lớn: “Tạm biệt chú Lee nhé!” rồi phóng ra khỏi nhà.

Adam nhìn vào tách cà phê nói như tạ lỗi:

- Thật là lũ vô ơn! Phần thưởng cho hơn mười năm tận tụy của chú là vậy đó.

- Tôi thích như vậy hơn. Lee nói. Nếu chúng nói sẽ buồn nhớ tôi thì đâm ra chúng nói láo. Thỉnh thoảng có lẽ chúng cũng sẽ nhớ đến tôi. Tôi không muốn chúng buồn rầu.

Lee đặt 50 xu lên bàn nói:

- Tối nay khi chúng sắp đi xem đấu bóng rổ xin ông trao cho chúng số tiền nhỏ này và nói rằng tôi gửi lại cho chúng mua bánh ăn chơi. Tôi biết rằng đây chỉ là món quà từ biệt đơn sơ của tôi.

Adam nói:

- Vậy là tôi sắp mất hẳn anh rồi, đó là điều tôi rất tiếc. Có thật anh sắp mở hiệu sách không?

- Tôi định như vậy.

– Anh sẽ gửi thư cho chúng tôi chứ?

– Tôi không biết có làm được hay không. Đối với tôi không có gì đáng buồn bằng những cuộc liên lạc với nhau chỉ qua mấy con tem thư.

Adam đứng dậy khỏi bàn nói:

– Để tôi đưa anh ra ga.

Lee cương quyết:

– Đừng! Tôi không muốn như vậy. Để tôi đi một mình được rồi. Thôi xin tạm biệt ông. Chào ông Adam.

Lee thoát nhanh ra khỏi nhà đến nỗi Adam thốt được mấy tiếng “tạm biệt anh” thì Lee đã ra đến đầu ngõ. Và khi Adam nói câu: “Nhớ viết thư về nhé!” thì Lee đã ở ngoài đường rồi.

□

Đêm đó sau khi xem đấu bóng rổ xong Cal và Aaron mỗi đứa ăn năm chiếc bánh nhân thịt vì Adam quên lo bữa ăn tối. Trên đường đi về nhà, lần đầu tiên chúng nói chuyện về Lee.

– Tôi ngạc nhiên không hiểu sao chú ấy bỏ đi. Cal nói.

– Tao cũng không biết nữa. Aaron đáp. Nhưng tao hy vọng chú sẽ trở lại. Chú ấy trở lại vì nhớ chúng ta. Rồi mày sẽ thấy.

– Tôi cá với anh mười xu ăn một rằng chú ấy sẽ không trở lại.

– Trước thời gian bao lâu?

– Vĩnh viễn.

Aaron không cần đợi đến một tháng mới thắng cá, mà chỉ sáu hôm sau thôi.

Lee trở về vào lúc mười giờ bốn mươi tối và tự mở cửa vào nhà bằng chiếc chìa khóa riêng mà chú còn giữ. Phòng ăn vẫn còn đèn sáng nhưng chú phải xuống tới nhà bếp mới gặp ông Adam đang lui cui chiên một miếng bánh mì đen dày trong chảo với mũi nhọn của một cái mở hộp.

Lee đặt gói đồ của mình xuống.

- Ông chiên kiểu đó chắc sẽ cháy đen mất.

- Vậy à? Nên thứ gì tôi làm cũng khét hết. Còn một xoong củ cải xốt ngoài sân kia. Hôi khét quá đến nỗi tôi không dám để trong nhà. Đến món củ cải mà tôi cũng làm cháy khét thì tệ thật. Ông nói như mếu rồi tiếp. Chú về chơi hay có việc gì đó?

Lee cầm cái xoong bằng sắt đen lên bỏ vào chậu rửa bát đổ nước vào ngâm rồi nói:

- Nếu chúng ta có một cái lò ga mới chúng ta có thể nấu một ấm cà phê chỉ trong vòng vài phút, chỉ cần châm mỗi lửa thôi.

- Không hiểu sao cái lò không chịu đở lửa. Adam hỏi.

Lee nhếch mày nói:

- Ông có khi nào lấy bột tro ra không?

- Lấy tro hả?

- Thôi ông hãy lên phòng ăn ngồi nghỉ, để tôi làm cà phê cho.

Adam lên phòng ăn ngồi đợi một cách sốt ruột nhưng cũng đành phải nghe theo lời Lee. Một hồi lâu sau Lee mang hai tách cà phê đặt lên bàn nói:

- Nấu trong một cái nồi mau hơn.

Chú thì người lên cái giỏ đựng kính viễn vọng ở dây buộc, chú lấy ra một chai Ngũ Gia Bì.

- Có lẽ trong vòng mười năm nữa. Tôi quên hỏi đến bao giờ ông mới định thay đổi nhiệm vụ của tôi?

- Cái đó tùy ý chú.

- Tôi biết.

- Chú thua nhẵn tiền vào một trò đổ xúc nào rồi phải không?

- Không. Tôi vẫn còn nguyên số tiền.

Chú rót chất rượu màu đen vào ly cà phê và nói:

- Tôi chưa hề uống lối này. Nghe nói .

Adam hỏi:

- Chú có thể kể lại những gì đã xảy ra cho chú trong mấy ngày qua không?

- Chẳng có chuyện gì xảy ra cho tôi cả.

- Hiệu sách của chú thế nào?

- Tôi không thích hiệu sách. Trước khi bước lên xe lửa tôi nghĩ nhiều đến một hiệu sách nhưng bây giờ tôi không còn nghĩ đến nó nữa.

- Như vậy nghĩa là ước mơ cuối cùng của chú đã tắt rồi sao?

Lee lộ vẻ chán chường nói bằng giọng bất cần đời.

- Hết khát vọng là một giải thoát. Thưa ông Trask, đối với một chú chệt như tôi rượu là một thứ giải khuây rất tốt.

Adam lấy làm lạ trước thái độ của Lee:

- Có chuyện gì xảy ra vậy chú Lee?

Lee nâng chai rượu lên môi tu một hơi dài rồi thở từ trong cổ họng ra một luồng hơi rượu nồng nặc nói:

- Ông Adam, tôi rất lấy làm sung sướng hoan hỉ trở về đây.

## Chương XV

Salinas có hai trường trung tiểu học là hai tòa nhà lớn quét vôi màu vàng với những khung cửa chính và cửa sổ tối tận hết chỗ chệ gọi là trường East End và West End. Cal và Aron theo học trường West End. Đây là một tòa nhà lớn hai tầng lầu có đủ phòng cho các cấp lớp: lớp ba lớp bốn và lớp năm nằm dưới hai tầng trệt, các lớp sáu, bảy và tám trên tầng thứ nhì. Mỗi phòng có những chiếc bàn loại thông dụng bằng gỗ sồi, một cái bệ trên đó đặt một cái bàn thầy vuông, một chiếc đồng hồ lớn hiệu Seth Thomas và một bức tranh. Những bức tranh giúp phân biệt từng phòng.

Cal và Aron được xếp vào lớp bảy vì tuổi của chúng.

Hai chú bé chới mắt vì vẻ đồ sộ của trường West End, so với ngôi trường làng nhỏ bé chỉ có một phòng mà chúng đã theo học trước đó. Việc mỗi lớp có một giáo viên riêng cũng gây cho chúng một nỗi thán phục sâu xa đối với chúng như vậy có vẻ phí phạm quá. Nhưng cũng như tất cả mọi người khác trên đời này chúng chỉ lấy làm lạ trong ngày đầu, sau đó chúng không còn thấy ngôi trường đó có gì lạ so với bất cứ ngôi trường nào khác.

Vấn đề nên đưa tay lên hay bỏ tay xuống trong giờ học không mấy khó khăn đối với hai anh em sinh đôi. Cal để ý rất mau và giải thích với Aron rằng:

– Anh cứ làm theo số đông các học sinh khác. Nếu tụi nó biết câu trả lời thế nào thì tụi nó sẽ đưa tay lên. Nếu tụi nó không biết thì chúng thụt xuống dưới gầm bàn. Anh biết chúng ta nên làm cách nào không?

- Không? Làm cách nào?

- Này, anh có để ý thầy cô giáo không phải lúc nào cũng gọi những đứa giơ tay lên. Cô thường chỉ vào những đứa không biết gì cả.

- Đúng vậy. Aron nói.

- Bây giờ chúng ta nên áp dụng đường lối này. Trong tuần lễ đầu, chúng ta ráng học thật chăm nhưng đừng giơ tay gì cả. Cô sẽ chú ý chúng ta tưởng chúng ta không biết gì nhưng sự thật trái lại. Làm vậy cô sẽ yên trí là chúng ta giỏi. Đến tuần lễ thứ nhì chúng ta sẽ không cần học gì cả, nhưng mỗi lần cô hỏi gì chúng ta cứ giơ đại tay lên, thế là cô tưởng chúng ta biết thật và sẽ không gọi chúng ta. Tuần lễ thứ ba, chúng ta sẽ ngồi im. Cô giáo không biết chúng ta có hiểu câu trả lời không và sẽ để chúng ta yên.

Phương thức của Cal thành công, đúng như ý muốn nhưng cũng vô ích vì cả hai đều học được một cách dễ dàng.

Người nào để ý đến hai cậu bé sinh đôi đó đều nhận thấy nét khác biệt của chúng. Cal thì càng lớn tóc càng đen, da càng sạm. Hấn đầy vẻ lạnh lợi, tự tin và kín đáo. Không mấy ai thích Cal lắm tuy vậy hấn vẫn chiếm địa vị thủ lãnh ngoài sân trường. Hấn khéo che dấu những đau khổ riêng, hấn được xem như lì lợm, cộc cằn.

Aron trái lại dễ được cảm tình của mọi người. Hấn có nước da trắng hồng như con gái, tóc vàng ánh, mắt xanh mở lớn. Ngoài sân trường vẻ đẹp ẻo lả của hấn lúc đầu cũng gây ít nhiều bất lợi nhưng chẳng bao lâu bọn học trò trong trường đã biết được rằng Aron cũng là một tay sẵn sàng đập lộn hăng say và hung bạo không thua ai.

Ngày đầu tới trường Aron cố lánh mặt bạn bè. Hắn lén qua khu nữ sinh chơi để gặp Abra. Trước một đám nữ sinh đông la ó hắn cũng không ngán. Đến khi một ông giáo lớn con tới bắt buộc hắn phải trở về phía bên nam sinh hắn mới chịu đi.

Lúc trưa hắn cũng hụt gặp Abra vì cha của cô ấy đánh xe ngựa đến đón về ăn trưa. Hắn đợi ngoài cổng trường sau giờ bãi học.

Nàng ra về giữa một bầy con gái. Nét mặt nàng thản nhiên không có vẻ gì muốn gặp Aron. Nàng là một thiếu nữ đẹp nhất trường, nhưng không biết Aron có nhận thấy điều đó không?

Đám nữ sinh cứ tiếp tục đi. Aron lẻo đẹo bước theo phía sau một cách kiên nhẫn và không chút bối rối ngay cả khi bị đám nữ sinh lấn vai đụng vào người hắn. Dần dần một số nữ sinh tách rời bọn để về nhà, chỉ còn lại ba cô đi chung với Abra khi nàng tới trước chiếc cổng trắng của sân nhà mình và rẽ vào. Mấy cô bạn của Abra nhìn Aron một cách soi mói, cười khúc khích với nhau rồi đi thẳng.

Aron ngồi xuống lề đường. Một lát sau cổng nhà Abra mở, nàng lách ra. Nàng bước ngang qua đường đến đứng trước mặt Aron hỏi:

– Anh muốn gì?

Cặp mắt Aron mở lớn nhìn lên nàng:

– Abra chưa hứa hôn với ai chứ?

– Anh hỏi gì mà buồn cười vậy?

Aron cố lấy bình tĩnh đứng lên bạo miệng nói:

- Tôi thấy cần phải hỏi trước như vậy vì biết chắc rằng còn lâu lắm chúng ta mới có thể thành hôn với nhau được.

- Ai thèm lấy anh bao giờ mà anh nói khùng vậy?

Aron không trả lời, lặng lẽ bước theo nàng.

Abra ngược mặt về phía trước, bước đi những bước mạnh mẽ. Nét mặt nàng đầy khôn ngoan và dịu hiền, nàng có vẻ đang suy nghĩ lung lăm. Aron đi theo bên cạnh nhìn chăm chăm vào mặt nàng.

Hắn lặng lẽ bước đi đến cuối đoạn đường, Abra chợt rẽ về bên phải đi thẳng vào giữa cánh đồng rạ đang trong mùa hè.

Sát bờ cánh đồng có một túp lều nhỏ để bơm nước, bên cạnh có một cây liễu sống nhờ nước thừa. Những cành liễu rũ xuống gần sát mặt đất.

Abra vén những cành lá rũ xuống như bức màn bước vào túp lều bằng lá dựa vào gốc cây liễu và nằm dưới những cành lá rũ. Ánh mặt trời chiều ửng vàng qua những chiếc lá úa. Nàng ngồi xuống nền đất hay đúng hơn nàng gieo mình xuống thật nhẹ nhàng, chiếc váy rộng của nàng làm thành một cái lượn sóng quanh nàng. Nàng chấp tay lại trong lòng như đang cầu nguyện.

Aron ngồi xuống cạnh nàng, lặp lại câu nói lúc nãy:

- Chắc còn lâu lắm chúng ta mới có thể thành hôn với nhau được.

- Không lâu đâu, Abra nói.

Aron hỏi:

- Bộ em tưởng ba em sẽ cho phép dễ dàng sao?

Đó là điều nàng chưa nghĩ tới, nàng quay mặt lại nhìn Aron nói:

– Có lẽ em sẽ không hỏi ý kiến ông.

– Nhưng còn mẹ em?

– Chúng ta đừng nên làm phiền ông bà. Họ sẽ cho rằng đó là chuyện buồn cười hay bậy bạ. Chúng ta nên giữ bí mật thì hơn.

– Đồng ý. Anh sẽ giữ bí mật chuyện này. Chính anh cũng có những bí mật cần phải giữ nữa.

Abra nói:

– Được rồi. Anh nên giữ các bí mật luôn một thể.

Aron nhặt một nhánh cây nhỏ vạch một đường trên mặt đất ẩm nói:

– Abra, em có biết sinh con bằng cách nào không?

– Biết, Abra nói, ai bày cho anh điều đó?

– Chú Lee đã giảng cho anh biết, chắc còn lâu lắm chúng ta mới có thể có con.

Abra trề môi làm ra vẻ khôn ngoan nói:

– Lâu gì mà lâu!

Aron lấy làm ngạc nhiên hỏi:

– Chúng ta còn phải chờ đến bao giờ có được một cái nhà riêng để có thể sống với nhau. Chắc phải lâu lắm mới có được.

Abra nắm vào cánh tay Aron nói:

- Cần gì phải chờ đợi lâu, chúng ta có thể ở tạm trong một túp lều như vậy cũng được, đâu có sao. Anh sẽ là chồng và có thể gọi tôi là vợ.

Aron cố thu hết can đảm lấy hơi nói lớn:

- “Mình”.

- Nghe có vẻ ngượng nghịu quá. Abra nhận xét. Aron chột nói:

- Trong khi dợt thử, có lẽ chúng ta nên đóng cảnh mẹ con chơi đi.

- Dễ quá mà. Nàng nói.

- Abra có thích không?

- Thích chứ.

Nàng giả giọng eo éo trong cổ họng gọi:

- Con ơi, hãy tới đây, gối đầu vào lòng mẹ cái coi. Nào con trai yêu của mẹ, mau lại đây, mẹ cưng.

Nàng kéo đầu Aron xuống. Không hiểu sao Aron khóc ngon lành. Trong khi hấn lặng lẽ khóc, Abra vuốt ve lên má hấn và lấy chéo váy lên chặm nước mắt cho hấn.

Mặt trời đã bò lẩn về phía bên kia con sông Salinas. Một chú chim bắt đầu cất tiếng hót véo von từ đám rạ của cánh đồng. Nhìn từ dưới những cành liễu cảnh vật thật đẹp.

Aron dần dần thôi khóc. Hấn ngồi dậy và tỏ vẻ giận mình nói:

- Anh rất hiếm khi khóc được. Không hiểu tại sao tự nhiên anh lại khóc. Điên thật.

Abra hỏi:

- Chắc anh nhớ mẹ anh chứ gì?
- Không. Bà ấy chết từ hồi anh còn bé xíu.
- Tên bà là gì?
- Chú Lee nói tên bà là Cathy.

Abra im lặng không nói gì. Một lát sau Aron tỏ vẻ khó chịu hỏi:

- Abra có bực mình về tôi không?

Rồi hắn cố gắng thêm:

- Hả mình?
- Không, em không bực mình đâu, em chỉ ngạc nhiên thôi.
- Ngạc nhiên chuyện gì?

Nét mặt Abra đanh lại như để chống chọi với những dần co trong lòng:

- Về vài chuyện. Chẳng hạn nếu không có mẹ thì người ta sẽ cảm thấy thế nào? Anh muốn có một người mẹ lắm phải không?

- Dĩ nhiên là muốn lắm chứ.

Abra nhìn về hướng mặt trời lặn rồi nhìn đi chỗ khác. Nàng không thể nhìn vào khối ánh sáng màu tím chói mắt đó. Nàng nhắc lại với Aron:

- Hồi nãy anh có hứa sẽ giữ kín chuyện bí mật giữa chúng ta phải không?

- Anh hứa mà.

- Anh có dám thề nhất định sẽ giữ bí mật không?

- Anh xin thề.

Abra dựa dằng nói:

- Aron nói cho em nghe chuyện đó đi.

- Nói chuyện gì?

- Nói cho em nghe chuyện bí mật của anh đi.

Aron lùi lại xa nàng một chút nói:

- Không, anh không nói đâu. Em lấy quyền gì mà bắt anh phải nói. Anh không muốn nói với ai cả.

Những giọt lệ ghen ngào, từ khóe mắt Aron chảy xuống.

Abra nắm vào cánh tay Aron. Giọng nàng tha thiết.

- Em biết anh có thể giữ kín những bí mật đó. Nhưng em muốn biết anh có điều bí ẩn nào. Em cũng định kể cho anh nghe một bí mật.

Aron chế giễu nàng:

- Đó! Ai không giữ kín nổi bí mật nào?

- Em đã dẫn đo kỹ. Em muốn kể cho anh nghe chuyện này vì có lợi cho anh và sẽ làm anh bằng lòng.

- Nào, chuyện gì hãy kể nghe coi.

Abra điệu giọng kể:

- Anh còn nhớ có lần ba má em ghé vào nhà anh không?

- Nhớ chứ.

- À, em đang nằm trong xe ngủ gà ngủ gật bỗng em thức dậy nhưng ba má em không hay. Hai người nói chuyện với

nhau rằng má anh chưa chết. Họ nói có chuyện gì không hay đã xảy ra giữa ba má anh rồi bà bỏ đi.

– Má anh chết rồi. Ba anh nói má đã chết. Ba anh không thể là người nói dối.

– Có lẽ ông tưởng bà đã chết thật.

– Ba anh phải biết chắc. Aron nói bằng giọng không lấy gì làm quả quyết.

Mặt trời đã lặn, ánh ngày cũng tàn theo. Sao hôm đã ngạo nghễ trên đỉnh ngọn Toro.

Abra chợt nói:

– Tối rồi, ba má sẽ cạo đầu em mất. Anh kể mau đi. Chắc ba đã thả chó đi tìm em không chừng! Em sẽ bị ăn một trận đòn nên thân quá!

Aron nhìn nàng không tin:

– Em mà bị đòn hả? Ba má em mà đánh em à, làm gì có chuyện đó?

– Chỉ có anh nghĩ vậy thôi.

Aron hăng hái nói:

– Nếu ba má em mà đánh đập em, anh sẽ giết ông bà cho xem. Không ai được đánh vợ anh.

Abra choàng tay quanh cổ Aron nói:

– Chồng của em, yêu anh lắm.

Nói xong, nàng đứng dậy xách chéo váy lên quá đầu gối vô ý lộ cả viền ren quần lót trắng trong khi lúp xúp chạy về.

□

Aron trở lại chỗ cây liễu ngồi bệt xuống đất, tựa lưng vào thân cây. Đầu óc hắn âm u, ruột gan đau nhói. Hắn cố vận dụng tâm trí tưởng tượng một số hình ảnh để vơi bớt đau buồn.

Mẹ hắn vẫn còn sống. Hắn thường hình dung bà đang nằm yên dưới đất lạnh. Nhưng bây giờ không thể nghĩ như vậy nữa. Hiện nay ở một nơi nào đó bà đang đi lại, nói năng, tay chân cử động với cặp mắt mở lớn. Giữa lúc đắm hồn trong thú buồn đau hắn chợt cảm thấy dâng lên một nỗi mất mát lớn lao kinh khủng. Nếu thật mẹ hắn còn sống thì cả cha hắn lẫn chú Lee đều là những kẻ nói dối. Nếu bà còn sống thì hai thần tượng kia coi như đã sụp đổ.

Aron khẽ lắc đầu trong bóng tối, lắc đầu vì không muốn tin như vậy. Hắn cảm thấy rằng, phải có một cái gì chết hoặc mẹ hắn hoặc thế giới hắn đang sống.

Giải đáp cho vấn đề đột nhiên hiện ra trước mắt hắn. Abra nhất định đã không nói dối. Nàng chỉ thuật lại những gì nàng đã nghe. Nhưng có thể cha mẹ nàng đã nghe những dư luận sai lạc không có gì đáng tin cậy. Hắn vùng đứng lên với ý nghĩ rằng mẹ hắn đã chết thật và gạt bỏ hẳn hình ảnh bà ra khỏi tâm trí.

Hắn về trễ bữa ăn tối và giải thích lý do rằng: “Con về trễ vì đến gặp Abra”.

Sau bữa ăn, ông Adam đọc tờ Index của thị trấn Salinas, cảm thấy có ai đặt tay lên vai, ông ngẩng đầu lên và hỏi:

– Gì vậy Aron?

- Chúc ba ngủ ngon. Aron chỉ nói chừng đó.

## Chương XVI

Tháng hai ở Salinas gần như ẩm ướt, lạnh lẽo và ẩm đạm. Những cơn mưa thật nặng hạt thường đổ xuống. Tháng hai năm 1915 là tháng mưa nhiều nhất trong năm.

Gia đình Trask ở Salinas rất vững vàng. Chú Lee sau khi từ bỏ giấc mộng mở hiệu sách, đã tạo dựng một giang sơn mới cho riêng mình trong ngôi nhà sát bên lò bánh Reynaud's. Lần đầu tiên trong đời chú xây cất một mái nhà cho riêng mình, sửa sang tu bổ để tính chuyện lâu dài.

Phòng ngủ lớn gần mặt lộ được Lee dựng những giá sách, trải thảm mỏng và dán những mẫu in trên tường. Chú đặt một chiếc ghế bành sâu kiểu Morris ngay dưới ngọn đèn đọc sách kiểu đẹp nhất mà chú tìm ra được.

Tự tin vào sự tín nhiệm của ông Adam, chú sắp xếp lại nhà cửa, Adam không phản đối một tiếng nào. Một bếp ga được đem về nhà, mắc dây điện, một máy điện thoại và một thùng ướp lạnh lớn.

Hiếm có một ngôi nhà nào ở thị trấn Salinas được trang bị đầy đủ như vậy chỉ trong một thời gian ngắn. Lee tự biện bạch việc làm của mình với ông Adam rằng: “Ông có thừa tiền nếu không biết hưởng những tiện nghi đó thì uổng lắm”.

Adam hỏi ý kiến Lee:

– Tôi có phàn nàn gì đâu! Tôi còn muốn sắm một vài thứ nữa kia. Theo chú thấy tôi cần mua cái gì nữa nào?

Ông hãy đến tiệm bán nhạc cụ Logan nghe thử vài loại máy hát mới xem có thích không?

- Được rồi tôi sẽ làm theo lời chú.

Rồi ông đã mua một chiếc máy hát đĩa hiệu Victor, và thường ghé lại hiệu Logan để xem có những đĩa nhạc nào mới về không.

Những tiến bộ nhanh chóng của thế kỷ đã kéo Adam ra khỏi chiếc vỏ ốc của mình. Ông gởi mua dài hạn Nguyệt san “The Atlantic Monthly” và tạp chí “The National Geographic”. Chiếc tủ lạnh mới làm ông ta say mê. Ông mua một cuốn sách giảng giải về làm đông lạnh và bắt đầu nghiên cứu.

Thật ra thì Adam thấy cần làm việc, ông đã thức tỉnh khỏi cơn mê khá lâu của mình và bây giờ thấy cần làm một việc gì.

Một hôm, ông nói với chú Lee:

- Tôi thấy rằng tôi cần phải bắt tay vào một công việc.

- Ông có biết mình muốn làm gì không? Tôi không tin ông rành công việc lắm đâu.

- Sao lại không chú?

- Có lẽ ông chỉ nghĩ tới cho vui vạ thôi. Lee nói.

- Chú Lee, chú không đọc báo sao? Trong đó đăng tin người ta vừa đào được một con voi đời thượng cổ tại Siberia. Xác voi vùi sâu trong lớp băng từ nhiều ngàn năm trước nhưng thịt vẫn còn tươi ngon.

Lee mỉm cười nhìn ông nó

- Ông giàu tưởng tượng quá. Với những cục đá nhỏ xíu trong tủ lạnh đó ông sẽ làm được gì?

- Nhiều việc lắm chứ.

- Ông nói đùa hay nói thật? Nhiều thức uống để lạnh có vị hôi kia mà.

- Đó là một vấn đề. Adam nói, tôi vẫn nghĩ rằng chú có thể giữ được thực phẩm lâu nếu chỉ để đủ lạnh thôi.

Chú Lee nói:

- Đừng bỏ thứ thịt voi thượng cổ đó vào tủ lạnh của chúng ta, không được đâu.

Nếu ông Adam nghĩ được hàng ngàn sáng kiến như ông Samuel Hamilton thì có lẽ tất cả sẽ trôi qua dễ dàng nhưng ông ta lại chỉ nghĩ ra được có một sáng kiến. Chuyện thịt voi thượng cổ ướp lạnh vẫn nằm nguyên trong trí ông. Những tách nước trái cây, những miếng bánh pudding, những miếng thịt nhỏ, tất cả đều được nấu chín vẫn tiếp tục được đặt trong tủ lạnh. Đối với hạng người suốt đời chỉ nghĩ được một sáng kiến, việc ướp lạnh thực phẩm đã trở thành một ám ảnh không nguôi trong đầu Adam.

Salinas đã có một hãng nước đá, đủ cung cấp những thùng ướp lạnh cho một số gia đình và đủ phục vụ cho những hiệu làm kem lạnh. Adam bắt đầu đi quan sát hãng làm nước đá và chẳng bao lâu ông đã có thể đem những lon nước đá nhỏ đến những phòng đông lạnh. Ông ta ước gì ông Sam Hamilton còn sống để thảo luận với mình. Một chiều mưa ông đi bộ từ hãng nước đá về, đang nghĩ đến ông Sam Hamilton thì gặp cậu con là Will Hamilton, ông liền mời.

- Cậu ghé vào nhà tôi dùng bữa cho vui. Tôi cần hỏi ý kiến cậu một chút.

- Tôi cũng muốn ghé vào lắm chứ nhưng tôi có chút việc cần giải quyết gấp. Nếu xong sớm tôi sẽ ghé lại ngay.

Lúc này Will Hamilton đã trở thành một người làm ăn rất phát đạt. Gần như mọi vụ làm ăn đáng chú ý nào trong vùng sớm muộn gì cũng được anh ta nhào vào. Công việc của anh ta không mấy rõ ràng. Anh ta có thói quen lúc nào cũng tỏ ra lảng xảng bận bịu.

Anh ta ăn tối tại hiệu Abbot House. Một hồi lâu sau anh ta thả bộ đến góc đường Central Avenue và bấm chuông nhà ông Adam Trask.

Hai cậu con của ông Adam đã đi ngủ. Lee đang ngồi mạng những chiếc vớ mà hai cậu bé sinh đôi thường mang đi học. Ông Adam thì đang đọc tạp chí khoa học Scientific American. Ông mời Will vào và kéo ghế mời anh ngồi. Chú Lee thì đi pha một ấm cà phê rồi trở lại chỗ cũ ngồi mạng vớ.

Will ngồi xuống ghế, lấy ra một điếu xì gà đen bự châm lửa hút. Anh chờ ông Adam khai mào câu chuyện.

Ông Adam hỏi:

- Thời tiết thay đổi cũng khá dễ chịu phải không? Má anh vẫn mạnh chứ?

- Vẫn mạnh. Hai chú bé chắc lớn nhiều phải không?

- Ồ, chúng lớn nhanh lắm. Aron là một học sinh giỏi và đàng hoàng. Cal thì lại thích việc canh nông hơn.

- Đồng ruộng cần những nhà canh nông tiến bộ biết nhìn xa.

Will hơi sốt ruột vì chờ mãi chưa thấy ông Adam vào đề. Phải chăng ông ấy đang định mượn tiền mình? Anh vội nói:

- Tôi không ngồi lâu được vì có hẹn sẽ gặp một người bạn tối nay. Ông muốn gặp tôi có chuyện gì vậy?

Adam nói:

- Giữa lúc tôi đang nghĩ đến ba anh thì gặp anh. Nên tôi có ý muốn gặp anh để nói chuyện chơi.

Will ngồi dựa người ra thành ghế nói:

- Ông cụ rất mau miệng.

- Dù sao ông ấy cũng có công giúp tôi nhiều về phương diện tinh thần, Adam nói.

Lee ngưng mạng vớ nhìn lên nói với Will:

- Anh có nghe ở đâu tận vùng Siberia người ta có đào được một con voi thượng cổ từ dưới lớp băng lên không? Con voi đó đã bị chôn dưới lớp băng tuyết hàng trăm ngàn năm rồi mà thịt vẫn còn tươi ngon.

- Voi thượng cổ à?

- Vâng, một loại voi đã sống trên địa cầu này từ thời thượng cổ.

- Mà thịt vẫn còn tươi ngon à?

- Tươi ngon như thịt heo mới xẻ vậy. Chú Lee vừa nói vừa lồng chiếc khung gỗ hình quả trứng vào chỗ đầu gối của chiếc vớ dài.

- Hay quá nhỉ? Will nói.

Ông Adam cười ra tiếng:

- Chú Lee nói hơi quá một chút, nhưng cũng sẽ đúng như vậy. À, tôi muốn nói với anh một sáng kiến mà tôi vừa nghĩ ra và nhờ anh góp ý kiến vì anh là một tay thạo việc làm ăn.

Will quên hẳn tính dè dặt cố hữu của mình nói:

- Đúng vậy.

Adam nói:

- Tôi đã nghiên cứu ngành kỹ nghệ ướp lạnh và tôi có một dự định. Đây là một dự tính lớn và có lẽ có nhiều khía cạnh cần bàn tính kỹ.

Will đặt hai bàn chân xuống sàn nhà, ngồi lại ngay ngắn, kéo quần lên cẩn thận, nói:

- Ông cứ nói hết thử xem.

- Đất nước đã thay đổi nhiều. Người dân không còn sống theo lối xưa. Anh có thị trường tiêu thụ cam lớn nhất ở nơi nào không?

- Không. Ở đâu vậy?

- Đô thị New York. Tôi đã đọc trên báo điều đó. Ở những vùng lạnh lẽo của nước ta, anh có nghĩ rằng nhiều người muốn có nhiều thứ không có trong mùa đông. Chẳng hạn như đậu, rau diếp và cải bông. Suốt trong nhiều tháng họ không có những thức đó. Nhưng tại thị trấn Salinas này chúng ta có thể trồng các loại đó quanh năm.

- Ở đây đâu phải là ở đó, Will nói. Ý ông định thế nào?

- Này anh Will, nếu chúng ta biết cách sắp những cây nước đá thế nào để có thể ướp được rau diếp và gói rau trong những hộp giấy có tráng một lớp sáp thì có thể giữ rau tươi ngon được trong vòng ba tuần lễ.

Will dè dặt nói:

- Ông cứ nói tiếp đi.

- Anh đã biết đường xe lửa để tải những toa cam rất tiện. Anh nghĩ xem chúng ta có thể tải rau diếp tới duyên hải miền đông vào giữa mùa đông được không?

Will hỏi:

- Chương trình của ông thế nào?

- Tôi nghĩ đến chuyện mua nước đá tại hãng nước đá ở Salinas này ướp vài thứ rau cải rồi chở đi.

Will Hamilton bặm môi lại đầy vẻ tức bực nói:

- Mỗi khi một người nào đến hỏi ý kiến tôi về một vấn đề gì, tôi thường thấy họ không cần đến lời khuyên của tôi. Người đó chỉ muốn tôi đồng ý với mình. Nhưng tôi thật tình mến ông vì ông là một người bạn của gia đình tôi nên tôi sẽ nói thật ý kiến của tôi.

Lee đặt khung gỗ mạng vớ và giỏ may xuống đất, rồi thay cặp kính đeo mắt chăm chú chờ nghe.

- Tôi xuất thân từ một gia đình có nhiều sáng kiến và từng sáng chế ra nhiều thứ, Will nói tiếp. Chúng tôi bàn cãi suốt trong các bữa điếm tâm và có khi say mê bàn cãi quên cả điếm tâm. Tôi là người duy nhất trong gia đình, trừ mẹ tôi, không có nhiều sáng kiến như những anh em khác và tôi là người trước đây không kiếm ra lấy một xu nào. Nếu ông muốn ném qua cửa sổ bốn năm chục ngàn Mỹ kim một cách nhanh chóng thì ông cứ việc tiếp tục thực hiện sáng kiến của ông.

- Anh thấy sáng kiến đó hỏng ở điểm nào?

- Sáng kiến đó hỏng hoàn toàn. Những người dân ở miền đông không có thói quen dùng rau trong mùa đông. Họ không

hề mua rau. Ông có chở rau đến cũng vô ích. Thị trường không tiêu thụ. Chúa ơi, tôi phát khiếp khi nghe ông định thực hiện sáng kiến duy nhất đó của ông.

Mặt Will đỏ gấc lên và giọng anh ta như nghẹn lại trong cổ họng.

Adam quay sang chú Lee hỏi:

- Chúng ta còn bánh mứt chanh vừa dùng trong bữa tối không?

- Chắc không còn. Tôi nghe tiếng lũ chuột sục sạo trong nhà bếp nãy giờ. Có lẽ chỉ còn một ít trứng để dành cho hai chú bé. Nhưng rượu whisky thì ông đã uống hết nửa cái phần tư chai đó rồi.

- Vậy hả? Tại sao chúng ta không đem uống nốt chỗ còn lại đó cho rồi?

Will cười cười nói:

- Ý kiến hấp dẫn đó. Tôi cũng thích uống một chung cho vui.

Anh ta uống hai chung rồi thôi. Ngồi dựa ngửa một cách thoải mái, anh ta bắt đầu giải bày ý kiến với Adam.

- Có nhiều cái vẫn không hề thay đổi giá trị của chúng. Nếu ông muốn bỏ tiền ra làm một việc gì, ông hãy nhìn một vòng quanh thế giới. Cuộc chiến tại Âu Châu sẽ còn kéo dài một thời gian lâu. Tôi sẽ không ngạc nhiên gì cả nếu chúng ta nhảy vào vòng. Tôi không tin tưởng gì ở ông Wilson, ông ấy chuyên môn lý thuyết và ưa đại ngôn. Nếu chúng ta nhảy vào vòng chiến, chúng ta sẽ có cơ hội hái ra tiền với các vụ thầu thực phẩm không bị hư thối. Ông có thể trữ gạo, bắp, lúa mì

và đậu, sẽ có khối người cần mua để sống. Tôi khuyên ông nên dành cả nông trại của ông trồng toàn đậu rồi đem trữ lại đó, bảo đảm rằng các con ông sẽ không lo gì về ngày mai nữa hết.

Anh ta từ giã chủ gia, với tâm trạng thoải mái vì đã nói ra những lời khuyên xác đáng.

Sau khi Will đã đi khỏi, Lee đem ra một phần ba cái bánh nhân mút chanh cắt làm hai phần nói:

- Anh ấy đã quá mập rồi. À, hăng nước đá của ông tới đâu rồi?

- Tôi sẽ mua như đã dự định.

- Ông cũng nên trồng một ít đậu nữa. Lee nói.

□

Gần cuối năm đó, Adam đã làm một cố gắng lớn, thật là một năm đầy những cảm giác mạnh đối với ông. Trong khi ông xúc tiến công việc, các thương gia nói về ông như một người biết nhìn xa. Chuyến khởi hành sáu toa xe rau diếp gói trong hộp và ướp nước đá khiến dư luận phải chú ý. Phòng thương mại đứng ra tổ chức chuyến khởi hành. Sáu toa xe được trang hoàng những bảng quảng cáo mang hàng chữ: “Rau diếp của thung lũng Salinas”.

Adam không ngờ mình có đủ nghị lực thực hiện một công việc khá qui mô như vậy. Gặt hái chọn lọc sửa soạn, vô hộp, ướp lạnh và chuyên chở. Chừng đó công việc mà không có dụng cụ máy móc nào giúp sức cả. Mọi việc đều do những bàn tay nhân công được thuê mướn và huấn luyện để hoàn thành công tác. Ông Adam đã phải tốn một khối tiền của để thực

hiện sáng kiến mà ông ta đã nghĩ ra, nhưng tốn kém đến cỡ nào thì không ai biết. Chỉ chú Lee mới biết thôi.

Sáng kiến có vẻ hay lắm. Rau diếp được gửi đến thị trường New York bán với một giá phải chăng. Rồi xe lửa quay về và mọi người nằm nhà chờ đợi kết quả.

Nếu mọi việc xong suốt như dự trù thì cũng không đến nỗi nào nhưng một kẻ thù bất ngờ và đầy quyền năng làm hỏng cả chương trình. Khi chuyển xe lửa đến ngang vùng Sacraments thì một trận tuyết lở đã làm nghẽn lối tại Sierras mất hai ngày. Sáu toa chở rau phải đứng yên một chỗ, nước đá tan đi hết. Ngày thứ ba chuyển tàu chở hàng mới vượt được vùng núi vì thời tiết khắp vùng trung tây đã trở nên ấm áp. Tại Chicago không biết vì những mệnh lệnh mơ hồ nào và do lỗi của ai, sáu toa rau diếp của ông Adam đứng lại trong sân ga thêm năm ngày nữa. Chừng đó cũng đã quá đủ. Khi đến New York sáu toa rau chỉ còn là những thứ hư thối khủng khiếp không ai gửi nổi.

Đọc xong bức điện tín do hãng nhận hàng gửi tới. Ông Adam ngồi tựa lưng ra thành ghế với một nụ cười lạ lùng như mếu trên nét mặt. Ông ngồi sững như vậy thật lâu.

Hai chú bé nghe cái dư luận tại Salinas ngay sau đó. Ông Adam như người mất trí. Những kẻ mơ mộng nay đều vỡ mộng. Một người liều lĩnh đã tiêu ma một món tiền lớn. Có lẽ việc này sẽ dạy ông ta một bài học nhớ đời.

Khi chú Lee cảm thấy khoảng thời gian thử thách đã tạm đủ, chú mạnh dạn ngồi đối diện với ông Adam để bàn thẳng vào vấn đề.

- Ông không thu mình trở lại cuộc sống khép kín của ông nữa chứ?

- Sao chú lại hỏi tôi câu đó? Adam hỏi.

- Nhìn nét mặt cố hữu của ông nên tôi mới hỏi như vậy.

- Tôi cũng chưa biết tính sao đây.

- Còn tính gì nữa. Ông còn được chín ngàn Mỹ kim và nông trại. Có lẽ ông nên bán nhà máy nước đá cho rồi.

Nét mặt ông Adam đanh lại và tất cả nụ cười chua chát nói:

- Tôi vẫn tin rằng công việc có thể sẽ tiến triển thuận lợi hơn. Vừa rồi chỉ là vài tai nạn bất ngờ. Tôi vẫn duy trì nhà máy nước đá. Nước đá cần để giữ gìn nhiều thứ. Vả lại nhà máy đang mang lại lợi tức. Có thể tôi sẽ nghĩ ra được một vài phương cách.

- Ông đừng nghĩ thêm những sáng kiến tốn tiền, tôi không muốn phải dẹp bỏ cái bếp hơi của tôi đâu.

□

Hai chú bé sinh đôi cảm thông sự thất bại của cha mình một cách sâu xa. Chúng đã được mười lăm tuổi và từ lâu chúng đã ý thức rằng mình là con của một người giàu có. Khó mà từ bỏ ý nghĩ đó được. Nếu các thương gia cười nhạo ông Adam cha chúng, thì bọn bạn trời đánh ở trường trung học còn ác độc hơn. Chẳng mấy chốc chúng đã gọi hai anh em song sinh hỗn danh: “Rau Diếp Aron và Cal” hay tắt hơn: “Thằng Rau Diếp”.

Aron đã bàn về vấn đề này với Abra rằng:

- Vụ này sẽ đưa đến một sự khác biệt lớn lao.

- Abra đã trở thành một thiếu nữ nhan sắc. Chẳng những xinh đẹp cô ta còn khỏe mạnh chín chắn và duyên dáng.

Nàng nhìn vào bộ mặt lo lắng của Aron và hỏi:

- Tại sao lại có sự khác biệt?

- Vâng anh nghĩ rằng gia đình anh sau vụ thất bại này sẽ nghèo. Có thể ba má em sẽ không muốn em thành hôn với anh.

- Vậy thì em sẽ không nói cho ba má em biết về chuyện đó. Abra nói.

- Em có tin chắc ở mình không?

- Em tin chắc ở mình lắm chứ. Hôn em đi.

- Ngay đây à? Ngay giữa đường thế này sao?

- Sao lại không?

- Mọi người thấy kỳ lắm.

Abra mạnh dạn nói:

- Em muốn cho mọi người thấy và biết rằng em sắp là vợ của chàng Rau Diếp.

Aron liếc nhìn nàng một cái thật nhanh và nói:

- Có lẽ anh đến phải bỏ cuộc mất. Bây giờ anh đã trở thành một thằng con trai nghèo nàn. Em tưởng anh không thấy thái độ phân biệt ở ba em sao?

- Anh chỉ nói khùng.

Abra cau mày nói thế nhưng nàng chỉ khẽ cau mày lấy lệ thôi vì nàng cũng thấy có thái độ ấy ở cha nàng thật.

Hai đứa ghé vào một tiệm bánh kẹo và giải khát, ngồi vào một chiếc bàn. Rau cần tây là thức uống thịnh hành năm đó.

Abra vừa khuấy bột ly nước uống bằng cọng rơm vừa suy nghĩ không hiểu vì lẽ gì cha của mình đã thay đổi thái độ từ khi vụ rau diếp của ông Adam thất bại. Ông đã từng nói với nàng: “Con phải biết rằng thấy rõ được sự thất bại của người khác để rút kinh nghiệm là một thái độ khôn ngoan”. Nàng cũng thấy gần đây có những cuộc bàn tán trong các gia đình sau khi có tin ông Adam lỗ lã mất hết tất cả tiền bạc.

Nàng chồm qua cạnh bàn nói:

– Anh biết chúng ta có thể làm được gì không? Chúng ta có thể canh tác nông trại của ba anh. Ba của em nói rằng đó là một vùng đất màu mỡ.

Aron trả lời ngay:

– Không. Anh muốn học đại học. Anh muốn thoát khỏi chốn này. Mọi người đều nhạo báng anh. Anh không chịu đựng nổi đâu.

– Họ sẽ quên ngay mà. Nàng nói.

– Không. Họ sẽ không quên đâu. Ô! Tại sao ba anh lại nhúng vào những việc mà ông chẳng hiểu chút nào.

Abra lý luận:

– Đừng nên trách cứ ba anh không nên. Nếu công việc có kết quả tốt đẹp mọi người đã nghiêng mình thán phục ông.

– Nhưng công việc đã thất bại. Ông đã làm nhục luôn tới anh. Anh bị mất mặt. Anh ghét ổng lắm.

Abra đỏ mặt lên vì tức giận:

– Anh đáng bị đánh đòn. Nếu ở chỗ vắng không có ai, em sẽ tự tay tát vào mặt anh.

Nàng nhìn thẳng vào khuôn mặt bánh trai của Aron bây giờ đã đánh tại vì tức giận cau có, nàng nói tiếp:

– Có lúc em chỉ muốn giết anh, nhưng Aron, đồng thời em cũng yêu anh biết chừng nào.

Có tiếng cười khúc khích ở chiếc bàn gần quầy bán sô đa. Tiếng cười càng lớn hơn vang đến tai hai người. Aron then chín người. Những dòng lệ uất hận trào lên trong khóe mắt. Anh bỏ chạy ra khỏi tiệm nước và phóng ra đường.

Abra lặng lẽ cầm ví tay lên. Nàng bước tới chỗ ông Bell trả tiền mấy ly nước rau cần tây. Trước khi ra khỏi tiệm nàng dừng lại trước bàn có mấy người vừa cười nhạt lòng nói:

– Các người hãy để cho anh ấy yên.

Rồi nàng xoay mặt bỏ đi. Một tên trơ tráo trong bọn nhại giọng eo éo nói với theo: “Ô, anh Aron, đồng thời em cũng yêu anh biết chừng nào”.

Ra tới đường nàng rảo chân chạy để cố bắt kịp Aron nhưng vẫn không thấy Aron đâu cả. Nàng đi qua đi lại các đường phố Salinas hy vọng bắt gặp chàng đâu chằng. Nàng đâm giận dữ chằng, nhưng cũng cảm thấy mình trơ trọi vô cùng. Aron từ trước đến nay chưa bao giờ trốn tránh nàng thế này. Abra không còn thói quen thích sống cô đơn như trước nữa.

□

Cal đã quen với nếp sống cô độc. Mỗi lần anh thử đi theo Abra và Aron nhưng họ không muốn có sự hiện diện của anh.

Anh đâm ghen tức và thử tìm cách lôi cuốn sự chú ý của cô gái nhưng thất bại.

Việc học hành đối với Cal quá dễ dàng nhưng không đáng quan tâm lắm. Anh không để ý nhiều đến các môn thể thao ở trường cũng như các hoạt động khác. Một niềm khắc khoải lớn lao thúc đẩy Cal rời khỏi nhà lang thang suốt đêm. Cal cao lớn và mảnh khảnh. Lúc nào trông anh cũng có vẻ trầm ngâm. Aron thường được mọi người yêu mến vì vẻ bảnh trai và tính đơn giản. Cal cố bắt chước anh mình. Cal cũng khao khát được tình cảm thương mến, như mọi người.

Ở Aron người ta thấy vẻ thật thà dễ mến bao nhiêu thì ở Cal với nét mặt sạm màu người ta thấy vẻ khép kín, khó chịu bấy nhiêu. Khi một người có mặc cảm bị hắt hủi, người đó nhìn ở đâu cũng tưởng tượng ra toàn những chuyện bị hắt hủi. Chính vì điểm đó mà Cal đã dựng lên một bức tường khép kín vô hình quanh mình, bức tường đủ vững chãi để tự bảo vệ mình chống lại thế giới bên ngoài. Nếu bức tường này có những chỗ yếu nào thì chỉ là những chỗ dành cho những người thân nhất như Aron, chú Lee và đặc biệt là ông Adam cha anh.

Từ khi còn là một cậu bé, Cal đã khám phá ra một bí mật. Nếu Cal rón rén đến bên chỗ cha nó đang ngồi và khẽ tựa vào đầu gối của ông, thì bàn tay ông sẽ tự động đặt lên vai Cal vuốt ve. Cử chỉ đó của ông Adam gần như vô thức. Nhưng sự vuốt ve đó đã gây cho cậu bé những cảm giác sung sướng khó tả mà nó nhớ mãi và thỉnh thoảng áp dụng khi thấy cần. Lệ thuộc vào một cảm giác như vậy kể cũng lạ thật.

□

Tuy chú Lee biết Cal thường rời khỏi nhà vào ban đêm và mãi đến sáng hôm sau mới về nhưng chú vẫn làm ngơ như không biết, vì chú biết không thể làm được gì. Thỉnh thoảng vài cảnh binh gác đêm cũng thấy Cal lang thang một mình. Họ thấy anh ta nhìn vào các quán đông chơi bài của khu phố người Trung Hoa, dù anh ta không tham dự vào. Ông tỉnh trưởng Heiserman nhấn mạnh vào điểm đó với nhân viên đi tuần và bảo đảm rằng Cal không làm gì bậy cả mà hiện nay Cal còn là một học sinh rất giỏi. Viên tỉnh trưởng dĩ nhiên là có quen biết với ông Adam, và vì thấy Cal không gây rắc rối gì nên ông mới dặn các cảnh binh cứ để cậu ta yên trừ khi cậu ta làm điều gì quấy.

Trong các chuyến đi lang thang đó, Cal thường nhớ lại cuộc đối thoại giữa chú Lee và cha mình mà cậu ta đã nghe lóm được ở nông trại. Cal muốn đào bới ra sự thật. Dần dần nó càng hiểu rõ vấn đề nhờ một cuộc bàn cãi ngoài đường và một vụ nhục mạ tại hồ tắm. Cal biết rằng mẹ nó chưa chết và qua cuộc nghe lóm đó, nó cũng biết rằng Aron không muốn khám phá ra mẹ mình đang làm gì.

Một đêm kia, Cal chạy thẳng đến gặp Rabbit Talbot, một tá điền cũ của cha mình ở tận San Ardo, ông này đang say khật khừ. Rabbit tiếp đón Cal một cách niềm nở đúng như cách thức của một người dân quê tiếp đón một người quen ở một chỗ lạ.

Rabbit đang tu một chai rượu màu hồng trên con hẻm phía sau quán Abbot House, nói hết những gì mà ông ta nghĩ trong đầu. Ông ta đã bán một miếng đất nhỏ của mình với một giá hời và đã lên Salinas để ăn mừng, có nghĩa là ông ta ghé lại

đường Castroville để chứng tỏ mình là một người đàn ông thực sự.

Cal lặng lẽ ngồi xuống bên cạnh ông ta lắng nghe. Uống đến nửa chai rượu thứ hai, Rabbit chẳng những quên Cal là ai mà còn quên luôn cậu ta mấy tuổi, ông ta chỉ còn nhớ lơ mờ rằng đây là một cậu bé quen biết rất lâu của mình. Ông ta nói:

– Cậu George, này cậu muốn hỏi tôi việc gì? Tôi sắp đi đến ổ nhện của bà Kate bây giờ đây. Cậu còn nhớ bà Kate là ai chứ cậu Harry? Bà ấy là vợ của ông Adam Trask, mẹ của hai cậu con trai sinh đôi khốn khổ. Đừng quên rằng đã có lần bà ấy bắn ông chồng rồi bỏ đi. Bắn vào vai ông ta một phát rồi đồng tuốt. Này cậu George, hãy đỡ tôi dậy. Chúng ta cùng xuống ổ nhện đó nhé.

Cal bước theo sau cách Rabbit một quãng để ông ta không để ý gì đến mình cho đến khi tới trước một khoảng sân rộng có chiếc cổng gỗ không sơn phết gì cả. Dù Cal khá cao lớn so với tuổi của mình nhưng cậu ta cũng nhồm đầu ngón chân lên cho cao hơn nữa. Người gác cổng không nhìn kỹ vào mặt Cal. Cậu ta cũng không nán lại lâu và căn phòng mờ mờ với những ngọn đèn thấp kín đáo cùng những người đàn ông đang thấp thỏm chờ đợi đã che khuất sự hiện diện của cậu ta.

□

Sau lần ghé lại nhà bà Kate, Cal cảm thấy thất vọng ê chề và muốn có dịp thổ lộ tâm sự đó với một người nào.

Một đêm kia, trong khi Lee đang gõ lốc cốc trên chiếc máy chữ thì nghe có tiếng gõ cửa. Chú ra mở cho Cal vào. Cal ngồi ở mép giường. Lee buông thân hình gầy guộc của mình trong

chiếc ghế bành hiệu Morris. Chú vòng tay trước ngực nhẩn nại chờ đợi. Cal nhìn vắn vơ phía trên đầu chú Lee.

Bỗng Cal lên tiếng nói nhanh và thấp giọng:

– Tôi biết mẹ tôi hiện ở đâu và đang làm gì. Tôi đã thấy mặt bà.

Chú Lee bối rối nhưng cũng ôn tồn hỏi:

– Cal muốn biết để làm gì kia chứ?

Nhiều câu hỏi xoáy lên trong đầu khiến Cal lúng túng giây lát mới tìm được một câu:

– Ba tôi có biết chuyện đó không!

– Biết.

– Vậy tại sao ông ấy lại nói dối rằng bà đã chết.

– Để hai cậu khỏi xấu hổ.

Cal hỏi tiếp:

– Có lần mẹ tôi đã bắn ba tôi phải không?

– Có.

Cal ngồi im một lát lâu đến nỗi những ngón tay của chú Lee bắt đầu thấy run run phải nắm chặt vào hai cổ tay để ghìm lại. Đến khi Cal cất tiếng nói trở lại chú mới thấy nhẹ người bớt. Giọng nói của cậu ta đã đổi khác, bây giờ có vẻ năn nỉ:

– Chú Lee, chú có biết bà, vậy chú hãy cho tôi biết bà ấy thuộc hạng người thế nào?

Lee khẽ thở dài, hai bàn tay nới lỏng ra rồi nói:

- Này Cal, theo tôi thấy thì hình như bà ấy không giống như những người bình thường. Bà ấy thiếu nhiều đức tính. Tâm hồn bà đầy ắp thù hận, nhưng tôi không hiểu tại sao bà lại thù hận như vậy và với mục đích gì? Nỗi thù hận của bà thật khác thường. Không phải là nỗi phẫn nộ thường. Trái tim của bà gần như không hề rung động vì bất cứ thứ tình cảm nào. Tôi chỉ có thể nói được chừng đó vì không biết gì hơn.

Cal hỏi thêm:

- Còn ba tôi thì thế nào?

- Câu hỏi này thì tôi thừa sức trả lời. Theo tôi thấy thì ba của cậu có tất cả những đức tính mà mẹ của cậu thiếu sót. Tôi tìm thấy ở ông ấy sự tốt bụng và lòng ngay thật lớn đến nỗi những đức tính đó gần như trở thành khuyết điểm của ông và làm cho ông khổ sở điêu đứng.

- Khi bà ấy bỏ đi ba tôi có phản ứng thế nào?

- Ông như người chết rồi. Mãi đến gần đây ông mới hơi có vẻ sống lại phần nào.

Chú Lee thấy nét mặt Cal ngời lên một sắc thái khác lạ. Hai mắt cậu ta mở lớn hơn, chiếc miệng đang mím chặt bỗng dần ra. Hai vai cậu ta từ nãy giờ đã rùn lại bây giờ cũng nở ra.

Chú Lee hỏi:

- Hỏi làm gì vậy Cal?

- Tôi thương ba tôi hết sức.

- Tôi cũng rất thương ông ấy. Chú Lee nói.

Bỗng Cal đứng bật lên nói:

- Thôi, chú Lee ngủ ngon nhé!

- Khoan đã. Cậu đã nói chuyện đó lại với ai chưa?

- Chưa.

- Cậu đừng nói lại với Aron làm gì nhé. Cậu khoan đi, tôi muốn hỏi cậu một câu, cậu có ghét mẹ cậu không?

- Ghét. Cal trả lời.

- Tôi thấy làm lạ rằng ba cậu không hề có vẻ giận ghét gì bà ấy cả. Ông chỉ biết buồn thôi.

Cal thọc hai nắm tay vào túi quần nói:

- Tôi ghét bà ấy lắm vì tôi biết tại sao bà đã bỏ đi. Tôi biết. Vì tôi mang giòng máu của bà trong tôi.

Cậu ta cúi gầm mặt xuống và giọng nói chua xót.

Chú Lee đứng bật dậy hăng hái nói:

- Cậu đừng nên nói như vậy. Cậu có chịu nghe lời tôi không? Dĩ nhiên cậu có mang giòng máu của bà ấy trong người. Người nào cũng mang giòng máu của mẹ trong huyết quản, nhưng cậu cũng mang một giòng máu khác. Cậu hãy ngẩng mặt lên nhìn thẳng vào tôi coi nào!

Cal ngẩng mặt lên mặt mỗi hỏi:

- Chú còn muốn nói gì nữa?

- Hãy nghe tôi nói đây. Cậu còn mang trong người một giòng máu khác. Cậu không thể không nghĩ đến điều này. Cậu không thể nghĩ một cách nông cạn như vậy được. Cậu đừng vin vào huyết thống của một người nào trong giòng họ mình một cách quá dễ dãi như vậy. Cậu hãy nhìn thẳng vào mặt tôi để nhớ kỹ điều này. Bất cứ việc gì cậu làm đều tùy thuộc vào cá tính riêng của cậu, cậu hoàn toàn chịu trách nhiệm về hành

động của mình, chứ không phải tùy thuộc vào mẹ cậu. Tôi tin như vậy và bắt buộc cậu phải tin như vậy, nếu không tôi sẽ dẫn cậu một trận cho cậu mở mắt ra.

Sau khi Cal đã ra khỏi phòng, Lee lại ngồi xuống chiếc ghế bành của mình. Chú hồi hận nghĩ thầm: “Mình đã nổi nóng trái với tinh thần trầm lặng đông phương của mình mất rồi”

Điều khám phá của Cal về tông tích của mẹ mình chỉ là một minh chứng chứ không phải là một sự kiện mới mẻ gì. Từ lâu Cai đã biết lờ mờ về chuyện đó. Cậu ta đã nóng lòng muốn biết sự thật nhưng sự hiểu biết đó không đem lại cho nó an ủi nào.

Cơ thể của Cal đang phát triển để trở thành một người đàn ông. Cậu ta đang ở thời kỳ trưởng thành. Trong tâm hồn cậu bùng lên lòng yêu thương cha mình và muốn tìm cách bù đắp những gì ông mất mát, đau buồn. Có lần Cal đi xộc vào phòng tắm trong khi ông Adam đang tắm. Cậu ta nhìn vết sẹo xấu xí trên cánh tay của cha và đã hỏi ông: “Sao ba có vết sẹo đó vậy ba?”

Ông Adam đưa mấy ngón tay lên xoa vết sẹo như muốn san phẳng đi và nói:

– Đó chỉ là một vết thương cũ hồi ba đi dự những trận đánh nhau với mọi da đỏ. Có dịp ba sẽ nói cho con nghe về chuyện đó.

Cal chỉ muốn la lớn lên rằng:

– Con biết vì đâu ba bị vết thương đó và không có gì đáng giấu cả.

Nhưng dĩ nhiên anh không dám thốt ra câu đó mà chỉ nói:

- Con muốn được nghe ba kể lại chuyện đó.

Aron cũng đang trải qua thời kỳ trưởng thành, nhưng chàng có khuynh hướng nghiêng về tôn giáo hơn. Chàng dự định trong tương lai sẽ vào trường thần học để trở thành mục sư. Chàng tham dự tất cả những buổi lễ tân giáo ở Hội Thánh Episcopal Church và nói chuyện nhiều giờ với vị mục sư trẻ, ông Rolf. Cuối cùng chàng đã được gia nhập vào hội thánh đó và tham gia vào ban đồng ca trong những buổi lễ sáng chủ nhật.

Đương nhiên rằng sự theo đạo của Aron cũng ảnh hưởng đối với Cal. Lúc đầu Aron chỉ lặng lẽ cầu nguyện cho Cal, nhưng sau đó chàng tiến xa hơn. Chàng đã kích óc vô thần của Cal và yêu cầu Cal thay đổi quan niệm.

Cal có thể nghe theo nếu Aron khôn ngoan hơn một chút. Nhưng Aron có thái độ cuồng tín đến nỗi làm cho mọi người nổi sùng. Sau một vài thuyết giáo của Aron Cal thấy không chịu đựng được nên đã nói thẳng sự khó chịu của mình.

Sau đó Aron quyết định chọn cuộc sống độc thân. Abra hy vọng tình trạng này sẽ thay đổi. Nàng vẫn muốn kết hôn với Aron và sẵn sàng sinh bao nhiêu đứa con cũng được.

Cal nhìn anh mình ăn năn những tội lỗi tưởng tượng của chàng. Cal nghĩ đến chuyện nói tất cả sự thật về mẹ của hai anh em để Aron sẽ phản ứng ra sao nhưng rồi anh vội dẹp bỏ ý nghĩ đó. Cal biết rằng Aron không thể chịu đựng nổi sự thật phũ phàng đó.

## Chương XVII

Một đêm mùa thu năm 1916 trong lúc Cal đang xem người ta chơi bài Jan-tan tại quán Shorty Lim thì có cuộc bố ráp và anh ta bị tóm cổ theo. Vì đêm tối không ai để ý đến Cal, sáng hôm sau, ông sếp bối rối hết sức khi nhận ra Cal trong số những người bị bắt về hồi hôm. Ông sếp liền gọi điện thoại cho Adam đứng giữa bữa điểm tâm của ông.

Ông Adam đi bộ ngang qua hai dãy phố đến tòa tỉnh trưởng lãnh Cal về, ông ghé lại ty bưu điện để bỏ lá thư rồi hai cha con đi bộ về nhà.

Lee hâm lại mấy quả trứng cho ông Adam và chiên thêm hai quả nữa cho Cal.

Trong khi đi học, Aron bước ngang qua phòng ăn hỏi Cal:

– Mà có cần tao đợi không?

– Không. Cal trả lời gọn lỏn và vẫn cúi gằm mặt xuống tiếp tục ăn phần trứng của mình.

Ông Adam chẳng nói gì với Cal trừ mấy tiếng ngắn ngủi: “Thôi về” tại tòa tỉnh sau khi cảm ơn ông Tỉnh trưởng. Cal cố nuốt bữa ăn sáng mà cậu không muốn ăn một chút nào. Cal vừa ăn vừa liếc mắt lên nhìn vào mặt cha mình nhưng vẫn không thấy một phản ứng nào rõ rệt. Ông vừa có vẻ bối rối vừa tức giận và vừa buồn.

Ông Adam nhìn xuống ly cà phê. Không khí im lặng giữa hai cha con nặng nề đến độ khó bề phá tan được.

Lee ghé mắt nhìn vào bàn ăn hỏi: “Có thiếu cà phê không?”

Ông Adam khẽ lắc đầu. Lee rút lui xuống bếp và khép cửa nhà bếp lại.

Giữa bầu không khí yên lặng mà tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ càng làm cho nặng nề thêm. Cal cảm thấy hồi hộp và có cảm tưởng ba mình đã kiệt lực, chưa bao giờ nó thấy ông như vậy. Nó cảm thấy hai chân mình tê buốt. Nó gõ nữa vào đĩa ăn để gây một tiếng động, nhưng tiếng động tan loãng mau. Sau đó chiếc đồng hồ khoan thai gõ chín tiếng và rồi cũng rơi vào im lặng.

Bỗng Cal vùng đứng lên. Nó cũng không ngờ mình hành động như vậy. Nó hét lớn như người mê sảng: “Ba định làm gì con thì ba cứ ra tay đi. Ba hãy ra tay lẹ đi, con hết chịu đựng nổi cảnh chờ đợi này”.

Ông Adam từ từ ngẩng đầu lên. Rõ ràng là từ trước đến nay Cal chưa hề có dịp nhìn kỹ vào cặp mắt của cha mình và những người khác cũng chưa bao giờ nhìn thẳng vào cặp mắt của ông. Hai đồng tử trong mắt ông màu xanh nhạt với những đường viền màu sậm long lanh dẫn tới hai con ngươi sáng ngời. Trong mỗi con ngươi đó Cal thấy phản chiếu khuôn mặt mình như có đến hai thằng Cal đang nhìn vào ông vậy.

Adam ôn tồn nói:

– Ba đã làm con thất vọng phải không?

Câu nói đó còn khó chịu hơn là mắng nhiếc. Cal ấp úng hỏi:

– Ba hỏi sao?

– Con bị hốt tại một quán nơi đánh bạc. Ba không hiểu con đã làm gì ở đó? Con đến đó để làm gì và tại sao con lại đến

đó?

Cal ngồi phịch xuống ghế cúi gằm vào đĩa thức ăn.

- Con đến để đánh bài phải không?

- Thưa ba không. Con chỉ ngồi nhìn thôi.

- Từ trước đến nay con đã tới đó lần nào chưa?

- Dạ đã nhiều lần rồi.

- Tại sao con tới đó?

- Con cũng không hiểu tại sao. Ban đêm con bị búrt rút không ngủ được nên con thường đi lang thang vô mục đích như vậy.

Nó nghĩ đến bà Kate, mẹ nó nhưng không dám nói ra sợ làm ba nó kinh ngạc.

Ông Adam suy nghĩ kỹ câu nói của nó rồi mới hỏi:

- Anh của con có đi lang thang như vậy không?

- Dạ không. Anh ấy không hề nghĩ đến chuyện đó. Anh ấy không mang tâm trạng búrt rút như con.

Ông Adam nói:

- Con xem, ba thú thật không hiểu con một chút nào.

Cal muốn ngã vào lòng cha, ôm ghì ông trong tay và để được ông ôm trả lại. Nó muốn biểu lộ tình cảm của mình với cha một cách nồng nhiệt cuồn dập. Nó thọc ngón tay trở vào cái khoen gỗ của chiếc bàn, nói:

- Ba muốn hỏi gì, con sẽ trả lời rõ cho ba hiểu.

- Ba không muốn hỏi vì ba là một người cha không ra gì cũng như ông nội con hồi trước.

Cal chưa hề nghe cha mình nói bằng giọng đó bao giờ. Giọng nói khàn khàn của ông vừa thất vọng vừa đằm ấm. Ông lộ vẻ bối rối một chút rồi nói tiếp:

- Ba của ba đúc sẵn một cái khuôn rồi bắt ba rập đúng vào cái khuôn đó. Ba không phải là chất dễ đúc khuôn và ba đã không bị tan rã. Vì thế mà ba vẫn còn là ba. Bây giờ đến lượt ba không hiểu các con của ba. Ba không biết mình nên xử sự thế nào cho phải.

- Con sẽ giải thích cho ba rõ tất cả những gì ba muốn hiểu về con. Xin ba cứ hỏi.

Sự thân mật và đằm ấm dễ chịu đến nỗi Cal muốn bám riết vào. Nó thở thật khẽ sợ rằng chút đằm ấm thân mật đó có thể tan đi.

Ông Adam nói tiếp:

- Con còn nhớ ông Samuel Hamilton chứ? Chắc là con còn nhớ. Hồi con còn bé ông có chê ba là người cha thiếu trách nhiệm. Bây giờ cha mới hiểu ý ông. Ba cũng giống ông nội con trước đây. Ông con đã không cho phép ba trở thành một con người toàn vẹn và ba đã không xem các con như những con người riêng biệt. Có lẽ ông Samuel đã muốn nói như vậy.

Ông nhìn thẳng vào mắt Cal rồi mỉm cười. Cal cảm thấy đau đớn vì thứ tình cảm mà cha đã dành cho mình. Nó nói:

- Thà ba cứ để con bị bỏ tù mà con dễ chịu hơn.

- Chính ba cũng thấy như vậy. Ông cười lớn. Nào bây giờ con hãy nói về con người của con cho ba nghe xem.

- Vâng, con sẽ nói.

- Làm người, ai cũng có một trách nhiệm riêng - Ai cũng muốn có được một cái gì hơn là những thứ tầm thường có sẵn. Con muốn thế nào?

Cal rụt rè hỏi:

- Ba không nói đùa chứ?

- Không. Con hãy nói về con cho ba nghe đi nếu con muốn.

Cal bắt đầu nói. "Vâng, con sẽ nói..." Rồi nó dừng lại rồi tiếp: "Thật là khó bắt đầu bằng câu gì."

- Con hãy nói về anh con.

- Anh ấy là một người tốt. Anh ấy không bao giờ làm phiền ai. Anh ấy không hề nói xấu ai. Anh ấy không bần tiện, không than thở. Anh ấy can đảm nhưng không thích tranh giành với ai.

- Bây giờ con hãy nói về con.

- Ba muốn hỏi gì?

- Bộ con muốn nói con thích làm điều xấu sao?

Cal đỏ bừng mặt nói:

- Vâng, con đã làm những điều không tốt đối với Aron. Lần lúc con đã chọc giận anh ấy không vì một nguyên do nào cả.

- Trong lúc đó chính con lại khổ tâm còn Aron thì lại không thắc mắc gì cả.

- Con không rõ. Khi con không muốn đi nhà thờ anh ấy rất buồn. Có lần Abra nổi giận bảo rằng chị ấy ghét Aron, anh ấy

rất thất vọng. Anh ấy phát ốm. Ba còn nhớ lần đó chứ? Chú Lee đã phải đưa anh ấy đến bác sĩ.

Ông Adam ngạc nhiên nói:

– Ba vẫn sống bên cạnh các con mà không hề để ý đến những chuyện nào như vậy hết. Tại sao Abra lại nổi sùng như vậy?

– Con có thể nói chuyện này được. Ba biết Aron muốn trở thành mục sư, anh ấy định sẽ không bao giờ lấy vợ. Có lẽ ảnh định sống ẩn dật như một nhà tu.

– Mà Abra thì không chịu như vậy phải không?

– Chịu sao được? Cô ấy phỉ nhổ và như muốn điên lên ấy chứ. Cô ấy dần lấy cây viết máy của Aron ném xuống đất rồi chà chân lên. Cô ấy nói rằng đã phí hết nửa cuộc đời vì Aron.

Ông Adam cười lớn hỏi:

– Abra năm nay bao nhiêu tuổi?

– Gần mười lăm tuổi. Nhưng cô ấy có vẻ già dặn hơn tuổi của mình nhiều.

Ông Adam nói nửa đùa nửa thật:

– Vậy sao con không nhảy vào thế chỗ của Aron để an ủi cô ta?

– Abra là bồ của Aron, Cal cãi chính.

Adam nhìn thẳng vào mắt Cal, rồi ông gọi lớn xuống nhà bếp: “Lee ơi!”. Không nghe tiếng trả lời ông lại gọi: “Lee ơi!”. Ông nói thêm:

- Ba không nghe tiếng chân chú ấy ra khỏi nhà mà. Ba muốn có thêm một ít cà phê.

Cal đứng bật dậy nói:

- Để con đi làm cho ba.

- Con phải đi học mà.

- Con nghỉ một hôm cũng được. Con đang cảm thấy sung sướng và muốn hầu chuyện ba.

Ông Adam nhìn xuống hai bàn tay mình rồi ngượng ngùng nói thật khẽ:

- Vậy con hãy làm cà phê đi.

Cal đi nấu nước sôi và vui sướng đứng chờ. Một phép lạ khi đã trở thành quen thuộc thì nó sẽ không còn là một phép lạ nữa. Cal đã hết cảm giác ngạc nhiên về sự thân mật quý báu xảy ra giữa mình và cha vừa rồi nhưng niềm vui sướng vẫn còn. Nỗi cô đơn độc hại, lòng ganh tị sâu xa đã tan biến khỏi tâm hồn Cal. Bây giờ nó cảm thấy mình đã nhẹ nhõm khoan khoái. Nó muốn phục vụ cha nó, muốn có món quà thật lớn để tặng cho ông, muốn thực hiện một công trình gì thật vĩ đại vì danh dự của cha mình.

Nước đã sôi. Cal tắt bếp và lọc cà phê. Nó nhủ thầm: "Mới hôm qua mình đâu có hề mó tay vào công việc này

Khi nó mang bình cà phê bốc hơi lên, ông mỉm cười nói:

- Con pha cà phê gì mà lạ thế này?

- Nước thật sôi con mới pha mà.

- Nhưng vừa cà phê thôi chứ.

- Thừa ba khi nào con học hết bậc trung học ba cho con điều khiển nông trại nhé?

- Con lo hơi sớm đó. Còn Aron có dự tính gì chưa?

- Anh ấy muốn học đại học. Ba đừng nói con nói chuyện đó. Ba cứ để anh ấy nói rồi hãy có ý kiến.

- Đâu có sao, như vậy càng hay. Còn con không muốn tiếp tục học đại học như Aron sao?

- Con tin rằng con sinh sống bằng nghề nông được và có thể kiếm đủ tiền giúp anh Aron theo học hết đại học.

Ông Adam nhấm một hớp cà phê và nói:

- Vậy là con tốt bụng với anh con quá. Hồi nãy sở dĩ ba hỏi con về Aron ba cứ tưởng con không ưa Aron hoặc ghét bỏ gì nó.

Cal thành thật nói:

- Trước đây con có ghét ảnh thật nhưng bây giờ con không còn ghét ảnh nữa. Con không nghĩ rằng con có thể ghét bỏ bất cứ người nào, ngay cả mẹ con...

Nó ngừng lại ngay đó vì thấy mình đã lỡ lời; nó hốt hoảng, tâm trí như đông đặc lại vì thất vọng.

Ông Adam nhìn thẳng trước mặt. Ông đưa tay bóp trán. Cuối cùng ông nói:

- Con biết về mẹ con à!

Câu nói không có vẻ gì là một câu hỏi.

- Dạ biết.

- Con đã biết tất cả về bà ấy sao?

- Dạ vâng.

Ông Adam đưa người ra sau ghế hỏi thêm:

- Aron có biết không?

- Dạ không. Con không dám nói cho anh ấy biết.

- Tại sao vậy?

Cal nói toạc ra:

- Con chắc anh ấy không chịu nổi một sự thật phũ phàng như vậy. Anh ấy quá thánh thiện không thể chịu đựng nổi chuyện đó.

Nét mặt ông Adam đầy vẻ mệt mỏi nói:

- Cal, hãy nghe ba hỏi đây. Con có nghĩ rằng Aron sẽ không bao giờ biết được chuyện đó không?

Cal đáp:

- Anh ấy không hề bén mảng tới những chỗ như vậy. Nếu anh ấy vào đại học, anh ấy sẽ xa hẳn được thành phố này.

Ông Adam gật đầu:

- Con nói có lý. Nhưng nó còn phải ở đây hai năm nữa mới hết bậc trung học.

- Con có thể khuyên anh học dồn hai lớp trong một năm cho xong. Anh ấy thông minh lắm.

Ông Adam có cảm tưởng mình sáng mắt hẳn lên. Nét mặt ông rắn lại. Hai mắt ông long lanh, linh động mạnh mẽ gọi: "Cal".

- Ba gọi gì con?

- Ba tin cậy ở con. Ông Adam nói.

□

Sự tin cậy của ông Adam đã đem lại cho Cal một nỗi sung sướng lớn lao. Nó hay mỉm cười hơn là thói quen cau mày như trước đó những mặc cảm đã vơi đi nhiều trong tâm hồn nó.

Chú Lee để ý thấy sự thay đổi đó ở Cal và đã hỏi nó:

- Cal đã tìm được một cô bạn gái rồi phải không?
- Bạn gái hả?Ồ, tôi đâu cần bạn gái.
- Đàn ông nào cũng cần bạn gái hết. Lee nói.

Trong nguồn vui mới, Cal thấy có bốn phận giữ kín câu chuyện riêng giữa hai cha con nên không nói ra với chú Lee. Nó hiểu rằng mẹ nó là nguồn gốc nỗi đau khổ và nhục nhã của ông Adam và nó lý luận rằng những gì bà có thể làm trước kia thì bây giờ bà cũng có thể làm trở lại. Nó muốn tìm hiểu tất cả những gì có thể hiểu được về bà. Một kẻ thù đã biết rõ thì ít nguy hiểm và ít gây ngạc nhiên cho ta hơn.

Cal thường lò dò men theo những lối mòn đến gần ngôi nhà của bà Kate, mẹ nó. Đôi khi về buổi chiều nó đến nằm ẩn mình trong đám cỏ dại cao phía bên kia đường đối diện với ngôi nhà nhìn vào. Nó để ý thấy rằng bà Kate thường ra khỏi nhà vào mỗi trưa thứ hai, khoảng một giờ rưỡi. Cal sắp xếp mọi công việc ở trường bằng cách làm trước bài vở để có thể vắng mặt vào các buổi chiều thứ hai. Khi Aron hỏi, nó trả lời rằng nó bận một việc riêng không thể tiết lộ được. Với vẻ thản nhiên của nó, Aron không còn để ý nữa.

Sau khi đã theo dõi bà Kate nhiều lần, Cal đã biết đường lối. Bà thường đi trên một lộ trình nhất định: trước hết bà đến ngân hàng Monterey County Bank, tại đó bà ký thác một hộp nữ trang quý giá. Bà vào trong đó khoảng mười lăm đến hai mươi phút. Rồi bà chậm rãi đi dọc theo lộ chính của thị trấn, nhìn qua các món hàng bày trong các mặt tủ kính, mua vài món lặt vặt. Khoảng hai rưỡi bà vào tiệm sửa sắc đẹp Minnie Franken's chừng một tiếng đồng hồ rồi trở ra với đầu tóc kẹp nhiều lọn quăn có trùm một vuông khăn lụa quanh đầu.

Đến ba giờ rưỡi bà bước lên bậc cấp dẫn vào khu Farmer's Mercantile. Bà ghé vào phòng khám bệnh của bác sĩ Rosen. Khi từ phòng mạch của bác sĩ ra bà dừng lại trước hiệu bánh kẹo Bell's mua một hộp sô-cô-la hai cân anh. Bà không bao giờ thay đổi lộ trình. Từ hiệu Bell's bà đi thẳng về đường Castroville và trở về nhà.

Bà không có vẻ gì khác lạ cả trừ chi tiết bà luôn luôn mang găng tay, một sở thích khác lạ đối với dân Salinas. Bà bước đi cứng nhắc như bị đóng khung trong một lớp vỏ bằng kính. Bà không nói chuyện với bất cứ ai dọc đường và làm ra vẻ không nhìn thấy ai cả. Thỉnh thoảng một người đàn ông ngoài đầu lại nhìn bà rồi tỏ vẻ khó chịu tiếp tục công việc riêng của mình. Nhưng gần như suốt đoạn đường bà bước ngang qua như một người đàn bà vô hình dung.

Suốt nhiều tuần lễ Cal lặng lẽ đi theo bà Kate. Nó cố không để cho bà thấy mình. Khi bà đã vào tới sân nhà, Cal mới quay đi lang bang hoặc trở về nhà bằng một lối khác.

Cal cứ đi theo bà như thế đến tuần lễ thứ tám, khi bà về đến sân nhà um tùm cây cỏ như thường lệ, Cal đợi một lát, rồi bước thẳng tới cánh cổng ngõ xộc xệch.

Bà Kate đang đứng dưới một cánh thủy lạp cao xơ xác, lạnh lùng hỏi nó:

– Cậu muốn gì?

Cal cảm thấy chân mình như đóng thành băng. Nó nhìn xuống lối đi bùn lầy in đầy những vết chân, mà các dấu chân của bà Kate ở khá xa lối đi bùn lầy đó. Nó nghe rõ tiếng máy của hãng Southern Pacific tắt để xả hơi gây nên những tiếng khịt khịt khô khan. Nó cảm thấy làn không khí mát lạnh nhột nhột trên má. Suốt trong thời gian đó nó dăm dăm nhìn bà Kate và bà cũng nhìn lại nó.

Bà lên tiếng:

– Đây không phải lần đầu cậu lẻo đẹo theo tôi. Ai bảo cậu làm như vậy?

– Thưa bà không ai bảo tôi cả.

– Cậu nhất định không muốn nói phải không?

Cal không ngờ mình có thể nói luôn một hơi:

– Bà là mẹ tôi nên tôi tò mò muốn xem thử bà ra sao?

Câu nói tuôn ra một cách dễ dàng trơn tru.

– Cái gì? Cậu nói sao? Cậu là ai?

– Tôi là Cal Trask.

Nói xong câu đó nó cảm giác nôn nao như đu đưa trên một chiếc đu. Tuy vậy nét mặt bà vẫn không thay đổi. Cal tin rằng bà đang cố giữ bình tĩnh.

Bà quan sát nét mặt nó thật kỹ. Hình ảnh mờ nhạt của Charles thoáng qua trong ký ức của bà, chợt bà bảo nó:

– Hãy theo tôi!

Bà quay người bước dọc theo lối đi, cẩn thận tránh một bên lề để khỏi vấy bùn.

Cal ngập ngừng giây lát trước khi theo bà bước lên bậc cấp. Nó nhớ lại hình ảnh căn phòng khách thênh thang mờ mờ ánh đèn mà nó đã lên vào một lần, ngoài ra tất cả đối với nó đều mới lạ. Bà Kate dẫn lối cho nó đi ngang qua một hành lang đưa vào phòng bà rồi bảo:

– Đóng cửa lại dùm đi.

Bà ngồi đàng hoàng vào một chiếc ghế dựa, chậm rãi lột bao tay ra. Mười ngón tay của bà đều có quần băng. Bà xẵng giọng nói:

– Đừng nhìn. Tôi bị chứng sưng khớp xương.

Trong khi tháo băng bà nhăn nhó vì đau đớn, rồi bảo: “Ngồi xuống đi”.

Cal ngồi xuống mép một chiếc ghế

– Có lẽ rồi cậu cũng sẽ mắc chứng này. Bà cô của tôi cũng mắc chứng này, rồi mẹ tôi cũng vậy.

Bà dừng lại rồi chuyển qua chuyện khác:

– À này, bây giờ cậu cần gì?

– Thưa bà tôi chẳng cần gì cả.

– Tôi biết cậu không dám nói. Anh cậu đâu?

– Aron hả? Anh ấy đang ở trường hoặc ở nhà.

– Aron giống ai?

– Anh ấy trông giống bà nhiều hơn.

- Ô, vậy à? Cậu ấy có giống tính tôi không?

- Anh ấy muốn trở thành mục sư. Anh ấy chịu khó bỏ nhiều thì giờ đến nhà thờ Episcopal Church.

Bà chồm người về phía Cal, nét mặt bà sống động hẳn lên đầy vẻ chú ý và hỏi:

- Anh của cậu có thuộc loại đàn lắm không?

- Anh ấy rất ngoan.

- Tôi muốn hỏi cậu ấy có đàn độn lắm không?

- Thưa bà không.

Bà ngã lưng ra phía sau hỏi:

- Ba của cậu vẫn mạnh chứ?

- Tôi không muốn nói gì về ông ấy.

- Ô, vậy thì thôi. Cậu mến ông ấy lắm phải không?

- Tôi yên mến ba tôi lắm. Cal đáp.

Bà Kate nhíu mày nhìn kỹ Cal. Tự nhiên bà muốn run người lên, ngực bà đau nhói. Bà khẽ nhắm mắt lại và giữ được bình tĩnh. Bà hỏi thêm:

- Có đàn bà con gái nào đến nhà ba của cậu bao giờ không?

- Dạ không.

Rồi đột nhiên nó hỏi bà:

- Vì lý do gì bà đã bắn ba tôi rồi bỏ đi?

Bà Kate bặm môi lại thật chặt để cố kìm hãm nỗi dao động bất ngờ. Hai mắt bà mở trừng trừng. Bà lạnh lùng nói:

– Cậu nói nói năng có vẻ già hơn tuổi cậu. Nhìn cậu chưa đủ già dặn đâu. Cậu nên rời khỏi đây và đi chơi thì hơn.

Cal nhìn bà nhỏ nhẹ nói:

– Đôi khi tôi chọc tức Aron và làm cho anh ấy khỏe. Anh ấy không hiểu tại sao tôi lại thích như vậy. Thực tâm tôi cũng không muốn chút nào. Làm vậy xong tôi thường hối hận và khóc.

Bà Kate đã thấy mình bình tĩnh trở lại. Bà xem những lời đó như của chính mình vừa thốt ra. Bà nói:

– Người ta cứ tưởng mình khôn ngoan. Họ nhìn tôi và tưởng rằng họ hiểu tôi. Nhưng họ chỉ làm tôi điên đầu. Tôi ngấy tất cả bọn họ, Charles ạ.

– Tên tôi là Caleb. Cal chính. Caleb là tên của một nhà lãnh đạo Do Thái thời xưa đã đến được Đất Hứa. Chú Lee đã nói như vậy theo chuyện tích trong Thánh kinh.

Bà Kate hỏi:

– Lee là chú người Trung Hoa phải không?

Rồi bà nói tiếp:

– Ông Adam tưởng đã chiếm được tôi. Giữa lúc rủi ro tôi bị thương, ông ấy đã cứu giúp tôi. Ông ấy cố buộc chân tôi bằng cách đó. Nhiều người bị khuất phục bằng cách đó. Họ chịu ơn và mắc nợ. Nhưng tôi không muốn bị ai sụp bẫy cả.

Căn phòng hoàn toàn yên lặng trừ tiếng hơi thở nặng nề của bà. Cal lập lại câu hỏi:

– Tại sao bà đã bắt ba tôi?

- Vì ông ấy cố cản không để tôi đi. Tôi chỉ muốn ông ấy để cho tôi ra đi.

Cal đứng dậy chấp tay sau lưng nói:

- Hồi bà còn nhỏ, bà có...

Nó ngập ngừng để sắp xếp ý tưởng rồi tiếp:

- Bà có bao giờ có cảm giác mình đang mất mát một cái gì không? Chẳng hạn về một cái gì người khác có mà mình lại không có? Có bao giờ bà thấy như vậy không?

Trong khi nó nói bà lại quan sát nó thật kỹ rồi nói:

- Tôi không quen nói chuyện với trẻ con.

Cal thôi chấp tay sau lưng, lại thọc hai tay vào túi quần. Bà Kate nói thêm:

- Nói chuyện với trẻ con tôi muốn điên cái đầu mất.

Nét mặt Cal sáng lên vì khoái trá. Nó sung sướng nói:

- Thôi xin chào bà để về. Chừng đó cũng tạm đủ. Như vậy là chú Lee đã nói đúng.

- Lee đã nói gì?

- Tôi sợ rằng tôi mang giòng máu di truyền của bà trong người nhưng không đúng. Tôi không phải là bà. Nếu tôi có những tật xấu nào thì đó là do cá tính riêng của tôi mà có chứ không phải do di truyền.

- Chú chệt đó đã mớm cho cậu kỹ quá. Cậu nghĩ về tôi như vậy để làm gì?

- Thì ra bà cũng biết xấu hổ.

- Cút ngay. Bà thét lên. Cút khỏi đây ngay.

Cal đặt tay lên nắm cửa nói:

– Tôi đi đây. Tôi không giận ghét gì bà hết. Nhưng tôi rất hài lòng khi thấy bà biết xấu hổ.

Cal mở cửa bước ra khỏi phòng rồi đóng ập lại sau lưng mình.

□

Bà Kate ngồi ngã người ra chiếc ghế dựa dày sau lưng. Từng giọt máu căng lên trong người bà. Bà tự nói với chính mình: “Hãy vững tâm. Hãy bình tĩnh. Đừng để chuyện này làm mảy nao núng”.

Bà chợt nghĩ đến người duy nhất cũng đã từng làm cho bà ghét cay ghét đắng như vậy. Đó là ông Samuel Hamilton với cặp mắt lúc nào cũng như cười nhưng lại nhìn bà một cách soi mói như muốn bóc trần người ta ra nhìn vào tận bề sâu.

Với những ngón tay quăn băng bà gỡ sợi dây chuyền đang đeo trên cổ xuống. Trên sợi dây chuyền có mắc hai chiếc chìa khóa của hộp nữ trang và một ống thép nhỏ có một cái khoen trên nắp.

Bà cẩn thận mở nắp ống thép, trút ra một viên kẹo. Bà đưa viên kẹo ra ánh sáng nhìn những hạt nhỏ màu trắng trong suốt bên trong. Có sáu hạt móc-phin, một loại thuốc để phòng thân rất tốt, rất hiệu nghiệm. Thật nường tay, bà bỏ viên thuốc trở vào ống thép, đậy nắp lại rồi bỏ sợi dây chuyền vào trong

Câu nói cuối cùng của Cal vẫn tiếp tục lặp đi lặp lại mãi trong đầu bà: “Thì ra bà cũng biết xấu hổ”.

## Chương XVIII

Quốc gia lặng lẽ tiến dần đến bờ vực của cuộc chiến, đầy hãi hùng và cũng đầy lôi cuốn. Ông Wilson được tái đắc cử chức vụ Tổng Thống vào tháng mười một với lời hứa long trọng rằng sẽ không dính chân vào cuộc chiến. Trong lúc đó ông lại được khuyến cáo phải giữ một thế mạnh, như vậy có nghĩa là không thể tránh được chiến tranh. Giá cả bắt đầu gia tăng. Một luồng phấn khích thổi xuyên qua cả nước.

□

Trên đường đi bộ tới trường với Aron, Cal nói:

- Tôi đã nghĩ kỹ rồi. Anh có muốn nghỉ học để về làm việc nông trại không?

- Chi vậy?

- Chúng ta có thể kiếm ra một số tiền giúp cho ba.

- Tao sắp lên đại học. Tao ước gì có thể đi ngay bây giờ. Tụi nó vẫn còn gọi chúng ta là những thằng Rau Diếp. Tao muốn thoát khỏi nơi này.

- Nếu anh chịu khó học trước chương trình anh có thể dự kỳ thi tuyển vào mùa hè sắp tới và sẽ nhập học vào mùa thu.

Aron quay người lại nói:

- Tao không thể làm như vậy được. Và tao cũng không biết làm sao có đủ tiền mà học đại học đây nữa.

- Sao anh không trình bày với ông hiệu trưởng? Tôi tin rằng mục sư Rolf sẽ giúp anh.

Cal suy nghĩ giây lát rồi nói tiếp:

- À, tôi sẽ có cách giúp anh. Tôi sắp có cách làm ra tiền. Nếu anh chịu nỗ lực học dồn hai chương trình và thi sớm được một năm thì tôi sẽ giúp anh học hết đại học.

- Mà có chắc không?

- Chắc lắm chứ.

- Nếu vậy thì tao sẽ đi gặp ông hiệu trưởng ngay.

Aron nhanh chân bước đi. Cal gọi giật lại:

- Anh Aron! Nếu ông ấy bằng lòng, anh cũng khoan nói với ba đã nghe.

- Sao vậy?

- Tôi nghĩ thế này, anh cứ giữ im lặng cho đến khi đã thực hiện xong mọi việc rồi hãy nói kết quả cho ba biết thì hay hơn.

- Tao thấy nói trước hay sau gì cũng vậy thôi, có gì khác nhau đâu?

- Anh không thấy khác nhau à?

- Không. Tao chẳng thấy có gì khác nhau cả.

Sau bữa ăn tối hôm đó, Cal thừa chuyện với ba nó:

- Thừa ba, chiều thứ sáu này ba cho phép con xuống nông trại nhà mình được chứ?

Ông Adam đang ngồi trong ghế quay lại hỏi:

- Chi vậy?

- Con chỉ muốn xem qua một vòng vậy thôi.

- Ba thấy đâu có gì trở ngại.

Chú Lee hỏi gạn Cal:

- Cal định nghĩ đến chuyện làm nông thật đấy à?
- Thật chứ.

Lúc Cal ra khỏi phòng chú Lee cũng ra theo và đi bên cạnh nó. Chú hỏi:

- Cậu có thể nói rõ ý định của cậu cho tôi nghe với không?
- Tôi chỉ muốn đi dạo quanh một vòng thôi chứ chưa có dự định gì cả.
- Nếu chỉ có vậy thì thôi. Lee quay lưng để trở vào nhà. Chợt chú quay lại gọi: “Này Cal!”. Cal dừng lại.
- Tôi để dành được năm ngàn Mỹ kim, nếu cậu cần mượn tôi sẵn sàng cho mượn.
- Tôi đã định làm gì đâu mà dám mượn?
- Thì tùy cậu.

□

Sáng thứ bảy đó Cal đến thăm Will Hamilton. Thấy Will trở mặt nhìn không nhận ra mình là ai, Cal tự giới thiệu:

- Tôi là Cal Trask, con ông Adam Trask.
- Chúa ôi! Cậu lớn quá làm tôi không nhận ra chứ. Ngồi chơi. Chắc cậu chưa biết hút thuốc.
- Thỉnh thoảng tôi cũng có hút một vài điếu.

Will đẩy gói thuốc hiệu Murads qua mặt bàn cho Cal. Cal mở nắp gói thuốc ra nhưng rồi đập lại ngay:

- Lúc này tôi chưa muốn hút.

Will nhìn cậu thiếu niên có gương mặt sạm và thấy thích cậu ta ngay. Chàng nghĩ thầm. Cậu này coi bộ lanh lợi. Rồi chàng nói:

- Tôi coi bộ cậu muốn tính chuyện làm ăn phải không?
- Thưa anh vâng. Tôi định học xong bậc trung học tôi sẽ chăm nom nông trại của ba tôi.
- Làm nông trại không sinh lợi bao nhiêu đâu, Will nói. Các nhà nông không kiếm được bao nhiêu tiền. Ăn thua tùy ở người biết tính toán thôi.

Will biết rằng Cal định thăm dò ý kiến mình.

Cal hỏi:

- Anh Hamilton, anh chưa có con cái gì sao?
- Chưa. Tôi lấy làm phiền về chuyện đó. Có lẽ tôi buồn về chuyện đó nhất.

Rồi chàng hỏi Cal.

- Cậu đến định hỏi tôi chuyện gì?

Cal nói:

- Anh có sẵn sàng giúp tôi vài ý kiến không?

Will cảm thấy sung sướng nói:

- Tôi rất sẵn sàng nếu vấn đề nằm trong phạm vi hiểu biết của tôi. Cậu cứ nói rõ vấn đề cậu muốn hỏi.
- Tôi muốn làm sao kiếm được thật nhiều tiền. Anh biết cách nào xin chỉ dùm tôi.

Will cố nén để khỏi bật cười lớn. Cậu nói mới thật thà ngây ngô làm sao! Nhưng chàng không tin rằng Cal ngây ngô.

Chàng nói:

- Ai cũng muốn như cậu hết. Cậu nói muốn thật nhiều tiền là khoảng bao nhiêu?

- Khoảng ba mươi hay bốn mươi ngàn Mỹ kim.

- Trời đất ơi!

Will kêu lên làm nhúm ghế về phía trước rồi chàng cười ngặt nghẽo. Cal cũng mỉm cười theo.

- Cậu có thể cho tôi biết cậu muốn kiếm số tiền lớn như vậy để làm gì không? Will hỏi.

- Dạ được.

Cal mở hộp thuốc Murads lấy ra một điều thuốc đầu lọc châm lửa rồi nói tiếp:

- Tôi sẽ trình bày lý do.

Will nống ghế về phía sau với vẻ thích thú chờ nghe.

- Ba tôi đã bị lỗ lỗ mất hết một số tiền lớn. Tôi muốn kiếm đủ số tiền để bù lại chỗ ông đã mất.

Will há hốc mồm nhìn Cal hỏi:

- Sao? Cậu khoái ông ấy lắm hả?

- Vâng.

Bộ mặt đầy thịt của Will thộn ra đấm hồn trong hồi ức về những người trong gia đình mình. Chàng nghĩ đến hình ảnh ông Samuel, với nét mặt sáng láng, với óc tưởng tượng thật bén nhạy, chàng nghĩ đến Tom, Una thông minh, chín chắn đủ sức vượt mọi khó khăn, đến Mollie, Dessie hay cười, đến George bảnh trai và khôn khéo có thể làm cho cả một căn

phòng vui tươi hẳn lên như tràn ngập một hương dễ chịu, rồi đến Joe, cậu út, được cưng nhất nhà. Mỗi người là một nét độc đáo tạo thành những màu sắc đặc biệt cho gia đình.

Mỗi người gần như một thế giới riêng với những ưu tư riêng không chia sẻ với ai. Will đã khéo giấu kỹ con người của mình. Chàng cố giữ sao cho địa vị của mình luôn luôn trở thành cần thiết trong gia đình. Chàng giữ sổ sách, mượn luật sư, kiếm người lo việc tang ma và ngay cả sau này chàng phải trả tiền các biên lai. Nhưng các anh chị em chàng vẫn không biết họ cần chàng. Tất cả những ý nghĩ trên như một luồng gió lạnh buốt thổi lộng qua tâm hồn chàng.

Cặp mắt khá linh động của chàng long lanh ướt trong khi nhìn lướt qua Cal và chợt nghe cậu này hỏi:

– Anh làm sao vậy? Anh bị mệt hả?

Will chỉ ước đoán và cảm nghĩ về những người trong gia đình mình như vậy thôi chứ chàng không hiểu rõ từng người. Nhưng Will tin rằng mình hiểu lòng cậu thiếu niên này. Đây là cậu con trai mà chàng muốn là con mình hay là anh em với mình. Từ những hồi tưởng vừa qua chàng đâm ra có thiện cảm với Cal. Chính những tình cảm lẫn lộn này đã làm cho chàng thấy mệt mỏi.

Will không biết mình ngồi thờ người như vậy trong bao lâu, cuối cùng chàng ngờ ngợ nói:

– Tôi vừa suy nghĩ lung tung.

Rồi chàng sửa giọng chững chạc tiếp:

– Tôi muốn biết thêm vài chi tiết. Cậu có thể cho tôi biết sự thật không?

- Tôi không biết anh muốn hỏi sự thật nào?

- Tôi muốn biết. Mà cậu chưa nghe hết câu hỏi làm sao cậu biết sự thật gì được? Nghe tôi hỏi đây. Ba cậu thương anh cậu hơn cậu phải không?

Cal điềm đạm trả lời:

- Chẳng những ba tôi mà ai cũng vậy, ai cũng mến Aron hết.

- Cậu nói rằng cậu muốn tìm cách bù lại cho ba cậu số tiền mà ông đã mất trong vụ làm ăn thất bại gần đây. Vì sao cậu có ý định đó?

Bình thường cặp mắt của Cal hơi nheo một chút và khá dè dặt, nhưng lúc này chúng mở lớn đến nỗi như có thể nhìn bao quát và nhìn xuyên qua Will. Cal trở nên sáng suốt lạ lùng, nó trả lời:

- Ba tôi là một người cha rất tốt. Tôi muốn làm điều đó giúp ba tôi vì tôi tự biết mình là một người xấu.

Will chưa hề gặp ai nói năng bộc trực như vậy. Chàng nói tiếp:

- Tôi muốn hỏi thêm một câu nữa thôi, cậu trả lời hay không tùy ý. Nếu cậu có số tiền đó và trao cho ba cậu, trong óc cậu có thoáng qua ý nghĩ rằng cậu đang cố mua chuộc tình thương của ông không?

- Thưa anh, có thể có điều đó. Có lẽ đúng như vậy cũng nên.

- Tôi chỉ cần biết chừng đó thôi.

Will chồm người tới phía trước và bóp tay lên trán. Chàng không ngờ mình đã xúc động đến thế. Cal thì thấy mình đã thành công, nhưng cố che giấu không để lộ ra trên nét mặt.

Will ngẩng đầu lên nói:

– Chúng ta hãy lái xe đi một vòng chơi.

Độ này Will đã lái một chiếc xe lớn hiệu Winton với một cái nắp đậy dài thòng như một cái hòm. Chàng lái về hướng nam thành phố King City trên đường tỉnh hạt, giữa cảnh vật đang độ xuân về, ngang qua những cánh đồng có lũ chim sơn ca bay tung lên phía trước, thốt ra những tiếng hót du dương từ những hàng dây kẽm hàng rào.

Khi xe vào con đường rẽ dần tới ngôi nhà tạm giữa nông trại của ông Trask, Will tắt máy đậu xe bên cạnh đường. Từ lúc chiếc Winton ra khỏi King City, chàng không nói một câu nào.

Nhìn thẳng phía trước mặt, Will nói:

– Cal, cậu muốn hùn với tôi không?

– Dạ muốn chứ.

– Tôi không thích hùn mà không có đồng nào. Tôi có thể cho cậu mượn tiền, nhưng vấn đề này cũng khá phiền phức.

– Tôi có thể hùn năm ngàn Mỹ kim. Cal nói.

– Cậu làm gì có? Tôi không tin là cậu sẽ có được số tiền đó.

– Tôi sẽ không nói xuất xứ số tiền đó đâu.

Will lắc đầu và cười. Chàng cho động cơ xe nổ trở lại rồi cứ để yên như vậy mà hỏi:

- Cậu có đọc nhật báo không?

- Dạ có.

- Trong tình trạng này nước chúng ta có thể sẽ tham chiến bất cứ giờ phút nào. Cậu có biết giá đậu hiện giờ bao nhiêu một cân Anh không?

- Tôi nhớ hình như từ ba đến ba xu rưỡi một cân thì phải.

- Này, tá điền của cha cậu bỏ hoang gần năm trăm mẫu đất. Nếu chúng ta có thể bảo đảm sẽ mua cho anh ta năm xu một cân đậu và cho anh ta mượn một số tiền để mua hạt giống, thì anh ta sẽ chịu trồng đậu. Đối với các nông gia khác quanh đây cũng vậy. Chúng ta có thể ký hợp đồng làm năm ngàn mẫu đậu. Này Cal, chúng ta hùn vốn. Đồng ý không?

- Dạ đồng ý.

- Làm sao cậu có được số tiền năm ngàn đô đó thật sớm được không?

- Khoảng thứ tư này.

- Bắt tay cái coi nào? Một anh chàng mập mạp và một cậu thiếu niên gầy nhom, da sạm bắt tay nhau thân thiết.

Will vẫn còn nắm chặt tay Cal trong tay mình nói:

- Vậy kể từ bây giờ, chúng ta là hai người cùng công ty với nhau. Tôi có ký hợp đồng với Công Ty Thương Mại Anh quốc và tôi còn có một anh bạn trong tổ hợp quân khu Quartermaster Corps. Tôi dự trù chúng ta có thể bán tất cả số đậu đã phơi khô mà chúng ta thu hoạch được với giá mười xu một cân hay có thể hơn nữa. Bây giờ cậu có muốn đi tìm gặp anh tá điền của ba cậu ngay để đưa ra đề nghị đó không?

- Dạ đồng ý chứ.

Will rồ máy vô số cho chiếc Winton lớn màu xanh lục phóng đi trên con đường đất.

□

Cuộc chiến như chỉ xảy đến với người nào khác. Ở Salinas dân chúng được nghe rằng Hoa Kỳ là cường quốc lớn nhất trên thế giới và một người Hoa Kỳ coi như tương đương với hai mươi người Đức. Đó là sự thật, người Mỹ chỉ cần hành động ở thế mạnh để buộc chính phủ Đức phải đầu hàng, chắc họ sẽ không còn dám xía vào làm cản trở công cuộc mậu dịch của Mỹ, nhưng họ đã hành động như vậy. Tưởng họ sẽ không dám xuất đầu lộ diện đánh đấm tàu của ta nữa, nhưng họ vẫn làm. Thật là ngu xuẩn, nhưng họ vẫn ngoan cố. Vì thế không còn cách nào hơn là phải đánh trả lại họ.

Chiến tranh vẫn như đang xảy ra với người nào khác, nhưng vẫn có người bị giết. Có trời chứng tri, sự thể đã bắt đầu đổi khác. Những bức điện tín báo tin buồn đã bắt đầu gửi về và kẻ xấu số là những người anh, em trong mọi gia đình.

Trong số các thực phẩm khác, các thương gia đã mua nhiều đậu vì đậu dễ vận chuyển lại không bị hư thối, và người ta có thể sống bằng đậu một cách dễ dàng. Giá đậu trên thị trường lên đến mười hai xu rưỡi một cân nhưng vẫn khó kiếm.

□

Cuối hè năm đó, mỗi lần ra phố đi chợ chú Lee mang theo một cái thúng lớn. Lee đã trở thành một công dân bảo thủ Hoa Kỳ trong cách trang phục từ khi chú sống hẳn tại Salinas.

Chú thường choàng một tấm khăn màu đen mỗi khi ra khỏi nhà. Chú thường bận áo sơ mi trắng cổ cứng, thật cao, đeo nơ màu đen và hẹp giống loại huy hiệu mà các ông Nghị miền Nam đã có lần đeo.

Có lần ông Adam chú ý đến lối ăn bận chải chuốt của Lee thì được Lee bày tỏ ý kiến.

– Tôi muốn bận như vậy. Đối với những người khá giả như ông thì không quan tâm tới y phục, còn đối với bọn như tôi, lại cần phải ăn bận đàng hoàng.

Ông Adam đã phải kêu lên:

– Chú mà nghèo à! Có khi tôi túng chú dám thừa sức cho tôi vay tiền nữa là khác.

– Có thể như vậy lắm chứ. Lee thật thà đấy.

Ông Adam ngồi thẳng người lại và nói:

– Tôi tưởng tôi hiểu các con tôi lắm, nhưng đột nhiên thấy rằng mình chẳng hiểu chúng chút nào.

Chú Lee mỉm cười hỏi:

– Chúng đã làm điều gì trái ý ông phải không?

Ông Adam khúc khích cười đáp:

– Tình cờ tôi mới biết được chuyện này. Hôm nay tôi vừa gặp ông Kilkenny ở trường Trung học, chắc chú biết ông ấy chứ? Ông ấy tưởng tôi đã biết chuyện. Chú biết Aron đang làm gì không?

– Dạ không.

- Nó đã học trước trọn chương trình của niên học tới. Nó định thi bằng kì thi vào Đại học để rút ngắn được một niên học. Chú nghĩ sao về việc đó? Nó không hề cho tôi biết. Nó muốn để cho tôi ngạc nhiên khi biết kết quả. Này chú Lee, tôi lấy làm hãnh diện về nó, vô cùng hãnh diện. Chuyện đó làm tôi thấy an ủi nhiều. Tôi mong thằng Cal cũng có một tham vọng nào cho tương lai.

- Có lẽ nó cũng có tham vọng riêng của nó chứ! Chú Lee nói.

- Chú hãy tưởng tượng xem. Nó học rút được một niên học đâu phải chuyện thường. Khi nó cho biết kết quả, chúng ta phải tặng nó một món quà mới được

- Một cái đồng hồ bằng vàng được không? Chú Lee đề nghị.

- Được đó. Ông Adam tán đồng. Tôi sẽ mua sẵn một chiếc và cho khắc chữ để sẵn. Chúng ta nên khắc câu gì hả chú Lee?

- Thợ kim hoàn sẽ bày cho ông mà.

Rồi chú trở lại món ăn của mình.

- Chúng ta có đủ tiền gửi cho nó học Đại học không hả chú Lee? Ông Adam hỏi.

- Nếu chúng ta khéo léo và nếu cậu ấy đừng tiêu xài quá thì may ra.

- Nó không tiêu xài gì quá đáng đâu.

- Tôi không tin rằng chúng ta có đủ khả năng, nhưng để tôi liệu.

Chú Lee nhìn tay áo của mình một cách chăm chú.

Tư thất của giáo đường Episcopal Church rộng thênh thang nên khi Aron ngỏ ý cần một chỗ để học hành, ông Rolf đã dành ngay cho cậu ta một căn phòng lớn trong đó và giúp thêm cho Aron trong việc học. Ông Rolf rất thích Aron. Ông coi Aron như đứa con tinh thần của ông, một góp phần cho giáo hội.

Những cuộc bàn luận của họ thường thân mật và kéo dài. Một hôm Aron nói:

- Tôi muốn tìm một nơi nào trong giáo đường để ẩn dật. Đôi khi tôi cảm thấy mình xấu xa tội lỗi. Tôi muốn tránh xa tội lỗi và được thanh sạch.

Ông Rolf nhiệt thành nói:

- Tôi hiểu tại sao anh có cảm giác đó. Nhưng tôi không đồng ý với anh về điểm đó. Tôi không nghĩ rằng Đức Chúa của chúng ta muốn sứ đồ của ngài ẩn dật một nơi không chịu phục vụ thế gian, giúp đỡ những kẻ phạm tội

Ông ta ngừng lại lấy hơi rồi nói tiếp:

- Đáng lẽ tôi không muốn nói với anh chuyện này, nhưng suốt năm tuần qua có một thiếu phụ thường đến dự buổi lễ tối. Từ chỗ ban đồng ca nhìn xuống chắc anh cũng để ý thấy thiếu phụ đó. Bà ta trùm một cái mạng che mặt, luôn luôn bỏ ra về ngay khi tôi xong lễ chưa kịp quay xuống hỏi han gì.

- Bà ấy là ai vậy? Aron hỏi.

- Anh nên tìm hiểu những chuyện như vậy. Tôi đã bí mật điều tra nhưng anh đâu có để ý. Bà ấy là nữ chủ nhân của ngôi nhà mang tiếng xấu xa nhất tỉnh này.

- Bà ấy tới đây làm gì nữa chứ? Aron hỏi.

– Có lẽ bà ấy cần chúng ta đem lại cho bà một điều, đó là sự cứu rỗi linh hồn. Ông Rolf đáp.

Cuối hè năm đó, bà Liza Hamilton qua đời với một nụ cười trên môi. Hai gò má của bà nhô cao và màu hồng phai dần.

Trong ngôi nhà gần lò bánh, ông Adam nóng lòng chờ Aron mang tin kết quả các kì thi về. Chiếc đồng hồ bằng vàng khá lớn nằm dưới đồng khăn tay của ông trong ngăn tủ trên cùng. Hàng ngày ông vẫn nhớ lên dây điều chỉnh cho đúng theo với chiếc đồng hồ của ông.

Ông dặn Lee nhớ làm theo lời ông. Buổi tối hôm có kết quả kì thi của Aron, Lee phải nấu một con ngỗng và hấp một chiếc bánh ngọt. Ông Adam không dự trù chuyện Aron có thể thi hỏng.

Chiều hôm đó Aron về nhà và hỏi chú Lee:

- Ba tôi đâu?
- Ông ấy đang cạo râu.
- Tối nay tôi sẽ không ăn cơm nhà đâu nhé.

Aron vào phòng tắm, đứng sau lưng ba anh ta và nói với khuôn mặt bọt xà phòng của ông trong kiếng soi:

- Ông Rolf mời con ăn tối.

Ông Adam chùi lưỡii dao cạo râu nói: “Con cứ việc”.

- Ba sắp xong chưa, con muốn tắm một chút.
- Đợi ba một phút nữa thôi, ba xong ngay bây giờ.

Khi Aron chào và ra khỏi nhà, Cal và ông Adam nhìn theo. Cal nói:

- Anh ấy dùng nước hoa của con. Con ngửi thấy mùi ngay, nhưng con không trách vì anh ấy cần ăn mừng. Công việc của anh ấy rất vất vả.

- Ăn mừng gì?

- Ăn mừng kết quả kì thi. Anh ấy chưa nói gì với ba sao? Anh ấy đã đậu rồi.

- À có, nó có nói. Nó đã nói với ba hồi sáng.

- Hồi sáng anh ấy đâu đã biết kết quả mà nói với ba được.

Cal bỏ ra khỏi nhà. Vào khoảng mười giờ, chú Lee đi bỏ một lá thư thì gặp nó ngồi trên bậc cấp thấp nhất ở trước cổng ngoài. Chú hỏi:

- Ngồi ngoài này làm gì vậy Cal?

- Tôi chờ Aron về để nện một trận.

- Đừng nên làm chuyện đó.

- Sao vậy?

- Vì tôi không tin cậu đánh nổi Aron. Anh ấy sẽ đấm cậu gục ngay.

- Chú nói có lí

Cal nguôi tức, cười xòa và nói tiếp:

- Để tôi đi với chú cho vui.

Lúc Aron về, chính chú Lee là người ngồi chờ anh tận ngoài bậc cấp đầu tiên trước nhà và nói:

- Nhờ tôi can thiệp kịp thời nếu không cậu đã bị một trận lôi thôi rồi. Ngồi xuống đây với tôi. Tôi muốn nói chuyện với

cậu một chút. Tại sao cậu không báo tin mừng đã thi đậu cho ba cậu hay?

– Ông ấy đâu có hiểu gì về chuyện học hành mà nói.

– Này Aron, cậu lầm rồi, ba cậu đã nóng lòng trông đợi tin này từ lâu nay đó.

– Việc này đâu có can dự gì tới chú.

– Tôi muốn cậu vào đánh thức ba cậu dậy và báo tin mừng đó cho ông ấy.

– Tôi không muốn làm chuyện đó.

Chú Lee dịu giọng xuống nói:

– Này Aron, cậu không muốn phải đánh lộn với một người nhỏ thó bằng phân nửa cậu chứ?

– Chú định nói gì lạ vậy?

– Đó là một trong những vấn đề đáng ngại nhất trên thế gian này. Nếu cậu không chịu nghe lời thì nhất định cậu sẽ phải đánh người đó.

– Chú đang nói gì vậy?

– Nếu cậu không chịu làm theo lời khuyên của tôi thì tôi sẽ đánh cậu dù tôi nhỏ con chỉ bằng nửa cậu.

Aron cố tránh xa ra. Nhưng chú Lee đứng ngay trước mặt anh ta, hai nắm tay nhỏ xíu của chú đấm liên hồi một cách vô hiệu nghiệm vào Aron, bộ điệu và thế đứng của chú thật khôi hài khiến Aron phải bật cười và nói:

– Tôi không biết phải nói thế nào cho khỏi ngượng nhưng tôi sẽ cố gắng.

Aron lùi xa chú Lee một quãng. Khi anh đã ngồi xuống bậc cấp, chú Lee thở dài nói:

– Nhờ trời vậy là êm. Kể cũng hơi đáng tiếc. Aron, cậu có thể nói cho tôi biết tại sao tự nhiên cậu lại đổi tánh như vậy không? Cậu vẫn thường tâm sự hết với tôi mà.

Aron bật khóc:

– Tôi chỉ muốn bỏ đi xa. Thị trấn này thật xấu xa.

– Không, không đúng như vậy. Thị trấn này cũng giống như những địa phương khác.

– Tôi không phải gốc gác ở đây. Phải chi chúng ta đừng bao giờ đến đây. Tôi không hiểu tại sao tôi nghĩ thế. Nhưng tôi chỉ muốn bỏ đi xa khỏi đây.

Nói đến đó anh ta lại tiếp tục khóc.

Chú Lee choàng tay quanh cặp vai rộng của Aron để an ủi anh. Chú ôn tồn nói:

– Cậu đã lớn rồi mà. Hãy bình tĩnh, một lát mọi chuyện rồi sẽ qua. Cậu hãy cố tin rằng mọi sự ở đời này không tốt quá và cũng không xấu quá như cậu tưởng đâu. Bây giờ cậu hãy đi ngủ, để sáng mai dậy sớm báo cho ba cậu biết kết quả kì thi. Hãy làm cho tin ấy trở nên hấp dẫn. Ông ấy còn cô đơn hơn cậu nhiều vì ông ấy không có một tương lai để tốt đẹp để mơ tưởng. À, Aron này, ba cậu có đặt một món quà trên gối cậu.

Độ này bà Kate đã cảm thấy khá hơn. Vài thứ thuốc mới mà bác sĩ Rosen cho bà uống có vẻ hiệu nghiệm và làm cho bà đỡ hơn nhiều. Hai bàn tay của bà đã bớt đau nhức. Nằm trên giường bà ngấm mặt mình trong chiếc gương nhỏ. Bà thấy mặt mình vẫn còn quấy rữ. Bà đưa chiếc giường cao hơn một

chút nữa để đừng thấy cổ mình trong đó và liên tưởng đến một khuôn mặt đẹp đẽ khác khá giống với khuôn mặt của bà. Bà có thể thấy khuôn mặt đó trong giáo đường nơi mà bà đã từng đến để nhìn cậu ta khoan thai đi ngang qua trong chiếc áo khoác màu trắng có viền ren, mặt hơi cúi gằm, mái tóc ửng lên dưới ánh nến. Cậu thanh niên có một vẻ đẹp lạnh lùng thánh thiện khó chạm tới và không thể động vào được.

Khi nghĩ đến khuôn mặt đẹp trai của Aron, rất giống với gương mặt của bà, bà cảm thấy một nỗi đau kì lạ, hơi nghẹn ngào chận ngang ngực. Cậu ta không có vẻ khôn ngoan lắm. Cậu ta không thể tự bảo vệ lấy mình. Bà Kate chợt thấy rằng bà phải chịu đựng được sự kiện phũ phàng này: không thể để cho Aron biết mình là mẹ nó.

Khi nào bà giải nghệ và trở lại miền đông, bà sẽ gửi thư bảo nó đến New York. Nó sẽ tưởng rằng bà vẫn luôn luôn sống trong một ngôi nhà lịch sự ở East Side. Bà sẽ đưa nó đi xem kịch, xem đại nhạc kịch, mọi người sẽ thấy hai mẹ con đi chung với nhau và sẽ trầm trồ về sự giống nhau giữa hai mẹ con. Bà Kate mỉm cười hài lòng. Bà cảm thấy sung sướng. Bà cảm thấy mình như trẻ đi mười tuổi.

## Chương XIX

Sau khi Aron đã đi học đại học, Abra tới lui với gia đình của chàng. Nàng thấy mình tin cậy ông Adam và yêu mến chú Lee hơn cả cha ruột của nàng. Ở trường về nàng thường ghé lại nhà ba của Aron, ngồi bên cạnh chú Lee, đọc cho chú nghe lá thư mà Aron gửi về cho nàng hàng ngày.

Đối với Cal nàng không biết nên đối xử thế nào cho phải. Đôi khi Cal chọc nàng phát giận, có khi làm nàng đau khổ và có khi khiến nàng tò mò. Anh ta như lúc nào cũng chống nghịch với nàng. Nàng không biết anh ta có cảm tình nào với mình hay không, vì thế nàng cũng không thích gì anh ta.

Ở Stanford, Aron rất cô đơn. Những lá thư của chàng đều nói lên nỗi cô đơn đó và tỏ tình thương nhớ người yêu. Từ đại học, cách đó 90 dặm đường, chàng thương nhớ Abra mãnh liệt, sống tách biệt hẳn với cuộc sống quanh mình. Chàng học hành, ăn uống ngủ nghỉ và viết thư cho Abra. Cuộc sống của chàng chỉ quanh quẩn chừng đó.

Độ này cứ chiều chiều Abra thường đến ngồi dưới nhà bếp với chú Lee, giúp chú bóc đậu. Nàng thường ở lại ăn cơm tối luôn chứ ít khi về nhà ăn với cha mẹ nàng. Nàng không biết chuyện gì để nói với chú Lee

Chú Lee thường mỉm cười trong khi hai tay thoăn thoắt làm việc. Mỗi người lặng lẽ một góc chẳng nói năng gì với nhau. Chú cũng mến Abra lắm và thấy nàng là một thiếu nữ tốt bụng và đầy sinh lực.

Một buổi chiều Abra tâm sự với chú Lee:

- Cháu khám phá ra một điều này ở Aron. Lúc nào anh ấy cũng có vẻ như người què quặt trong tâm hồn, có lẽ vì anh ấy không có mẹ.

Chú Lee mở to mắt ngạc nhiên vì nhận xét đó của Abra rồi sụp mi xuống, gật đầu!

- Tôi cũng nghĩ vậy. Cô có nhận thấy ở Cal điều đó không?

- Không.

- Tại sao cô thấy ở Aron điều đó mà ở Cal thì không?

- Có lẽ, có những điều mà người này thì thấy cần nhiều hơn còn ở người kia thì lại không cần mấy. Chẳng hạn ba tôi không thích củ cải, món này làm ông ngấy và tởm hết sức. Trong lúc đó má tôi thì lại khoái, bà nấu cả nồi củ cải, rắc nhiều tiêu và thêm pho mát vào cả lớp dày. Ba tôi không để ý khi ăn hết nửa đĩa ông mới hỏi là món gì. Lúc đó má tôi mới tiết lộ là món củ cải. Thế là ông ném đĩa củ cải xuống đất đứng dậy bỏ đi. Chắc ông không tha thứ má tôi về chuyện đó.

Chú Lee khúc khích cười:

- Ba của cháu sẽ tha thứ má cháu vì bà ấy đã nói thật đó là món củ cải. Nhưng giả sử khi ấy ông hỏi mà má cháu lại nói dối là một món gì khác, để rồi sau đó ông khám phá ra sự thật thì Abra thử tưởng tượng xem sự thể sẽ ra sao? Dám ông ấy sẽ giết chết má cháu lắm chứ không phải chơi đâu.

- Cháu cũng nghĩ vậy. Nhưng dù sao cháu cũng nghĩ rằng Aron cần một người mẹ hơn Cal nhiều.

- Vì sao vậy?

- Cháu cũng không hiểu, nhưng cháu tin như vậy. À cháu có thể giúp được việc gì bây giờ đây?

- Cháu cầm giùm bột mì rồi đổ ra trên cái nắp tròn kia cho chú.

- Này chú Lee, chú có nghĩ rằng Aron sẽ trở thành một tu sĩ được không?

- Làm sao chú biết được? Có thể đó chỉ là một ý nghĩ.

- Cháu hi vọng rằng anh ấy sẽ không trở thành tu sĩ.

Nói xong câu đó Abra vội ngậm môi lại ngay vì biết mình đã nói hớ.

Chú Lee kéo khay bột lại và lấy ra miếng thịt đỏ và cái rây bột để bên cạnh nói:

- Cháu hãy dùng bề sống của con dao mà dầm thịt. À, tại sao cháu lại không muốn Aron trở thành tu sĩ?

- Đáng lẽ cháu không nên nói như vậy.

- Cháu có quyền nói bất cứ điều gì mình nghĩ. Cháu khỏi cần giải thích làm gì, chú hỏi cho vui vậy thôi.

Chú trở lại ghế ngồi của mình. Abra rây bột lên thịt rồi băm thịt bằng một con dao lớn nghe cộp cộp đều đặn và nói:

- Đáng lẽ cháu không nên nói như vậy.

Chú Lee xoay mặt qua chỗ khác để nàng đỡ áy náy. Nàng ngừng dao băm thịt lại, nét mặt tươi trẻ của nàng bỗng cau lại đầy đau khổ, nàng nói:

- Chú Lee, có lẽ cháu không hợp với Aron lắm thì phải?

- Cháu nói vậy nghĩa là thế nào?

- Cháu không nói đùa đâu. Hình như anh ấy đã nặn ra một mẫu đàn bà lí tưởng rồi muốn cháu rập đúng theo khuôn mẫu

đó. Nhưng cháu không thể nào giống như vậy không thể nào rập theo một khuôn mẫu có sẵn kiểu đó.

– Mẫu đàn bà lí tưởng đó như thế nào?

– Phải thuần khiết, thuần khiết một cách tuyệt đối. Thuần khiết đến độ không một khuyết điểm. Cháu không thể nào đạt đến độ đó.

– Không ai có thể đạt đến mức đó. Chú Lee nói.

– Anh ấy không hiểu cháu. Anh ấy không hề muốn hiểu cháu. Anh ấy chỉ muốn bóng ma nhợt nhạt kia thôi.

Nàng bước lại chỗ bàn chú Lee đang ngồi nói:

– Chú Lee, cháu ước mong...

– Đừng làm đổ bột xuống sàn nhà. Nào, cháu ước mong gì nào?

– Cháu nghĩ thế này, vì Aron không có mẹ nên anh ấy đã tưởng tượng ra tất cả những đức tính tốt đẹp để gán cho đàn bà.

– Có lẽ đúng như vậy. Do đó cháu nghĩ rằng Aron muốn gán cho cháu tất cả những đức tính mà cậu ấy đã tưởng tượng ra.

Nàng trở mắt nhìn chú Lee trong khi nàng khẽ lướt mấy ngón tay của mình lên lưỡi dao bén, và vừa nghe chú nói tiếp:

– Và cháu muốn tìm cách gạt bỏ những điều mà Aron muốn gán ép cho mình chứ gì?

– Dạ đúng như vậy.

Chú Lee nói:

- Chú chưa thấy ai vô duyên ưa xỏ mũi vào chuyện của người khác như chú, trong khi chú là hạng người không bao giờ giải quyết dứt khoát được một vấn đề nào. À, cháu sẽ băm tiếp mớ thịt đó hay để chú làm?

Nàng lại tiếp tục làm rồi hỏi:

- Chú có buồn cười khi thấy cháu nghĩ đến toàn những chuyện đầu đầu trong khi cháu chưa học hết bậc Trung học không?

- Chú không thấy chuyện đó có gì đáng thắc mắc hết. Sự chín chắn thường đến sau, cũng như những chiếc răng khôn thường mọc sau cùng, ở cháu sự khôn ngoan chín chắn vì những va chạm với thực tế phũ phàng đã đến hơi sớm một chút vậy thôi.

Tiếng dao băm thịt tăng nhanh gấp bội theo một nhịp điệu cuồng loạn và mất bình tĩnh. Chú Lee sắp năm hạt đậu li-ma khô thành ba hình thể khác nhau, một đường thẳng, một cái góc rồi một đường cong.

Tiếng băm thịt dừng lại. Abra đột ngột hỏi:

- Bà Trask còn sống không chú Lee?

Ngón tay trở của chú Lee khựng lại phía trên một hạt đậu xuống cuối chữ O để làm thành cái đuôi chữ Q. Chú biết Abra đang nhìn từng cử chỉ của mình. Chú Lee nói như lạc giọng hẳn đi:

- Chúng ta nói chuyện với nhau đã nhiều, nhưng hình như chú nhớ rằng chúng ta chưa hề nói gì về chú thì phải.

Chú mỉm cười ngượng ngùng nói tiếp:

- Này Abra để chú nói cho cháu nghe về chú nhé. Chú chỉ là một người giúp việc cho gia đình Trask. Chú đã già. Chú là một người Trung Hoa. Chú mệt mỏi và vụng về.

- Không phải vậy đâu... Nàng cãi.

- Cháu đừng cãi. Chú là thằng hèn. Chú không xứng đáng mó tay vào một miếng bánh nhân thịt nào.

Abra mỉm cười nhìn chú nói:

- Chú có muốn cháu thử tưởng tượng tiếp không?

- Cháu muốn tưởng tượng thế nào tùy ý vì chú tự thấy à kẻ hèn nhất chẳng được tích sự gì. Cháu đừng buồn gì chú nhé!

Abra vòng qua bàn dựa những ngón tay đầy bột của mình sờ lên lưng bàn tay của chú Lee. Chú nhìn xuống những vết trắng do những ngón tay dính đầy bột của Abra vừa để lại.

- Ba cháu muốn có một đứa con trai. Abra nói. Cháu tin rằng ông ghét món củ cải cũng như ghét con gái. Ông từng giải thích với mọi người vì sao ông đã đặt cho cháu một cái tên kịch cớm rằng: “Đáng lẽ tôi định đặt một cái tên con trai, nhưng rồi nó ra đời nên đành đặt đại là Abra”.

Chú Lee mỉm cười nhìn nàng nói:

- Cháu là một cô gái rất ngoan. Nếu tối mai cháu chịu tới đây ăn tối, chú sẽ nấu món củ cải.

Abra dụi dàng, lặp lại câu hỏi hồi nãy:

- Mẹ của Aron còn sống không chú?

- Còn. Chú Lee trả lời.

Có tiếng cửa lớn đóng mạnh. Cal đi xuống nhà bếp nói:

- Chào Abra, chào chú Lee, có ba tôi ở nhà không?
- Không, ba cậu chưa về. Cậu hỏi ông có việc gì vậy?

Cal chìa tấm chi phiếu cho chú Lee:

- Phần của chú đó.

Chú Lee nhìn tấm chi phiếu nói:

- Tôi không quan tâm gì về chuyện này.
- Như vậy tốt hơn. Khi nào cần, có thể tôi sẽ mượn lại sau. Bây giờ chú Lee, tôi muốn nhân dịp Lễ Tạ ơn có Aron về thăm nhà, tôi sẽ làm một chuyện

- Chuyện gì vậy? Abra hỏi.

- Tôi sẽ tặng ba tôi một món quà.

- Quà gì vậy? Abra hỏi.

- Tôi chưa có thể tiết lộ bây giờ được. Đợi đến lúc đó Abra sẽ biết.

- Tôi chưa thấy Cal hí hửng như vậy bao giờ. Tôi tưởng sẽ không bao giờ thấy được chuyện lạ này.

Tự nhiên nàng cũng thấy vui lây với Cal.

Sau khi Abra đã ra về, Cal ngồi xuống ghế nói:

- Tôi không biết nên trao món quà đó cho ba tôi trước hay sau Lễ Tạ ơn.

- Nên để sau lễ thì hơn. Chú Lee nói. Cậu đã có được món tiền đó thật sao?

- Mười lăm ngàn Mỹ kim. Chúng ta sẽ uống Champagne. À này, có lẽ chúng ta nên trang hoàng phòng ăn cho đàng

hoàng một chút. Chắc Abra có thể giúp được việc này.

- Cậu có chắc ba cậu cần tiền không đã!
- Sao lại không hả chú?
- Tôi hi vọng cậu có lí.

Hôm sau, vừa mãn buổi học, Abra đã hối hả ra khỏi cổng trường để bắt kịp Cal.

- Chào Abra, Cal nói. Chú Lee khen Abra quá xá. Abra nói những gì mà chú ấy chịu đũ vậy?

- Tôi mến chú ấy lắm.

Rồi nàng nói qua chuyện khác:

- Tôi muốn hỏi Cal một câu. Cal có hiểu tại sao anh Aron lạ vậy không?

- Abra định hỏi gì?

- Hình như anh ấy chỉ nghĩ tới anh ấy thôi.

- Tôi không thấy điều đó có gì lạ cả. Abra có chuyện cãi nhau với anh ấy rồi phải không?

- Không. Nhưng Cal này, lúc này anh ấy đang viết cho tôi những lá thư thật ướt át tình cảm, nhưng tôi cứ tưởng anh ấy viết cho người nào khác chứ không phải cho tôi.

- Vậy chứ anh ấy viết cho ai?

- Hình như những lá thư ấy chỉ được viết ra cho chính anh ấy.

- Cô hãy chờ xem. Chắc anh ấy vẫn bình thường mà.

- Tôi không biết mình có bình thường không, Cal có thấy rằng tôi có hay nghĩ bậy lắm không?

- Làm sao tôi biết được.

Abra im lặng chừng một phút rồi hỏi tiếp:

- Cal, tôi nghe đồn Cal hay đi lang thang giữa đêm khuya và có khi ghé vào cả những chỗ tai tiếng nữa phải không?

- Có. Đúng như vậy. Aron đã nói với cô điều đó phải không?

- Không, không phải Aron nói đâu. Nhưng tại sao lại tới những chỗ như vậy?

Cal lặng lẽ bước đi bên cạnh Abra nhưng không nói gì cả. Abra hỏi dồn:

- Cal hãy nói cho tôi biết có phải tại bản tính xấu của Cal mà ra không?

- Cô hỏi gì mà lạ vậy.

- Bản tánh tôi cũng không tốt đẹp gì.

- Cô nói khủng quá. Aron sẽ gọi sạch tánh xấu đó ra khỏi cô.

- Cal tin anh ấy có thể làm được chuyện đó không?

- Tin chứ sao không.

Trong mùa đông đầu tiên đó của cuộc chiến, chúng tôi không có nhiều đoàn quân tại Pháp, nhưng chúng tôi có nhiều triệu người đang được huấn luyện sẵn sàng lên đường.

Tại Salinas chúng tôi đã làm tất cả những điều không thể tránh được trong một cuộc chiến tranh và chúng tôi đã nghĩ

những ý nghĩ kì cục. Lương hướng và vật giá leo thang. Một tin đồn về sự khan hiếm thực phẩm cũng đủ làm cho chúng tôi đổ xô đi mua hàng để tích trữ. Những phu nhân yêu kiều không lăm lăm điều có khi chỉ vì tranh nhau một hộp cà chua cũng đủ nhào vào cấu xé nhau.

Nhưng không phải tất cả chỉ toàn những chuyện xấu xa, rồ dại và thiếu bình tĩnh. Cũng có những gương anh dũng nữa. Ngoài một số người có thể tránh gia nhập quân đội, một số khác chống đối chiến tranh vì những lí do tinh thần hay tôn giáo, họ chọn con đường đi lên đồi Golgotha như chúa Jesus ngày xưa theo lối riêng của họ. Cũng có những người đã hi sinh tất cả những gì họ có cho cuộc chiến vì đó là cuộc chiến cuối cùng, muốn thắng nó chúng tôi không có cách nào hơn là phải đẩy mạnh chiến tranh cũng như phải nhổ một cái gai khỏi lớp thịt của thế giới.

Chúng tôi nghĩ rằng chúng tôi có thể thấy rõ tất cả điều đó tại Salinas, kể cả sự buồn thảm.

Ông Adam Trask được mời vào Ủy ban động viên. Ông là người rất thích hợp với công tác đó. Nhà máy nước đá không chiếm của ông bao nhiêu thì giờ, ông đã được giải ngũ với một bản tướng mạo quân vụ tốt.

Ông Adam làm việc rất siêng năng, đàn ông hoàng tuy không vui vẻ gì. Ông không thể nào gạt bỏ được ý nghĩ rằng những thanh niên mà ông gọi nhập ngũ chẳng khác nào bị kêu án tử hình.

Một hôm ông Adam ngồi ở chiếc bàn ăn giữa nhà bếp hỏi chú Lee:

- Này chú Lee, giả sử chúng ta cho một đứa con vào quân đội rồi chẳng may nó bị tử trận thì chúng ta có chịu trách nhiệm gì về việc đó không?

- Ông cứ nói rõ hơn, tôi sẽ nói lên ý kiến của mình.

- Được rồi, giả sử chúng ta có con trai tới tuổi nhập ngũ, chúng ta gửi nó vào quân đội và rồi chẳng may nó bị chết.

- Tôi hiểu ý ông rồi. Ông định hỏi mình có trách nhiệm gì trong việc đó không chứ gì?

- Tôi không muốn bị lương tâm cắn rứt.

- Ông Adam, đôi khi trách nhiệm không phải tốt đẹp hết. Nó thường đưa người ta tới tính ích kỷ không mấy hay ho.

- Tôi cũng đã nghĩ đến vấn đề đó từ dạo ông Sam Hamilton, chú và tôi bàn cãi về một từ ngữ. À, từ ngữ đó là gì hả Lee?

- Tôi nhớ ra rồi! Đó là từ ngữ "Timshel".

- "Timshel". Và chú có nói...

- Tôi có nói rằng từ ngữ đó mang lại cho người ta sự cao thượng nếu người đó biết dùng nó.

- Tôi còn nhớ ông Sam Hamilton thích từ ngữ đó lắm.

- Tôi không ràng buộc gì ông ấy cả. Tôi chỉ gợi ý để ông ta toàn quyền quyết định tự tách mình phân biệt với kẻ khác.

- Như vậy sẽ đơn độc lắm.

- Những việc lớn và cao quý đều được hoàn thành trong đơn độc.

- Chú thử nhắc lại ý nghĩa của tiếng đó xem.

- “Timshel”. Người có thể.

Ông Adam trông chóng đến Lễ Tạ ơn, ngày Aron từ đại học về thăm nhà để xem thử nó ra sao. Dù Aron xa nhà chưa được bao lâu, ông Adam cũng tưởng tượng chắc nó đã có nhiều thay đổi lớn lao rồi. Đối với kẻ nào mà ta quá yêu thương, ta thường có cảm tưởng như vậy. Tính ít nói của ông cũng vì sự vắng nhà của Aron, bất cứ chuyện buồn phiền nhỏ nhặt nào ông cũng bắt nguồn từ sự vắng mặt đó. Ông thường nói chuyện với nhiều người về sự thông minh của cậu con, nhất là chuyện nó đã học bằng được một lớp.

Trong lúc đó, Aron không thấy sung sướng chút nào khi sống giữa một căn phòng đầy đủ tiện nghi tại Palo Alto. Những gì mà chàng mong tìm thấy ở đại học dường rất đẹp đẽ và huyền ảo...

Chàng tưởng tượng ở đó có những chàng trai trẻ mắt sáng long lanh và những thiếu nữ xinh như mộng, xúng xính trong những chiếc áo dài hàn lâm. Mỗi buổi tối thường tụ tập trong một tòa lâu đài trên chỏm một ngọn đồi có nhiều cây cối. Nét mặt người nào cũng rạng rỡ tươi đẹp. Nhưng đại học đường Leland Stanford University không giống như vậy chút nào. Trường ốc chỉ là một khóm nhà bằng sa nham màu nâu vuông vức nằm giữa một đồng cỏ khô cằn. Các phòng học thì làm bằng loại gỗ thông đánh véc-ni. Đó là cả một thế giới ưa gây gổ, đánh đá nhau đến nỗi phải có những thông cáo kêu gọi đến tình huynh đệ, và những sinh viên thiên thần trong mộng tưởng của Aron chỉ là những gã trai trẻ bận những chiếc quần vải thô có sọc nổi và bản thủ.

Aron trước kia không hề nghĩ rằng mình có một mái nhà, bây giờ bỗng cảm thấy nhớ gia đình đến nôn nao cả tâm hồn.

Chàng không thiết để ý gì đến cuộc sống chung quanh hoặc tham dự vào đó. Đối với Abra, chàng dệt những giấc mơ thanh khiết, tự vẽ ra một hình ảnh riêng trong trí để tư tưởng đến nàng. Khi hình ảnh của Abra càng trở nên rạn vỡ, thanh khiết và mỹ miều trong tâm hồn mình, Aron càng thấy rào rạt niềm vui sướng theo quan điểm bệnh hoạn riêng của chàng. Chàng gọi ra tất cả những ý tưởng xấu xa trong trí rồi loại bỏ hết. Kết quả là những lá thư tình chứa đầy khát vọng và giọng điệu cao siêu của chúng đã làm cho Abra rất hoang mang.

Chàng đã sai lầm khi đến Stanford. Vào ngày Lễ Tạ ơn chàng sẽ về nhà và có thể sẽ không bao giờ trở lại đó nữa. Chàng nhớ rằng đã có lần Abra đề nghị về sống ở nông trại, điều này đã trở thành giấc mơ của chàng. Chàng nhớ đến cây sồi cao lớn, những làn gió trong lành trên các ngọn đồi. Chàng tưởng tượng Abra đang đứng trên đó, dưới bóng cây đợi chàng đi làm về. Buổi tối sau một ngày làm việc đồng áng chàng có thể sống một cách thơ thới yên lành với cuộc đời. Trong bóng đêm chàng có thể xa mọi ô trọc.

## Chương XX

Cả chú Lee và Cal đều cố khuyên ông Adam vào ngày Lễ Tạ ơn dừng ra ga đón chuyến tàu đêm Lark từ San Francisco đến Los Angeles. Ông Adam lí luận:

– Tôi muốn thấy mặt nó lúc vừa xuống xe lửa. Chắc nó đã thay đổi nhiều. Tôi muốn xem nó thay đổi ra sao.

– Cậu ấy chỉ mới xa nhà có hai tháng mà. Chú Lee nói:

– Nhưng chắc nó đã thay đổi nhiều. Những kinh nghiệm mới đã làm nó thay đổi nhiều hơn ta tưởng.

Dưới sự thúc giục của ông Adam, họ đã đến nhà ga Southern Pacific Depot sớm hơn giờ tàu đến ngót nửa tiếng đồng hồ. Abra đã chờ sẵn ở đó.

– Chắc cháu sốt ruột lắm nhỉ? Chú Lee hỏi.

– Còn chú thì sao?

– Chú cũng vậy. Để ý nhìn kĩ xem trụ đèn hiệu đã bật qua màu lục chưa.

Thời biểu của các chuyến tàu hỏa là một lí do hãnh diện hay lo ngại của hầu hết mọi người. Chợt từ xa, trụ đèn hiệu từ màu đỏ chuyển qua màu lục và mấy ngọn đèn ở đầu máy của đoàn tàu xuất hiện ở chỗ quanh và rọi thẳng tới sân ga. Nhiều người nhìn vào đồng hồ tay trầm trồ: “Đúng giờ”. Mấy tiếng đó vừa nói lên niềm hãnh diện vừa tỏ vẻ hài lòng. Giây phút đó rất quan trọng đối với chúng tôi.

Chiếc tàu hỏa Lark chạy xộc tới như không định dừng lại. Chỉ đầu máy và các toa hàng hóa đã qua khỏi, còi mới ré lên

và cần thẳng mới xiết chặt cho con tàu dừng lại.

Phải một hai phút sau cả nhà mới nhìn thấy Aron đứng chỗ nào. Trông chàng có vẻ lớn hơn hai tháng trước nhiều.

Chàng đội một chiếc mũ hẹp vành bằng phẳng ở phía trên đầu rất lịch sự. Khi thấy những người thân ra đón, chàng vừa chạy vừa giở mũ ra phất. Họ nhận thấy mái tóc ngời sáng của chàng đã được cắt cao như những sợi bàn chải dựng ngược lên. Cặp mắt chàng sáng rõ khiến cả nhà cười lớn một cách thích thú khi nhìn thấy chàng, Aron đặt va li hành lí xuống nhấc Abra lên khỏi mặt đất. Sau khi đặt nàng xuống, Aron mừng rỡ bắt tay ông Adam và Cal rồi chàng choàng tay quanh vai chú Lee xiết chặt làm chú ê cả người.

Họ rảo bước dọc theo đường phố chính Main Street rẽ qua góc Central, ngang qua lò bánh mì Reynand với cả đồng bánh mì loại Pháp, ở cửa sổ. Bà Reynaud với mái tóc đen vẩy bàn tay dính bột chào họ khi họ bước vào nhà.

– Có cà phê chứ chú Lee? Ông Adam hỏi.

– Tôi đã pha sẵn trước khi chúng ta rời khỏi nhà.

Chú cũng đã bày sẵn đĩa tách. Cả nhà xum họp vui vẻ. Aron và Abra, ngồi trên chiếc ghế trường kỉ. Ông Adam ngồi trong ghế dựa dưới ánh đèn, chú Lee rót cà phê cho từng người và Cal thì đứng trước cửa. Ông Adam lên tiếng:

– Ba muốn nghe về công việc học hành của con mấy tháng nay ra sao. Con vẫn đạt kết quả tốt chứ?

– Tháng tới mới tới kì thi ba ạ.

– Ô, vậy à. Tốt. Ba tin rằng con sẽ đạt một kết quả tốt.

Trên nét mặt của Aron thoáng vẻ khó chịu.

– Chắc con đi đường xa còn mệt, ông Adam nói. Để ngày mai chúng ta hãy nói chuyện nhiều.

Chú Lee góp ý:

– Theo tôi đoán thì chưa hẳn Aron mệt, nhưng có lẽ cậu ấy không thích bận bịu.

Abra tìm cách giải quyết vấn đề một cách tế nhị:

– Em không được phép vắng nhà lâu. Anh Aron, đưa giùm em về nhà được không?

Ngoài đường, Aron khoác vai đi sát vào Abra, chàng run vì lạnh và nói:

– Sắp có sương xuống nên hơi lạnh.

– Về nhà anh thấy vui chứ?

– Vâng. Anh vui lắm. Anh có nhiều chuyện cần nói.

– Hôm nào anh lại đi?

– Trễ nhất là đến tối chủ nhật.

– Chúng ta còn nhiều thì giờ. Chiều mai khoảng năm giờ em sẽ đến. Tối nay, anh đừng vào nhà em nhé! Ba em vừa mắng em một trận.

– Vì ông không thích anh phải không?

– Phải.

Chàng bỗng thấy ngại ngùng. Nàng cảm nghiệm được điều đó khi bàn tay của chàng rơi lỏng ra trên cánh tay mình, và trong thâm lặng nàng có thể thấy rõ điều đó trên nét mặt hơi ngược lên của chàng.

– Em sẽ không nói với anh về chuyện đó tối nay đâu.

- Em nên cho anh biết sự thật. Chàng ôn tồn nói. Em vẫn còn muốn làm bạn đường với anh chứ?

- Dạ còn.

- Vậy là được rồi. Thôi anh về. Mai chúng ta sẽ nói nhiều.

Chàng tạm biệt Abra ở trước cổng nhà với một chiếc hôn phớt trên môi nàng.

Tối hôm ấy trong phòng riêng, Aron ngồi khom người ở mép giường nhìn sững xuống hai bàn tay đặt giữa hai đầu gối. Chàng cảm thấy tuyệt vọng và bị phủ kín như một quả trứng bọc trong chiếc khăn vải là tham vọng của cha mình. Mãi đến tối nay, chàng mới nhận ra mãnh lực đó. Chàng tự hỏi không biết mình có đủ nghị lực thoát ra khỏi mãnh lực tuy êm ái nhưng bền bỉ đó không. Chàng đứng lên và nhẹ nhàng mở cửa phòng. Dưới cửa phòng của Cal còn ánh đèn. Chàng gõ cửa rồi bước vào, không đợi trả lời.

Cal đang ngồi bên một chiếc bàn giấy mới và đang loay hoay với tờ giấy mỏng và một sợi ruy băng màu đỏ. Khi Aron vào, Cal vội lấy một tờ giấy thấm lớn đặt lên vật gì trên bàn.

Aron mỉm cười hỏi: “Quà tặng hả?”

- Vâng. Cal trả lời không để ý đến công việc đó nữa.

- Anh muốn nói chuyện một chút được không?

- Được chứ! Anh cứ vào tự nhiên. Nói nhỏ nhỏ kéo ba vào la. Ông không thích làm ồn.

Aron ngồi lên giường nói:

- Này Cal, anh không muốn tiếp tục học ở Đại học đó nữa.

Cal xoay đầu lại hỏi dồn:

- Anh không thích học ở đó nữa à? Sao vậy?
- Anh chỉ thấy không thích nữa, có vậy thôi.
- Anh chưa nói gì với ba chứ? Ba muốn anh đi học nữa.
- Ba muốn không phải là tao muốn.

Cal nhìn sững vào anh mình, mái tóc màu nhạt của Aron giống mái tóc của bà Kate, cặp mắt mở lớn cũng giống mắt bà. Đột nhiên Cal hiểu vì sao cha mình thương Aron hơn mình, không còn nghi ngờ gì nữa. Cal nói nhanh:

- Tùy ý anh. Nhưng ít ra anh cũng nên học xong khóa học. Bây giờ khoan có quyết định gì đã.

Aron đứng dậy bước về phía cửa và hỏi:

- Quà tặng ai vậy?
- Quà để tặng cho ba. Trưa mai, sau bữa ăn anh sẽ biết.

Khi Aron trở về phòng riêng. Cal gỡ gói quà ra. Chàng đếm mười lăm tờ giấy một ngàn đô mới một lần nữa. Chúng còn mới và rít lại với nhau nên gây những tiếng sột soạt khi đếm. Ngân hàng Monterey County Bank phải gửi đến San Francisco mới đổi được những tờ giấy bạc đó, và phải nhờ anh Will Hamilton xác nhận nhà ngân hàng mới tin rằng số tiền đó đúng là của Cal.

Cal gói những tờ giấy bạc đó trong một miếng vải lụa và buộc chặt bằng một sợi ruy băng đỏ cuối cùng kết lại thành một cái gút trông như một cái nơ. Cậu ta giấu gói quà dưới mớ áo sơ mi trong bàn làm việc của mình rồi đi ngủ. Cậu ta dợt trước những gì mình định sẽ nói.

- Con có cái này cho ba.

- Cái gì vậy?

- Một món quà.

Cal không biết sau đó việc gì sẽ xảy ra.

Sáng hôm sau khi chú Lee rót cà phê cho mình và cho Cal, thì Aron bước vào, cặp mắt chàng còn ngái ngủ và hỏi:

- Chú Lee định cho ăn tối vào lúc mấy giờ?

- Ô, tôi chưa biết. Có lẽ vào khoảng ba giờ rưỡi hay bốn giờ gì đó.

- Để năm giờ chú hãy dọn được không?

- Cũng được. Mà chi vậy Aron?

- Tôi muốn đợi Abra hẹn đến giờ đó mới có thể tới được. Tôi có một dự tính muốn trình bày với ba tôi và muốn có mặt nàng vào lúc đó.

- Được rồi, tôi sẽ làm theo lời đề nghị của Aron.

Cal vội đứng dậy trở về phòng riêng của mình. Cậu ta ngồi vào bàn, bật ngọn đèn học lên, nghĩ ngợi một cách tức tối. Tự nhiên Aron đã cướp mất ngày Lễ Tạ ơn đầy ý nghĩa của mình và biến thành ngày quan trọng riêng của Aron. Đột nhiên Cal cảm thấy hổ thẹn một cách cay đắng. Cậu đưa hai bàn tay lên ôm mặt và thốt lên: “Đúng là do lòng ganh tị. Mình đang ganh tị, thật không xứng đáng chút nào”. Cậu cao giọng lặp lại mấy tiếng: “Ganh tị! Ganh tị! Ganh tị!” làm như cứ la lớn lên như vậy là có thể diệt được tính xấu đó ngay.

Cal đã thấy bình tĩnh trở lại. Cứ tặng món tiền một cách lặng lẽ. Đừng hi vọng điều gì cả. Đừng nghĩ đến chuyện gì

khác. Đem tặng xong rồi quên phứt đi. Chỉ biết đến việc đem tặng là xong.

Cal có cảm tưởng ngày hôm đó dài bất tận. Cậu ta muốn rời khỏi nhà nhưng không được. Lúc 11 giờ trưa, ông Adam ra văn phòng động viên đang đóng cửa để xét qua mấy danh sách thanh niên mới được chuyển tới.

Aron hoàn toàn trầm tĩnh. Chàng ngồi trong phòng khách xem tranh hí họa trong các tập san cũ “The Review Reviews”. Mùi gà tây rô-ti từ dưới nhà bếp tỏa lên thơm phức khắp nhà.

Cal vào phòng riêng của mình lấy gói quà ra đặt lên bàn, lựa lời viết thư một tấm thiệp để gắn lên gói quà: “Caleb gửi cho ba” – “Của Caleb Trask gửi cho Ô. Adam Trask”. Tự nhiên Cal thấy hồi hộp muốn nghẹn thở lòng bàn tay rịn ướt và khớp sọ. Cậu sực nhớ lại buổi sáng mà cha cậu đến lãnh cậu ra khỏi phòng giam. Cậu nhớ đến những tình cảm ấm áp, gần gũi và lòng tin cậy của cha mình. Chính ông đã nói lên điều đó mà: “Ba tin cậy ở con”.

Cal cảm thấy nhẹ nhõm dễ chịu khi nhớ đến câu đó.

Khoảng ba giờ chiều, Cal nghe tiếng chân ông Adam trở về và nghe có tiếng nói chuyện thì thầm ở phòng khách. Cal bước ra góp mặt với cha và anh ở đó. Ông Adam lên tiếng:

– Thời thế đã thay đổi. Một thanh niên phải trở thành một chuyên viên nếu không nó sẽ không có tương lai gì cả. Chính vì vậy mà ba hài lòng khi thấy con theo học đại học.

– Con cũng thắc mắc về điều đó. Aron nói.

– Vậy thì con đừng thắc mắc gì nữa.

Cal ngồi lặng lẽ. Ông Adam không để ý gì đến cậu ta.

- Người cha nào cũng muốn con mình thành công, đó là điều tự nhiên. Ông Adam nói tiếp. Có lẽ ba nhìn xa hơn con.

Chú Lee ló đầu vào nói:

- Chắc phải sửa lại sách nấu ăn quá. Món gà tây chín sớm hơn là trong sách nói.

- Tốt! Cứ giữ cho nóng nhé.

Ông Adam dặn Lee như vậy rồi nói tiếp:

- Cụ Sam Hamilton đã thấy trước điều đó. Ông ấy nói không còn có những triết gia phổ thông nữa. Sự hiểu biết rất cao quý và đáng cho con người chú tâm trau dồi.

- Đúng như vậy. Chú Lee từ ngưỡng cửa nhà bếp nói vào. Nhưng có người lại than phiền vì nó.

- Thật vậy à? Ông Adam hỏi.

Lee bước lên phòng khách. Chú đang cầm chiếc muống nấu ăn thật bự trong tay phải nên tay kia bợ một cái tô hứng bên dưới sợ làm giọt mỡ gà rơi xuống tấm thảm, nhưng rồi chú lơ đãng vung chiếc muống lên làm văng mấy giọt mỡ gà tây giữa nền nhà. Chú say sưa nói:

- Có lẽ sự hiểu biết thì quá lớn lao trong khi con người càng trở nên nhỏ bé đi. Có lẽ càng vùi đầu chạy theo nguyên tử, họ đang mặc lấy vóc dáng của nguyên tử trong linh hồn. Có thể một chuyên viên chỉ là một kẻ hèn nhất, đang nhìn ra ngoài chiếc lồng nhỏ bé của mình với nỗi lo sợ.

- Đừng chua chát quá như vậy. Chú có chống đối gì đại học không? Đó là vấn đề mà cha con tôi đang bàn.

- Xin lỗi. Độ này sao tôi hay hứng bất tử. Không! Nếu đại học là nơi mà người ta có thể đến để tìm được sự liên hệ giữa mình với toàn thể thế giới mình đang sống thì tôi không có gì chống đối cả.

Có tiếng nước sôi réo dưới nhà bếp vọng lên, chú Lee vội nói:

- Mấy bộ lòng gà đang sôi.

Chú Lee bước nhanh theo lối cửa thông xuống nhà bếp.

Ông Adam nhìn theo chú với vẻ trù mến nói:

- Chú ấy thật đáng mến. Một người bạn tốt ít có! Con biết, gần đây ba cảm thấy hài lòng, ừ, có thể cho là mãn nguyện nữa.

Ông mỉm cười với Aron:

- Mãi đến lúc con đi xa ba mới có dịp nghĩ nhiều về con.

- Con nhớ nhà. Aron thú nhận. Những ngày đầu xa nhà con tưởng có thể chết đi được.

Abra từ ngoài bước nhanh vào, hai gò má ửng hồng. Nàng nói:

- Có ai thấy tuyết trên núi Toro chưa?

- Có, bác có thấy. Ông Adam nói. Người ta cho rằng đó là điềm tốt cho năm tới. Chúng ta nên mừng đi là vừa.

- Cháu phải ráng ngồi ăn cho xong bữa ở nhà trong khi cháu sốt ruột trông tới đây hết sức.

Chú Lee luôn miệng xin lỗi về bữa ăn tối. Chú than phiền về cái bếp ga, than phiền về loại gà tây không được ngon thịt

như những con khác. Nhưng chú đã phải cười xòa khi cha con ông Adam bảo rằng chú dài dòng như một mụ đàn bà lẩm mồm để mong được những lời khen nịnh.

Khai vị bằng món bánh pudding trộn mận, ông Adam khui champagne và họ uống rượu một cách trịnh trọng. Mọi người nâng li chúc cho sức khỏe nhau. Khi đã ăn hết phần bánh pudding, ông Adam nói:

– Tôi thấy chúng ta chưa bao giờ ăn một Lễ Tạ ơn nào tuyệt như vậy.

Cal thò tay vào túi áo blouson lấy ra gói quà cột ruy băng đỏ đẩy tới trước mặt cha.

- Cái gì vậy? Ông Adam hỏi.
- Dạ đó là một món quà cho ba.

Ông Adam tỏ vẻ hài lòng nói:

– Chưa đến lễ Giáng Sinh mà đã có quà rồi. Không biết cái gì trong này đây.

- Chắc là một cái khăn tay. Abra đoán.

Ông Adam tháo gút cái nơ và mở lớp giấy gói mỏng. Ông trở mắt nhìn xuống xấp giấy bạc.

Abra đứng dậy nhìn cho rõ hỏi:

- Cái gì vậy?

Chú Lee đứng ở ngưỡng cửa nhà bếp, chú để ý quan sát nét mặt của ông với vẻ lo lắng. Chú liếc nhanh về phía Cal và thấy trong ánh mắt cậu ta ngời lên niềm hân hoan đặc thảng.

Ông Adam từ từ đẩy mớ giấy bạc vàng ánh ra. Giọng ông thật xa xăm:

– Cái gì vậy? Cái gì...

Cal nuốt nước bọt giải thích:

– Đó... là số tiền con đã làm ra được... để tặng ba... để bù vào số tiền đã mất vì vụ rau diếp.

Ông Adam từ từ ngẩng mặt lên hỏi:

– Con đã làm ra số tiền đó hả? Bằng cách nào vậy?

– Con hòa với chú Will Hamilton... buôn đậu. Nó nói nhanh. Con và chú ấy đặt mua trước với giá năm xu một cân và chờ đến lúc giá đậu tăng vọt mới đem bán. Mười lăm ngàn đồng này là tiền lời kiếm được. Con tặng cho ba.

Ông Adam sắp các tờ giấy bạc mới lại cho ngay ngắn rồi gói lại cẩn thận. Ông thất vọng nhìn chú Lee... Cal có cảm giác như một tai biến vừa xảy ra, một sụp đổ vừa ập tới khi nghe cha mình nói:

– Mà phải đem số tiền phi nghĩa này trả lại cho những người dân mà mà đã lấy của họ.

– Trả cho hãng buôn Anh Quốc British Purchasing Agency à? Họ không thể nhận lại số tiền đó. Họ đang lùng mua khắp nước với giá mười một xu một cân đậu mà ba.

– Vậy thì mà hãy đem trả thêm cho những nông dân mà mà đã cướp công của họ.

– Sao ba lại bảo là cướp công được? Cal gào lên. Tụi con đã mua cho họ cao hơn giá thị trường đến một xu rưỡi mỗi cân. Tụi con không cướp giạt của ai hết.

Cal có cảm giác như mình bị treo lơ lửng giữa khoảng không và thời gian như chậm hẳn lại.

Một lát sau ông Adam mới bắt đầu trả lời. Ông nói thật chậm rãi rõ ràng:

– Ba đã đưa các thanh niên ra mặt trận. Chính ba đã kí giấy cho họ ra đi. Một số sẽ tử trận và một số bị thương tích, cụt tay cụt chân. Con thử nghĩ ba làm sao có thể nhẫn tâm hưởng lợi vì cuộc chiến này được?

– Con đã bỏ công làm việc chỉ vì nghĩ đến ba. Cal nói. Con muốn ba có số tiền đó để bù vào chỗ lỗ lả.

– Này Cal, ba không cần tiền. Về vụ rau diếp ba không nghĩ rằng ba đứng ra làm vì lợi. Đó chỉ là một loại tiêu khiển và ba đã không may mắn. Ba không cần tiền.

Cal nhìn sững trước mặt và cảm thấy những cặp mắt của chú Lee, của Aron và của Abra chĩa thẳng vào mặt mình. Cậu ta vẫn không rời mắt khỏi đôi môi của cha mình.

– Ba chấp nhận tinh thần của món quà. Ông Adam nói tiếp. Ba cảm ơn con về hảo ý đó...

– Con sẽ đem cất số tiền này. Con sẽ giữ cho ba. Cal nói nhanh.

– Không, ba sẽ không bao giờ động tới món tiền này. Ba sẽ lấy làm sung sướng nếu con cũng tặng cho ba món quà như anh con đã làm. Ba hãnh diện vì những gì nó đang làm.

Cặp mắt ông mở lớn hơn một chút nữa và ông nói tiếp:

– Ba đã làm cho con bất hạnh phải không? Đừng giận ba. Nếu con muốn tặng ba một món quà, thì con chỉ cần cho ba

một đời sống lương thiện của con. Đối với ba, đó là món quà giá trị nhất rồi.

Cal cảm thấy nghẹn trong cổ họng. Trán cậu toát mồ hôi xuống ròng ròng thấm vào môi mặt đắng. Bỗng cậu đứng bật lên làm ngã chiếc ghế ra đằng sau. Cậu nín thở chạy ra khỏi phòng.

Ông Adam gọi với theo:

– Đừng giận nghe con!

Họ cứ để mặc cho Cal. Cậu về phòng riêng, chống cùi chỏ lên bàn ôm cầm ngòi ủ rũ. Cậu muốn khóc nhưng không sao khóc được. Chàng cố sao cho nước mắt ứa ra nhưng đầu chàng như một khối sắt nóng nên nước mắt không thể thoát ra được.

Một lát sau Cal đã thấy hơi thở điều hòa, và đầu óc đã bớt nặng nề. Cậu cố gạt bỏ những ý tưởng hờn giận, thù ghét ra khỏi tâm trí. Cậu cố gắng một cách mệt mỏi vì uất hận đã thấm sâu vào khắp cơ thể mình, làm nhiễm độc từng mạch máu. Cậu cảm thấy không thể chế ngự nổi mình.

Rồi đến một mức độ mà cả sự chế ngự lẫn lo sợ đều biến mất trong đầu, nhường chỗ cho nỗi đắc thặng đau đớn. Cal cầm cây bút chì lên vẽ những đường vòng hình tròn ốc trên tờ giấy thấm. Khoảng một tiếng đồng hồ sau khi chú Lee bước vào thì Cal đã vẽ được hàng trăm cái hình vòng tròn ốc và những hình ấy càng lúc càng nhỏ dần. Cậu không nhìn lên.

Chú Lee nhẹ nhàng khép cửa lại và nói:

– Tôi đem vào cho cậu một tách cà phê đây.

- Tôi chẳng thiết uống gì cả. À, thôi được. Cảm ơn chú Lee nhé. Chú tử tế với tôi lắm.

- Cậu hãy ngừng lại đi. Tôi van cậu. Chú Lee nói.

- Ngừng cái gì? Chú muốn tôi ngừng cái gì mới được chứ?

Chú Lee lúng túng nói:

- Đã có lần tôi nói với cậu rằng tất cả đều tùy ở cậu. Tôi nói với cậu rằng, cậu có thể chế ngự được nếu cậu muốn.

- Chế ngự cái gì? Tôi không hiểu chú đang nói cái gì?

- Này Cal, cậu không hiểu tôi đang nói gì sao? Ông ấy không thể nghĩ khác hơn. Ông ấy không chọn lựa được một điều gì. Nhưng cậu thì khác. Cậu có nghe tôi nói gì không? Cậu biết chọn lựa điều gì nên làm, điều gì không nên.

Những vòng tròn ốc mỗi lúc càng nhỏ đến nỗi những đường bút chì xoắn lại thành một chấm đen sáng bóng. Cal lặng lẽ nói:

- Có gì đâu mà chú làm ra vẻ quan trọng quá vậy? Chú làm như tôi sắp giết người nào không bằng!

Cả hai đều im lặng. Một lát sau khi Cal quay mặt lại thì không thấy chú Lee trong phòng nữa. Tách cà phê đang bốc hơi trên bàn. Cal bưng uống dù vẫn còn nóng bỏng, rồi trở ra phòng khách.

Ông Adam nhìn lên với vẻ ân hận.

Cal nói:

- Xin lỗi ba. Con không biết trước được ý ba về món tiền này...

Cậu cầm gói tiền lên nhét vào túi trong của chiếc áo blouson rồi bất ngờ nói:

- Để con nghĩ xem sẽ làm gì món tiền này. Mọi người đi đâu rồi ba?

- Ô, Abra phải về nhà. Aron đi theo đưa nàng ra. Còn chú Lee thì đi có việc.

- Con cần đi dạo một lát. Cal nói.

Đêm tháng mười một đã buông hẳn xuống. Cal lách ra khỏi cửa nhà bếp, ngang qua khoảng sân nhà bếp, bước ra ngoài.

Đầu óc Cal gần như tê liệt. Cậu thấy bóng Aron dưới ánh đèn đường cách đó khoảng ba dãy phố, đang đi về phía mình. Chỉ cần nhìn lối bước chân khá dài và dáng dấp Cal cũng đủ biết ngay là anh nó.

Cal bước chậm lại và khi Aron đến sát bên mình, cậu liền lên tiếng:

- Hi, tôi đang tìm anh đây.

- Anh rất buồn về chuyện xảy ra hồi chiều. Aron nói.

- Anh có can thiệp gì được đâu. Thôi quên vụ đó đi.

Rồi cậu quay ngược lại cùng sánh bước bên cạnh Aron và nói:

- Tôi muốn chỉ cho anh thấy cái này lạ lắm.

- Cái gì vậy?

- Ô, cái này lạ và hay lắm. Anh sẽ ngạc nhiên vô cùng.

- Được rồi, nhưng có lâu lắm không?

- Không. Không lâu lắm. Mau lắm.

Hai anh em đi ngang Đại Lộ Central Avenue rẽ qua đường Castroville Street.

## Chương XXI

Vào lúc tám giờ rưỡi sáng hôm sau, trung sĩ Axel Dane bước vào phòng tuyển mộ Jose để tìm viên phụ tá là hạ sĩ Kemp. Hạ sĩ này đang ngủ gà ngủ gật bên cạnh một cậu thiếu niên đang ngồi đợi với vẻ mệt mỏi chán chường. Dane liếc nhìn chàng thiếu niên rồi bước vào sau chấn song đặt tay lên vai hạ sĩ Kemp lên tiếng:

– Này cưng, lũ chim sơn ca đang cất tiếng hát báo tin trời sáng từ lâu rồi mà cưng.

Kemp ngẩng đầu lên khỏi vòng tay gối đầu, đưa lưng bàn tay lên quệt ngang mũi rồi hắt hơi.

– Chà đẹp nhỉ? Viên trung sĩ nói. Thức dậy cho rồi chàng! Có một người khách đang đợi kia. Kemp lim dim cặp mắt đầy ghèn nói:

– Chiến tranh thường đợi người ta mà.

Dane nhìn sát cậu bé và nói:

– Cậu ta đẹp trai quá. Chắc họ sẽ săn sóc cậu ta kĩ. Đứng lên xem thử nào chàng trai trẻ! Cậu ta được mười tám tuổi rồi chứ?

– Thưa vâng.

Dane quay lại chàng hạ sĩ phụ tá hỏi:

– Chú nghĩ sao?

– Kệ mẹ. Theo tôi nếu chúng nó cao lớn là cứ coi như đủ tuổi rồi.

Viên trung sĩ nói:

– Cứ cho rằng cậu đã mười tám tuổi. Chúng tôi chỉ căn cứ vào đó được chứ?

– Thưa vâng.

– Cậu chỉ việc điền vào tờ giấy này. Cậu tưởng tượng mình sinh năm nào thì cứ ghi năm đó vào đúng chỗ này và nhớ cho kĩ năm sinh đó.

Trong ngôi nhà ở đường Castroville Street, bà Kate ngồi lặng nhìn sững vào khoảng không trước mặt hết giờ này qua giờ khác. Nét mặt bà hoàn toàn vô cảm xúc. Bà không suy nghĩ gì cả. Tâm trí bà trôi lơ lửng giữa các cảm xúc như con dơi bay lơ lửng trong đêm. Bà nhớ lại khuôn mặt của cậu con trai tóc hung hung vàng thật đẹp trai và cặp mắt long lên điên dại vì thất vọng sững sờ. Bà còn nghe rõ bên tai những lời lẽ thậm tệ của nó nhằm vào bà thì ít mà nhằm vào chính nó thì nhiều. Bà thấy người em song sinh có nước da hơi sạm đứng tựa cửa cười hình hích.

Tại sao Cal lại đem anh nó tới làm gì? Sau đó Aron sẽ ra sao? Nếu biết trước bà đã tránh mặt rồi. Nhưng làm sao bà biết được!

Bà đặt hai tay nằm xuôi trên mặt bàn và để ý sao cho các ngón cong queo vì bị chứng sưng khớp xương được thoải mái. Bà hồi tưởng lại đoạn đời quá khứ với sự việc khó hiểu đột hiện rồi biến ngay. Chỉ sau khi gặp mặt được cậu con trai tóc vàng, đoạn đời đó mới tái hiện lần đầu tiên trong trí bà. Nét mặt đau đớn, cuồng dại, tuyệt vọng của nó đã gợi lại cho bà chuyện đó. Bà chợt nhớ rõ.

Ngày đó bà hãy còn là một cô bé gái. Bà nhớ rằng thuở đó mình đẹp và thông minh hơn tất cả những đứa con gái khác. Nhưng thỉnh thoảng một cơn sợ hãi không rõ từ đâu xâm chiếm lấy nàng như bị một nhóm kẻ thù cao lớn khổng lồ như cây rừng vây chặt đến không còn chỗ nào lánh mặt. Nàng muốn gào khóc điên loạn vì không nơi ẩn náu. Rồi một hôm nàng đọc được một cuốn sách. Đó là cuốn “Nàng Alice lạc vào tiên cảnh”.

Bà còn nhớ rõ những tấm hình minh họa. Nàng Alice với mái tóc dài thẳng mượt. Nhưng chính vì chai nước mang nhãn hiệu “Hãy uống tôi” đã thay đổi cả cuộc đời nàng. Alice đã dạy bà điều đó. Khi lũ thù nghịch như rừng cây cao đó vây hãm quanh nàng, nàng đã chuẩn bị sẵn. Trong túi áo nàng thủ sẵn một chai nước đường dán nhãn “Hãy uống tôi”. Nàng sẽ uống một ngụm nước trong chai và sẽ thu người nhỏ lại đến nỗi nàng có thể ẩn mình dưới một chiếc lá hay nắp trong một hang kiến. Vậy thì tuyệt quá. Cathy đã làm hơn như vậy. Nàng đã uống trọn cả chai nước màu nhiệm đó nên nàng thu nhỏ lại đến độ biến mất. Khi đã biến hình nàng không còn bao giờ trở lại được như xưa nữa. Nàng đã tìm được sự an toàn theo lối đó.

Bà Kate buồn bã lắc đầu khi nhớ lại điều đó. Hai bàn tay bị chứng sưng khớp xương của bà lại cuộn cuộn đau nhức và còn thêm một chỗ đau nữa. Mông bên phải của bà nhức nhối dữ dội mỗi khi bà cử động. Bà gục đầu xuống miếng giấy thấm lớn giữa hai bàn tay co quắp. Bà cảm thấy lạnh lùng, cô độc hết sức. Kẻ thù đông đảo như rừng cây như đang vây chặt quanh bà. Họ đã biết được những gì? Những gì bà đã làm đều bị xô đẩy bởi bàn tay vô hình. Có một cái gì ở bà khác với những người khác. Bà ngẩng đầu lên nhưng không buồn lau

cặp mắt đăm lẹ của mình. Sự thật đúng như vậy. Bà khôn ngoan và mạnh bạo hơn những người khác. Bà có vài đặc tính mà những người khác không có.

Giữa những ý nghĩ của bà, khuôn mặt hơi sạm của Cal lơ lửng giữa không trung ngay trước mặt bà, đôi môi của nó đang nở một nụ cười cay độc. Một khối nặng như đè lên người bà, làm bà muốn nghẹn thở, những lời mà có lần bà nghe đã ứng nghiệm. Bà không có được những cái mà người khác có. Nhưng bà không biết đó là cái gì. Một khi đã chấp nhận điều này, bà đã sẵn sàng như đã có lần sẵn sàng. Bà biết mình đã sẵn sàng từ lâu.

Bà Kate đứng dậy bước tới bàn giấy của mình. Với bàn tay đau nhức bà ráng viết mấy chữ: “Tôi để lại tất cả gia tài của cái của tôi cho con trai tôi là Aron Trask”. Bà ghi ngày tháng vào tờ giấy và kí tên: “Catherine Trask”. Bà dừng tay trên tờ giấy giây lát rồi đứng dậy, để tờ di chúc nằm ngửa trên mặt bàn.

Trên bàn còn có một ít nước trà nguội trong bình. Trí óc bà đặc quánh như một khối gỗ. Cơ thể bà như một hình nhân tồi tệ. Bà rót một tách nước bưng lại ghế dựa. Bà sửa mấy chiếc gối nệm lại, ngồi xuống và tựa đầu và chiếc gối đệm cẩn thận. Bà cảm thấy khoan khoái như sắp đi dự một cuộc tiệc. Bà thận trọng kéo sợi giây chuyền trong ngực áo ra, mở nắp cái ống nhỏ đổ viên thuốc trong tay lắc qua lắc lại.

– “Hãy ăn tôi”. Bà lẩm bẩm nói rồi bỏ viên thuốc vào miệng. Bà nâng tách nước trà lên môi nói thêm “Hãy uống tôi”. Rồi nốc cạn tách nước.

Bà cố tập trung tinh thần nghĩ đến nàng Alice trong cuốn sách họ, đang thu người nhỏ xíu lại và chờ đợi. Những khuôn mặt khác hiện ra: Cha, mẹ mình, Charles, Adam, ông Samnel Hamilton, rồi đến Aron và bà cũng thấy cả Cal đang mỉm cười nhìn bà. Trong ánh mắt của nó như ngầm nói: “Bà đã thiếu mất nhiều thứ mà người khác có”.

Tay chân bà bắt đầu rần rần cảm giác tê liệt, ấm áp. Căn phòng sầm tối lại, ánh đèn lung linh tan loãng như nước lỏng. Hai mắt bà nhắm kín lại. Hơi thở yếu dần. Bà có cảm giác mình mỗi lúc một thu nhỏ dần rồi cuối cùng tan biến vào hư vô.

Trưa hôm sau, Cảnh sát trưởng Horace Quinn từ lộ Main Street rẽ qua đại lộ Central Avenue. Ông ghé mua một ổ bánh mì Pháp còn nóng và thơm mùi bột nhồi men hấp dẫn tại lò bánh mì Reynand.

Ông phải vịn vào lan can để bước lên các bậc cấp nhà ông Trask. Chú Lee ra mở cửa, quanh bụng chú đang quấn một tấm khăn dùng trong khi rửa chén đĩa. Chú nói:

- Ông ấy không có ở nhà.
- Được. Chắc ông ấy đang trên đường về. Tôi đã gọi tới phòng động viên và sẽ đợi ở đây.

Chú Lee nép qua một bên tránh đường cho ông Quinn vào. Chú mời ông ta vào ngồi đợi ở phòng khách. Ông Quinn nhìn quanh căn phòng đủ tiện nghi. Sau bao nhiêu năm qua, ông vẫn không thích công việc của mình. Ông nhớ mình có nghe một vị bác sĩ nói rằng: “Tôi thích công việc giúp cho một em bé ra đời, và khi công việc hoàn tất mỹ mãn, tôi thấy rất vui thỏa”. Ông Cảnh Sát Trưởng thường nghĩ đến ghi nhận đó.

Đối với ông lại khác, mỗi khi tận tâm làm xong một công việc thì hình như rằng làm gì cũng đem lại một mối buồn khổ cho một người nào đó.

Horace Quinn nhớ rằng mình đã hỏi chuyện ông Adam một lần cách đây lâu lắm rồi và còn nhớ ông ta dạo đó râu rĩ tuyệt vọng như người đang hấp hối. Dạo đó ông xem ông Adam quá thật thà nên không gạn hỏi gì nhiều. Những năm về sau ông có dịp gặp ông Adam nhiều hơn. Cả hai đều có chân trong hội Masonic Order.

Trong khi chờ đợi, Horace nghĩ tiếp rằng, ông Adam không thể làm điều gì xấu vì ông ta không thiết tha với cái gì cả. Phải những người thật ham danh lợi mới có thể làm những điều bất chánh được.

Ông nghe tiếng chân ông Adam về ngoài cổng trước. Chú Lee cũng nghe nên vội bước ra. Chú báo cho chủ biết: “Có ông Cảnh Sát Trưởng đang đợi trong nhà”, rồi đi xuống bếp tiếp tục rửa chén đĩa khua rổ rảng.

Ông Adam bước vào tươi cười bắt tay khách:

- Chào anh Horace. Có chuyện gì trục trặc hả?
- Nghề của tôi thì luôn luôn có chuyện trục trặc rồi. À, anh Adam, người đàn bà dạo đó vẫn còn là vợ anh chứ?

Ông Adam ngượng ngùng đáp:

- Vâng, mà có chuyện gì vậy?
- Bà ấy tự vẫn chết hồi hôm.

Nét mặt ông Adam nhả lại. Hai mắt ông như phồng lên và ngấn lệ. Ông cố giữ cho miệng mình đừng mếu nhưng thất

bại, ông úp mặt vào hai bàn tay rắm rút khóc và nghẹn ngào thốt lên: “Ôi, người vợ đáng thương của anh!”.

Ông Quinn ngồi im lặng để mặc cho ông Adam bộc lộ hết xúc cảm của mình. Một lát sau, ông Adam ngẩng đầu lên nói:

– Xin lỗi anh Horace nhé!

Chú Lee từ dưới nhà bếp đi lên, trao chiếc khăn mặt ẩm ướt vào tay ông Adam. Ông cầm lên chặm nước mắt rồi trao lại cho chú Lee.

Với nét mặt hổ thẹn, ông Adam nói:

– Tôi không ngờ xảy ra chuyện đó. Tôi biết tính sao bây giờ? Tôi sẽ lãnh việc chôn cất nàng được chứ?

– Không, ông Horace nói. Trừ khi ông muốn tình nguyện nhận lãnh, chứ tôi đến đây không với mục đích đó.

Ông rút trong túi một tờ giấy đã xếp cẩn thận chìa ra:

– Bà ấy viết di chúc để lại tất cả gia tài của bà cho Aron, con trai anh.

Ông Adam đọc mấy hàng chữ và tiếp tục nhìn sững vào tờ giấy như muốn nhìn xuyên qua bên kia và nói:

– Nó không hề biết... bà ấy là mẹ nó.

– Anh không nói cho nó biết sao?

– Không.

– Trời ơi! Ông Cảnh Sát Trưởng kêu lên.

Ông Adam nói bằng giọng thật đứng đắn:

– Tôi tin rằng nó không muốn nhận thứ gì của bà ấy đâu. Chúng ta nên xé bỏ tờ di chúc này và xem như không hề có

thì hơn.

- Tôi e rằng không được. Ông Quinn nói. Bà ấy có gửi nữ trang ở ngân hàng. Tôi cũng đã tới ngân hàng. Khởi cần đợi lệnh tòa án. Xem như không dính dáng gì cả.

Ông không nói với ông Adam về việc ông nghĩ có thể còn có nhiều hình ảnh và sổ ghi địa chỉ giống với loại mà ông đã tìm thấy tại bàn giấy của bà Kate và đã bí mật thiêu hủy hết.

- À. Cụ Bob đã cho phép tôi mở chiếc hộp đó ra. Có trên một trăm ngàn Mĩ kim dưới hình thức những tờ chứng chỉ có thể đổi thành vàng. Số tiền đã bó sẵn thành từng bó, ngoài ra còn có một cuốn giấy khác. Đó là tờ chứng thư hôn thú.

Ông Adam dựa ngửa trên ghế. Vẻ hững hờ xa vắng lại tái hiện trên nét mặt của ông, đó là dấu hiệu tách biệt ông với thế giới chung quanh. Ông hỏi:

- Theo anh nghĩ thì tôi phải làm gì bây giờ?

Cảnh Sát Trưởng Quinn nói:

- Tôi chỉ có thể nói với anh những gì tôi phải làm. Tôi cần gặp cậu con ông ngay bây giờ. Tôi phải nói tất cả cho nó biết. À, nó bao nhiêu tuổi nhỉ?

- Mười bảy.

- Nó đã trưởng thành. Sẽ có lúc nó dùng đến số tiền đó.

- Tôi không hiểu tại sao bà ấy lại lập di chúc cho Aron?

- Có trời mà hiểu bà ấy.

- Vâng. Tôi sẽ làm những gì anh bảo. Anh còn ngồi lại với tôi một lát nữa chứ?

- Dĩ nhiên là phải vậy.

- Chú Lee ơi! Ông Adam gọi. Bảo Aron lên đây tôi cần gặp nó ngay. Nó đã về nhà rồi chứ?

Chú Lee bước lên ngưỡng cửa. Cặp môi của chú nặng nề mím chặt giây lát rồi mới mở ra được:

- Dạ chưa.

- Còn Cal đâu?

- Cậu ấy đang ở trong phòng. Chú Lee trả lời.

- Được rồi. Gọi nó lên đây. Nó hiểu chuyện này được.

Nét mặt Cal lại đầy vẻ mệt mỏi, hai vai xệ xuống một cách kiệt lực. Ông Adam hỏi:

- Con có biết Aron đâu không?

- Dạ không. Con không biết. Cal đáp.

- Sáng nay nó không có mặt trong bữa điểm tâm. Vậy nó đi đâu?

- Làm sao con biết được? Con đâu phải là người theo giữ anh con?<sup>[1]</sup>

Ông Adam cúi gằm mặt xuống. Trong mắt ông một tia sáng xanh lóe lên một cách kì lạ. Ông gượng gạo nói:

- Có lẽ nó đã trở lại trường đại học.

Đôi mắt ông có vẻ nặng nề và ông nghĩ thầm như trong chiêm bao:

- Con có nghĩ rằng Aron đã trở lại trường đại học không?

Cảnh Sát Trưởng Quinn đứng lên nói:

- Những việc gì cần làm tôi sẽ làm sau. Anh đang bị xúc động mạnh, cần nghỉ ngơi cho khỏe nghe Adam.

Ông Adam ngẩng mặt nhìn lên nói:

- Xúc động mạnh. Ô, đúng vậy. Cảm ơn George. Cảm ơn anh rất nhiều.

- Sao anh gọi là George?

- Cảm ơn anh rất nhiều. Ông Adam lập lại.

Khi viên Cảnh Sát Trưởng đã ra khỏi nhà, Cal trở về phòng riêng. Cậu ta ngồi ở bàn giấy chống cùi chỏ lên bàn, hai tay ôm ghì cái đầu đang đau nhức của mình. Đến nhà bà Kate đã không mang lại cho cậu chút an ủi nào và hành động trả thù của cậu không đem lại một thắng lợi nào. Ra khỏi nhà bà Kate cậu đã chạm phải phản ứng của người anh đang nức nở khóc và Aron đã đấm cậu một cú như búa tạ làm cậu ngã nhào. Aron đã đứng trên người cậu trong bóng tối. Nhưng đột nhiên anh quay mặt vừa bỏ chạy vừa khóc như một cậu bé đau khổ.

Hôm thứ sáu, Cal đã đi lang thang suốt ngày. Tối hôm đó cậu ta nhờ người quen ở một sòng bài mua giùm một phần tư chai rượu whisky vì cậu ta còn vị thành niên không được phép mua.

Cal tới con hẻm phía sau nhà của Abbott ngồi tréo ngoải giữa đất, dù bị phản ứng mãnh liệt và nôn mửa, cậu ta cũng nốc hết số lượng rượu trên cho đến khi trời đất quay cuồng và đèn đường biến thành muôn ngàn sợi ánh sáng kì ảo. Đến rạng đông sương muối thấm lạnh làm Cal tỉnh dậy với một tâm trạng ê chề. Cậu ta lê bước về nhà như một con bọ tơ tả.

Sáng hôm sau, Cal đã phải tắm bằng nước đá và chà xát cơ thể bằng một cục đá bọt. Sự đau đớn khi chà xát bằng cục đá bọt lên da thịt lại khiến cho cậu thấy dễ chịu.

Biết rằng mình phải thú nhận tội lỗi của mình với cha và khẩn nài sự tha thứ của ông. Tuy vậy khi được gọi ra đứng giữa phòng trước mặt Cảnh Sát Trưởng Horace Quinn và cha mình, cậu ta đâm ngoan cố ương ngạnh như một con chó cứng đầu và nổi ghê tởm chính mình đã ngược ra chĩa vào mọi người chung quanh.

Sau đó cậu ta trở về phòng riêng. Tội lỗi mà cậu đã gây nên lại dày vò cậu dữ dội không cách nào tự cứu gỡ được.

Nghĩ đến phản ứng cuồng bạo của Aron, cậu ta muốn điên đầu. Cal biết rằng mình phải kéo Aron trở về dù có phải hi sinh chính mình đi nữa. Ý tưởng hi sinh xâm chiếm lấy cậu ta chẳng khác nào những người mang mặc cảm phạm tội thường có.

Cal bước tới bàn riêng của mình lấy gói dưới chồng khăn tay trong ngăn bàn ra. Cậu nhìn quanh phòng, lấy cái khay bằng sứ đựng ghim lại đặt lên bàn mình. Cậu ta cầm một tờ giấy bạc đưa ngay lên chính giữa chiếc khay và gấp lại thành một cái góc rồi quẹt một que diêm châm vào. Xong cậu ta bóc một tờ giấy bạc kế tiếp châm đốt.

Khi sáu tờ giấy bạc như vậy đã bị đốt cháy, chú Lee gõ cửa bước xộc vào nói:

– Tôi ngửi có mùi khét nên vào thử có gì lạ không.

Chợt thấy Cal đang làm chú kinh ngạc kêu lên:

– Ô!

Cal vòng cánh tay che lại sợ bị ngăn cản nhưng không có gì xảy ra. Chú Lee khoanh tay lặng lẽ đứng nhìn. Cal điên cuồng đốt hết tờ giấy bạc này đến tờ giấy bạc kia cho đến khi tất cả đã cháy tiêu hết, xong cậu lấy miếng gỗ đen nhỏ đập lên mớ tro chờ chú Lee quở trách, nhưng chú không nói gì cũng không cử động. Cuối cùng Cal lên tiếng:

– Nào, chú định nói gì tôi xin chú cứ việc nói, tôi sẵn sàng nghe, chú hãy nói đi.

– Không. Tôi không muốn nói gì hết. Nếu cậu không có gì muốn tâm sự với tôi thì tôi ngồi lại chơi một lát rồi đi ra thôi.

Chú ngồi xuống một chiếc ghế dựa, khoanh tay trước ngực chờ đợi.

Cal xoay mặt khỏi chú và nói:

– Tôi sẽ ngồi lì lâu hơn chú.

– Để thi đua chơi thì được. Nhưng nếu kéo dài từ ngày này qua ngày khác, từ năm này qua năm nọ thì ai biết được? Bộ có thể ngồi từ thế kỉ này qua thế kỉ kia sao? Không đâu Cal, cậu sẽ thua.

Một lát sau Cal cau có nói:

– Chú cứ tiếp tục thuyết giảng nữa đi.

– Tôi chẳng thuyết giảng gì cả.

– Vậy chú định nói gì nữa? Chú biết tôi vừa làm gì rồi và hồi hôm tôi đã uống rượu say mèm.

– Chuyện thứ nhất thì tôi đã ngờ trước, còn chuyện thứ hai thì tôi có thể nghĩ thấy được.

- Thật tâm tôi không thích như vậy. Tôi e rằng nếu tôi không say có lẽ tôi đã bắn vào đầu mà chết rồi.

- Cậu không nên làm như vậy. À này, Aron đi đâu?

- Anh ấy đã bỏ đi. Tôi không biết anh đi đâu?

- Cậu ấy không đến nổi hèn. Chú Lee hoang mang nói.

- Tôi biết và tôi cũng không nghĩ như vậy. Chú cũng nghĩ rằng anh ấy không làm bậy chứ?

Chú Lee hơi cáu nói:

- Một người khi muốn tự trấn an mình về một vấn đề gì thường cố lôi kéo một người bạn tin theo những gì người đó muốn cho là thật. Chẳng khác nào ta hỏi một anh bồi nhà hàng tối nay có món gì ngon không? Làm sao tôi có thể trả lời câu hỏi của cậu được?

Cal gào lên:

- Không hiểu sao tôi lại hành động như vậy? Không hiểu sao tôi lại hành động như vậy?

- Đừng có biến sự việc thành phức tạp. Cậu phải biết rõ tại sao mình đã hành động như vậy. Cậu đã ganh ghét Aron vì cha cậu đã làm thương tổn tự ái của cậu. Chuyện đó không có gì khó hiểu. Cậu phải nhận rằng mình hèn.

- Chính tôi cũng thắc mắc tại sao tôi lại hèn như vậy. Chú Lee, tôi không muốn làm thằng hèn. Chú làm ơn giúp tôi với.

- Đợi tôi một chút. Chú Lee nói. Hình như ba cậu đang gọi tôi.

Chú chạy ra khỏi phòng. Cal nghe tiếng hai người nói chuyện với nhau léo xéo một lát rồi chú Lee trở lại nói:

- Ông ấy sắp ra nhà bưu điện. Này Cal, tôi không thích cái nhìn của cha cậu chút nào. Cái nhìn của ông sững sờ thế nào ấy. Cal, tôi tưởng cần cho cậu biết: Mẹ tự vẫn chết hồi hôm.

Cal hỏi:

- Thật vậy sao? Rồi cậu ta lẩm bẩm “Chắc bà bị tổn thương.” Không. Tôi không muốn nói như vậy. Tôi không muốn nghĩ như vậy. Thì ra chuyện đó đã xảy ra. Tôi không muốn sự việc xảy ra như vậy.

Chú Lee gãi một chỗ ngứa trên đầu và nói:

- Việc đốt mớ tiền chắc làm cậu thấy khoái lắm phải không?

- Vâng, có lẽ vậy.

- Tự hành hạ mình như vậy cậu thấy khoái chứ? Nỗi thất vọng đã làm cho cậu thích thú lắm không?

- Kìa chú Lee! Chú hỏi gì lạ vậy?

- Vậy là cậu khá thoải mái rồi. Cậu đang thưởng thức tình cảm bi thảm của chính cậu, một Caleb Trask độc đáo. Có bao giờ cậu nghĩ rằng mình là một thằng con trai kỳ cục, lúc thì bần tiện, lúc thì quảng đại một cách khó tin? Cậu đang kết hợp danh dự và bi thảm lại với nhau trong đầu vì cơ mẹ cậu phải không? Và nếu có việc gì xảy ra cho anh cậu, cậu có tìm cách chạy tội giết người của cậu không?

Cal chậm chạp quay trở lại bàn riêng của mình. Chú Lee để ý nhìn theo như một bác sĩ đang quan sát từng phản ứng của một bệnh nhân. Rồi chú thở dài dịu giọng nói:

- Này Cal, người Mỹ chúng ta là một giống dân cứng cỏi. Chắc cậu lấy làm lạ tại sao tôi lại gộp cả mình trong đó? Có lẽ

chúng ta đều là con cháu của những đám người hiếu động, phạm pháp, ồn ào nhưng cũng can đảm, tự lập và quảng đại. Nếu tổ tiên chúng ta không là những người như vậy thì họ đã ở yên tại quê hương chịu đói khổ trên mảnh đất khô cằn cũ kỹ.

Cal quay đầu lại nhìn chú, nét mặt đã mất hẳn vẻ căng thẳng. Chú Lee biết rằng mình đã không đến nỗi làm cho cậu con trai này điên đầu. Cal chịu nghe vì thấy rằng những lời chú Lee thẳng thắn và thành thật.

Chú Lee nói tiếp:

- Vì lý do đó mà tôi đã gộp cả tôi trong đó. Chúng ta đều thừa hưởng những đặc tính đó và không giữ được bao nhiêu từ quê hương cũ. Vì thế chúng ta can đảm cũng hơi quá và sợ hãi cũng hơi quá, chúng ta vừa dễ tính vừa hung bạo như trẻ con. Chúng ta vừa tự phụ vừa dễ cảm kích. Chúng ta vừa giàu tình cảm lại vừa thực tế... Chúng ta là những người vụ thực tế... Chúng ta thường phung phí năng lực một cách vô ích. Đó, tất cả chúng ta đều như vậy cả. Cậu cũng không khác gì.

Cal mỉm cười nói:

- Chú cứ nói nữa đi. Nói nữa đi!

- Tôi không cần nói gì thêm nữa. Tôi sẽ chấm dứt ngang đây. Tôi mong ba cậu về sớm. Tôi hơi lo cho ông ấy.

Chú lo lắng bước ra khỏi phòng. Ra tới cửa trước chú gặp ngay ông Adam đang đứng dựa tường, chiếc nón sụp xuống ngang mắt.

- Ông Adam, có chuyện gì vậy?

- Tôi cũng không biết nữa. Chỉ thấy mệt. Mệt...

Chú Lee cầm ngang cánh tay ông dìu lần ông vào tận phòng khách. Ông nặng nề ngồi phịch xuống ghế. Chú Lee giở nón ra khỏi đầu cho ông. Ông Adam chà lưng bàn tay trái vào lòng bàn tay phải. Cặp mắt ông thật kỳ lạ, sáng quắc nhưng bất động. Ông nói như người mộng du, chậm rãi và như vọng lại từ xa. Ông vừa xoa tay thật nhanh vừa nói:

- Lạ thật. Tôi đã khuy người trong nhà bưu điện. Ông Pioda đã phải giúp tôi.

- Có lá thư nào không? Lee hỏi.

- Có. Hình như có.

Ông thò tay trái vào túi giầy lát rồi rút ra nói như tạ lỗi:

- Bàn tay của tôi sao tê cứng!

Ông lại thò tay phải vào móc ra một tấm danh thiếp màu vàng của chính phủ.

- Hình như tôi đọc rồi. Nhưng bây giờ tôi phải đọc lại một lần nữa.

Ông đưa tấm thiếp lên trước mắt rồi buông xuống giữa đùi:

- Chú Lee, tôi cần phải có cặp kính mới được, dù chưa bao giờ dùng tới nó. Tôi không đọc nổi nữa. Những dòng chữ cứ nhảy múa loạn cả lên.

- Để tôi đọc cho nhé?

- Buồn cười thật. À, làm gì tôi cũng phải có một cặp kính mới được. Được rồi. Trong đó nói gì vậy?

Chú Lee đọc: "Thưa ba, con đã tình nguyện vào quân đội. Con khai con đã đủ mười tám tuổi. Con vẫn bình thường.

Đừng lo nghĩ gì về con. Aron”.

- Buồn cười thật. Ông Adam nói. Hình như tôi đã đọc rồi nhưng tôi cứ tưởng như chưa đọc.

Ông ta lại xoa hai bàn tay vào nhau.

## Chương XXII

Mùa đông năm 1917 – 1918 thật đen tối và là một thời gian khủng khiếp. Trong vòng ba tháng người Anh đã bị tổn thất đến 300.000 người. Nhiều đơn vị trong quân đội Pháp đã nổi loạn. Nga rút khỏi cuộc chiến. Vào tháng năm, trước lúc chúng ta có đến mười hai sư đoàn tham chiến, mùa hạ đã đến trước khi các đạo quân của chúng ta bắt đầu vượt biển từng đoạn. Các tướng lĩnh đồng minh chống nghịch nhau. Các tiềm thủy đình đã tiêu diệt những chiếc tàu đang vượt biển của chúng ta.

Lúc đó chúng ta mới học được điều này, chiến tranh không phải là một cuộc tiến quân hùng dũng nhanh chóng, nhưng thường là một công việc chậm chạp và vô cùng phiền phức. Tinh thần của chúng ta đã xuống thấp vào những tháng mùa đông đó. Chúng ta đã mất hết hào quang của sự say sưa và chúng ta chưa chuẩn bị tinh thần kiên trì để theo đuổi cuộc chiến lâu dài.

□

Ông Adam Trask tỏ vẻ rối trí hơn là buồn phiền. Ông đã phải từ chức không phụ trách phòng động viên nữa. Ông được phép nghỉ việc vì lý do sức khỏe. Ông ngồi ì hàng giờ một chỗ, chà xát vào lưng bàn tay trái. Ông lẩm bẩm:

– Đó là sự luân lưu. Khi nào ta chặn đứng được dòng luân lưu đó, mọi việc sẽ bình thường. Chính cặp mắt của ta đã làm rầy ta. Chắc ta sẽ phải đi thử mắt để mua kính. Ta sẽ đi hôm nay nhưng sao ta cảm thấy choáng váng thế này.

Ông Adam bị choáng váng nhiều hơn là ông ta tưởng. Chú Lee đã phải đỡ ông ta đứng dậy khỏi ghế ngồi hay khỏi giường ngủ vào mỗi buổi sáng.

Gần như ngày nào ông cũng nhắc nhở đến Aron:

– Tôi hiểu tại sao một thanh niên muốn tình nguyện nhập ngũ. Nếu Aron nói chuyện với tôi, thì tôi đã thuyết phục nó bỏ ý định đó, nhưng tôi đã không ngăn cản được. Tại sao nó lại lén bỏ đi hả chú Lee? Sao nó không chịu viết thư? Nó có gửi thư cho Abra không?

– Để tôi sẽ hỏi cô ấy xem.

– Chú nên hỏi giùm ngay cho tôi.

Chú Lee đọc báo cho ông nghe để ông đỡ rối trí và thường thường chỉ một lát sau là ông đã ngủ khò. Ông thường thức giấc và hỏi:

– Chú Lee đâu? Cal đó hả? Chú xem tôi đâu có bận tâm gì tới chuyện cặp mắt tôi? Ngày mai tôi sẽ đi thử mắt.

Vào khoảng giữa tháng hai, một hôm Cal đi xuống nhà bếp nói với chú Lee:

– Này chú Lee, ba tôi cứ nói mãi về chuyện cặp mắt. Sao chúng ta không đưa ông đi khám mắt cho rồi.

Chú Lee đang hâm những trái mơ trả lời:

– Tôi không muốn đưa ông đi.

– Sao vậy?

– Tôi không tin là tại mắt ông ta yếu. Ông ấy bị một xúc cảm quá mạnh và tệ hại.

Tôi nghĩ nên mời bác sĩ Edwards đến xem qua một chút cũng được rồi.

– Chú cứ làm như vậy đi.

– Này Cal, cậu có gặp Abra không?

– Có. Tôi có thấy cô ấy nhưng cô ấy làm lơ bỏ đi.

– Cậu không đuổi theo cô ấy sao? Có lẽ chỉ cậu mới đánh tan được tình trạng đó. Tôi không hiểu tại sao từ hôm ấy đến nay Abra không tới đây một lần nào cả.

– Bây giờ cô ấy đâu có lý do tới đây nữa.

– Không đến nỗi vậy đâu. Chắc có gì trở ngại đó. Cô ấy là một thiếu nữ tốt, một người đàn bà thực sự.

– Cô ta chỉ là một đứa con gái. Cal cãi. Chú gọi cô ta là đàn bà nghe buồn cười quá.

– Không. Chú Lee điệu giọng phản đối. Có một ít thiếu nữ có tư cách của người đàn bà ngay từ lúc còn nhỏ. Abra biết chuyện đời và sẵn sàng chấp nhận mọi sự. Tôi dám tin rằng cô ấy không thể nào bần tiện hoặc tầm thường trừ khi hoàn cảnh bắt buộc.

– Chú có vẻ tin tưởng cô ta dữ quá.

– Chỉ đủ để tin rằng cô ấy không bỏ rơi chúng ta. Tôi trông cô ta tới để hỏi chuyện. Hãy mời cô ta tới giùm tôi nhé.

– Tôi đã nói cô ấy tránh mặt tôi mà.

– Thì cậu hãy đuổi theo bảo với cô ấy rằng tôi cần gặp cô ấy, tôi đang trông mong cô ấy.

□

Suốt cả ngày hôm sau Cal cố tìm cách gặp riêng Abra và mãi đến khi tan học cậu ta mới thấy nàng đi đằng trước mình trên đường về nhà. Tới một góc đường, Cal chạy vòng qua một con đường song song rồi bọc ngược trở lại. Cậu ta tính trước thời gian và khoảng cách sao cho đến khi quay ngược lại là vừa gặp lúc Abra đi tới.

Cal lên tiếng:

- Chào Abra.
- Chào Cal. Tôi vừa thấy Cal ở phía sau lưng tôi mà.
- Đúng vậy. Nhưng tôi đã chạy vòng khu phố để bọc lại đối đầu với Abra. Tôi có chuyện muốn nói với cô.

Nàng nhìn thẳng vào mặt Cal nói:

- Cal có thể nói chuyện với tôi mà không cần phải chạy vòng phố như vậy.
- Tại tôi cố tìm gặp cô trong trường nhưng thấy cô tránh mặt.
- Cal có vẻ như người điên. Tôi không muốn nói chuyện với người điên. Bây giờ thì Cal không có vẻ điên nữa.
- Không, tôi không điên đâu.
- Ôm giùm sách vở cho tôi được không? Nàng mỉm cười nói.

Cậu ta cảm thấy sung sướng, nói ngay:

- Được, được chứ, đưa đây tôi ôm cho. Cậu ta ôm chồng sách vở của nàng trong nách và bước bên cạnh cô ta và nói:

– Chú Lee muốn gặp cô. Chú ấy bảo tôi phải gặp mặt cô để  
nhấn như vậy.

Nàng tỏ vẻ hài lòng nói:

– Vậy hả? Nói với chú ấy rằng tôi sẽ tới. Ba của Cal mạnh  
khoẻ không?

– Không được khoẻ lắm. Mắt ông ấy hơi kém.

Hai người lặng lẽ đi bên nhau một hồi lâu, không chịu nổi  
không khí im lặng nặng nề, Cal hỏi:

– Abra biết tin về Aron rồi chứ?

– Biết. Ngừng lại giây lát nàng nói tiếp. Hãy lật bìa trước  
quyển sách của tôi ở ngay trang đầu xem.

Cal mở ra thấy tấm bưu thiếp viết:

“Em Abra yêu dấu. Anh thấy không xứng đáng với em. Em  
đừng buồn. Anh đã tình nguyện gia nhập quân đội. Đừng gặp  
anh làm gì nữa. Chào em, Aron”.

Cal gấp mạnh sách lại hỏi:

– Cô có biết tại sao anh ấy bỏ đi như vậy không?

– Không, nhưng tôi tưởng có thể đoán được một cách quá  
dễ dàng.

Cal hỏi thật bất ngờ:

– Abra có ghét tôi không?

– Không, nhưng anh có vẻ không ưa tôi phải không? Tại  
sao vậy?

– Vì... tôi sợ cô. Tôi đã làm khổ cô nhiều hơn là cô tưởng.  
Vả lại cô là người yêu của anh tôi.

- Sao anh lại làm khổ tôi? Tôi không còn là người yêu của Aron

- Vậy thì tôi sẽ nói hết cho cô nghe. Cal chua xót nói. Chắc cô đã nghe vài dư luận về mẹ chúng tôi. Tất cả những lời đồn đại ấy đều đúng sự thật. Bà ấy có một ngôi nhà trong thị xã này. Tôi đã dò biết rõ từ lâu, nhưng Aron thì không hề biết. Sau đêm Lễ Tạ ơn tôi đã dẫn anh lại gặp mặt bà.

- Aron phản ứng thế nào? Abra hỏi.

- Anh ấy đã nổi khùng mắng bà. Ra ngoài anh ấy đã đánh tôi rồi bỏ đi luôn. Mẹ chúng tôi đã tự vẫn. Cha tôi thì vô cùng đau khổ. Vậy là cô đã biết rõ về tôi. Bây giờ cô có thể khinh ghét tôi là vừa.

Abra trầm tĩnh nói:

- Không đâu. Vậy là bây giờ em đã hiểu rõ anh ấy.

- Abra định nói về anh ấy phải không?

- Vâng, về Aron.

Họ chậm rãi đi bên nhau. Chợt Abra dừng lại, Cal cũng dừng theo. Nàng đứng đối diện với Cal và nói:

- Này Cal, em đã biết về mẹ anh từ lâu rồi. Em đã nghe cha mẹ em nói về chuyện đó trong khi ông bà tưởng em đã ngủ. Em muốn nói với anh một điều, nhưng khó nói quá.

- Cô muốn nói điều gì vậy?

- Em phải nói. Này Cal, em không còn yêu Aron nữa.

- Sao vậy?

- Em cũng đang cố tìm hiểu đây. Hồi chúng ta còn nhỏ, chúng ta sống theo những gì mà mình tưởng tượng ra. Nhưng khi ta trưởng thành, thì không thể như vậy nữa. Chúng ta cần phải có cái gì khác vì những gì tưởng tượng đã không còn là sự thật được nữa.

- À này...

- Anh khoan nói, để em nói hết ý đã. Aron chưa trưởng thành. Có lẽ anh ấy sẽ không bao giờ trưởng thành. Anh ấy chỉ muốn sống theo những gì tưởng tượng trong đầu và không muốn thấy việc đời xảy ra khác với ý mình. Nay Cal, khi đã trưởng thành, chúng ta trở thành những người xa lạ. Chúng ta vẫn tiếp tục tiến tới vì thói quen đã có với nhau. Nhưng em không còn tin ở những gì trong mộng tưởng.

Cal cúi đầu nhìn xuống đất.

- Em rất hài lòng vì anh đã nói cho em biết rõ về Aron.

- Sao lại bằng lòng?

- Vì nhờ vậy, bây giờ em đã hiểu rõ thêm về con người của Aron. Anh ấy không thể chịu đựng được sự thật về mẹ mình mà anh ấy đã từng tưởng tượng hoàn toàn trái ngược và bây giờ không thể nghĩ khác được. Vì thế anh ấy thất vọng, dứt bỏ tất cả.

- Tôi cần nghiên ngẫm lại xem. Cal nói.

- Đưa tập sách lại cho em. Abra nói. Nhấn giùm với chú Lee rằng em sẽ tới. Bây giờ em đã hoàn toàn tự do. Nay Cal, em nghĩ rằng em yêu anh.

- Tôi không phải là người tốt đâu.

- Chính vì điểm đó mà em yêu anh.

Cal đi nhanh về nhà báo tin với chú Lee:

- Abra hứa sẽ tới vào ngày mai.
- Sao trông cậu có vẻ hí hửng quá vậy? Lee nói.

□

Khi về tới nhà, Abra đi thẳng xuống bếp hỏi mẹ nàng:

- Ba đỡ hơn chưa má? Bác sĩ có nói gì thêm không?
- Bác sĩ cũng nói như lần trước, ba con ngã bệnh vì làm việc quá sức.
- Ba đâu có vẻ gì mệt nhọc lắm hả má?

Mẹ nàng mở một hộp cà chua lấy ra ba miếng cà hấp thả vào một cái chậu.

- Ba con rất can đảm cưng ạ.
- Con vào thăm ba một chút được không má?
- Abra, ba con không muốn ai vào quấy rầy ông cả. Thẩm phán Knudsen gọi điện thoại tới nhưng ba con bảo má nói với ông ấy rằng ba con ngủ rồi.

Có tiếng điện thoại reo ở phòng ăn. Mẹ nàng lén trả lời. Abra nghe mẹ nàng nói vào điện thoại: “Dạ không, dạ không thể nói chuyện với ông ấy được. Đó là lệnh của bác sĩ. Nhà tôi cũng không thể tiếp chuyện với ai cả”.

Bà trở xuống bếp nói:

- Thẩm phán Knudsen lại gọi tới.

## Chương XXIII

Ngày hôm sau, suốt trong những giờ học Abra nao nức về việc sắp tới thăm chú Lee. Nàng có gặp Cal vào những lúc ra chơi và hỏi:

- Anh đã nhắn giùm với chú ấy rằng em sắp tới không?
- Có. Chú ấy đã làm sẵn một ít bánh nhồi mứt.

Cal đang bận đồng phục cho giờ huấn luyện, áo bó sát, cổ cao muốn nghẹt, chân quần xà cạp.

- Anh còn bận tập luyện. Em sẽ về đó trước.
- Nhớ để dành cho tôi vài cái bánh mứt nhé! Bánh nhồi mứt dâu ngon lắm. Nếu tôi về trễ, ráng đợi một chút chứ đừng bỏ về trước nhé.

- Cal mang giùm sách vở của tôi về với được không?
- Được.

Nàng nhìn thẳng vào mắt Cal thật lâu, mãi đến khi Cal cảm thấy ngượng cúi mặt xuống nàng mới bỏ đi về phía lớp học.

□

Chiều hôm đó, gió trở lạnh, nhưng ông Adam vẫn đòi đi tới phòng động viên. Chú Lee đã phải choàng áo ấm cho ông thật kín và đưa ông ra cửa.

- Tôi không còn cảm thấy xây xẩm suốt ngày nữa. Ông Adam nói. Có lẽ tôi sẽ ghé nhờ Victor khám giùm cặp mắt tôi thử xem sao.

- Ông ráng chờ đến mai tôi sẽ đi với ông.

- Thôi được. Rồi ông bước đi hai tay vung vẩy làm ra vẻ mạnh mẽ.

Abra bước vào với cặp mắt long lanh sáng, mũi nàng đỏ gấc vì gió có lẫn sương muối. Nàng hí hửng đến nỗi chú Lee phải khúc khích cười thầm. Nàng hỏi ngay:

- Bánh trộn mứt đâu hả chú Lee? Chúng ta hãy đem giấu hết để Cal tìm cho vui.

Rồi nàng ngồi xuống nói tiếp:

- Chấy lấy làm sung sướng trở lại đây.

Chú Lee xúc động và bắt đầu nói những gì chú muốn nói với tất cả thoải mái và dè dặt. Chú cứ đi lại trước mặt Abra và nói:

- Như Abra biết, trong đời chú không mơ ước gì nhiều. Từ lâu chú đã học được một điều là đừng nên mơ ước gì cả.

Abra vui vẻ nói:

- Nhưng bây giờ chú đang mơ ước một điều gì. Có phải vậy không?

Chú nói toạc ra.

- Chú ước gì cháu là con gái của chú.

Chú bị xúc động mạnh, bỏ đi tới hoả lò hạ ga dưới ấm nước trà xuống rồi lại vịn lên.

Abra dịu dàng nói:

- Cháu cũng ước gì chú là cha của cháu.

Chú liếc nhìn Abra thật nhanh rồi nhìn chỗ khác hỏi:

- Cháu thành thật chứ?
- Dạ thành thật.

Chú Lee vội rời khỏi nhà bếp vào phòng riêng, hai bàn tay nắm chặt lấy nhau ngồi yên lặng một hồi cho đến khi hết xúc động mới đứng dậy. Chú đi lấy một cái hộp bằng gỗ mun nhỏ có chạm trổ trên bàn giấy của mình. Trên chiếc hộp chạm hình một con rồng đang bay lên trời. Chú đem chiếc hộp xuống nhà bếp, đặt lên bàn giữa hai bàn tay của Abra và lấy giọng tự nhiên nói:

- Đây là món quà dành riêng cho cháu.

Abra mở chiếc hộp gỗ mun đó ra và nhìn vào một hạt nút nhỏ bằng ngọc thạch màu xanh lục sậm, trên bề mặt có chạm một bàn tay phải người ta với những ngón cong thon và ở vị thế yên nghỉ. Abra nâng hạt nút lên nhìn kỹ rồi áp mặt ngọc thạch mát lạnh vào má mình.

Chú Lee nói:

- Đó là món nữ trang duy nhất của mẹ tôi.

Abra đứng dậy vòng tay quanh cổ chú và hôn lên má chú một cái để tỏ lòng kính mến chân thành. Trong suốt đời chú đó là lần duy nhất chú gặp được một cử chỉ triu mến như vậy.

Chú cười lớn và nói:

- Tình trầm lặng đông phương của chú hình như đã bỏ rơi chú. Để chú đi pha trà. Chú cảm thấy vui lắm.

- Sáng nay cháu thức dậy với tâm trạng sung sướng.

- Chú cũng vậy. Chú biết vì sao mình cảm thấy vui sướng. Lý do là cháu sẽ tới hôm nay.

- Cháu cũng thấy vui như vậy nhưng...

- Chú thấy cháu đã thay đổi. Chú Lee nhận xét. Cháu không còn có vẻ gì là một cô gái bé bỏng nữa... Cháu có thể giải thích cho chú biết vì lý do nào không?

- Hồi hôm cháu đã đốt hết tất cả thư từ của Aron.

Chú Lee ngẩn ngừ giây lát rồi hỏi:

- Cháu mền Cal phải không?

- Dạ phải. Abra trả lời.

- Cậu ấy thường ăn ngón ngấu cả món ngon lẫn món dở nhưng không hiểu sao vẫn ồm tong như ngón tay... Chú Lee nói.

Abra cúi đầu trên tách trà của nàng và nói:

- Anh ấy rủ cháu đi Alical chơi nhân mùa hoa đỗ quyên dại nở sắp tới.

Chú Lee chống hai bàn tay lên bàn hơi chồm người tới trước nói:

- Chú đâu có thắc mắc gì về chuyện cháu đi chơi những đâu.

- Chú không hỏi nhưng cháu muốn nói cho chú biết cháu sẽ đi.

□

Mùa đông hình như không muốn nguôi sự gay gắt của nó, vẫn kéo dài cái lạnh, cái ướt át và giá buốt thật lâu sau khi thời hạn của nó đã hết. Dân chúng cho rằng: “Những khẩu

súng đại bác bự mà người ta bắn ra bên Pháp đang gây ra hậu quả là làm xáo trộn khí hậu toàn thế giới”.

Cuộc đi ngoạn cảnh của Cal và Abra không thực hiện được vì ngày đầu tháng năm đầy mưa lạnh và mãi đến hai tuần lễ sau hoa đỗ quyên vẫn chưa nở. Chú Lee chán cảnh phải đi mua bánh xăng-uých hai ngày một.

- Sao cậu không đi? Chú Lee hỏi Cal.
- Không, vì hoa đỗ quyên chưa nở.
- Trời đất ơi! Đừng nên làm hỏng cuộc đi chơi đó.

Sức khoẻ của ông Adam khá dần. Bàn tay của ông đã bớt tê. Ông đọc chữ mỗi ngày khá hơn một ít, ông nói:

- Chỉ đến khi tôi cảm thấy mỏi mệt quá, những dòng chữ này mới nhảy múa lên thôi.

Chú Lee gật đầu tỏ vẻ hài lòng. Chú đi San Francisco để mua thêm sách. Chú tìm hiểu khá đầy đủ về việc giải phẫu óc và cách chữa trị vết thương hay chứng máu đông trong huyết quản. Bác sĩ Murphy, vị bác sĩ chăm sóc khoẻ cho ông Adam đã trở nên thân thiết với chú Lee và đã phải mượn một số tài liệu của chú về cách chẩn bệnh hay thực hành. Ông ta phải nói với một chuyên viên địa phương, bác sĩ Edwards rằng: “Chú người Tàu đó biết về nguyên nhân gây ra bệnh xuất huyết trong não còn khá hơn tôi và có lẽ cả anh nữa”. Ông ta nói với giọng đầy tình cảm. Ngành y khoa đòi hỏi những tìm tòi hiểu biết càng chín chắn càng tốt.

Khi báo cáo tình trạng khả quan của ông Adam, chú Lee nói thêm:

- Theo tôi thì vẫn còn phải tiếp tục chú tâm nhiều nữa.

Bác sĩ Murphy nói:

- Tôi đã từng gặp một bệnh nhân tương tự. Rồi ông kể một trường hợp đầy hy vọng.

- Tôi rất sợ trường hợp tái phát. Chú Lee nói.

- Điều đó thì chú chỉ còn biết phó thác cho Đấng Toàn Năng thôi. Bác sĩ Murphy góp ý rồi hỏi thêm:

- À này, bằng cách nào mà chú đã thuyết phục được ông ấy để cho chú đo huyết áp?

- Tôi với ông ấy đánh cuộc với nhau.

- Chú làm cách nào gọi được ở ông ấy sự chú ý.

- Đó là một khám phá riêng của tôi. Chú Lee nói. Tôi đã áp dụng phương pháp trị liệu bằng đàm thoại.

- Cách đó chiếm hết cả thì giờ của chú.

- Phải vậy rồi. Chú Lee xác nhận.

□

Ngày 28 tháng 5 năm 1918, các đạo quân Hoa Kỳ mới bắt đầu thực hiện trọng trách đầu tiên trong Đệ I Thế Chiến. Đệ Nhất sư đoàn do Tướng Bullard chỉ huy, được lệnh chiếm ngôi làng Cautigny.

Vào lúc 6 giờ 45 sáng ngày 28-5-1918, cuộc tấn công bắt đầu sau một tiếng đồng hồ dọn đường bằng trọng pháo. Cuộc tấn công này thành công hoàn toàn.

Các đạo quân Hoa Kỳ đã vượt qua một tuyến mới và đã đẩy lui được hai cuộc phản công mạnh mẽ của quân Đức.

Đệ I Sư Đoàn đã nhận được những lời khen tặng của thủ tướng Clémenceau, các thống chế Foch và Pétain.

Cuối tháng năm, trước khi các thanh niên từ Alical tung ra tin mùa hoa đỗ quyên màu hồng cá hồi đã nở, Cal và Abra trốn học, mang bánh mỳ của lò bánh Reynaud và cố rủ chú Lee cùng đi.

Nghe tiếng ào ào, ông Adam nhìn xuống bếp hỏi:

- Tụi con sắp đi picnic. Bác đi với tụi con cho vui.
- Bác không thể đi được vì đã hứa phải ghé lại hãng nước đá.
- Cháu sẽ hái về tặng bác một bó hoa đỗ quyên.

Cal cố rủ chú Lee.

- Chú Lee đi chơi với tụi này cho vui nhé?

Chú Lee lờm Cal nói:

- Bộ cậu điên rồi sao mà rủ kỳ vậy?

□

Một con suối từ sườn núi Gabilan, phía đông Salinae róc rách chảy ngang qua Alisal. Mùi hương đỗ quyên ngào ngạt cả bầu không khí. Trên bờ suối chỗ chiếc Ford đậu ở băng sau chắt cả đồng cành hoa đỗ quyên.

Cal và Abra ngồi bên bờ suối, đu đưa chân xuống nước. Cal nói:

- Khi em đem về tới nhà thì những cánh hoa đó đã héo queo hết rồi.

- Nhưng dù sao chúng ta cũng nên đem về. Nếu mà không thích thì em sẽ...

- Sẽ thế nào?

Nàng xích lại cầm tay Cal.

- Anh thấy sợ. Em có bao giờ thấy sợ không?

- Có chứ. Em sợ anh mỗi khi anh lộ tính bần tiện như trong lần đầu gặp anh chẳng hạn.

- Anh cũng không hiểu tại sao mình lại hành động như vậy.

Bỗng Cal im lặng.

Nàng siết chặt lấy tay chàng. Cal nhìn xuống dòng nước đang trôi đi và đưa ngón chân hất một hòn đá.

- Em biết anh đang nghĩ gì. Anh nghĩ rằng anh bị những điều xấu lòi cuốn. À, em muốn kể cho anh nghe chuyện này. Ba má em đang gặp chuyện rắc rối. Mọi người đều bảo rằng ông bị bệnh, nhưng em tin rằng không đúng như vậy. Ông đang lo sợ. Hình như ông đã làm một việc gì.

- Ông bị rắc rối chuyện gì vậy?

- Hình như ông đã thâm lạm tiền của hãng. Ông đang lo không biết hội viên của hãng sẽ truy tố ông ra toà hay chịu để cho ông trả dần.

- Sao em biết?

- Em nghe họ la hét trong phòng ông. Má em mở máy hát để cố át tiếng la lối của họ.

Cal nhích lại gần Abra hơi ngượng ngừng choàng tay quanh cổ nàng.

– Em xem, anh không phải chỉ là...

Nàng nhìn nghiêng một bên mặt chàng, yếu ớt nói:

– Lúc này em sợ.

□

Khoảng ba giờ chiều hôm đó, chú Lee đang ngồi ở bàn giấy lật từng trang của tập mẫu hạt giống. Nhưng bức hình các hạt đậu bằng màu rất đẹp mắt.

– Bây giờ những hạt giống này đã mọc lên thật xinh trên hàng rào phía sau nhà. Mình không biết có đủ ánh sáng mặt trời cho chúng không?

Chú ngẩng mặt lên tự mỉm cười vì chính tiếng nói hơi lớn của mình. Càng ngày chú càng để ý thấy mình thường nói khá lớn tiếng khi nhà vắng người. Chú nói lớn: – “Chắc tại tuổi tác”.

Chú ngừng nói và cảm thấy hơi ngượng một chút: – “Buồn cười thật”, lắng nghe tiếng động khẽ ở đâu đó rồi nói tiếp: “Chẳng lẽ mình để quên cái ấm trà trên bếp ga”. Chú lại lắng nghe thêm. “Lạy trời mình không đến nỗi mê tín dị đoan. Nếu có óc mê tín, mình đã tin đó là tiếng bước chân của ma rồi. Mình dám...”

Tiếng chuông cửa reo vang.

– À, đúng rồi. Thì ra mình nghe thứ âm thanh này đây. Cứ để cho nó reo. Mình sẽ không để cho giác quan bị lầm lẫn nữa. Cứ để cho nó reo nữa đi.

Nhưng tiếng chuông không nghe reo nữa.

Nỗi mệt mỏi như một bóng đen phủ lên người chú đồng thời mối thất vọng đè mạnh xuống vai chú. Chú cười lớn một mình và nói:

- Mình phải đi lấy xấp quảng cáo dưới cửa xem hay cứ ngồi ì đây mặc cho cái đầu óc già nua lú lẫn của mình nhắc nhở mình về cái chết đang chờ trước ngưỡng cửa. Không, mình phải đi lấy xấp quảng cáo mới được.

Chú Lee trở vào phòng ngồi xuống nhìn vào chiếc phong bì trên đui. Chú mở phong bì đặt giữa bàn một lát, mặt có chữ úp xuống.

Chú cúi nhìn xuống sàn nhà qua hai đầu gối của mình. Chú nói:

- Không, anh không có quyền. Không ai có quyền động vào mảy may kinh nghiệm nào của người khác. Chúng ta chỉ có quyền đau khổ.

Ruột chú thắt lại:

- Mình không có can đảm. Mình chỉ là một người mắc chứng đau ruột hèn nhát. Mình không chịu đựng nổi.

Chú đi vào phòng tắm lường ba muỗng thuốc nước có chất Bromide vào một cái ly pha thêm nước cho đến khi chất thuốc đó loãng ra thành màu hồng. Chú nói lớn:

- Ta ghét kẻ hèn nhát. Lạy Chúa. Ta rất ghét kẻ hèn nhát.

Hai tay chú run lên và mồ hôi lạnh toát ra trên trán chú.

Đến bốn giờ chiều chú nghe tiếng ông Adam vặn nùm cửa. Chú liếm môi đứng dậy chậm chạp bước ra cửa. Trên tay chú

cầm theo chiếc ly có chất thuốc nước màu hồng nhưng không còn run nữa.

□

Cửa chính trong nhà ông Trask để mở hé nên trong nhà lạnh ngắt. Ở phòng khách, chú Lee ngồi trên chiếc ghế dựa dưới ánh một ngọn đèn, người run bần bật như một chiếc lá trong gió. Cửa phòng của ông Adam để ngỏ và có tiếng ào xào từ trong đó thoát ra.

Khi bước vào nhà Cal hỏi:

– Có chuyện gì vậy?

Chú Lee hất đầu chỉ bức điện tín nằm ngửa trên bàn nói:

– Anh của cậu đã tử trận. Ba của cậu bị xúc động mạnh.

Cal định bước về phía phòng ông Adam. Chú Lee gọi giật lại:

– Cal, quay lại ngay. Bác sĩ Edwards và bác sĩ Murphy đang có mặt trong đó. Đừng quấy rầy họ.

Cal đứng trước mặt chú Lee hỏi dồn:

– Ba tôi có sao không? Tình trạng có gì đáng ngại lắm không hả chú Lee?

– Tôi cũng không biết nữa. Về nhà đã thấy ông mệt nhưng tôi buộc lòng phải đọc bức điện tín cho ông biết. Bức điện tín đề tên ông. Suốt trong năm phút đồng hồ ông cứ nói lớn mấy tiếng “Vậ là xong, vậ là xong!” Mấy tiếng như ngấm vào đầu óc ông rồi nổ tung ra vậ.

Bác sĩ Edwards bước ra, xách theo túi đồ nghề trên tay. Ông ta khẽ gạt đầu xuống rồi bước ra, khép cửa lại một cách ý tứ.

Bác sĩ Murphy thì đặt túi đồ nghề lên bàn ngồi lại. Ông thở dài nói:

– Bác sĩ Edwards nhờ tôi nói lại với mấy người.

– Ba tôi thế nào hả bác sĩ? Cal hỏi.

– Tôi sẽ nói tất cả những gì chúng tôi biết. Này Cal, bây giờ cậu là chủ gia đình này, cậu nên biết sự thật. Trong khu vực trong não của ông đã bị tổn thương. Nửa người bên trái đã bị liệt hẳn. Nửa thân bên phải thì bị liệt một phần.

– Ông còn nói được không bác sĩ?

– Ít thôi và rất khó khăn. Đừng làm ông mệt.

Cal gắng gượng lắm mới thốt ra được mấy tiếng:

– Liệu ông có thể qua khỏi không?

– Tôi nghe nói những trường hợp tái phát như thế này khó hy vọng lắm nhưng tôi chưa bao giờ gặp cả. Ông có thể còn sống được cả tuần, cả tháng hay đến cả hai năm. Ông cũng có thể chết ngay trong đêm nay không biết chừng.

– Liệu ông có nhận ra tôi không?

– Cậu cứ thử hỏi ông xem. Tối nay tôi sẽ gửi tới một y tá, sau đó mấy người phải tìm vài y tá thường trực để săn sóc cho ông cẩn thận.

Rồi ông đứng dậy nói thêm:

– Tôi rất tiếc. Cậu Cal hãy can đảm lên nhé. Thôi chào cậu

Ông đưa bàn tay ra định vỗ lên vai Cal nhưng chàng đã bước vội về phía phòng của cha mình.

Đầu của ông được đỡ nằm trên một chồng gối. Hai mắt ông mở thao láo, sâu hoắm và trong vắt tưởng chừng ta có thể nhìn sâu vào bên trong hay tưởng chừng như cặp mắt ông có thể nhìn thấu những gì xung quanh. Cặp mắt đó từ từ nhìn về phía Cal khi chàng bước vào phòng. Cặp mắt nhướng lên nhìn vào mặt Cal rồi khựng lại đó.

Cal ngồi xuống chiếc ghế dựa cạnh giường. Chàng cất tiếng nói:

- Thưa ba, con rất ân hận. Ba có nghe con nói gì không?
- Ba có hiểu lời con nói không?

Cặp mắt của cha chàng vẫn không nhấp nháy hay thay đổi. Cal gào lên:

- Chính con đã gây ra chuyện này. Con là kẻ hoàn toàn chịu trách nhiệm về cái chết của anh Aron và sự đau ốm của ba. Con đã đưa anh ấy tới nhà bà Kate chỉ cho anh ấy biết mẹ anh là ai. Vì vậy mà anh ấy bỏ đi. Con không cố ý làm những chuyện ác, nhưng chính con đã gây ra những chuyện đó.

Chàng gục đầu xuống mép giường để tránh cặp mắt trừng trừng khủng khiếp của cha mình nhưng vẫn thấy rõ trong đầu. Chàng biết rằng cặp mắt đó vẫn đuổi theo chàng, vẫn gắn liền với chàng suốt đời.

Chuông cửa reo. Một lát sau chú Lee vào, dẫn theo một chị y tá, đó là một thiếu phụ vạm vỡ khoẻ mạnh có hai hàng lông mày rậm. Chị mở va ly hành lý thật mạnh làm tuôn ra cả một luồng gió mát và nói:

- Bệnh nhân của tôi đâu?Ồ, trông ông tươi tỉnh quá! Vậy thì tôi tới đây làm gì? Có lẽ ông nên đứng dậy săn sóc ngược lại tôi thì hay hơn phải không ông già bảnh trai?

Chị ta luôn một cánh tay lực lưỡng của mình xuống dưới vai ông Adam đỡ ông dậy một cách không mấy khó khăn khi trong khi tay kia kéo mấy chiếc gối ra.

- Để tôi phụ một tay. Chú Lee nói.

- Cần gì chú phải phụ? Chúng tôi tự giúp nhau đủ rồi. Có phải vậy không cục cưng?

Chú Lee và Cal rút lui xuống nhà xếp. Chú Lee dịu giọng hỏi Cal:

- Ông ấy có nói gì với cậu không?

Cal lắc đầu.

- Kể ra thì khủng khiếp thật. Nhưng con người có thể chịu đựng được bất cứ tình cảnh nào. Ở phương diện đó, chúng ta là những con vật tuyệt vời.

- Tôi thì không như vậy. Giọng Cal buồn bã chán chường. Tôi không thể chịu đựng nổi. Không, tôi không thể nào chịu đựng được. Tôi đã giết anh tôi. Tôi là tên sát nhân. Ba tôi biết điều đó.

- Ông đã nói vậy à?

- Không cần đợi ông nói mới biết. Chỉ cần nhìn trong mắt ông cũng rõ. Ông đã nói như vậy bằng cặp mắt của ông. Không còn chỗ nào để tôi có thể lẩn tránh được cặp mắt đó. Thật không còn một nơi nào trên thế gian này...

- Đây Cal! Chú Lee thở dài và kiên nhẫn nói:

- Hãy nghe tôi. Các trung khu óc não của ông Adam đã bị hỏng. Cái nhìn của ông có lẽ chỉ là cái nhìn vô tri giác. Chưa hẳn ông có ý kết án cậu đâu. Cậu hiểu vậy là sai rồi.

- Ông đã kết án tôi. Tôi biết mà. Ông bảo rằng tôi là tên sát nhân.

Chị y tá đứng trước cửa phòng:

- Cưng ơi, cưng uống cà phê không? Sao cưng không ngủ đi một chút?

Chú Lee đi lấy ấm cà phê đặt lên bếp ga. Chú gọi: “Cal ơi”.

- Chú gọi gì tôi?

- Hãy đi báo tin cho Abra biết.

□

Cal đứng trước cổng nhà ông bà Bacon ấn tay trên nút chuông cho đến khi ánh đèn sáng chói lên và bà Bacon nhìn ra. Cal nói:

- Tôi muốn được gặp Abra.

Bà há miệng ngạc nhiên hỏi lại:

- Cậu muốn cái gì?

- Tôi muốn được gặp Abra.

- Không được rồi. Abra đã đi ngủ. Cậu đi đi!

Từ trong nhà ông Bacon hỏi với ra:

- Chuyện gì vậy? Ai vậy?

- Ông để ý làm gì. Để tôi giải quyết đủ rồi.

Bà quay lại Cal:

- Tôi yêu cầu cậu hãy xéo khỏi đây ngay. Nếu cậu còn bấm chuông nữa tôi sẽ gọi điện thoại cho cảnh sát ngay.

Bà đóng sầm cửa, cài then và tắt đèn.

Cal chậm chạp lê bước trở về, nhưng chàng chưa đi hết một dãy phố thì Abra đã đuổi theo kịp.

Nàng thở hổn hển vì chạy.

- Em phải rút ngõ sau mới đi được. Nàng nói.

- Ông bà sẽ khám phá ra rằng em đã đi.

- Em bất kể.

- Này Abra, tôi đã giết chết Aron và ba tôi ông đang bị liệt người vì tôi. Cal thú tội.

Nàng đưa cả hai bàn tay bám chặt vào cánh tay Cal.

- Abra có nghe tôi nói gì không?

- Em nghe rồi.

- Abra, em biết mẹ tôi là người thế nào rồi chứ?

- Em biết. Nhưng ba em cũng là một kẻ cắp.

- Anh có mang dòng máu của mẹ anh trong người. Abra hiểu điều đó chứ?

- Em cũng mang dòng máu của ba em trong người.

Hai người lặng lẽ sóng bước bên nhau trong khi Cal cố lấy lại bình tĩnh trong tâm hồn. Gió thổi lạnh buốt bắt họ rảo bước nhanh cho ấm người. Họ đi ngang qua ngọn đèn đường cuối cùng ở ven thi trấn Salinas và bước qua đoạn chót của vỉa hè. Con đường dưới chân họ bây giờ trơn ướt vì lớp bùn mùa xuân sau khi tuyết tan để lại. Abra hỏi:

- Chúng ta đi đâu đây?

- Anh muốn chạy trốn khỏi ánh mắt của ba anh. Cặp mắt trừng trừng của ông như luôn luôn ở ngay trước mặt anh. Dù anh có nhắm mắt lại anh vẫn thấy chúng như thường. Ba anh sắp chết nhưng cặp mắt của ông vẫn luôn luôn nhìn theo anh trừng trừng kết án anh là kẻ đã giết hại anh ruột mình.

- Đừng nên nói nhảm như vậy. Chúng ta đang đi đâu bây giờ?

- Chúng ta hãy đi xa hơn một chút nữa. Nơi đó có một cái hố, một cái chòi bơm nước và một cây liễu. Abra còn nhớ cây liễu đó không? Em và Aron đã rẽ những cây liễu ra chui vào trong chòi và không ai thấy cả. Anh muốn Abra vào đó với anh.

Nàng dừng lại và níu tay chàng đứng lại theo và nói:

- Không, không nên như vậy.

- Em không muốn đi vào đó với anh phải không?

- Nếu anh định vào đó để trốn thì em sẽ không đi.

- Vậy thì anh càng không biết tính sao bây giờ.

- Chúng ta nên trở về xem ba anh ra sao. Abra nói.

□

Ánh đèn từ nhà bếp hắt ra sáng lên cả hai người. Chú Lee bật đèn trước hiên để cho không khí ấm bớt phần nào. Vừa bước vào Cal nói với chú Lee:

- Abra bảo tôi phải về.

- Dĩ nhiên là nàng phải bảo điều đó, tôi biết Abra sẽ làm như vậy. Chú Lee nói.

Chú vào trong nhà bếp rồi trở ra ngay, vừa đặt một cái hũ bằng đá và ba chiếc tách nhỏ bằng sứ láng nhuộm trên bàn vừa nói:

- Ông ấy đang ngủ.

- Tôi còn nhớ đây là chai rượu Ngũ Gia Bì phải không? Cal hỏi.

- Cậu nên uống một chút.

Chú rót rượu màu sậm vào tách.

Abra chống hai cùi chỏ trên bàn nhà bếp nói:

- Chú hãy giúp Cal. Chú là người nhiều kinh nghiệm, ráng giúp anh ấy với.

- Tôi không biết mình có nhiều kinh nghiệm hay không. Nhưng chính tôi cũng đã từng khóc thầm một mình.

- Chú mà cũng khóc à?

- Lúc ông Samuel Hamilton chết, chú có cảm tưởng cả thế giới tối tăm như một ngọn nến tắt ngấm. Chú chợt khám phá ra rằng những gì mà chú hằng yêu mến đã bị sụp đổ tiêu tan như bị cố tình trả thù vậy. Chú phải tự nhận diện những cái xuẩn ngốc của mình. Chú đã nhận ra rằng những điều thiện thường dễ bị tiêu diệt trong khi điều ác lại cứ tồn tại và phát triển. Chú nghĩ rằng cơn thịnh nộ của Thượng Đế đã trút lửa từ nồi kim loại nấu lỏng xuống huỷ diệt hết, để làm cho thanh khiết công trình nhỏ bé bằng bụi đất do ngài nặn ra. Cậu có nghĩ như vậy không?

- Tôi cũng nghĩ vậy. Cal nói.
- Cháu không biết. Abra thú nhận.

Chú Lee lắc đầu:

- Nghĩ như vậy chưa đủ. Nếu chỉ nghĩ như vậy chưa đủ. Có lẽ...

Chú bỏ lửng ngang đó. Cal cố lắng nghe rồi hỏi:

- Có lẽ thế nào hả chú Lee?

- Có lẽ hai cháu phải hiểu rằng mỗi người trong mỗi thế hệ đều cần được tẩy uế bằng lửa. Chẳng hạn một người thợ gốm, dù trong tuổi già, cũng không thể lười biếng không cố tạo cho được những chiếc tách sứ toàn hảo, vừa mỏng vừa bền vừa láng mượt. Ông ta sẽ đưa cái tách lên ánh sáng và nói: “Tất cả những chỗ sần sùi đã tiêu hết. Muốn cho toàn hảo cần phải nung thật già lửa”. Không một người nào trên đời này thoát khỏi nguyên tắc đó nếu muốn trở nên một người hoàn toàn.

Chú rót rượu vào tách mình và cao giọng nói:

- Này Cal, hãy nghe tôi hỏi câu này. Cậu có nghĩ rằng chúng ta không ngừng bị thử thách chứ?

Những bước chân thình thịch của bà y tá vang lên trong phòng khách. Bà ta bước xộc xuống và đứng nhìn sững Abra đang ngồi chống cùi chỏ trên bàn, hai bàn tay ôm lấy mặt.

Bà y tá nói:

- Có ấm nước nào không? Ông ấy khát nước. Tôi muốn có sẵn một ấm nước bên cạnh.

- Ông ấy thức rồi hả? Có sẵn ấm nước đây.

- À, vâng, ông ấy đã thức và đang nằm nghỉ. Tôi đã rửa mặt và chải tóc cho ông ta. Ông ta dễ chịu lắm, ông cũng vừa mỉm cười với tôi.

Chú Lee bảo Cal và Abra:

- Hãy cùng vào đây với tôi đi Cal, cả Abra nữa!

Chị y tá rót đầy ấm nước rồi rảo bước đi trước cả bọn.

Khi cả bốn người bước vào phòng ngủ, ông Adam đã dựa người trên chông gối cao. Nét mặt ông xanh xao như bọc một lớp sáp. Ông thở yếu ớt giữa hai làn môi tái nhợt. Cặp mắt xanh của ông phản chiếu ánh đèn đêm từ phía trên đầu ông rọi xuống.

Chú Lee, Cal và Abra đứng ở chân giường. Hai mắt của ông Adam chậm chạp nhìn từ mặt người này qua mặt người kia.

Chị y tá nói:

- Trông ông nằm có dễ thương không? Ông là cục cưng của tôi đó.

- Suyt. Chú Lee bảo chị ta im.

- Tôi không để mấy người quấy rầy làm mệt bệnh nhân của tôi đâu.

- Chị ra khỏi phòng giùm một chút đi. Chú Lee nạt.

- Bà hãy ra đi và đóng cửa lại giùm. Cal bảo.

Chị ta đóng sầm cửa lại khá lớn đủ hả nổi tức tối của chị ta làm ông Adam phải chớp mắt vì tiếng ồn đó. Chú Lee gọi:

- Ông Adam!

Cặp mắt xanh của người bệnh mở lớn ngơ ngác tìm chỗ phát ra tiếng gọi, cuối cùng đã nhận ra cặp mắt nâu sáng ngời của chú Lee.

- Ông Adam, không biết ông có nghe và hiểu những gì tôi sắp nói không. Chú Lee nói. Qua cặp mắt cặp mắt của ông, có thể ông vẫn sáng suốt hay cũng có thể ông đang chơi vơi trong mộng ảo. Thế nào. Ông có nghe tôi nói không?

Cặp mắt xanh của ông lờ đờ, hai hàng lông mi từ từ khép lại rồi mở ra ngay. Chú Lee nói tiếp:

- Cảm ơn ông. Tôi biết ông mệt lắm. Nhưng tôi sắp yêu cầu ông làm một việc khó hơn nhiều. Đây là Cal cậu con trai độc nhất của ông. Ông hãy nhìn cậu ấy đi.

Cặp mắt nhợt nhạt của ông đảo một vòng cho đến khi thấy đúng Cal. Môi của Cal đang mấp máy nhưng cố mím lại không cho thoát ra một âm thanh nào. Chú Lee nói tiếp:

- Tôi không biết ông còn sống bao lâu. Có thể còn khá lâu. Cũng có thể rất ngắn ngủi. Nhưng con trai ông thì sẽ còn sống cả một cuộc đời của nó. Nó sẽ lấy vợ, sẽ có con và con cái của nó sẽ là những kẻ nối tiếp dòng dõi ông.

Chú Lee đưa mấy ngón tay lên quệt nước mắt.

- Nó đã lỡ làm một việc trong lúc hờn giận vì nó nghĩ rằng ông đã hắt hủi nó. Hậu quả của sự hờn giận đó đưa đến cái chết của anh nó.

- Kìa chú Lee, đừng nhắc đến chuyện đó nữa. Cal kêu lên.

- Tôi phải nói, dù sự thật đó có làm cho ba cậu đau khổ đến đâu. Tôi đã quyết rồi.

Chú buồn bã nói thêm:

- Con trai ông bị mang mặc cảm phạm tội, dù nó rất vô tình. Điều đó quá sức chịu đựng của nó. Xin ông đừng hắt hủi nó, đừng làm nó quy ngã vì tuyệt vọng.

Chú Lee thở hổn hển trong cổ họng nói tiếp:

- Ông Adam, xin ông hãy tha thứ cho Cal. Đừng để nó cô độc vì mặc cảm tội lỗi. Ông Adam, ông có nghe tôi nói gì không? Hãy tha thứ cho Cal.

Cặp mắt ông Adam sáng rực lên rồi ông nhắm nghiền lại. Mi mắt ông khẽ động đậy:

- Ông Adam, xin ông hãy giúp nó. Hãy cho nó một cơ hội. Hãy giải toả mặc cảm đó cho nó. Nhờ đó nó sẽ vượt được mọi thú tính. Hãy giải thoát cho nó. Hãy tha thứ cho nó!

Cả cái giường như muốn rung lên vì sự tập trung tinh thần. Hơi thở của ông Adam trở nên dồn dập vì sự cố gắng của ông. Bàn tay phải của ông từ từ nhích lên, nhích lên vài phân rồi rút trở xuống.

Nét mặt chú Lee lộ vẻ xót xa đau đớn. Chú tới sát đầu giường người bệnh và kéo góc khăn trải giường lên lau sơ khuôn mặt đầm mồ hôi của ông Adam. Chú nhìn xuống cặp mắt nhắm nghiền của người bệnh, thì thầm:

- Cảm ơn Adam, ông bạn vong niên của tôi. Ông có thể nhếch môi cố gắng tạo thành dạng tiếng Cal thôi cũng đủ rồi.

Ông Adam nhìn lên một cách khó nhọc. Đôi môi ông cố mấp máy nhưng thất bại, ông cố gắng một lần nữa. Ngực ông căng lên. Ông hít hơi vào, môi ông mấp máy thành một tiếng thở dài. Tiếng thều thào của ông như lơ lửng trong không khí:

- "Timshel".[\[2\]](#)

Mắt ông nhắm nghiền lại và ông nằm im.

## Chú thích

[1] Câu này tương tự lời của Cain trả lời Đức Chúa Trời khi Ngài hỏi về Abel mà Ngài biết rõ đã bị Cain giết chết vì lòng ganh tị. Cain và Abel là con trai của ông Adam và bà Eva trong sách Sáng Thế Kí của Thánh Kinh. Có lẽ John Steinbeck cố ý so sánh với hai anh em đó trong Thánh Kinh.(chú thích của dịch giả)

[2] “Timshel” hay “Timshol” là tiếng Hebrew đã nói đến ở chương 10 có một ý nghĩa rất hàm súc. Ông Adam bằng lòng tha thứ, giải toả mặc cảm cho Cal nếu chàng có thể thắng lướt điều ác.



# THƯ VIỆN EBOOK **SÁCH MỚI.NET**



HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN  
[WWW.SACHMOI.NET](http://WWW.SACHMOI.NET)



# Mục lục

[LỜI GIỚI THIỆU](#)  
[TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM](#)

[Chương I](#)

[Chương II](#)

[Chương III](#)

[Chương IV](#)

[Chương V](#)

[Chương VI](#)

[Chương VII](#)

[Chương VIII](#)

[Chương IX](#)

[Chương X](#)

[Chương XI](#)

[Chương XII](#)

[Chương XIII](#)

[Chương XIV](#)

[Chương XV](#)

[Chương XVI](#)

[Chương XVII](#)

[Chương XVIII](#)

[Chương XIX](#)

[Chương XX](#)

[Chương XXI](#)

[Chương XXII](#)

[Chương XXIII](#)